

NGUYỄN ĐỒNG DI

dịch

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH



Tim sách

Nhà sách KHAI-TRÍ, 62, Lê-Lợi — Saigon



HOÀNG ĐẾ NỘI KINH

Kính gửi Thích Huệ - Hằng Sư - trưởng
người mà tôi kính mến khi còn đồng học

Đông - y - Sĩ²
Nguyễn - Đông - Di

Saigon ngày 4-11-72

Uyển

BẢN DỊCH
của
NGUYỄN ĐỒNG DI
ĐÔNG Y SĨ

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH

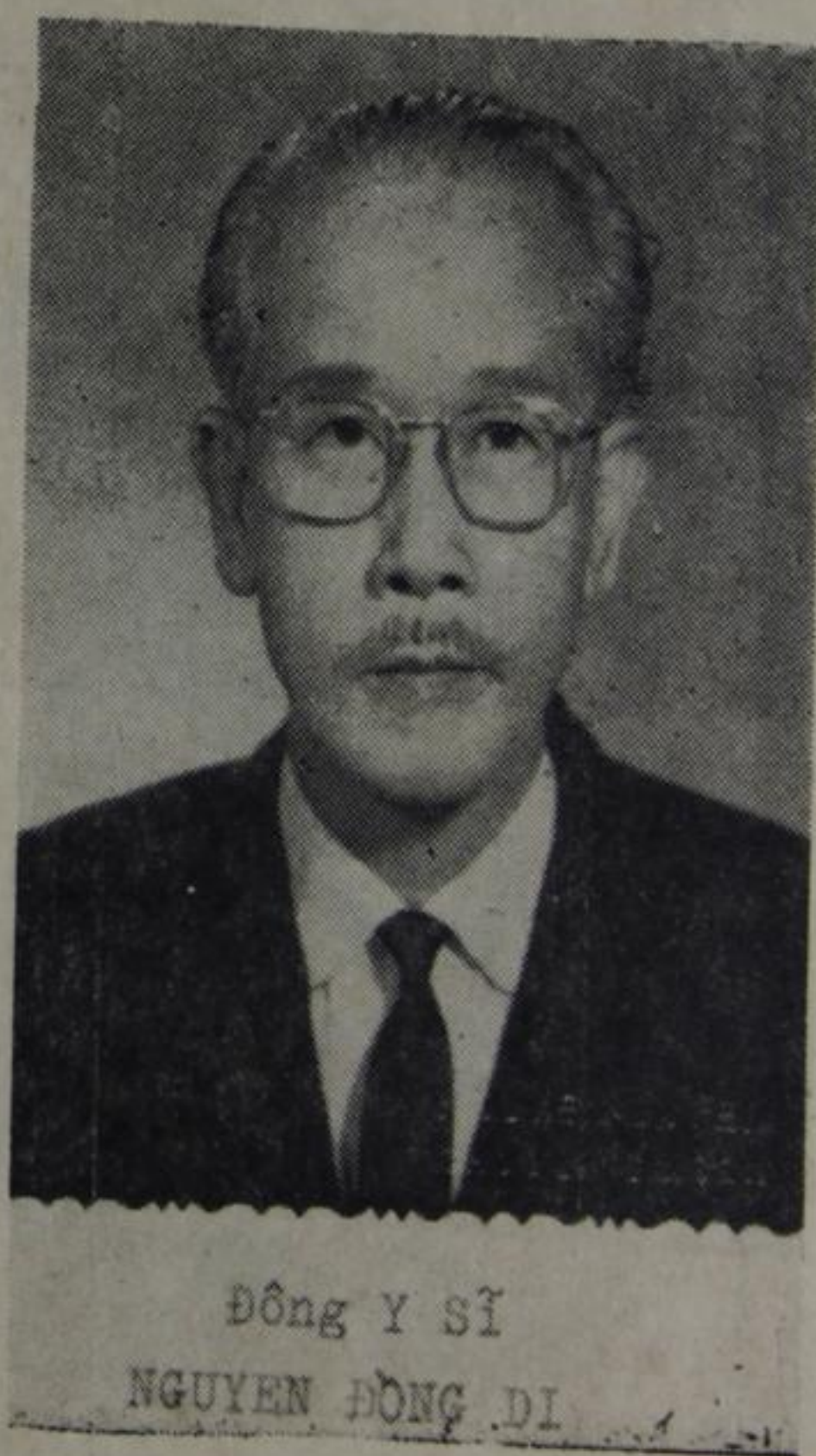
HỌC THUYẾT ĐÔNG Y

Nhà sách KHAI TRÍ
62, Lê-Lợi — SAIGON



THỜI THỊ NỘI KINH HỌC

NGUYỄN ĐỒNG DI, ĐÔNG Y SĨ PHIÊN DỊCH



HOÀNG ĐẾ NỘI KINH
HỌC THUYẾT ĐÔNG Y



TƯỢNG VUA HOÀNG ĐẾ
(phỏng theo tài liệu Trung Quốc Y Học Sử)

Lời nói đầu

Bất cứ loại sinh vật nào, cũng đều có năng lực tất yếu để cạnh tranh cho sự sống còn của mình, khi bị va chạm với dị vật có hại đến sức khoẻ hoặc sinh mạng, thì tự biết phòng ngự, đề kháng tức khắc. Mặc dầu hiện nay khoa học tiến bộ cực điểm cao như cung trăng, sâu như rốn bễ cũng có thể tìm đến ; nhưng không tài nào phát hiện hết được các tổ chức sinh lý rất tinh xảo ở trong thân thể con người, như loại này.

Song bộ máy (cơ năng) kháng độc, được trang tri rất khéo léo tự nhiên của thiên phú kia, tuy có hiệu lực, cũng đạt đến một giới hạn nào đó thôi. Nếu ngộ bệnh độc lấn áp vừa phải, thì cơ năng tự nhiên của bản thân đủ sức đối kháng, không cần đến thuốc men, bệnh cũng khỏi được ; nhưng ngộ phải bệnh độc nặng nề, vượt xa giới hạn nhất định, tất phải nhờ đến sức người, sức thuốc tiếp tay cứu chữa. Chữa thuốc Đông không khỏi thì chữa thuốc Tây, chữa thuốc Tây không khỏi thì chữa thuốc Đông. Đó là lý do mà Bộ Sách HOÀNG ĐẾ NỘI KINH cần phải có mặt trong xã hội ta ngày nay, và ngành Y HỌC CỔ TRUYỀN cần được kịp thời chấn hưng. Ngổ hầu tạo cho Dân tộc. Nước nhà hai con đường sống, đều có ý nghĩa tương đương với sự sống của nó.

Mục đích của Y-Học thì Đông cũng như Tây, đều nhằm vào việc bảo vệ sức khỏe cho nhân loại : khi chưa bệnh thì dự phòng, khi đã bệnh thì cứu chữa. Tuy đồng một quan niệm, nhưng trên chỗ đại đồng, lại có tiểu dị, là : Đông-Y thì chú trọng trên sự biến thái của cơ năng (tam âm, tam dương, hư thực, hàn, nhiệt) còn Tây-Y thì chú trọng trên chỗ biến hóa của thực chất (bệnh lý, giải phẫu). Bởi vậy có nhiều bệnh chứng, chữa trị Đông-Y không khỏi, chạy sang cầu cứu với Tây-Y thì khỏi : hoặc chữa trị Tây-Y không khỏi, chạy sang cầu cứu với Đông-Y thì khỏi. Đó là một bằng chứng hiển nhiên cho thấy : Chỗ sở trường ở bên này, là sở đoản của bên kia ; chỗ sở đoản ở bên kia, lại là sở trường ở bên này. Nếu đôi bên cùng đem chỗ kiến giải của mình tham hợp lẫn nhau, thì thuật TẾ THỂ HOẠT NHƠN, lo gì không toàn thiện, toàn mỹ. Hai con đường sống : Đông-Y, Tây-Y đều được mở rộng, thì Dân tộc hạnh phúc biết bao !

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH là loại Sách Y-Học Tàng Thư, tự thuật Khoa Y-Học ở thời Thương cổ, ra đời sớm nhất thế giới, cách đây trên bốn ngàn sáu trăm năm. Sách này chia ra làm hai phần :

Phần đầu, thuộc về nguyên tắc của Sách Linh Khu, luận về Giải Phẫu Học và Châm Cứu Học.

Phần sau thuộc về nguyên tắc của Sách Tố Vấn, luận về Sinh Lý Học, Bệnh Lý Học, và Chẩn Đoán Học.

Đại khái, nội dung của toàn Bộ HOÀNG ĐẾ NỘI KINH chỉ chú trọng trên học thuyết, chuyên luận về NGUYÊN TẮC TRỊ LIỆU, mà không đề cập đến PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU. Lấy



sự động biến đối lập của hai khí Âm Dương ; hồ tương sinh trưởng, hồ tương hủy diệt của Ngũ Hành, và hiện tượng SINH, TRƯỞNG, THU, TẮNG, tân trần đại tạ của bốn mùa làm biện chứng cho luận thuyết. — Đề cập đến vấn đề Vệ Sinh và Miễn Dịch thì chú trọng trên TINH THẦN VỆ SINH, và TÂM LÝ MIỄN DỊCH. Cứu cánh lại lấy phương pháp Điều Tiết liệu năng làm cơ bản lập luận.

Bởi người thời Thượng cổ, sống với thiên nhiên, gần gũi với giới tự nhiên, nên đã tả hiện tượng tự nhiên của vũ trụ, để trải nghiệm khí hậu, và suy cứu khởi nhơn của các tật bệnh. Bởi lẽ nhất thiết sự vật ở trong vũ trụ, bất luận hữu cơ hay vô cơ, một khi hình chất đã hoàn bị, thì tất có phần chánh và phần phụ, tức là hàm có ý nghĩa: « Âm dương tương bảo » và hồ tương đối lập ». Cho nên lấy khí Âm, khí Dương làm tiêu chuẩn đối lập cho tất cả sự vật ; và xác nhận rằng : Sự vật do đối lập mà phát sanh mâu thuẫn, do mâu thuẫn mà phát sanh biến hóa. Ở trong thân thể con người cũng thế.

Khi Âm, khí Dương hòa bình bí tàng, thì tinh thần mạnh khỏe ; khi Âm khí Dương trái nghịch lẫn nhau, thì phát sanh tật bệnh. (Âm bình Dương bí tắc tinh thần nải trị, Âm dương quai lệ, tắc tật bệnh nải khởi). Thế nên Sách Nội Kinh mới lấy ý nghĩa ĐỐI LẬP làm chủ thuyết, như : BỒ TẢ, CƯƠNG NHU, BIỂU LÝ, HÀN NHIỆT, ÔN THANH, THANH SUY, TẢ CHÁNH, TỒN ÍCH, TAM ÂM, TAM DƯƠNG. không thể kể hết, mà nhất-thiết, đều lấy sự đối lập của hai khí Âm Dương để thuyết minh bệnh lý.

Song tác giả Sách NỘI KINH, nhận thấy cơ năng sinh lý trong thân thể con người, biến hóa vô cùng, chỉ lấy hai khí



Âm Dương làm đại biểu, e không thể hiện hết được. Nên mới dẫn dụng luận thuyết Ngũ Hành sanh khắc (1), để nói rõ thêm qui tắc tiến triển, diễn biến vô cùng ở trong thân thể con người mà quá trình tiến triển của tất cả sự vật ngoài giới tự nhiên của vũ trụ, cũng không ngoài SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN, và HỦY DIỆT, theo hiện tượng tân trần đại tạ của bốn mùa. Bởi vậy, Sách Nội Kinh nói : Bốn mùa Khí Âm, Khí Dương ấy là căn bản của muôn vật (Tứ thời Âm Dương giả, vạn vật chi căn bản giả,) Và đồng thời căn cứ theo hiện tượng : SINH TRƯỞNG, THU, TÀNG, của bốn mùa, làm Biện chứng pháp cho thông tắc tiến triển.

Sinh Lý Học, thì chia làm: THAI SANH, SƠ SANH THÀNH NIÊN, LÃO NIÊN, bốn thời kỳ.

Bệnh Lý Học, thì chia làm: TIỀM PHỤC, TIỀM KHU, TIẾN-HÀNH, KHỎI PHỤC, bốn thời kỳ. Và xác nhận, con người sở dĩ tật bệnh, là do khí Âm, khí Dương chênh lệch nhau chống đối nhau mà gây ra. Nếu chúng ta tự biết ức chế, khiến cho vật đối lập kia trở nên bình hoà, Khi Âm Khi Dương xung hòa nhau, thì tức khắc khỏi bệnh. Cho nên lập ra luận thuyết Điều Tiết nói: Kể khéo sử dụng Phép Châm, thì châm ở phần âm, dẫn thân bệnh ở phần dương; châm ở phần dương dẫn thân bệnh ở phần âm, châm bên phải, chữa khỏi bệnh bên trái, châm bên trái, chữa khỏi bệnh bên phải. (Thiện dụng châm giả, tòng âm dẫn dương, tòng dương dẫn âm; dĩ hữu trị tả, dĩ tả trị hữu.) Nếu lên một Phép Châm; để thấy rõ do

(1) Luận thuyết Ngũ Hành Sanh Khắc, hỗ tương sinh trưởng, hỗ tương hủy diệt, thay cũ đổi mới không ngừng. Có quan hệ tương đương với sự động tác phân liệt, tân trần đại tạ của tế bào. Xem bài giải về Ngũ Hành Sanh Khắc ở Sách Bệnh Lý Học sẽ thấy rõ.



THAI QUÁ, BẤT CẤP mà sanh bệnh, thắng bằng thì khỏi bệnh. Thế nên luận thuyết Điều Tiết là điểm đặc biệt của Sách Nội Kinh vậy.

Nhưng Biện chứng pháp, thì chú trọng trên quan điểm phát triển, và tiến triển, còn Sách Nội Kinh thì chú trọng trên lý luận Điều Tiết. Cho nên Biện chứng pháp của Sách Nội-Kinh, không giống với Biện chứng pháp của hiện thời ở điểm này. Mà chỗ cần phải nghiên cứu của Sách Nội Kinh là ở điểm này, và sáng kiến độc đáo của Sách Nội Kinh, lại cũng ở điểm này.

Sách NỘI KINH đề cập đến vấn đề Vệ Sinh thì nói: ăn uống có tiết độ, thức ngủ có giờ giấc; không phí sức bầy bạ. (âm thực hữu tiết, khởi cư hữu thường, bất vọng tác lao)

Câu: «âm thực hữu tiết, khởi cư hữu thường» là định luận thông thường, đối với việc giữ gìn sức khỏe cho thân thể. Còn câu: «bất vọng tác lao» tức là ý nghĩa của câu: «vô lao nhĩ hình, vô dao nhĩ tinh» mà nói gọn lại. — Không phí sức bầy bạ tức là: đừng làm cho thể xác anh tiêu tụy đừng khiến cho tinh dịch anh dao động. Câu sau này, chính là định luật giữ gìn sức khỏe trên tinh thần vệ sinh vậy.

Và nói: Đời Thượng cổ, Ông Thánh Nhon dạy kẻ thấp thỏi hơn mình, thì bảo họ rằng: phải biết theo thì tránh né, TÀ HU GIÓ GIẶC; trong lòng điềm đạm trống không, chân khí êm thuận, tinh thần gìn giữ ở trong, thì bệnh độc làm sao đến với ta. (Thượng cổ Thánh Nhon chỉ giáo hạ giả. Giai vị chi hư tà tặc phong, tỵ chi hữu thời; điềm đạm hư vô, chân khí tòng chi tinh thần nội thủ, bệnh an tòng lai).



Điểm đáng lưu ý trong bài này, là bốn chữ: «HU TÀ TẮC PHONG.» Chữ Hư, có nghĩa là: không thực. Chữ Tà, là chỉ cho bệnh độc (vi khuẩn). Tức là bệnh độc nhìn không thấy thực thể. Tắc phong, có nghĩa là: Gió giắc, một thứ gió hại người như giắc cướp. Bài này, ý nói có một loại bệnh độc không thể trông thấy được, lẫn lộn theo gió, truyền bá khắp nơi. Thứ gió này, đi tới đâu thì hại người đến đó, không khác nào giắc, nên gọi là «tắc phong»; Cần phải biết tránh né, đề bảo vệ lấy sức khỏe. Mà phương pháp bảo vệ sức khỏe, lại chú trọng trên TINH THẦN VỆ SINH:

Lòng vẫn thản nhiên an khỏe, không giông ruồi theo vật dục bên ngoài (điềm đạm); tình không dao động, thần không tán loạn. không lo nghĩ quá phận (nội thủ). Mà lại biết tránh né tà hư gió giắc, thì bệnh độc làm sao gần với ta được. Đây là một bằng chứng cho chúng ta thấy, người xưa đã tìm hiểu trong gió có mang theo bệnh độc (vi khuẩn), gây nên tật bệnh cho con người, đồng thời dạy bảo cách tránh né bệnh độc, gìn giữ sức khỏe, trên một phương thức TINH THẦN VỆ SINH rất cao siêu vậy.

Đề cập đến vấn đề BỆNH KHUẨN và MIỄN DỊCH thì nói: Thanh tịnh thì tấu lý ở phần cơ nhục đóng chặt; dẫu trong gió có mang theo chất bụi nhỏ có độc, cũng không làm hại được người. (Thanh tịnh tắc nhục tấu bế cự, tuy hữu đại phong hà độc, phát chi năng hại).

Xem Bài «HU TÀ TẮC PHONG» và Bài «ĐẠI PHONG HÀ ĐỘC» hai bài liên tiếp nhau, thấy rõ Ngành Y-HỌC CỔ TRUYỀN đã phát minh ra bệnh khuẩn, đồng thời lập pháp dự phòng bệnh khuẩn truyền nhiễm, trước ta mấy ngàn năm, Bài trước



ý nói nửa ẩn nửa hiện, vừa hé mở cho thấy: phần lớn các bệnh tật, là do bệnh độc lẫn lộn theo gió gây ra (hư tà tặc phong).

Bài này thì nói: Trong gió có mang theo thứ bụi nhỏ có độc hại người (đại phong hà độc). Thứ bụi nhỏ có độc hại — người kia, mặc dầu nguy hiểm, nhưng không biết tự động di chuyển, mà tất phải nhờ gió truyền bá. Thế thì không phải vì khuẩn mà chi? Đây chính là một bằng chứng hiển nhiên, tác giả Sách Nội Kinh đã khám phá ra vi khuẩn hại người, từ mấy ngàn năm về trước, mà đời sau không người kể vãng khai lai, tiếp tục phát minh, thực đáng tiếc vô cùng.

Biết có vi khuẩn truyền nhiễm bệnh tật, tất nhiên phải tìm cách miễn dịch. Song nguyên liệu của chất thuốc miễn dịch này, không phải trông cậy vào bàn tay chế tạo của người khác mà lại chú trọng vào công dụng gìn giữ sức khoẻ ở bản thân: Tinh thần không loạn động, mà cần được thanh tịnh; Chân khí không trác táng, mà phải biết nội thủ. Giúp cho trong người tinh thần thư thái, khí huyết sung doanh, thân thể khang kiện, thành phần kháng độc đầy đủ, tẩu lý ở phần cơ nhục kín đáo, thì dầu ngộ phải loại bụi nhỏ có độc lẫn lộn theo gió kia, cũng không thể gây nên được tật bệnh cho người.

Chất thuốc Miễn dịch trên đây, chẳng những có công năng dự phòng các loại bệnh khuẩn từ ngoài truyền nhiễm vào thân thể, như thuốc Miễn dịch nhân tạo tầm thường, mà lại còn có hiệu lực dự phòng các thứ tật bệnh nguy hiểm từ trong sanh ra. Nếu không lo nghĩ quá phận, thì có thể tránh được Chứng Tâm Tạng Bệnh, Thần Kinh Suy Nhược; không phi sức bầy bạ, có thể tránh được Chứng Thận Tạng Viêm, Đường Niệu (Tiểu đường);



Ít ăn cá thịt dầu mỡ, không uất nộ (điềm đạm), thì có thể tránh được, Bệnh Huyết Áp Cao, Ung Thư... Chính là một Pháp môn: **TINH THẦN VỆ SINH, TÂM LÝ MIỄN DỊCH** rất cao siêu! Muốn được sống lâu và sức khỏe, không có thuốc nào hiệu nghiệm hơn. Nhưng điều nên lưu ý là; thuốc Miễn Dịch này, không phải sẵn có nhiều tiền, mà muốn mua sắm lúc nào cũng được. Các thứ thuốc mua sắm được đều là thuốc giả, dầu cho SÂM, NHUNG, YẾN, QUẾ cũng là đồ giả, không đáng quý, duy có **TINH, KHÍ, THẦN** mới là thuốc thực, và đáng quý. Không nên tưởng, muốn làm gì thì làm, rồi uống thuốc bổ dưỡng lại là xong, và thuốc Miễn dịch có thể ngừa được các bệnh, mà đem thuốc thực đổi lấy thuốc giả, là làm to.

Bao nhiêu tinh hoa, và chân lý của ngành Đông-Y-Dược-Học, đều gói gút trong Bộ Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH**, chúng ta cần phải bách bội công phu, mới mong phát hiện được. **THÀNH TÍCH PHÁT MINH CỦA NGƯỜI TRƯỚC**, là **TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CỦA NGƯỜI SAU**, Nói đến việc Chấn Hưng Đông Y, phát huy Nhơn thuật mà không lo nghiên cứu truyền bá Học Thuyết Hoàng Đế Nội Kinh, thì không khác nào tính gặt hái, mà không nghĩ đến việc cấy bừa vậy.

Sách **HOÀNG ĐẾ NỘI KINH** tuy đáng quý thật, nhưng vì văn chương cồ áo, mà lại ra đời quá sớm, trải qua rất nhiều thời đại, nên không tài nào tránh khỏi cái nạn «tam sao thất bản» và người sau đem ý kiến riêng của mình phụ hội vào; khiến cho ngọc đá xô bồ, vàng thau lẫn lộn... Nếu không chọn lọc lại cẩn thận, xưa sao nay vậy, cứ ôm trọn cả bộ Sách tối cổ điển kia ra làm Sách Đông Y Giáo Khoa, bất kể học phải ăn tươi nuốt sống, thì nhứt định không tài nào tiêu hóa nổi. Kể



học không lĩnh hội nổi cũng là việc thường; thậm chí, có nhiều chỗ, người dạy cũng không biết đường nào mà giảng giải.

Cuối đời Nhà Thanh, năm đầu Dân Quốc (1911), một nhóm đồng nghiệp Trung-Hoa, bắt tay vào việc thành lập nhà trường Trung Y Chuyên Môn Học Hiệu, cứ theo năm đầu rút tĩa kinh-nghiệm cho thấy: ôm nguyên Bộ Sách Hoàng Đế Nội Kinh ra làm tài liệu Giáo Khoa, hoàn toàn không thích hợp chút nào. Họ mới họp nhau lại, lới bộ sách văn chương cổ áo này ra, phân công cho nhau, mỗi người lãnh lấy một phần, phần ai nấy lo chỉnh lý cho đàng hoàng lại.

Tôn chỉ của việc chỉnh lý là: Đào thải những chỗ nào không phù hợp với khoa học, mà bảo tồn những gì gọi là: **TINH THẦN NGUYÊN HỮU**, và **TOÀN THỂ ĐẠI DỤNG** của người xưa. Trải qua trên mười năm biên soạn, tu cải nhiều lần, công việc chỉnh lý mới hoàn tất.

Trong nhóm người làm việc chỉnh lý này, có Ông Thời-Dật Nhơn, nhờ trải qua nhiều năm gần gũi bệnh nhân, và ngồi ở ghế giáo huấn nhà trường, rút tĩa được nhiều kinh nghiệm. Cho nên, dám áp dụng phương pháp khoa học vào việc chỉnh lý cách triệt để. Không ngại gian lao, khổ tâm cô nghệ, ông nỗ lực vừa biên soạn, vừa giáo huấn, nghĩa là: Biên soạn được bài nào, thì đem ra áp dụng vào Chương Trình Giáo Khoa bài nấy; lần hồi tạo thành một Bộ Sách Y Học Từng Thư, chia ra làm nhiều loại như sau:

- 1) **THỜI LINH BỊNH HỌC**
- 2) **TRUYỀN NHIỄM BỊNH HỌC**
- 3) **NỘI KINH HỌC**



- 4) DƯỢC VẬT HỌC
- 5) XỬ PHƯƠNG HỌC
- 6) CHẨN ĐOÁN HỌC
- 7) BỊNH LÝ HỌC
- 8) NHI KHOA HỌC
- 9) PHỤ KHOA HỌC

Các loại sách trên đây, lời lẽ gọn gàng, ý kiến mới mẻ, rất phù hợp với qui luật học vấn thực tại, mà cũng là : một tài liệu rất quý báu đối với Chương Trình Giáo Khoa Đông Y. Năm 1964, tôi đại diện cho Nghiệp Đoàn Y Dược Đông Phương sang Hồng Kông, tham khảo Chương Trình Giáo Khoa Đông Y bên ấy, thấu thập thêm, những gì gọi là giáo tài đáng qui, của người bạn đồng nghiệp láng giềng Trung Hoa, để bổ sung vào Chương Trình Giáo khoa Đông Y nước nhà, với một sứ mạng : CHẤM HUNG VIỆT NAM ĐÔNG Y. Thì các đồng nghiệp Trung Hoa ở Hồng Kông luôn đề cập đến các loại sách trên, và không tiếc lời tán thưởng, đồng thời Ông Hà Doãn Trung là một Vị Trung Y Sư lão thành ở Chợ Lớn, lúc còn sinh tiền viết bài đăng trên Nhật Báo Viễn-Đông, cũng khuyến khích : nên áp dụng các loại sách trên vào Chương trình Giáo Khoa Đông Y, mà sự nhận xét của riêng tôi, cũng thấy như thế. Nên cố gắng đem các loại sách trên phiên dịch ra Việt Văn, và lần lượt cho xuất bản tiếp tục.

Ý nghĩa của sự lựa chọn Sách Hoàng Đế Nội Kinh, trong chín loại sách trên đây, cho xuất bản trước nhất như sau :

Xét vì Sách Hoàng Đế Nội Kinh, hoàn thành trên một tư tưởng nhất quán, tổ chức trên một học thuyết hoàn bị ; là nền



ảnh văn hóa học thuật của Đông Y, là Kinh Điển Y-gia; cũng như Ngũ Kinh, Tứ Thư của Nho gia; Đạo Đức Kinh của Đạo gia vậy. Thế nên, người đời sau muốn biên soạn các loại Y thư, xây dựng thêm những tòa lâu đài mới cho Đông Y, tất phải xây dựng trên nền tảng này (Nội Kinh); muốn nghiên cứu Y Học cũng tất phải nghiên cứu theo học thuyết này (Nội Kinh)

Xưa nay bất cứ một môn học nào, muốn cho nghệ thuật được tinh thông, thì trước hết phải am tường học thuyết. Tất nhiên phải lấy lý thuyết làm tiêu chuẩn, nhắm vào lý thuyết mà thực hành, thì sự học mới có hệ thống nhất trí, và căn bản vững vàng, Đó là lý do Sách Nội Kinh cần được xuất bản trước hết. Phần còn lại, chúng tôi cố gắng phiên dịch và xuất bản tiếp, mong được hoàn tất trong một ngày gần đây.

Bề học mệnh mạng, rùng Y bát ngát, mặc dầu gần bốn mươi năm gần gũi bệnh nhân, khổ công học hỏi; nhưng cảm thấy sức biết của mình, đối với Đông Y Dược Học, vì như mọi giọt nước giữa biển khơi. Song vì nhiệt tâm yêu nghề, nên phải cố gắng nghiên cứu, phiên dịch quyển sách Hoàng Đế Nội Kinh ra Việt Văn, cho tiện việc khảo cứu. Những chỗ sơ sót, mong được Quý đồng nghiệp độc giả sẵn lòng chỉ giáo,

Đầu mùa Xuân Năm Canh Tuất 1970

NGUYỄN ĐỒNG DI

Đông-Y-Sĩ



THỜI THỊ NỘI KINH HỌC LỆ NGÔN

1. — Nội Kinh là một tác phẩm y học được sáng tác đầu tiên của Trung-Quốc. Căn cứ theo lời Tựa Sách Thương-Hàn-Luận của Ông Trọng-Cảnh nói : Sách Thương-Hàn-Luận là tác thuật theo Sách Tố-Vấn-Âm-Dương Đại-Luận.... Thì đủ thấy Sách-Nội-Kinh có trước sách Thương-Hàn-Luận và Sách Kim-Quy Yếu-Lược.

Mặc dầu nguyên tác của Sách Nội-Kinh bị mấy Ông Toàn-Ngươn-Khải, Vương-Băng và Lâm-Ức..... mạnh ai nấy lấy ý riêng Phụ-Hội, chen vào khá nhiều ngụy tạo. Song, nếu kẻ đọc có cặp mắt tinh vi, và Suy-nghĩ chín chắn thì cũng có thể phân biệt được vàng thau cách dễ-dàng. Huống chi, trong phần nguyên tác tinh vi, chính là phần rất có giá trị giúp cho việc tham khảo và phát-huy cho nền Đông-Y-Học Thuật sau này.

Cho nên, tôn chỉ của sách này, trước hết phân biệt : Đâu là CHÂN-CHÍNH NỘI-KINH, đâu là NGỤY-TẠO NỘI-KINH. Chỗ nào CHÂN-CHÍNH NỘI-KINH thì giải thích. NGỤY-TẠO NỘI-KINH thì loại bỏ.

2. — Sách này phân môn biệt loại như sau :



- 1) Chương Nhiếp-Sanh
- 2) Chương Âm-Dương
- 3) Chương Sinh-Lý
- 4) Chương Mạch-Chần
- 5) Chương Sắc-Chần
- 6) Chương Bệnh-Lý
- 7) Chương Trị-Pháp
- 8) Chương Bệnh-Cơ
- 9) Chương Kinh-Mạch-Bệnh
- 10) Chương phiêu-Bồn Tạp-Bệnh

Mục-đích căn bản là : Giải thích không trái ngược với học thuyết hiện đại, và luôn thích hợp thực dụng. Sau bài nguyên văn của Nội-Kinh, phụ thêm một bài Kinh-Nghĩa. Đồng thời đem ý kiến hạn hẹp của soạn giả tham-gia vào trong bài «Kinh-Nghĩa». — Giải thích cách rõ ràng.- Phải chăng ? Sai chăng ?? Mong nhờ các hàng minh-triết trong giới Đông-Y Dược-Học phủ chánh !

3. — Trong toàn Bộ Sách Nội-Kinh rất chú trọng ở hiện-tượng ĐẠ-LỰ-NHIÊN. Song thuyết HIỆN-TƯỢNG ĐẠ-LỰ NHIÊN của người xưa, so-sánh với sự nghiên cứu của Khoa-Học hiện nay có chỗ không giống nhau. Là vì cách nhau trên mấy ngàn năm về trước, phương-pháp nghiên-cứu, cũng như tài liệu tham khảo, nhứt định không tài nào đầy đủ như hiện nay được. Những người dùi mài Sách Nội-Kinh, nên phớt qua chứng tích, mà suy gẫm ở sự tình.

4. — Sách Nội-Kinh đối với khí hậu bốn mùa đặc biệt chú trọng. Bởi vì dân tộc thời Thượng-Cồ phần nhiều ở dọc theo sông Hoàng-Hà xuống miền Đông, chạy dài theo hai tỉnh Khu Cam-Túc và Thiểm-Tây. Toàn là dân tính quen với khí hậu ở trên vùng đại-lục. Mùa Đông lạnh gắt gao, mùa Hạ nóng dữ tợn. Phần thì đời Thượng-Cồ sự giao thông rất bất tiện, nhìn thấy khí hậu biến hóa của bốn mùa, chung quanh địa phương sở tại, thì cho là thần bí không thể tư-nghĩ.

Hiện nay, thì sự giao thông tiện lợi hơn, Khoa-Học khảo-nghiệm tiến bộ hơn.... cho nên tìm hiểu khí hậu ở Nhiệt-Đới, Hàn-Đới, và Ôn-Đới cách xác đáng rõ ràng hơn. Đây chính là nguyên nhân, giữa xưa và nay luận khí hậu bốn mùa ẤM, MÁT, LẠNH, NÓNG.... không đúng mức như nhau vậy.

5. — Lý-thuyết « thiên nhơn tương ứng » của Sách Nội-Kinh phát-nguyên từ Đời-Đông-Hán theo thuyết của Đồng-Trọng-Thư.

Song lý thuyết trời người đồng một thể (thiên nhơn hiệp-nhứt) sau này nghiên-cứu theo phương-pháp Tự-Nhiên Khoa Học, thì thấy không mấy phù hợp. Cho nên bỏ qua không bàn tới.

6. — Sách Nội-Kinh nhiều chỗ bàn về Châm-Cứu trị-liệu. Nhơn vì soạn giả không sở trường về khoa này, nên không dám nghị luận can bướng.

7. — Thuyết Vận-Khí của Sách Nội-Kinh, thường được các đồng-nghiệp chiếu cố, lôi ra làm đề-tài tranh luận lôi thôi. Có người bảo, nên thành lập một đài Thiên-Văn đề trắc nghiệm sự thay đổi trong thành phần không khí..... Theo ý-tôi (soạn-giả) việc này nếu trở thành sự thực, thì mỗi địa phương cần phải thành lập một đài Thiên-Văn.



Song, nếu quả mỗi địa phương đều có một Thiên-Văn-Đài, thì bất quá cũng đề trắc nghiệm sự biến hóa của khí-hậu mà thôi. Chớ vẫn không ích gì cho sự cung ứng tham khảo đối với phương pháp trị liệu. Cho nên những loại này, đều bỏ qua không giải thích.

8. — Sách Nội-Kinh nói về: SINH-LÝ — GIẢI-PHẪU — BÌNH-LÝ — CHẨN-ĐOÁN. V.V.... Có chỗ rất tinh-thâm, mà có chỗ cũng rất sơ hốt. Đó là, nhưn vì tài liệu tham- khảo ở đời Thượng-Cồ không có đầy đủ. Cũng như việc tìm hiểu về Y-Học hiện-đại, biết đâu trải qua đôi ba ngàn năm về sau cũng lại có lắm điểm không phù hợp. — Cho nên hiện nay nghiên-cứu Sách Nội-Kinh: Lựa chỗ nào xác đáng tin tưởng thì phát huy giải-thích; chỗ nào không đáng tin cậy thì nên đề khuyết nghi.

9. — Sách Nội-Kinh chú trọng về « CHÂN-KHÍ — CHÁNH-KHÍ » là nhằm vào: Cơ năng điều tiết, và sự tự nhiên liệu năng của thân-thể. Còn nói về « Tinh thần nội thủ, Chánh khí nội tồn » là nhằm bảo: Không nên lạm dụng sức óc (não lực) và sức vóc (thể-lực.). Được như vậy thì cơ-năng điều tiết trong thân thể con người luôn được sinh-hoạt theo nhịp độ bình-thường, mà sức khoẻ dồi dào.

10. — Sách Nội-Kinh nói về « Trị-Pháp » là phần nhiều nhằm vào nguyên tắc trị bệnh. Phương-pháp trị liệu thì có thể tùy theo thời đại mà thay đổi; Còn nguyên-tắc trị-liệu, thì nhứt định muôn đời không thay đổi.

11. — Học-thuyết phải luôn luôn đi đôi với thời đại. Không phản bội với thời đại làm nguyên tắc.

Sự tìm hiểu Y-Học của hiện đại, nếu trải qua đôi ba ngàn năm



về sau, biết đâu lại chẳng giống như Học-Thuyết : NGŨ-HÀNH, VẬN-KHÍ, SANH-KHẮC, CHẾ-HÓA..v.v.. đều thuộc vào loại trần tích của Lịch-sử. Chỉ dành cung ứng cho việc tham khảo của các nhà Bác-Vật Khảo-Cồ sau này mà thôi.

Thế thì chuyên tâm công-kích cồ nhơn, gọi cồ nhơn không có tác dụng gì đặc biệt, thì ai còn dám tin mình.

12. — Kẻ biên soạn sách này, đối với Đông-Y-Học. Mặc dầu trải qua hai chục năm khảo-cứu. Nhưng tự vấn sở đắc của mình, bất quá như hột cát trong biển khơi. Thật rất nhỏ mọn. Thế nên không lúc nào chẳng nghĩ đến việc tiến ích cầu tinh. Rất mong các vị hiền đạt trong rừng Y, chỉ giáo cho những chỗ sai lầm.

13. — Tra cứu lịch-sử Sách Nội-Kinh, chép theo lời tựa văn của Ông Huỳnh-Nguyên-Đồng, tập-chú chín quyền Nội-Kinh như sau :

Sách Nghệ-Văn-Chí Đời Hán nói : Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh tất cả có mười tám quyền. Các Y-Gia chọn ra chín quyền, biệt lập thành một bộ, đặt tên là : Sách Tố-Vấn. Còn lại chín quyền thì không có tên.

Đời Hán, Ông Trương-Trọng-Cảnh làm lời Tựa Sách Thương-Hàn-Luận, ở đoạn lịch luận qua các kinh sách Y-Học của đời Thương-Cồ. Ngoài việc nhắc đến sách Tố-Vấn ra, còn chín cuốn thì Ông cũng xưng là CHÍN-CUỐN (CỬU-QUYỀN). Việc này vẫn còn bằng chứng xác thực vậy.

Sách Mạnh-Kinh của ông Vương-Thúc-Hòa Đời Tấn, cũng xưng hô Sách Tố-Vấn và CHÍN-CUỐN (cửu-quyền) y như Ông Trương-



Trọng-Cảnh.

Ông Hoàng-Phủ-Mật biên lời tựa Sách Giáp-Ất-Kinh, cũng tuân theo ý Ông Trọng-Cảnh, cho là : Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh có mười tám quyển, kể chung CHÍN-CUỐN này nhập với Sách Tố-Vấn. Và cũng nói Sách Tố-Vấn chỉ có chín cuốn. Còn lại CHÍN CUỐN vẫn không minh định là tên gì. Nhưng cứ theo lời văn ở bài đầu thì gọi là Sách Châm-Kinh Chín Cuốn. Song hai chữ Châm-Kinh, tra-cứu không phải là tên sách. Cho nên trong Sách Ông cũng xưng là CHÍN-CUỐN.

Đời Đường Ông Vương-Thượng-Thiện chú giải sách Thái Tố ý, kiến cũng tương-tự như trên.

Đời Đường Ông Vương-Băng chú giải Sách Tố-Vấn, căn cứ theo cái tên « Cửu-Linh » của đương thời truyền tụng, Ông lại xưng CHÍN-CUỐN là sách Linh-Khu. Trong lời chú thì vịn theo lời tựa của Sách Giáp-Ất-Kinh, ở các thiên nói về châm-đạo, lại gọi là CHÂM-KINH.

Đời Tống Ông Lâm-Ức biên lời Tân-Giảo-Chánh nói : Ông Vương-Băng chỉ định Sách Linh-Khu là Sách CHÂM KINH. Song sách Linh-Khu hiện nay bị thất lạc không toàn-bản, không tài nào tìm hiểu hết được. Và lại Ông Vương sắp đặt chú thích sách Tố-Vấn, văn tự phần nhiều bị thay đổi. Còn lại CHÍN-CUỐN Ông Vương tuy chưa chú thích đến. Song nguyên văn cũng bị sắp đặt lại. Cho nên văn tự không còn giống với nguyên bản của sách Linh-Khu đương thời vậy.

Đời Nam Tống Ông Sử-Tùng, Âm chữ và giải nghĩa, ý Ông



muốn đem CHÍN CUỐN phối hợp với Sách Tố-Vấn của Ông Vương-Băng chú thích. Về số quyền thì chia làm hai mươi bốn quyền, số thiên thì chia làm tám mươi một thiên.

Đến khoảng giữa đời Nguyên, các y -gia mới gom góp các Sách Tố-Vấn thứ chú, lại làm mười hai quyền. Và góp chung hai mươi bốn quyền sách Linh-Khu của Ông Sử-Tùng cho gia nhập vào Sách Tố-Vấn,

Từ đó về sau, cái tên CHÍN CUỐN dần dần phai mờ theo thời gian, Vì bị đổi tên lại là Sách Linh-Khu Doãn-Xuất. Nhưng vị tất được dư luận nhìn nhận.

Tôi (soạn giả) lấy Kinh-Giáp-Ất và Sách Thái-Tổ so sánh nhau, văn tự hãy còn sờ sờ ra đó. Kẻ thì nói Sách Tố-Vấn nghĩa sâu ; người thì nói : CHÍN-CUỐN nghĩa cạn.... Và lại Sách Nội-Kinh mười tám quyền, là do các y gia tập thành, chứ không phải do một bàn tay Ông nào sáng tác. Luận về kinh nghĩa thâm-thúy, thì tinh nghĩa cồ áo của Sách CHÍN-CUỐN dẫu sách Tố-Vấn cũng không qua nổi. — Luận về chỗ siển lựu đáng chê, thì sách Tố-Vấn cũng không kém gì Sách CHÍN-CUỐN. Song sách CHÍN-CUỐN và Sách Tố Vấn đều là Sách Nội-Kinh vậy.

Trong bài Thông-Bình Hư-Thực-Luận của sách Tố-Vấn, Vua Hoàng-Đế có đặt câu hỏi : Cốt-Độ, Mạch-Độ, Cân-Độ ? Nhưng không có lời đáp.... Ông Vương-Băng nói : nguyên-văn lời đáp đều ở trong Sách Linh-Khu. Do thợ sắp chữ, sắp lộn thẻ của sách này qua sách kia vậy.

Ông Hoàng-Phủ-Mật nói : Sách Nội-Kinh có mười tám cuốn tức



là sách Tổ-Vấn chín-cuốn, và Sách Linh-Khu chín cuốn nhập chung lại. Lời nói này có bằng chứng đáng tin.

Thiên Châm-Giải, giải thích trong Sách Tổ-Vấn, cũng xuất phát ở Sách CHÍN-CUỐN. Trong sách Tân-Giảo (hiệu) (1) Chánh, cũng có nói qua. Lại nửa đoạn Phương-Thạnh-Suy Luận Ngôn, hiệp Ngũ-Chần Điều-Âm-Dương, dĩ nhiên ở trong loại Kinh-Mạch, tức là thiên mục của Sách CHÍN-CUỐN. Lời chú của Ông Vương-Băng cũng có đề cập đến đoạn này. Thế thì thấy rõ Sách Tổ-Vấn ra đời sau Sách CHÍN-CUỐN. — Hơn nữa, Sách Tổ-Vấn thì tôn sùng Sách CHÍN-CUỐN, mà Sách CHÍN-CUỐN thì Không thấy chỗ nào đề cập đến sách Tổ-Vấn.

Hèn chi, trong lời tựa Giáp-Ất-Kinh Ông Hoàng-Phủ-Mật nói: Sách Tổ-Vấn về phần luận bệnh rất tinh tường; còn Sách CHÍN-CUỐN là sách Mạch-Kinh, nghĩa lý thâm áo không dễ gì biết. Cho thấy ý Ông muốn nói: Sách Tổ-Vấn và Sách CHÍN-CUỐN, không sách nào hơn kém sách nào. Cho nên các sách trước tác sau nay, phần nhiều thâm lược văn ý của Sách CHÍN-CUỐN hơn Sách Tổ-Vấn. — Ông Dương-Thượng-Thiện chú thích sách Thái-Tổ, nhập chung hai loại sách trên đây vào một bộ, thì chúng ta cũng nên tuân theo ý Ông là phải.

(1) Chữ Giảo hay chữ Hiệu nên đọc rành: Nhà Trường hay quân quan đẳng cấp thì đọc Hiệu... Học-Hiệu, thượng hiệu (Đại-Tá) — Còn như cải chánh hay so đo thì phải đọc Giảo: Giảo chánh, kế giảo.



NGƯỜI ĐỜI THƯỢNG CỔ

THẢO-LUẬN TẬT BỆNH

Đời xưa giao thông bất tiện, dân tình chất phát. Cho nên tật bệnh phát sinh cũng đơn giản. Bệnh nhẹ, thì có thể lợi dụng phương pháp TÂM-LÝ TRỊ-LIỆU theo Khoa Chúc Do cũng khỏi được; bệnh nặng, phần nhiều thuộc về loại Cảm-Mạo Thương-Hàn, Trúng-Thực, Thương-Thực..... Nay xin trích lục nguyên văn bài « Ngũ Phương Dị Trị Bệnh » như sau :

五方異治病原文

一病而治各不同皆愈者。地勢使然也。故東方之域。天地之所始生也。魚鹽之地。濱海傍水。其民食魚而嗜鹹皆安其處。美其食。魚者使人熱中。鹽者勝血。故其民皆黑色疎理。其病皆為癰瘍。其治宜砭石。故砭石者。亦從東方來。

西方金玉之域。沙石之處。天地之所收引也。其民陵居而多風。水土剛強。其民不衣而褐薦。華食而脂肥。邪不能傷其形体。其病生於肉。其治宜毒藥。故毒藥者。亦從西方來。

北方者。天地所閉藏之域也。其地高陵居。風寒水冽。其民樂



野處而乳食。藏寒生滿病。其治宜灸焫。故灸焫者亦從北方來。

南方者。天地所長養。陽之所盛處也。其地下。水土弱。霧露之所聚也。其民嗜酸而食腐。故其民皆緇理而赤色。其病癰痹。其治宜微鍼。故九鍼者。亦從南方來。

中央者。其地平以濕。天地所以生萬物也衆。其民食雜而不勞。故其病多痿厥寒熱。其治宜導引按蹻。故導引按蹻者。亦從中央出。聖人雜合以治。各得其所宜。治雖異而病皆愈者。得病之情。知治之大體也。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Nhứt bệnh nhi trị các bất đồng giai dĩ giả, địa thể sử nhiên giả. Cổ Đông phương chi vực, thiên địa chi sở thủy sanh giả. Ngư diêm chi địa, tân hải bàng thủy, kỳ dân thực ngư nhi thị hàm, giai an kỳ xứ, mỹ kỳ thực. Ngư giả sử như nhiệt trung, diêm giả thắng huyết. Cổ kỳ dân giai hắc sắc sơ lý, kỳ bệnh giai vi Ung-Dương. kỳ trị nghi biêm thạch. Cổ biêm thạch giả, diệc tông Đông phương lai.

Tây phương Kim Ngọc chi vực, sa thạch chi xứ, thiên địa chi sở thu dân giả. Kỳ dân lãng cư nhi đa phong, thủy thổ cương cường, kỳ dân bất y nhi át tiến, hoa thực nhi chi phì, tà bất năng thương kỳ hình thể, kỳ bệnh sanh ư nội, kỳ trị nghi độc dược. Cổ độc dược giả, diệc tông tây phương lai.



Bắc phương giả, thiên địa sở bế tàng chi vực giả. Kỳ địa cao
lãng cư, phong hàn băng liệt, kỳ dân lạc dã xử nhi nhữ thực. Tạng
hàn sa nh mẫn bệnh, kỳ trị nghi cứu nhuế. Cố cứu nhuế giả diệc tòng
Bắc phương lai.

Nam phương giả, thiên địa sở trường dưỡng, dương chi sở
thạnh xứ giả. Kỳ địa hạ, thủy thồ nhược, vụ lộ chi sở tụ giả. Kỳ dân
thị toan nhi thực hủ, Cố kỳ dân giai trí lý nhi xích sắc, kỳ bệnh loan
tỷ, kỳ trị nghi vi châm. Cố Cửu Châm giả, diệc tòng Nam phương
lai.

Trung ương giả, kỳ địa bình dĩ thấp, thiên địa sở dĩ sanh vạn
vật giả chúng. Kỳ dân thực tạp nhi bất lao. Cố kỳ bệnh đa NUỖ
KHUYẾT HÀN NHIỆT, kỳ trị nghi đạo dẫn án kiệu. Cố đạo dẫn án
kiệu giả, diệc tòng Trung Ương xuất.— Thánh nhơn tập hợp dĩ trị,
các đắc kỳ sở nghi, trị tuy dị nhi bệnh giai dĩ giả. Đắc bệnh chi
tình, trị trị chi đại thê giả.



DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN:

Đồng một bệnh chứng, mà cách chữa trị sai biệt nhau, nhưng đều được mạnh cả, là do địa hình địa thế sử nhiên vậy.

Bởi vì, khu vực Phương Đông là chỗ trời đất sanh-thành trước nhứt, địa thế nhiều cá giàu muối, kề biên gần sông, dân ở địa phương ưa ăn cá mà thích ăn mặn, chỗ ở yên ổn, ăn uống sung sướng. Song ăn nhiều cá thì trong bụng nóng, ăn nhiều muối thì hoại-huyết. Thế nên dân chúng ở trong vùng này màu da đen, sớ thịt thừa, phần nhiều hay mắc bệnh Ung-nhọt. Trị bệnh lại ưa dùng phương pháp cắt nẻ. Bởi vậy, phương pháp Cắt Nẻ là do người Phương Đông bày ra vậy.

Phương Tây, là khu vực vàng ngọc, cũng là xứ nhiều cát đá, là chỗ thu dẫn của trời đất vậy. Dân chúng ở theo đồi nòng có nhiều gió, đất nước cứng rắn, dân ở vùng này không mặc y phục thường, mà mặc y phục dệt bằng vải lông cỏ mịn, ăn uống vẽ duyên, thân hình mập mập, bệnh độc ít hay cảm nhiễm ngoài hình thể, mà phần nhiều hay bệnh về nội thương. Trị bệnh thì ưa dùng chất thuốc có độc. Bởi vậy dùng chất thuốc có độc để chữa bệnh là do người phương tây bày ra,



Phương Bắc, là khu vực bế tàng của trời đất vậy. Địa thế cao, núi đồi nhiều, gió lạnh giá rét dân chúng khoái ở theo đồng nội mà thích ăn sữa tươi, tạng phủ lạnh hay sanh bệnh đầy hơi chậm tiêu. Trị bệnh ưa dùng phương pháp xông hơi. Cho nên phương pháp Xông Hơi, là do người Phương Bắc bày ra.

Phương Nam là chỗ trường dưỡng của trời đất, nắng nôi nóng nực nhiều hơn các nơi khác. Địa thế thấp thỏi, đất nước mềm mại, mà rất nhiều sương mù, dân chúng ưa chua mà thích ăn đậu hủ. Cho nên con người sớ thịt mịn màng khít khao, màu da đỏ sậm, hay mắc bệnh uốn gân tê bại. Chữa bệnh ưa dùng phương pháp Vi châm. Cho nên phương pháp Cửu Châm, cũng từ Phương Nam mà đến.

Trung-ương thì địa thế bằng phẳng mà ẩm thấp, là chỗ trời đất sanh sản vạn vật rất đông đảo. Dân chúng ưa ăn tạp mà chẳng thích vận động. Cho nên phần nhiều hay mắc bệnh bại xụi lạnh, nóng. Trị bệnh ưa dùng phép Đạo-Dẫn Đấm-Bóp. Cho nên phép Đạo-Dẫn Đấm-Bóp là do người ở Trung-Uương bày ra.

Ông Thánh-Nhơn gộp các tạp chứng của người ở ngũ phương lại mà chữa trị, đều được thích nghi. Cách trị tuy khác nhau, nhưng bệnh nhơn đều được lành mạnh. Đó là do tìm hiểu được bệnh tình, và thấu triệt được đại thể của phương pháp trị liệu vậy.



**THỜI THỊ NỘI KINH HỌC
THIÊN ĐẦU, LỜI ĐẠO LUẬN:
THẨM ĐỊNH CHỖ HỢP LÝ CỦA SÁCH NỘI KINH**

THỜI DẠT NHƠN BIÊN SOẠN
DỊCH GIẢ : NGUYỄN ĐỒNG DI ĐÔNG Y SĨ

Bài I

ĐẠO NGÔN

Đại-ý trong một bộ sách Nội-Kinh : Tự thuật khí hậu biến hóa của bốn mùa, suy diễn khởi nhơn của tật bệnh, và xác định nguyên tác trị liệu.

Xét vì đời Thượng-Cồ, thời đại của Y-Gia nghiên-cứu Y-Dược, đã thiếu sự thuyết minh của Khoa-Học, lại không bằng chứng khảo-cứu cho sự kinh nghiệm. Qua cuối đời Tần, Đời Hán, các học thuyết mọc lên như rừng. Nhứt là Học-Thuyết : ÂM-DƯƠNG, NGŨ-HÀNH, LỤC-KHÍ rất thịnh hành.

Nói về ÂM-DƯƠNG thì lợi dụng thuyết Động,-Tĩnh, Đối-Lập để chứng minh. Nói về NGŨ-HÀNH thì lấy sự sinh Trưởng nhau, Tiêu-Diệt nhau làm lý luận. Nói về Lục khí thì lấy sự thay

đôi của khí hậu làm tiêu-biểu. Chung qui căn cứ theo sự Sinh Trưởng, Thâu, Tàng của bốn mùa, và lấy sự KHÔI-PHỤC ĐIỀU TIẾT CƠ NANG làm mục đích. — Từ đấy về sau, sách Nội-Kinh trải qua không biết bao nhiêu bản tay sao tả phiên dịch, thề lệ văn tự không ai giống ai, hoặc trước sau trùng điệp, hoặc mâu thuẫn lẫn nhau.

Đối với Quyền Sách này, tương đối có giúp ích cho sự nghiên-cứu, đại khái có thể tìm hiểu được.

Ở vào thời đại kế tiếp sau này, Tây-Y ngờ Sách Nội-Kinh là Đại-Bản-Doanh của Đông-Y. Cho nên công kích sách Nội-Kinh không tiếc lời. Vì họ chẳng biết chỗ lập túc của Đông-Y hoàn toàn căn cứ trên thực tế, trải qua trên bốn ngàn năm kinh nghiệm của các y-gia, học phái kinh nghiệm Đông-Y theo thực chất, bất tất phải dính dáng y-phụ theo thuyết Ngũ-Hành sanh khắc vậy.

Vì căn cứ theo ý kiến trên đây, nên sách này chia ra từ bài mà giảng giải, phát huy chân lý. Lấy sự kinh nghiệm của Đông-Y làm chủ thề, lấy bịnh-lý, Sinh-lý làm tham khảo. Không theo đường lối khách sáo của các nhà biên soạn xưa nay. Triệt đề đổi mới, nhưng cũng triệt đề bảo tồn những gì gọi là Quốc-Hồn, Quốc-Túy cổ hữu từ ngàn xưa. Biến Đông-Y Dược-Học trở thành một học thuyết có hệ thống và luôn phù hợp với trào lưu tiến bộ của thế giới. Đó là mục đích mà tôi đang nhắm vậy.

Song khờ nổi, học thức còn lam nham. Lại khờ hơn nữa là ngày giờ quá ư gấp rút. Trải bao phen quốc nạn, tài liệu sách vở mất mát hầu hết. Việc khảo-cứu chưa xong đâu, thì phải vội vã viết ra bài vở, phần nhiều khó tránh khỏi sơ suất. — Dây vẫn giăng sâu,

tự vấn cảm thấy chưa hài lòng. Mong được các hàng tiên tẩn trong giới Đông-Y sẵn lòng chỉ chánh giúp cho loại sách từng-thư này được toàn thiện, toàn-mỹ, ấy là điều sở vọng vậy.

Tôi nghiên-cứu sách này; khởi đầu từ Dân-Quốc năm thứ sáu. Vì kẹt thiếu tài-liệu tham-khảo, nên không hoàn thành được... Mãi đến Dân-Quốc năm thứ mười bảy, ra đảm nhiệm chức Giáo-Thọ chuyên dạy sách Nội-Kinh, trong một Trường dạy về Khoa-Đông-Y ở Thượng-Hải. Lúc ấy thỉnh thoảng cũng có viết bài đăng tải trong Tạp-Chí Sơn-Tây Y-Học số bảy mươi lăm (75). Qua năm thứ hai mươi tám (28) mãn học kỳ. Khi nhà Trường Đông-Y Chuyên-Khoa bắt đầu dạy lại, tìm kiếm khắp nơi, không một ông nào chịu đảm nhận chức Giáo-Sư chuyên dạy về Nội-Kinh.

Có lẽ, vì dạy về Nội-Kinh-Học, thì phải tốn công phu rất nhiều, mà kết quả được lại rất ít. Hơn nữa, phải vùi đầu vào việc nghiên cứu cò-thơ, tầm chương trích cú, quá ư nhọc nhằn, nên các Ông mới thối thác như vậy.

Bất đắc-dĩ, tôi phải ra đảm nhận dạy Khoa-Nội-Kinh học lại một lần nữa. Tra cứu lại bài vở cũ, chỗ nào sơ suất thì chỉnh-lý, chỗ nào thiếu ý thì bổ sung. Và phân ra làm hai thiên Đạo-Luận và Bồn-Luận.

Trong Thiên Đạo-Luận chia ra có mười lăm bài :

1. Đạo-Luận
2. Chỗ do lai của sự đặt tên Sách Nội-Kinh
3. Nguyên do Sách Nội-Kinh mượn danh Vua Hoàng Đế

4. Chứng cứ Sách Nội-Kinh không phải tác phẩm của một thời đại
5. Những chỗ loại tợ giữa nguyên-văn Sách Nội-Kinh và Chư-Gia
6. Khảo chứng Sách Nội-Kinh trước tác ở thời đại nào
7. Sách Nội-Kinh bị thiếu thê, Ông Vương-Băng và Vưu lờ mờ
8. Các nhà chú thích Sách Nội-Kinh
9. Tổ chất của Học thuyết Nội-Kinh
10. Học thuyết của Sách Nội-Kinh đối với thời đại tính
11. Phân tích Học-thuyết Sách Nội-Kinh
12. Ưu-điểm của Học-thuyết Nội-Kinh ứng dụng với hậu thế
13. Học thuyết Sách Nội-Kinh đối với Biện-Chứng-Pháp
14. Sách Nội-Kinh có phải là huyền học chăng?
15. Lời kết luận.



HẠ THIÊN BỒN LUẬN

Trong Thiên Bồn Luận Chia làm Mười Chương
Kiểm Thảo Chân Giá Trị Của Sách Nội-Kinh

- | | | |
|-------------------|---|-----------------|
| — Chương Thứ Nhất | : | Nhiếp-Sanh |
| — Chương Thứ Hai | : | Âm-Dương |
| — Chương Thứ Ba | : | Sanh-Lý |
| — Chương Thứ Tư | : | Sắc-Chần |
| — Chương Thứ năm | : | Mạch-Chần |
| — Chương Thứ Sáu | : | Bệnh-Lý |
| — Chương Thứ Bảy | : | Trị-Pháp |
| — Chương Thứ Tám | : | Bệnh-Cơ |
| — Chương Thứ Chín | : | Phiêu-Bồn |
| — Chương Thứ mười | : | Kinh-Mạch-Bệnh. |

Và phụ thêm loại Tập Bệnh ở đoạn sau, là hoàn thành một bộ sách. Biên giả không bao giờ dám đặt mình vào hàng trước tác. Bất quá cũng là làm một việc tắc trách mà thôi vậy.

Công Nguơn, năm 1940 Mùa Xuân

THỜI DẬY NHƠN Tiên Sanh biên ở nhà trọ THƯƠNG HẢI

Ngày 1 tháng 1 năm 1970 Mùa Xuân Canh Tuất, NGUYỄN-
ĐỒNG DI Đông Y Sĩ dịch xong tại nhà số 379 đường Phan Đình
Phùng S A I G O N



Do lai Của Sự Đặt Tên Sách Nội-Kinh

Sách Hán-Thơ Nghệ-Văn nói : Sách Nội-Kinh mười tám cuốn, Sách Ngoại-Kinh ba mươi bảy cuốn. Song Sách Ngoại-Kinh từ trước đến nay, chưa từng nghe ai nhắc nhở đến, hoặc đã thất truyền từ lâu. Hiện nay Sách Nội-Kinh bao quát cả hai loại : Sách Tố-Vấn và Sách Linh-Khu nhập lại, gọi là Sách Nội-Kinh.

Lời tựa kinh Giáp-Ất, Ông Hoàng-Phủ-Mật nói : Sách Thất-Lược Nghệ-Văn-Chí nói : Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh chỉ có mười tám cuốn. Nghĩa là : Sách Châm-Kinh chín cuốn, Sách Tố-Vấn chín cuốn. Hai lần chín cộng lại là mười tám cuốn vậy.

Từ đây về sau, trải qua nhiều đời, các Y-Gia không thấy Ông nào dị-nghị, vẫn đồng cho Sách Nội-Kinh mười tám cuốn. — Duy có Ông Hồ Ứng-Lâm nói: Sách Tố-Vấn mà nay lại gọi là Sách Nội-Kinh. Sách Tùy-Chỉ thì chỉ gọi là sách Tố-Vấn.

Bởi vì, Sách Nội-Ngoại-Kinh tất cả là năm mươi bảy (57) cuốn, đến đời Lục-Triều (1) bị thất lạc. Người đời sau gom góp vá víu rồi đổi lại tên khác vậy. Cũng nghi người đời sau lấy Sách Tố-Vấn mạo sung vào thiên bức Sách Nội-Kinh, rồi đặt tên lại là Nội-Kinh. Chớ sự thực, tên Sách Tố-Vấn thấy trong lời tựa Sách Thương-Hàn-Luận của Ông Trọng-Cảnh, thì đủ tin từ xưa đã có tên sách này vậy.

Do bằng chứng có thể biết được : Sách Nội-Kinh với Sách Tố-Vấn Linh-Khu, Cứu cánh có phải chẳng danh xưng của một tên sách? Hay là danh xưng của hai tên sách ? Hãy còn là một nghi án vậy.

Thế thì hai bộ sách Tố-Vấn Linh-Khu đương được lưu hành



hiện nay, chẳng biết có phải, hay không phải, nguyên bản của Sách Tổ-Vấn và Sách Châm-Kinh cò truyền lưu lại? Vẫn chưa có một ai trả lời cách khẳng định.

Trong lời tựa Sách Nội-Kinh Loại-Biên của ông Lưu-Nhơn nói : Nên tạm gọi Sách Tổ-Vấn là Sách Tổ-Vấn.- Họ Trình, Họ Thiệu hai Ông, đều cho Sách Tổ-Vấn là : Tác phẩm của Đời Chiến-Quốc.

Song, từ ngày Kinh Giáp-Ất cải biên về sau, thì lại thấy không phải là món đồ xưa của Thời Chiến-Quốc. Còn sách Tổ-Vấn đương lưu hành hiện nay, thì cũng không phải là cữu bản Kinh-Giáp-Ất vậy. Cái khó của việc đọc cò thơ, đến như thế này thật rất khó tâm.

(1) Lục i Tiều : Nước Ngô, Nước Đông Tảo, nước Tống, nước Tề, nước Lương, nước Trần



Do Lai Sách Nội-Kinh Mạo Xưng Danh-Hiệu Vua Hoàng-Đế.

Sách Nội-Kinh từ Đời Tấn Ông Hoàng-Phủ-Mật trở xuống trải qua khá nhiều đời Y-Gia, đều chuyên nói về Âm-Dương và gán cho là của Vua Hoàng-Đế sáng tác.

Sự thật không riêng gì sách Nội-Kinh, mà phần nhiều các Sách xưa đều đề cập đến thuyết Âm-Dương như nói : Tật bệnh là họa hoạn của Âm-Dương.

Sách Tả-Truyện Ông Y-Hòa luận sáu khí nói : Khí âm-thái quá thì bệnh lạnh, khí Dương thái quá thì bệnh nóng.

Thiên-Lữ Lãm Trọng-Kỷ nói : Nhà rộng thì nhiều khí Âm, lầu cao thì nhiều khí Dương. Nhiều khí Âm thì hay bệnh vấp ngã, nhiều khí Dương thì hay bệnh bại xụi. Ấy là bệnh về Âm-Dương không thích nghi vậy.

Ông Ban-Cổ nói : Sách thuốc là : suy tầm Huyết Mạch, Kinh Lạc Cốt-Tủy, Âm Dương, Biều-Lý trong thân thể con người. Biết được nguyên do phát sanh ra bá bệnh, thì có thể phân biệt được lẽ sống chết vậy.

Qua đời nhà Hớn, họ nói đến Âm-Dương thì tất nhắc đến sự liên hệ với Vua Hoàng-Đế. Cho nên Ông Hoài-Nam-Tử nói : Vua Hoàng-Đế là người đề ra thuyết Âm-Dương. — Lại nói : thói thường người đời trọng xưa khinh nay. Cho nên nói đến chữ « Đạo » thì luôn mượn danh Vua Hoàng-Đế mà người đời sau mới thích nghe.

Ông Cao-Dụ nói : chữ thuyết nghĩa là nói : lời nói nào mà cho

là của Thánh-Nhân, thì rất được thiên hạ tin tưởng tôn sùng.

Ông Lưu-Hương nói : Luận về Âm-Dương, Ngũ Hành thì cho là Đạo của Vua Hoàng-Đế.

Sách Hán-Chí Âm Dương Y-Bốc, ở đầu sách cũng trù lên hai chữ (Hoàng-Đế). « Hoàng -Đế Âm-Dương Y-Bốc ». Đây là một bằng chứng người sau lạm dụng danh hiệu Hoàng-Đế vậy.

Thế nên, Sách Nội-Kinh đầu chính là Sách Y-Gia Chân-truyền của thời Hoàng-Đế đi nữa, mà văn khí so sánh không chỗ nào sai biệt với văn khí của đời Tần, Đời Hán, thì đủ thấy do người Đời Tần, Đời Hán soạn thuật rất rõ ràng vậy. Các Y-Gia sau này phụ hội lẫn lời khiên-cượng (1) kẻ thì cho Sách Nội-Kinh là một phần của Sách Tam-Phần (2) người thì hủy báng, cho Sách Nội-Kinh không phù hợp với Khoa-Học.... Đấy chính vì họ không nhận thức được chỗ thực-tế của Sách Nội-Kinh, nên phê bình cách bừa bãi vậy.

(1) Khiên-Cượng : nói cách miễn-cưỡng, khiên-cượng phụ hiệp.

(2) Tam-Phần. Tam-Phần là một tên trong sách Thượng-Thơ.



BẰNG CHỨNG SÁCH NỘI KINH KHÔNG PHẢI TÁC PHẨM CỦA MỘT THỜI ĐẠI

Sách Lang-Anh Thất-Tu Loại-Biên nói : « Sách Nội-Kinh có chỗ nói : Thượng-Cồ, Trung-Cồ, mà chính tác giả xưng là Kim-Thế (đời nay) ». Thế vua Hoàng-Đế là người đời sau này chẳng ? — Lại có câu « lấy rượu làm nước, xem quấy làm thường. » Thế là đời Vua Hoàng-Đế ở chợ có bán rượu, và con người phần nhiều là bậy bạ hay sao ?

Thiên Tinh-Vi-Luận có câu : « La lỏa Hùng-Hoàng » (lạ gói vị Hùng-Hoàng) — Thiên Cầm — Phục có câu : « Sáp huyết nhi thọ » (bôi máu quanh mồm mà tiếp thụ). Thế là câu chuyện uống máu ăn thề, và tư lạ đã có từ thời Thượng-Cồ hay sao ?

Tập Phù-Đường của Chúc-Văn Khánh nói : Sách Nội-Kinh có chữ « kiểm thủ » (đầu đen). Xét ra hai chữ (kiểm thủ) là từ ngữ của người Đời Tần vậy. Hơn nữa Văn khí rắn rỏi giống hệt như cách hành văn của hàng chư tử ở đời Tiên-Tần, và lời lẽ cai bác y-như Họ-Quản, Họ-Tuân. Cách dụng từ tạo câu chất phác mà áo diệu, lại giống thầy Quỷ-Cốc... Đây là bằng chứng rõ ràng : Sách Nội-Kinh do người Đời Tần làm ra, không còn nghi ngờ chi nữa.

Vả lại, hàng Ngũ-Đế đều là bậc Chí-Thánh. Đức Khổng-Tử san định Kinh-Thơ, đoạn ngang từ Đời Vua Nghiêu, Vua Thuấn trở lại cho là trước đời Đường, Đời Ngu không có Sách sử bằng chứng tra khảo.... Nhưng Sách Thượng-Thơ kể chuyện Đường-Ngu chỉ có vài trăm lời, thì có lẽ nào Sách Nội-Kinh có đến mấy ngàn muôn lời hay sao ? Thế cũng đủ thấy, những việc do người cận cớ làm ra,



phần nhiều lại gán cho các hàng Tiên chánh. Tại sao ? đối với vấn đề Y-Dược-Học, còn nhiều việc khác cần được khảo cứu mà bàn qua rất ít. Duy có thuyết Âm-Dương, Ngũ-Hành lại được nói tới nói lui rất tường tận ?

Sách CỒ-Kim-Ngụy Thơ Khảo của Ông Giao-Tế Hằng nói : Sách Nội-Kinh có câu : « Thất-Vương-Hầu... » Nhưng từ Đời Tần tinh thôn sáu nước, Đời Hôn trừ bỏ các Tước-Vương, Tước-Hầu thì mới có câu « thất Vương-Hầu ».

Lại Thiên Tạng Khí Pháp Thời Luận, có những chữ : « dạ-bán » (nửa đêm) « bình đán » (táng sáng), « nhựt-xuất » (mặt trời mọc). « Nhựt-trung » (mặt trời đứng bóng) (1). Không nói đến mười hai chi (thập nhị địa chi). Chính là người nhà Tần biên. Nói : « Tuế Giáp-Tý » (năm giáp Tý), « Dần-thời » (giờ dần) chính là người Đời Hôn biên... Điều nói có xưa có nay, không nhứt luật như nhau.

Ông Tiết-Tuyết nói : Sách Nội-Kinh lấy mười hai (12) kinh lạc trong thân thể con người so sánh với mười hai sông..... Vì đời Vua Võ-trị thủy ở sau đời Vua Hoàng-Đế rất xa, làm sao Vua Hoàng-Đế biết được Ông Võ sau này sẽ đào : Sông Giang, Sông Hoài, Sông-Hà, Sông-Tế... ? Có người nói : Vua Hoàng-Đế là bậc chí thánh, nên dự liệu được việc làm của người sau thì thật là vô lý. Người đời sau muốn do từ trong Sách Nội Kinh tìm thấy dấu tích Vua Hoàng-Đế và ông Kỳ-Bá, không khác nào leo cây tìm cá vậy.

Lại Sách Nội-Kinh có câu : « Khí sắc con người, đối với sắc đen, muốn được đen như sơn, không nên đen như đất. ». Có lẽ nào thời Vua Hoàng-Đế đã biết dùng sơn ? Rõ ràng là lời văn của



người đời sau phụ-họa rất dễ thấy vậy.

Tóm lại, hiện nay Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh mà chúng ta dùng để học không phải do ở một tay người viết, mà cũng không phải là một sáng tác của một thời đại nào. Chính do sự Kiến giải của các y-gia từ thời Chiến-Quốc dĩ chí Đời Tần, Đời Hán phụ hội. Đấy quả là một sự thực bất di bất dịch vậy. (xét thấy Ông Vương-Băng và Ông Lâm-Ưc phụ hội khá nhiều).

(1). Từ ngữ này thấy ở sách Thượng Thợ dùng rất thường



NGUYỄN VĂN SÁCH NỘI KINH NHỮNG ĐIỂM LOẠI TỢ VỚI BÁ GIA CHƯ TỬ SAU NÀY.

Thiên Tố Vấn Giải Đề của Ông Đơn Ba Ngươn Giản, cho là : Thiên này do người đời Hán sáng tác. Song khảo chứng các Kinh, SỬ TỬ TẬP, thì văn nghĩa có nhiều chỗ giống hệt với Sách Nội-Kinh. Mặc dầu câu chuyện đạo danh đối với người xưa ít khi xảy ra ; nhưng đối với danh dự trước tác, lúc nào cũng được quý trọng. Sau đây nêu ra một vài đoạn, cho thấy Sách Nội Kinh quả thực không phải bút tích trước thời Điền Mô. (1)

Thiên Thượng Cồ Thiên Chân Luận nói : « mỹ kỳ thực, nhậm kỳ phục, lạc kỳ tục » (ăn ngon mặc ấm phong tục vui vẻ) Sách Lão TỬ Chương thứ tám mươi (80) nói : « Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục. » (ăn ngon, mặc đẹp, ở yên) vui vẻ) Lại nói : « dĩ tửu vi tương » (lấy rượu làm nước uống. Sách Hán Thơ Bào Tuyên Truyện nói : « tửu tương quất nhục » (rượu nước rau thịt)

Thiên Tứ khí Điều Thần nói : « khát nhi xuyên tỉnh, chiếu nhi chú binh » (khát nước mới lo đào giếng, đánh giặc mới lo rèn binh khí). Sách Yến TỬ Xuân Thu nói : « lâm nạn nhi cù chí binh, ế nhi cù quật tỉnh » (gặp nạn mới lo rèn binh khí, khô cò mới hấp tấp lo đào giếng.)

Thiên Âm Dương Đại Luận nói : « nhơn kỳ khinh nhi dương chi, nhơn kỳ trọng nhi giảm chi. nhơn kỳ suy nhi chương chi » nhơn



nhẹ mà phát dương đó, hơn nặng mà giảm khinh đó, hơn suy nhược mà sáng tỏ đó.) Sách LƯU Thị Xuân Thu Thiên Tận Số nói : tinh khí chi lai giả, hơn khinh nhi dương chi, hơn tần nhi hành chi, hơn mỹ nhi lương chi » (tinh khí sinh lai ấy, hơn nhẹ mà phát dương đó, hơn đi mà thúc đẩy đó, hơn mỹ mãn mà lương hảo đó)

Thiên Âm Dương Biệt Luận nói : « nhứt Âm nhứt Dương kết vị chi hầu tử » (một khí âm với một khí dương uất kết gọi là Chứng Họng Tê.) Sách Xuân Thu Phồn lộ nói : Âm Dương chi động, sử hơn tức bịnh hầu tử (khí âm khí dương vọng động, khiến người sanh chứng Họng Tê).

Thiên Lục Tiết Tạng Tượng Luận nói : « Lập đoan ư thủy (3). Biểu chánh ư trung (4). Suy dư ư chung (5). » Sách Văn-Nguyên-Niên Tả Truyện nói : « Tiên ngũ chi chánh thời giả (6) Lý đoan ư thủy, cử chánh ư trung, quy dư ư chung » (ba câu này ý nghĩa như ba câu trên giải thích ở sau). Lại nói : « Thảo sanh ngũ sắc, ngũ sắc chi biến bất khả thăng thị, thảo sanh ngũ vị, ngũ vị chi mỹ bất khả thăng cực » (cỏ cây sanh ra năm màu sắc, sự biến hóa của năm màu sắc không thể xem xét hết, cỏ cây sanh ra năm mùi, năm mùi ngon ngọt cũng không cùng tột). Sách Tôn Võ-Tử Thiên Binh Thế nói : « Thanh bất quá ngũ, ngũ thanh chi biến bất khả thăng thính giả. Sắc bất quá ngũ, ngũ sắc chi biến bất khả thăng quan giả. Vị bất quá ngũ, ngũ vị chi biến, bất khả thăng thường giả. » (Âm thanh bất quá năm, sự biến hóa của Âm thanh không thể nghe hết. Màu sắc bất quá năm, sự biến hóa của năm màu sắc không thể ngắm hết. Mùi vị bất quá năm, sự biến hóa của năm mùi không thể nếm hết).



Thiên Mạch-yếu Tinh Vi nói; Khí Âm-Thanh thì chiêm bao thấy lội qua sông lớn, khí Dương thanh thì chiêm bao thấy lửa cháy. Khí Âm khí Dương đều thanh thì chiêm bao thấy tranh đấu sát hại lẫn nhau. Bộ Phận trên thanh thì chiêm bao thấy biết bay; bộ phận dưới thanh, thì chiêm bao thấy từ trên cao té xuống. No thì chiêm bao thấy cho người; đói thì chiêm bao thấy thọ lãnh của người cho. Sách Liệt-Tử Mục-Vương nói: cũng giống như trên.

Thiên Khi huyết Luận, và sách Mai Thừa Thất Phát đều có nói: Những loại PHÁT MÔNG GIẢI HOẶC trên đây không đủ tin, và cũng không đủ bình luận.

Thiên Bảo Mạng Toàn Hình Luận nói: Trời đất hợp khí, mang danh rằng: NGƯỜI.— Trời có âm-dương, người có mười hai (12) tiết. Sách Xuân-Thu Phồn lộ, Thiên Nhơn Phó Thiên Số nói: Đầu cò tròn tượng hình trời, tóc tượng các vì sao, tai mắt tượng mặt trời, mặt trăng, miệng mũi thở vô thở ra tượng gió. Thân thể con người cũng liên hệ lẫn nhau. Một người chia mười hai (12) tiết, phù hợp với mười hai (12) tháng; trong có 5 tạng, phù hợp với 5 hành; ngoài có bốn (4) nhánh (hai tay hai chân) hợp với bốn (4) mùa vậy.

Thiên Vinh Vệ Sinh Hội nói: Phủ Thượng Tiêu như hơi sương (lộ) Phủ Trung Tiêu như bọt nước (âu), Phủ Hạ Tiêu như ngòi rạch (độc). Sách Bạch Hồ-Thông, dẫn lời Sách Lễ Liên Ký nói: Phủ Thượng Tiêu như lỗ hang (khiếu), Phủ Trung Tiêu như đàn bện (biên), Phủ Hạ Tiêu như Rạch ngòi.

Thiên Bồn Thận nói: Do lại của sự sống gọi là TÍNH. Hai TÍNH



bác động nhau gọi là THẦN. Theo THẦN qua lại gọi là HỒN. Theo TINH ra vào gọi là PHÁCH. Sở dĩ bền vững với vạn vật gọi là TÂM. Sự Ký ức của TÂM gọi Ý. Chỗ bảo tồn của Ý gọi là CHÍ. Nhơn CHÍ bảo tồn biến thông gọi là TU. Nhơn Tu mà hoài mộ xa xôi gọi là LỰ. Nhơn Lự mà đối xử với sự vật gọi là TRÍ. Trọn thiên này thấy ở Sách của Thầy Tử Hoa. Ở các chỗ khác thì văn thể ngữ khí phần nhiều giống Hoài Nam Tử.

Ông Triếp-Kiết Phủ nói : Đã không phải lời văn của Đời Tam Đại về trước, lại cũng không phải lối văn sau Thời Đông Đô. Chắc hẳn là do Ông Hoài Nam Vương sáng tác, có lẽ đúng thế ?

(1) Điển Mô tên một thiên trong sách Thượng Thư.

(2) Chũ Tương, có nghĩa là một chất nước lỏng để uống, một chất nước do, sự điều hòa giữa bột lúa mì với nước lã.

(3) Lý đoan cũng như Lập đoan, là khởi điểm suy toán nhật lịch.

(4) (5) Biểu Chánh, Suy Dư hay Qui Dư là cách suy tính ngày tháng.

(6) Các hành-tinh, và khí hàn khí thử đúng theo mùa tiết. Đây là phương pháp tạo Âm-Lịch của đời thượng cổ.



KHẢO CHỨNG SÁCH NỘI-KINH TRƯỚC TÁC Ở VÀO THỜI ĐẠI NÀO

Đối với thời đại trước tác Sách Nội-Kinh, mỗi người thấy mỗi khác. Hiện thời các nhà nghiên-cứu cho là lối hành-văn của Sách Nội Kinh giống Truyện Công-Dương, người thì nói có nhiều chỗ giống giọng nói các Đạo-Gia, dường như do bọn Hoài Nam Vương trước tác. Hoặc chỉ cho người đời Tần trước tác, hoặc nghi cho người Đời Hán trước tác. Kẻ nói Sách Linh-Khu là gốc Sách Cửu-Linh mà đổi tên. — Người lại nói : bản xưa là Sách Châm-Kinh, lược lật một mớ nguyên-văn trong sách Tố-Vấn rồi cải đầu hoán diện biến thành Sách Linh-Khu (1). Có người cho là bản xưa của sách Châm Kinh bị thất truyền ; người sau trộm lấy Kinh Giáp-Ất, thay đầu đổi mặt, xưng là Sách Linh Khu, rồi đưa vào hàng ngũ cò thơ vậy. Hoặc có người cho là Sách Tố-Vấn từ Thiên, Thiên-Nguơn-Kỷ Đại-Luận về sau đều là lời phụ hội của Ông Vương-Băng,

Tóm lại, một sự thực không thể chối cãi được là : Sách Nội-Kinh không phải do một bàn tay người nào sáng tác như ở Chương trước đã nói. Xét vì người xưa truyền thọ Đạo Học đều là khâu truyền, qua đến đời Tần, đời Hán mới biên vào thẻ tre. Trải qua nhiều đời các Y-Gia lại đem sự kiến giải của mình phụ hội vào. Cho nên mới có chuyện : Sách Nội-Kinh là một loại Sách tối cò của đời thượng-cò ; mà nội dung của nó lại có tên ĐẤT, tên QUAN... của người đời sau. Hơn nữa, từ thẻ chữ Cờ-tự (nguồn ngào) Viết ra lối chữ ngay thẳng (chân tự) trải qua cũng không biết bao nhiêu tay người.. Bên trong Sách Nội-Kinh lại có một phần nhỏ mang máng



như loại vận văn, tựa hồ như lối KHẦU THỌ TÂM TRUYỀN của Y-gia thời Thượng-cồ. Chỉ như những chỗ lỗi lầm lộn thẽ trong Sách Nội-Kinh cũng không dễ gì chỉnh lý lại cho hết được.

Đời Thanh, là một thời đại nổi tiếng về văn-học, khá nhiều học-giả chuyên khảo cứu Kinh, Sử, Điền, Tích nhưng cũng không có Ông nào chỉnh lý nổi Sách Nội-Kinh. Chỉ ư-sự bình nghị của bá-gia chư-tử, tuy có khảo chứng, nhưng cũng không được xác thực rõ ràng. — Đáng buồn thay, những nhơn tài nghiên cứu về Khoa Đông-Y Dược Học rất hiếm hoi, mà sự hiếm hoi ấy không phải mới xảy ra ở thời đại sau này vậy.

Ông Lữ-Thuần Dương nói : Đại ý của Sách Tố-Vấn là chuyên luận về nguyên nhơn phát sanh các tật bệnh và phương pháp trị liệu (2). Đại ý của Sách Linh Khu thì chuyên luận về Châm-Cứu, khổ nổi, vì trải qua rất lâu đời, không tài nào tránh khỏi sự thất lạc thiếu sót. Hơn nữa lối học đời xưa phần nhiều là khẩu thọ tâm truyền, thì lại càng dễ thất lạc.

Đời Tấn Ông Hoàng Phủ Mật nói : nguyên bản của sách Tố-Vấn và Sách Linh-Khu không trọn vẹn.

Đời Tống Ông Lâm-Ưc nghị : Hai loại Sách trên có chỗ ngụy tạo.

Và lại, lời tựa Sách Thương Hàn Luận nói : Sách Thương Hàn-luận nương theo Sách Chín-cuốn mà soạn ra. Sách Chín- Cuốn tức là Sách Tố-Vấn. Mà nay Sách Tố-Vấn đến hai mươi bốn (24) cuốn, thì thấy rõ có chỗ sai ngoa hoặc ngụy tạo.

Ông Trần Trụ nói : Sự viết sách của người xưa, không giống



như người hiện nay. Bất cứ người học trò nào theo học với một Ông thầy nào, khi viết Sách thì học trò luôn luôn phụ ích theo ý kiến của thầy mình. Ví như: Sách của Ông Quán-Trọng, không phải chỉ có một mình Ông Quán-Trọng viết, mà những người theo học với Quán-Trọng đều có phụ biên. Sách Trang Tử cũng không phải riêng có một mình Ông Trang-Tử viết, mà những người theo học với Ông Trang-Tử đều có phụ biên. Đây không phải ngụy tăng hay ngụy tạo chi cả, bởi vì thế lệ tập tục phần nhiều đều như vậy cả. Đời Châu, Đời Tần đại khái đều như thế.

Học thuyết, thì học thuyết của một người, mà đối với Văn thì không phải văn của một người.

Người đời sau đọc sách của người xưa, tưởng sách của Ông nào thì do một tay của ông đó biên soạn là sai. Lại nữa thấy lối hành văn trước sau gập ghềnh, không phải văn khí của một người, mà bài xích cho là người sau ngụy tạo, thì lại càng sai. Biết được ý này mới rõ được tính chất chân thật của Sách Nội-Kinh vậy.

(1) Linh-Khu. Tổ-Văn chính là Sách Nội-Kinh.

(2) Chữ Phương pháp ở đây là chỉ nguyên tắc trị bệnh chứ không phải phương thang.



CÁC NHÀ CHÚ-THÍCH SÁCH NỘI-KINH

Những nhà chú thích Sách Nội-Kinh, trước nhất là sách Huấn-Giải của Ông Toàn Nguơn Khởi, và Sách Thái Tổ của Ông Dương Thượng Thiện. Song hai sách này đều thất lạc, không thể tìm đâu ra để giúp cho việc tham khảo. Người sau xem bốn chú thích của Ông Vương Bãng ở đời Đường là xưa hơn hết.

Về sau ông Châu Chấn Hanh, trước tác sách Tổ-Vấn Cũ-Lược một (1) cuốn. Ông Hoạt-Đào trước tác sách Tổ-Vấn Sao mười hai (12) cuốn. Ông Uông Cơ trước tác sách Tục Tổ-Vấn Sao ba (3) cuốn. Ông Đinh Tàng trước tác sách Tổ Vấn sao Bồ Chánh mười hai (12) cuốn. Ông Hồ-Văn-Hoán trước tác sách Tổ-Vấn Tâm-Đắc hai (2) cuốn. Đắt Cối Kế Ông Mã Trọng Hóa trước tác Sách Tổ-Vấn Phát Huy chín (9) cuốn, và Phụ-Di một (1) cuốn. Ông Ngô Côn Sơn, Sách Tổ-Vấn Chú hai mươi bốn (24) cuốn. Ông Trương Ân Am Sách Tổ Vấn tập chú chín (9) cuốn. Ông Cao-sĩ-Tôn Sách Tổ Vấn Trực giải chín (9) cuốn. Ông Hoàng (Hoàng thị) Sách Linh Tổ Huyền Giải, đã được phát hành và liệt vào trong tổng mục tứ Khố Tàng Thư.

Chí ư đem hai Sách Tổ-Vấn và Sách Linh-Khu, hỗn hợp nhau lại để biên đính, thì có sách Loại Kinh của Ông Trương Cảnh Nhạ,



thật rất uyên-bác tinh thâm, hết sức công lao cần cù, là một cự trước ít được thấy của thời xưa vậy.

Cũng như Sách Nội-Kinh Tri yếu của Ông Trần Niệm Nga ; Sách Loại Toàn Ước Chú của Ông Trương Nhân Am, Sách y-kinh Nguyên-Chỉ của Ông Tiết Sanh Bạch, Sách Linh Tố Tiết Chú của Ông Trần Tu-Duyên....

... Những Sách ấn hành gần đây tuy được liệt vào mục lục Sách, nhưng tứ tán thất truyền thì lược bớt, đề khỏi loạn mắt đọc giả.

Chí như những nhà chú thích sách Nội-Kinh gần đây cũng không thề kể hết. Bất quá đề bổ sung vào phần lượng, phát huy sự thấy biết cá nhân, phô trương cho sự tuyên-truyền mà thôi. Còn đối với việc giúp ích về đường học vấn cho chúng ta thì rất ít.

Ông Dương-Thượng-Thiện với Sách Thái Tố, và Ông Toàn-Nguồn Khởi với Sách Giải-Huấn, là những người trước tiên chú-thích Sách Nội-Kinh. Đời Đường Ông Vương-Băng tham hợp các học thuyết cồ-truyền biên chú sách Nội-Kinh, là bôn mà người, hiện thời xem là tối cồ.

Ông Dương, Ông Toàn và Ông Vương, ba Ông đều không phải là thầy thuốc chuyên nghiệp. Cho nên chỉ chú thích Sách Nội-Kinh mà thôi, chớ không có sáng tác sách thuốc lưu-truyền hậu thế.

Trái lại, Ông Vương Đào trước tác sách Ngoại-Đài thì hoàn toàn không dẫn chứng nguyên văn trong sách Nội-Kinh một câu nào. Đó là một bằng chứng cho thấy là người Đời Đường, nhứt là các y-gia chưa biết quý trọng Sách Nội-Kinh.



Qua Đời KIM, Đời NGUƠN, Tứ-Tử (1) ra đời, thì học thuyết Nội-Kinh mới bắt đầu thành hành, đồng thời lý thuyết NGŨ HÀNH VẬN-KHÍ, TIÊU TRƯỞNG DOANH HƯ, lại đứng vào một vị trí rất trọng yếu trong thuyết Đông-Y Dược Học, và Khoa Đông Y Dược Học chịu ảnh hưởng của bốn thầy (Tứ Tử) mà thay đổi khá sâu rộng vậy. (Đời Tống nghệ-thuật ấn-loát đã phát minh, đương thời luận thuyết NGŨ HÀNH rất thành hành. Cho nên thuyết Âm-Dương NGŨ HÀNH chen vào Đông-Y Dược Học rất thành hành là khởi từ Đời Tống).

(1) Tứ Tử hay TỨ ĐẠI GIA ở Đời Kim, Đời Nguyên là : Trương Tử Hòa — Lưu Hà Gian — Lý Đông-Viên và Châu Đơn Khê.



Bài 8

SÁCH NỘI-KINH THIẾU THỂ VÀ ÔNG VƯƠNG-BĂNG VÁ VÍU LÀM CHO Ý NGHĨA MÙ MỜ

Nguyên văn Sách Nội-Kinh, từ xưa đã bị thất lạc, người đời sau tựa vào tài liệu của Sách Châm Kinh và Sách Tố-Vấn điền bổ vào chỗ khuyết giản của Sách Nội-Kinh. Nhưng nguyên Văn Sách Tố-Vấn cũng bị sót thể. Nay đem những chỗ dị biệt của các nhà chú thích, phân tách khảo chứng như sau :

Đời Tấn Ông Hoàng Phủ Mật biên lời tựa Kinh Giáp Ất có nói rõ : Nguyên-Văn của Sách Tố-Vấn đã bị thất lạc một phần, từ Đời Tùy về trước, số Thiên của Sách Hoàng Đế Tố Vấn không thể nào tra khảo đề biết được là bao nhiêu THIÊN.

Sách Kinh Tịch Chí Nhà Tùy biên sách Hoàng Đế Tố-Vấn chín cuốn, lại có chỗ nói tám cuốn. Nhà Lương cũng nói tám cuốn. Bọn Ông Lâm ức nói : Bồn chú thích của Ông Toàn Nguơn Khởi tám cuốn, cộng sáu mươi tám (68) Thiên, không có quyền thứ bảy.

Từ đây dẫn lên đời Tấn Ông Hoàng Phủ Mật, trong niên hiệu Cam-Lộ cách nhau sáu trăm (600) năm. Thế mà Ông Vương-Băng còn giữ được những quyển sách cũ của thời trước, đề bổ sung quyền thứ bảy, và đem Thiên Tuyên Minh Ngũ Khí, đổi tên lại là : Thiên

Khi huyết Hình Chi. Thiên Thích Tề Luận, đổi tên lại là Thích yếu luận. Thiên Bì Bộ-Luận, đổi tên lại là : Kinh Lạc Luận. Thiên Bị Loại Luận, đổi tên lại là Chí giáo Luận. — Kiêm bốn Thiên này với hai Thiên bị thất lạc là : Thiên Thích Pháp, và Thiên Bồn Bịnh, đều bị thay đổi từ tên thiên dĩ chí thứ tự. Góp lại làm hai mươi bốn (24) cuốn, chia làm tám mươi mốt (81) thiên. Phỏng theo lối trước tác của Đạo-Đức Kinh và Nạn Kinh vậy.

Những đoạn của Ông Vương Bạng điền bổ vào đều chuyên luận về Vận-Khi. so sánh với nguyên văn Sách Tố-Vấn, tuyệt nhiên không giống nhau.

Lại nữa, Thiên Lục Tiết Tạng Tượng Luận, bảy trăm mười tám chữ, từ câu : Kỳ-Bá Viết : chiêu hồ tai vấn giả, chỉ khả đắc văn hồ. (Ông Kỳ Bá nói : rõ ràng thay lời hỏi vậy, chỉ có thể được Nghe Ôi); Sách Tân Giáo Chánh nói : Bồn chú thích của Ông Toàn Nguơn Khởi, và kinh văn của Sách Tố Vấn đều không có câu này, nên nghi là do Ông Vương Bạng vá víu vào vậy. Vì hoàn toàn là giọng nói của một người.

Ông Hy-Ung đã nói rõ : Thuyết Vận Khi không ăn thua gì với Y học, sự thực là do người sau ngụy tạo, xen vào vấn đề y-học. Ông Lâm Ưc nói : lời văn trong Thiên-Âm Dương Đại-Luận là do Ông Vương Bạng ăn cắp ở các sách khác phụ hội, vào vậy.

Nay xét bài Lệ Thương Hàn của Ông Vương Thúc Hòa, dẫn nguyên văn của Thiên-Âm-Dương Đại-Luận, và Thiên : Thiên Nguyên Kỳ, các thiên, cũng không giống nhau. Tựa hồ lời nói của bọn Ông Lâm-Ưc, cũng chưa đủ tin.

Lưu truyền nói : Hai thiên biên sót (Thích Pháp, Thiên Bồn Bịnh),

do Ông Vương-Băng và người sau ngụy tạo đèn vào. Cho nên văn khí so-sánh với lời văn chú-thích giống hệt như nhau, rõ ràng do tay một người viết ra, từ ý thô bỉ, không mảy may nào đáng cho người đời sau bắt chước. Vì sự ngụy tạo rất vụng về, việc này bọn Ông Lâm-Ưc đã phân tách cho thấy rõ ràng rồi.

Sách xưa sót thể, không được thấy người xưa gia tâm vào việc nghiên cứu, thật rất đáng tiếc cho tiền đồ y-học. Trái lại, các nhà chú-thích lại còn tranh nhau ngụy tạo kinh văn, khiến cho người đời sau không còn nhìn thấy được bản lai diện mục cổ thư, tạo thêm cho họ một sự bất mãn vô bờ bến vậy.

TỔ CHẤT CỦA HỌC THUYẾT NỘI-KINH

Lấy toàn bộ đề nhận xét, học thuyết Nội-Kinh đại khái có hai loại :

1. Người đời thượng cồ sống với hiện tượng đại tự nhiên, gần gũi với hiện tượng tự nhiên, đã tá hiện tượng tự nhiên để thuyết minh khởi nhơn của các bệnh chứng.

2. Sách Nội-kinh lý luận nguyên tắc trị bệnh, nên rất chú trọng về nguyên tắc trị liệu, mà không chú trọng đến chứng hậu của các tật bệnh. Xác nhận khí hậu: Lên, Xuống, Nổi, Chìm, Nóng, Lạnh, Ấm, Mát của bốn mùa, cho là điểm nghiên cứu rất có giá trị đối với nguyên tắc trị liệu. Nay Phân tách bình luận như sau :

Thời đại thượng cồ, Kinh Dịch nói: Một Âm, một Dương gọi là Đạo. Âm-Dương sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng-Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái. Cho nhứt thiết hiện tượng trong vũ trụ đều lấy hai khí Âm-Dương làm đầu. Thái Cực động thì sanh dương, tĩnh thì sanh Âm, (tích cực và tiêu cực) để quan sát tất cả sự vật, thống nhiếp tất cả sự vật. Suy rộng ra bên ngoài giới tự nhiên thì lấy bốn tượng: Thiên, Trạch, Hỏa, Lôi (1); Phối hợp với gia súc thì lấy bốn vật: Gà, Chó, Trâu, Dê, — Áp dụng qua thời gian thì bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông; mở rộng ra không gian, thì bốn phương, Đông, Tây, Nam Bắc,



Tác giả Sách Nội-Kinh thề thủ thuyết trên đây, đề áp dụng cho việc kiến thiết khoa Y-học Cồ-truyền. Cho nên Thiên Âm-Dương Ứng Tượng Đại Luận nói : Âm-Dương, ấy là đạo của trời đất vậy, kỳ cương của muôn vật, cha mẹ của biến hóa, nguồn gốc của sinh sát, là ngôi nhà của thần minh vậy.

Trị bệnh phải tìm nguyên nhân của bệnh. Đấy chính là người xưa mượn lý Âm-Dương đề thuyết minh y-học.

Thiên Mạch Yếu-Luận nói : Khí sắc ứng với ngày, mạch ứng với tháng. Thiên Sanh Khí Thông Thiên Luận nói : Khí Dương ấy là như : bầu trời với mặt nhật, thất sở thì có hại cho tuổi thọ mà không sáng. (2) Đoạn này mượn ngày tháng đề thuyết minh y-học.

Chí ư câu : Phương đông sanh mùi chua, mùi chua sanh hành Mộc, hành mộc sanh Gan... là mượn bốn phương đề thuyết minh y-học. Bốn mùa, khí Âm khí Dương là nguồn gốc của vạn vật, là mượn bốn mùa đề thuyết-minh y-học.

Còn thuyết Vận Khí thì cho là : nhứt thiết nguyên nhân của các tật bệnh, đều cai quát trong lý thăng phục của trời đất, âm dương và ngũ hành. Rồi lại xen vào thuyết « trời với người đồng một thể » lý luận cách rất mù mờ. Chính do sự di độc của thuyết Sám Vi ở Đời Đông Hán bày ra vậy.

Các Y-gia sau này, cho là sự tri thức Thiên văn học của thời Thượng cổ không hoàn toàn, mà giữ bí mật còn hơn của báu. Đời gần đây, Khoa học Thiên-Văn Khí tượng tiến bộ, cho là di tích của tiền nhân không đáng quý. Dã tá hiện tượng tự nhiên, đề thuyết minh khởi nhân của các tật bệnh, muốn bổ sung đến chỗ cùng tột, lại phải bắt chước qua thuyết Vận Khí.



Vả lại phương châm trị liệu, trước hết là phải thăm dò chứng hậu, kế đó kiểm tra chuẩn đoán, để xác định chỗ ở của bệnh độc, tìm hiểu bệnh tình lành dữ thế nào, rồi mới có thể đưa ra những phương thuốc thích đáng để chữa trị. Còn sách Nội-Kinh, đại đa số chú trọng trên nguyên tắc trị liệu như (nhơn nhẹ thì thăng phát, nhơn nặng thì giảm bớt, hư thì bổ, thực thì tả, lạnh thì nóng, nóng thì lạnh...) Không cần tìm hiểu chứng hậu, và sự chuẩn đoán cũng không hoàn bị, khi sách Thương Hàn-Luận và sách Kim Quĩ Yếu-Lược xuất bản mới bổ sung chỗ khuyết điểm này.

Như trước đã nói : Sách Nội Kinh chuyên luận về Nguyên Tắc Trị Liệu, thì không thể xem như các sách chuyên luận về phương pháp trị bệnh. Trong Sách Y-thơ của người đời sau, phỏng theo ý Sách Nội Kinh, có câu : « nhơn chứng Phong mà phát hàn, nhơn Chứng Hàn mà ấm áp, nhơn Chứng Nhiệt mà thanh lương, nhơn Chứng Thấp mà thẩm lợi. « Bút pháp và kiến giải như thế ấy, là vì hiểu lầm Sách Nội Kinh chuyên luận trên nguyên tắc, mà không hiểu : Ngoài nguyên tắc, tất phải chú ý vào phương pháp trị liệu.

Các y-gia đời Thanh nói : « Các sách có phương tề ra đời, thì loại sách không phương tề lại kể như vô dụng. Thật là đáng tiếc giùm cho sách Nội Kinh. Đó là vì không hiểu tôn chỉ của sách Nội Kinh chuyên về nguyên tắc trị liệu mà ra, hà tất phải so đo hơn kém vậy.

(1). Càn (Kiền) Vi Thiên, Đài Vi Trạch, Ly Vi Hỏa, Chấn Vi Lôi.

(2). Âm-Dương thất sở đối với người thì chiếc thọ, đất không gian thì không sáng.



HỌC THUYẾT NỘI-KINH VỚI THỜI ĐẠI TÍNH

Sách Nội Kinh là người xưa tổng hợp Khoa Triết Học ứng-dụng của thời Thượng-Cồ mà diễn-dịch ra, là một loại sách luận thuật về y-học của thời Thượng-Cồ. Điểm xuất phát chánh yếu trên tư-tưởng của người Thượng-Cồ là : Vận dụng năng lực tinh thần, quán thông sự vật cách Khoa-Học, đổi phương-pháp tự thuật (Trần thuật) lại làm phương-pháp diễn-dịch. Tổ-Chất của thuyết Nội Kinh là lấy sự động tĩnh đối lập của âm-dương để thuyết minh, lấy sự tương sanh tương tiêu của ngũ hành làm lý luận, tham hiệp thuyết trời và người hợp làm một, để suy diễn hiện tượng đại tự-nhiên ở hiện thời. Nghĩa là ngó lên xem thiên-văn, cúi xuống xét địa-lý, lấy năm sắc, năm tiếng, năm khí, năm mùi... Để thấu triệt cái lý biến hóa của vạn vật cách cùng tốt, xa thì chứng minh ở các sự vật, gần thì tỷ thí với thân thể con người, để thăm dò trắc nghiệm nguyên nhân phát sanh các tật bệnh, và xác định nguyên tắc trị liệu.

Điểm đáng chú ý nhất, là phương pháp Châm-cứu, qui nạp trên sự Sinh-Trưởng-Thu-Tàng của bốn mùa, làm thông tắc tiến triển cho biện chứng pháp. Cho nên có thể tự làm trứ danh cho một y-gia. Học-thuyết không thuần nhất, là vì có Sách Nội-Kinh không phải do



một tay người viết. Song những lý luận đặc biệt chuyên trường, lại không vì học thuyết phân loạn mà tiêu tan theo. Chúng ta muốn thảo luận về chân giá trị của Sách này, nên dùng cặp mắt triết-học đề cân nhắc nó, nên trí ý trên lý luận, mà không nên trí ý trên phiến đoạn « thuyết minh ứng dụng ». Lấy phương pháp này để nghiên cứu Sách Nội-Kinh, thì không đến đâu phải đứng trước ngã ba đường vậy.

Người sau này, phần đông cho Sách Nội-Kinh đã mất hết thời đại tính, là vì họ không hiểu tông chỉ giảng giải Sách Nội-Kinh. Đối với việc khảo chứng di tích y-học của thời Thượng-Cồ, tất phải dùng cặp mắt lịch-sử thám thảo quá trình học thuật của thời đại ấy, diễn tiến như thế nào. Những thành tích phát minh của người trước, là tài liệu nghiên-cứu cho người sau, để dùng vào việc tham khảo và cải tiến. Học thuyết phần nhiều phải tùy theo thời mà canh cải, ví như : Sự nhận xét về y-học hiện đại : Sinh Lý-Học, Giải-Phẫu-Học, Vật-Lý-Học, Chẩn-Đoán-Học, Bệnh Khuẩn Kiểm Tra Học, Hóa-Học Thí-Nghiệm, Động-Vật Thí-Nghiệm, Huyết-Thanh-Học, Phản-Ứng-Học, Miễn-Dịch-Học... Các thuyết tuy được đương thời sùng bái thành hành. Biết đâu trải qua năm ba ngàn năm về sau, lại cũng trở thành thuyết Ngũ-Hành, Ngũ-Vận, Tư-Thiên, tại tuyến... Cùng chung một số phận như nhau, đều là những món đồ trưng bày trong viện Bác-Vật, để cung ứng cho các nhà khảo cổ, tham quan bằng diếu (1) mà thôi.

Người đời sau xem việc sinh hoạt học thuật của chúng ta hiện nay, cũng như chúng ta xem việc sinh-hoạt học thuật của người xưa. Nếu không rõ được lý này, mà hy-vọng từ trong Sách Nội-Kinh tìm thấy cho kỳ được về Khoa Y-Học cổ-truyền cách chân xác, thì



không phải chỗ sở nguyện của soạn giả vậy.

PHỤ-KÝ; Họ Dương nói : Lý Luận Sách Nội-Kinh cũng như định luật của Kỳ Hà-Học. Hiện thời những hàng trí thức trong giới Đông-Y-Dược Học, lấy lý luận Sách Nội-Kinh làm luận chứng cho sự ứng dụng được biến thông, cũng như nương theo định luật để suy diễn các vấn đề, vấn đề bị suy diễn sai lầm không thể đổ lỗi cho định luật được. Cho nên không thể vì tài liệu ứng dụng biến thông của luận chứng làm cho sự hiểu biết y-học sai lầm, mà cho là lý luận của Sách Nội-Kinh cũng sai lầm theo vậy.

Dã như lấy một chuyện lý luận mà nói : Dem những chỗ hiểu biết về Khoa Giải-Phẫu Hóa-Học Nghiệm hiện thời ra làm tài liệu luận chứng, lập thành một bộ Sách rất có giá trị, cố nhiên là làm tăng vinh dự cho nền quốc học. Song đối với tính chân thật của lý luận vẫn không tăng giảm. Đủ thấy không thể vì sự hiểu biết của thời thượng cò còn hoang sơ, mà nhận là Sách Nội-Kinh lỗi lầm.

(1) Bằng điều : thăm viếng di tích người xưa để lại.



PHÂN TÍCH HỌC THUYẾT SÁCH NỘI-KINH

Đại-khái học thuyết Sách Nội-Kinh chia ra làm năm khởi đoan.

— Một là thuyết Âm Dương xuất phát do sách Châu-Dịch của Nho Gia.

— Hai là thuyết Ngũ-Hành xuất phát do học thuyết của phái Trâu Diễn.

— Ba là thuyết Nhiếp Sanh, thề thủ theo học thuyết Vô-Vi của Đạo-Gia.

— Bốn là thuyết vận khí, nói về trời và người đồng một thể, thề thủ theo thuyết Sám-Vĩ.

— Năm là thuyết Tạng Phủ Kinh Lạc Bình Lý, Châm-cứu, thề thủ trên chỗ sẵn có theo sự tri thức Y-Học của đương thời.

Sách này thề theo năm sự hạng trên đây, làm chủ não cho sự chỉnh lý đề biên đính. Lấy hiện tượng đại tự nhiên ở đương thời làm trắc nghiệm cho khởi nhơn của các tật bệnh. Căn cứ trên hiện tượng Sinh-Trưởng-Thu-Tàng, phối hợp với tác dụng Phù, Trầm, Thăng, Giáng, đề xác định nguyên-tắc trị liệu và tự thuật theo lối Biện chứng pháp. Nay đem nguyên lai của học thuyết phân tách và trần thuật như sau :



A) Người đời xưa nói về Âm Dương không sách nào trước hơn Kinh-Dịch, cho là khí Dương phối hợp đối với trời, khí Âm phối hợp đối với đất. Sách Nội-Kinh nói về Âm Dương rất nhiều, đều suy nguyên từ sách Châu-Dịch mà ra.

B) Thiên Hồng Phạm (1) biện về ngũ-hành, Ông Mặc Tử luận về ngũ-hành sanh khắc. Nhưng đến Ông Trâu Diên thì thuyết này rất thanh hành. Cho là ở nơi trời thì gọi là ngũ-hành (2) ở nơi người gọi là Ngũ-sự (3) Giữa trời và người ứng nhau, hiện ra những điềm tốt, điềm xấu gọi là Ngũ-Trưng (4). Tác giả Sách Nội-Kinh chịu ảnh hưởng của tư tưởng thời đại, bắt chước theo mà lập ra thuyết: NGŨ THANH (5) NGŨ-SẮC (6) NGŨ KHÍ (7) NGŨ VỊ (8) NGŨ LAO (9) NGŨ CHI (10) NGŨ TÀ (11) đều là trộm theo ý nghĩa của Ngũ Hành, mà mở rộng thêm vậy.

C) Sách Nội-Kinh luận về phương pháp Dưỡng Sinh, phần nhiều lược lặt lấy thuyết Vô Vi của Đạo Gia, như: Thiên Thượng Cồ Thiên Chân Luận nói: Trong lòng điềm đạm trống không, chân khí êm thuận, tinh thần gìn giữ ở trong, thì làm sao sanh bệnh hoạn được. Chí khỏe không tham dục, lòng yên không lo ngại, thân hình vận động mà không mệt nhọc, hơi phồi thờ xuống luôn xuôi thuận.

恬澹虛無真氣從之。精神內守。病安從來志閑
而少欲。心安而不懼形勞而不倦。氣從以順

Ngoài mấy điều này ra; luận về phương pháp Nhiếp Sanh của mấy vị CHÂN NHÂN, CHÍ NHÂN, thì đều giống hệt như Chủ Nghĩa Vô Vi của Họ LÃO, Họ TRANG.



D) Thuyết TRỜI NGƯỜI ĐỒNG MỘT THỀ, thật là hết sức hoang đường. Còn Thiên Hồng-Phạm luận Ngũ-Hành, suy rộng ra đến Ngũ-Sự. Sách Lữ Thị XUÂN THU, Sách HOÀI NAM TỬ... các Sách, áp dụng thuyết Ngũ Hành vào việc GIẢNG LUẬN CHÁNH GIÁO, gây nên một việc bất thường trong xã hội hiện thời, thật là tai hại vô cùng. Đến Ông Đồng Trọng Thư thì nói là: người rành luận về việc trời, tất phải lấy việc người làm chứng nghiệm, đấy chính là (lời Đối Sách) (12). Từ đây về sau, thuyết «TRỜI NGƯỜI HỢP NHỨT» ăn sâu vào đầu óc dân chúng, không còn ai dám dị nghị chi nữa.

Sách Nội-Kinh, nhiều chỗ nói: Trời và Người tương ứng lẫn nhau, so sánh với Thuyết của Phái Đồng Trọng Thư, có nhiều chỗ rất tương đương quan hệ. Người đời sau, dung hòa sự tri thức về THIÊN VĂN HỌC còn hoang lậu của đương thời, mới bày đặt ra Thuyết NGŨ VẬN, LỤC KHÍ, TƯ THIÊN, TẠI TUYỀN, đề phụ hội vào. Khiến cho Sách Nội Kinh từ Thiên: THIÊN NGUYÊN KÝ và các Thiên về sau, cơ hồ trở thành những Thiên KHÍ TƯỢNG HỌC vậy.

Đ) Tác Giả Sách Nội Kinh, thề thủ sự tri thức về Y-Học lúc vừa mới chớm nở của đương thời, và tham với phương pháp CHÂM-CỨU, cần phải tìm luận chứng cho việc kiến thiết lý luận, nên phải dả tá trên lý thuyết: ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH, TƯƠNG SANH, TƯƠNG TIÊU, và sự SINH, TRƯỞNG, THU, TÀNG của bốn mùa. Sự tri thức Y-Học của thời Thượng Cồ dẫu có sai mậu, là vì hoàn cảnh sử nhiên.

(1) HỒNG PHẠM là: tên một Thiên trong Sách Thương Thư.



- (2) NGŨ HÀNH là : KIM, MỘC, THỦY, HỎA THÒ.
- (3) NGŨ SỰ là : MẠO, NGÔN, THỊ, THÍNH, TƯ.
- (4) NGŨ TRUNG là : Những trăm triệu có thể trở thành sự thực.
- (5) NGŨ THANH là Ngũ âm : CUNG, THƯƠNG, DÁC, CHỦY, VŨ.
- (6) Ngũ Sắc là năm màu : XANH, VÀNG, ĐỎ, TRẮNG, và ĐEN.
- (7) Ngũ Khí là : khí hậu của năm phương : ẤM, NÓNG, MÁT, LẠNH, và HÒA HOÃN.
- (8) NGŨ VỊ là năm mùi : NGỌT, CHUA, ĐẰNG, CAY, MẶN.
- (9) NGŨ LAO là năm chứng Lao phát sanh trong năm tạng : TÂM, GAN, THẬN, TỖ, PHẾ.
- (10) NGŨ CHÍ là chí của năm tạng : Tâm chí Hỷ ; can chí Nộ ; Tỳ chí Ưu ; Phế chí Lự ; Thận chí Khủng.
- (11) NGŨ TÀ là : CHÁNH TÀ, TẶC TÀ, THỰC TÀ, HƯ TÀ, và VI TÀ.
- (12) ĐỐI SÁCH là hạch miệng : Ngày xưa khảo thí, thì Quan Trường viết câu hỏi vào thẻ tre, bắt người ứng thí phải trả lời.



ƯU ĐIỂM CỦA HỌC THUYẾT SÁCH NỘI-KINH MÀ NGƯỜI SAU ỨNG DỤNG

Học Thuyết Sách NỘI KINH rất uyên bác, văn khí Sách NỘI KINH rất dẫn dỏi, các Y-Gia đời sau, lược lặt được một mớ, một nắm, cũng có thể nài danh là một Vị Minh Y. Trong ấy còn rất nhiều chỗ tinh thuần đích đáng, đáng làm khuôn vàng thước ngọc cho người đời sau theo đòi học hỏi, đề phát huy Nhơn Thuật; mà trái lại, những chỗ sai lầm sơ hốt cũng không phải ít. Cho nên có người quý trọng, mà cũng có người phản đối. Bởi vậy, thấy TRÍ, thấy nhân là tùy theo chỗ thấy của mọi người, song chân thực tính của Sách NỘI KINH không vì chỗ thấy sai biệt của người đời sau mà thay đổi.

Tật bệnh là do cơ năng trong thân thể con người biến hóa phát sinh chương ngại mà gây ra. Tây-Y thì chú trọng tìm hiểu bệnh hoạn bằng cách GIẢI PHẪU, hoặc chứng minh trên sự KIỂM TRA THÍ NGHIỆM. Còn Đông-Y thì chú trọng vào điểm KHÍ HÓA trong thân thể con người thất điều, mà không chú trọng về hình trạng thực chất, và biến tính sau khi bệnh. Nên cho là nhứt thiết bệnh chứng đều do «KHÍ HÓA THẤT ĐIỀU» mà gây ra, điều hòa Khí Hóa trở lại bình thường, thì những khuyết điểm trên thực chất tức thì khôi phục theo tay.

Chuyên lý luận về cơ năng, mà không bàn đến thực chất, là điểm rất đặc sắc của Đông-Y. Bởi đây là định pháp trị liệu, mà cũng là ý nghĩa chí lý của Sách NỘI KINH đề lại, truyền dạy muôn đời, bất di bất dịch. Bất luận Bệnh NỘI THƯƠNG, Bệnh NGOẠI CẢM, Bệnh TRUYỀN NHIỄM CẤP TÍNH..... đối với phương pháp Trị-Liệu của Đông Y, là đều chú trọng trên điểm kiểu chánh biến thái của Sinh Lý. BIẾN THÁI LUI, SINH LÝ KHÔI PHỤC, THÌ BỆNH CHỨNG TỨC KHẮC GIẢI TRỪ !

Sách NỘI KINH nói : Gìn giữ sức khỏe đầy đủ ở trong người, thì Bệnh độc không thể xâm phạm (正氣内存邪不能干) Chánh khí là : chỉ có hiện tượng của cơ năng sinh lý được chánh thường. Tức là : công năng của các bộ phận như : Bộ TIÊU HÓA, BÀI TIẾT, THẦN KINH, TUẦN HOÀN, HÔ HẤP, VẬN ĐỘNG... đều giữ đúng theo chức phận của nó, mà không một mảy may nào bị chướng ngại.

Sau đây thử trích lấy một vài đoạn, đề chứng minh chỗ Ưu Điểm của Đông Y Dược Học hiện nay đang sử dụng, mà từ xưa Sách NỘI KINH đã chỉ thị cách rất rõ ràng, như : dùng khoa Châm Cứu để chữa bệnh, là một phương pháp trị liệu rất đơn giản và hiệu nghiệm, mà Khoa Sinh Lý Giải Phẫu Học cũng chưa có cách nào tìm ra chỗ uẩn áo của nó.

Chí như việc, lấy GAN bỏ GAN lấy PHỔI bỏ PHỔI, thì từ xưa Đông Y đã dùng qua, và cho là quá ư cũ kỹ, mà Khoa Học hiện thời, sau khi được chứng minh về PHƯƠNG PHÁP TẠNG KHÍ TRỊ LIỆU, lại cho làm thần kỳ.



Phương pháp Trị Liệu của Đông Y, căn cứ theo Sách Nội-Kinh đã trải qua mấy ngàn năm, những số người chết được cứu sống, sắp lâm nguy được trở ra an toàn, không thề kè xiết. Thế mà có một số người không tin Đông Y, phản đối Đông Y, là có lẽ vì họ thấy luận thuyết tạng phủ của Đông Y còn hoang sơ, mà cả những điểm tinh thuần cũng muốn vất bỏ luôn là lầm to.



【第882圖】針灸醫師與世界，美國電影明星威廉荷頓 William Holden 先生，曾請梁覺民氏，Lung Kok Yuen 用針灸治癒其疾也。

Y Thuật châm cứu nổi danh cả thế giới, nhà mình tình diện ảnh là Ông Uy Liêm Hà Đốn (William Holden) đến HongKong nhờ Ông Lương Giác Huyền dùng phương pháp châm cứu trị bệnh.

HỌC-THUYẾT HOÀNG-ĐẾ NỘI-KINH CHÍNH LÀ BIỆN CHỨNG PHÁP

Hoàng-Đế Nội-Kinh là loại sách lý luận Đông-Y-Dược Học của thời Thương-Cồ, ra đời sớm nhất thế giới. Đặc điểm của sách này là lấy Âm Dương Bốn Mùa làm đối tượng, đề thuyết minh Sinh-Lý Bệnh Lý, chỉ thị cách bảo dưỡng mạng sống, giúp cho con người lâu già, và khởi nhân gây ra các loại tật bệnh, tìm hiểu tật bệnh... Chú trọng tinh thuần về nguyên-tắc trị liệu, mà không đề cập đến phương-pháp trị liệu. Thế nên muốn tìm hiểu chân lý của Đông-Y-Dược, trước tiên phải từ nguyên tắc học, dẫn đến phương-pháp học, nghĩa là học lý-thuyết trước, học thực hành sau, chuyên khoa thực hành phải hướng theo tiêu chuẩn lý-thuyết mà tuần tự học tập, thì sở học mới có hệ thống nhất trí, và mới hy-vọng thấu triệt phần nào chân lý của Đông-Y-Dược.

Người ta gán cho Đông-Y-Dược là một môn học gia-truyền không có văn-hóa học thuật gì ráo, một khi trường Đông-Y-Học Hiệu được thành lập, thì giới Đông-Y cũng bất quá đem những môn thuốc gia-truyền kia, truyền thọ lại cho người khác mà thôi. — Nói thế, là vì họ chưa thấu triệt được Đông-Y, hoặc không muốn tìm hiểu Đông-Y theo thực tế. Nhưng cả thế-giới thì không nghĩ thế, các nước văn-minh tốt bậc như Mỹ, Anh, Pháp, Đức... Văn tin



tưởng và theo học Đông-Y. Nhà y Sứ-Học nước Mỹ là Ông Lâm-Đỗ (Jacob W. Lindau) phiên-dịch Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh Tố-Vấn. Y-Gia nước Mỹ là Ông Hứa Mễ (Hume) trước tác quyền Trung-Quốc Y-Học Chi-Đạo (The Chineseway in Medecine). Y-Học Bác-Sĩ nước Anh là Ông Sừ-Đát Phồ (Malcolm Henry Stemp) đến Trung-Quốc học tập Châm-Cứu với Ông Ngô-Huệ-Bình. Các nhà Y-Học ở Pháp ở Đức theo học Đông-Y, nhưt là Khoa Châm-Cứu khá đông, và được phép dùng khoa này chữa trị cho người bần sứ, đề bổ cứu chỗ vị bị của Tây-Y.

Vậy thử đề ra sau đây một vài đoạn khảo luận về Sách Hoàng-Đế-Nội-Kinh, xem ngành Đông-Y-Dược có phải là một môn học gia-truyền? hay là nó đã có sẵn một nền Học-Thuật Văn-Hóa trên năm ngàn năm, có giá trị rất thiết thực và quý báu, cần được phát huy sâu rộng.

Ông Dương-Tắc-Dân nói: bất luận một loại học thuyết nào thành lập, tất nhiên phải nhờ có sẵn tư tưởng và phương pháp nhưt quán, thì mới có thể tổ-chức hoàn bị cho học thuyết, ấy là công lệ nhưt định. Cho nên có phương pháp «Chánh Danh» mà sau mới có Thuyết Luận Lý Triết-Học của Đức Khổng Phu-Tử. Có phương pháp «Vô Danh» mà sau mới có Chủ-Nghĩa Vô-Vi của Đức Lão-Tử. Có «Tam Biểu Pháp» (1) mà sau mới có Thuyết Triết-Học của Ông Mặc Tử. Có «Đốn Ngộ Pháp» mà sau mới có Thuyết Minh Lý Học của Thời Nhà Tống. Chí như Chủ-Nghĩa Thực-Nghiệm của Ông Đồ-Uy (dịch-âm) là nhờ Khoa Thực-Nghiệm Luận Lý Học mà thành tựu. Thuyết Sanh Mạng Triết Học của Ông Bá Cách Sanh (dịch âm) là do «Trực-giác» mà thành-tựu. Do phương pháp «Cơ-giới Luận» mà



thành lập Tự-Nhiên Khoa-Học. Có thuyết «Duy Vật Luận» của Biện chứng pháp, mà sau mới có Thuyết Xã-Hội Khoa-Học làm cho phong my cả thế giới.

Cho nên nhà Triết Học nước Anh là Ông La-Tổ (dịch-âm) nói: «tất cả học thuyết của các Triết Học-gia, trải qua sự phân tích chọn lọc, chỉ còn lại có vấn-đề Luận Lý Học mà thôi».

Sách Hoàng-Đế-Nội-Kinh là lời nói của một Y-Gia, là Kinh Điển của Đông-Y-Dược, sự hoàn thành sách này, với tư tưởng nhứt quán, và phương pháp đặc biệt. Nếu có người hỏi: Tư tưởng nhứt quán và phương pháp đặc biệt ở chỗ nào? Tôi xin trả lời cách quả quyết rằng: «Biện Chứng Pháp». Đây là Biện Chứng Pháp của Sách Hoàng-Đế-Nội-Kinh, chứ không phải Biện Chứng Pháp của cận-đại, làm cho phong my cả thế giới. Nguyên-văn của Sách Hoàng-Đế-Nội-Kinh đã chứng minh cho câu trả lời của tôi trên đây.

Biện chứng-Pháp, cũng có thể gọi là «Hồ Biện Luận», vì tư-tưởng tiến bộ của nhơn loại, đến một thời kỳ tương đương thì tất nhiên phải phát hiện, là việc rất thường. Phàm quan sát hiện tượng tự nhiên, mà không chấp trước thành kiến, thì ai cũng có thể xét biết được. Cho nên Ông Ngang-Khắc-Nhi (dịch-âm) nói: «Tự nhiên là minh chứng của Biện Chứng Pháp», đương khi nhơn loại biết được thế nào là Biện Chứng Pháp, thì trên tư-tưởng đã là Biện Chứng Pháp rồi, Như: Dịch Lý-Học của Nho-Gia; Lão-Tử, Trang-Tử của Đạo-Gia, trên căn bản tư-tưởng của mấy Ông ấy, đều là Biện-Chứng Pháp, xem sách Cồ-Đại Nghiên-Cứu của Ông Quách-Mạc-Nhược, bản dịch Trung-Quốc Triết Học Khái Luận của Ông Lưu Khả Nguơn, và bản dịch Hiện-Đại Thế-Giới Quan của Lý-Đạt.



Nội-Dung Biện-Chứng-Pháp của Sách Nội-Kinh nên chia ra làm ba giai-đoạn như sau :

1. — Tất cả hiện tượng của giới tự nhiên đều tiến triển không ngừng, cho nên tất cả sự vật trong vũ trụ, đều phải trải qua những quá trình: Sinh-Trưởng, Phát-triển và Hủy-Diệt. Biện-Chứng Pháp thì chủ trương ở trên động thể của quá trình ấy, mà quan sát sự vật.

2. — Tất cả sự thành nhân của động thể, là do vật tương đối ở bên trong thúc đẩy, mà bên ngoài bị thúc đẩy theo. Cho nên có lên, có xuống, có bằng phẳng, có chênh lệch, có thành tựu, có hủy diệt, có tiêu, có trưởng, là do ở một mặt phản, một mặt chánh, tương đối nhau mà sanh biến hóa. Biến hóa tức là tiến triển vậy. Biện Chứng Pháp thì chú trọng trên sự tiến triển của sự vật, để thâm định sự mâu thuẫn ở bên trong sự vật.

3. — Tất cả sự vật hoàn toàn liên quan lẫn nhau, như sự hoạt-động của điện ảnh, nên quan sát toàn thể, mà không thể chia cắt ra từng miếng, từng đoạn. Nếu chia cắt ra từng miếng, từng đoạn, thì trở thành tử thái, mà không còn là động thái nữa. Bởi thế Biện Chứng Pháp chủ trương, tất cả sự vật đều phải quan sát trên toàn thể.

Trên đây là phương thức của Biện-Chứng Pháp. Mặc dầu thời đại bất đồng, người đời Thượng-Cồ và người hiện tại, cách quan sát giới tự-nhiên, hoặc tinh tường, hoặc sơ lược, có sai biệt nhau. Vì vậy, mà nội-dung của Biện-Chứng-Pháp có siển, có thâm, đó là tùy theo sự tiến triển của thời đại mà tiến triển. Không nên cố kỵ mà không dám nói cách thẳng thắn rằng : Biện-Chứng-Pháp của sách Hoàng-Đế Nội-Kinh không được tinh mật bằng hiện đại. Song cũng là Biện-Chứng Pháp, không có gì phải nghi ngờ.



Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh có những bộ phận luận về Âm, Dương, Ngũ-Hành, có người lời ra phỉ báng cách bướng bỉnh, là vì họ không biết đấy chính là điểm quan sát của Biện-Chứng-Pháp. Âm Dương là tượng trưng cho việc đối lập của sự vật, sự vật đối lập thì tự phát khởi mâu thuẫn, mà sanh biến hóa, ở trong thân thể con người cũng thế. Khí Âm hòa bình, Khí Dương bí tàng, thì tinh thần yên ổn. (Âm bình Dương bí tinh thần nãi trị). Nếu khí Âm khí Dương xung đột nhau, thì sanh ra tật bệnh (Nhược Âm Dương quai lệ, tất tật bệnh nãi khởi). Sách Nội-Kinh luận về Thuyết Đối Lập như : Bồ Tả, Cương-Nhu, Biều-Lý, Hàn-Nhiệt, Ôn-Thanh, Hư-Thực. Thanh-Suy, Tả-Chánh, Tồn Ích, Tam-Âm, Tam-Dương... không thể kể xiết, nhứt thiết đều lấy hai Khí Âm và Dương đề thuyết minh sự đối lập và mâu thuẫn lẫn nhau. Cho nên Thiên Âm Dương Ứng Tượng Đại Luân nói : Âm thắng thì Dương bệnh, Dương thắng thì Âm bệnh. Âm thắng thì bệnh lạnh, Dương thắng thì bệnh nóng. Trùng hàn thì biến nhiệt, trùng nhiệt thì biến hàn.

Song sự biến hóa của sinh lý. trong thân thể con người vô cùng vô tận. Tác giả Sách Nội-Kinh nhận thấy chỉ lấy hai khí Âm và Dương làm tượng trưng, thì không đủ sức lột hết cái lý biến hóa của nó cách rất ráo, nên mới dẫn chứng thuyết Tương Sanh, Tương Tiêu của Ngũ-Hành đề thuyết minh cho rõ ràng hơn.

Bởi vì tất cả quá trình tiến triển ngoài giới tự nhiên, đều không ngoài sự Sinh Trưởng, Phát triển và Hủy-Diệt. Cho nên nói : Bốn Mùa, Âm, Dương ấy là căn bản của môn vật (tứ thời âm dương giả vạn vật chi bản). Tượng trưng cho sự Sinh, Trưởng, Thu. Tàn của bốn mùa, là qui tắc thông thường giúp cho Biện-Chứng-pháp được



tiến triển, như : Khoa Sinh Lý Học thì chia làm Thai Sanh, Ấu-Niên, Thành-Niên và Lão-Niên bốn thời kỳ. Khoa bệnh Lý Học thì chia làm Tiềm Phục, Tiền Khu, Tiến Hành và Khôi Phục bốn thời kỳ, là đều nương theo ý nghĩa của bốn mùa vậy.

Vả lại sách Nội-Kinh nói : Quá sức lạnh thì trở lại nóng, quá sức nóng thì lại lạnh ; bệnh trùng âm tất biến dương, bệnh trùng dương tất biến âm. Phong khí thắng thì bệnh động, nhiệt khí thắng thì bệnh thũng, Táo khí thắng thì bệnh khô. Hàn khí thắng thì bệnh phù, (hàn cực sanh nhiệt, nhiệt cực sanh hàn, trùng âm tất dương, trùng dương tất âm ; phong thắng tắc động, nhiệt cực tắc thũng, táo thắng tắc can, hàn thắng tắc phù). Vì nhận các nguyên nhân gây ra tật bệnh, là do vật đối lập bên trong thân thể con người bị chênh lệch. Nếu biết ức chế, khiến cho vật thiên thắng kia trở lại bình thường, khí âm khí dương điều hòa lẫn nhau, thì không cần đến thuốc men, bệnh cũng tự khỏi.

Vì vậy mà phát minh ra lý luận Điều-Tiết. Cho nên nói : Người khéo sử dụng phép Châm, thì Châm ở phần âm, dần thân bệnh ở phần dương, Châm ở phần Dương, dần thân bệnh ở phần Âm. Châm bên phải, chữa khỏi bệnh bên trái. Châm bên trái chữa khỏi bệnh bên phải. (Thiệt dụng chân giả, tòng âm dần dương, tòng dương dần âm. Dĩ hữu trị tả, dĩ tả trị hữu). Lấy một phép Châm, để quan sát cũng thấy được, do nơi lý thái quá, bất cập mà sanh ra bệnh.

Cho thấy luận thuyết Điều Tiết, là điểm đặc sắc của Sách Nội Kinh. Song Biện Chứng Pháp thì lấy sự phát-Triển, Tiến-Triển làm chủ đích, mà trái lại Sách Nội-Kinh thì lấy Điều Tiết làm lập luận,



đấy chính là điểm chuyển biến của Biện Chứng Pháp. Cho nên toàn Bộ Sách Nội-Kinh đối với Biện Chứng Pháp đương thanh hành ở đời gần đây không giống hâu, chính là điểm này, mà chỗ cần phải nghiên cứu Sách Nội Kinh, cũng ở điểm này, và chỗ sáng tạo ra một luận lý độc đáo của Sách Nội-Kinh lại cũng ở điểm này vậy.

(1) TAM BIỂU PHÁP tức là: BỒN, NGUYÊN và DỤNG. Ông Mặc Tử lấy ba PHÉP này làm phiếu chuẩn cho việc ngôn luận. Thiên Mặc tử Phi Mạng Thượng, có câu: Cố ngôn tất hữu Tam Biểu (cho nên ngôn luận tất phải căn cứ trên Tam Biểu)

Hà vị TAM BIỂU? (Thế nào gọi là TAM BIỂU?)

Tử Mặc Tử Viết: Hữu BỒN chi giả, hữu NGUYÊN chi giả, hữu DỤNG chi giả. (Thầy ta là Thầy Mặc Tử nói: Lời nói có GỐC, lời nói có NGUỒN, lời nói hữu DỤNG.



SÁCH NỘI-KINH CÓ PHẢI LÀ HUYỀN-HỌC CHĂNG ?

Họ Dương nói : Người đời sau, phê phán Sách-Nội-Kinh. Cho sự lập ngôn của Sách Nội-Kinh như vậy là Huyền-Học, phương-pháp tư-tưởng của Sách Nội-Kinh như vậy là phương-pháp Huyền-Học, là lắm to.

Ông Tác-Khắc-Tư (dịch âm) người Mỹ nói : Phương-pháp tư-tưởng của Hình nhi thượng học (Huyền-Học) thì xem tất cả sự động tác của mỗi sự kiện, đều riêng biệt từ cái một, không cái nào liên-hệ với cái nào. Và chia cắt hiện tượng chung quanh ra từng đơn thê. Nghĩa là Huyền-Học thì không chú-ý đến lực-lượng và tình thế của cảnh giới bên ngoài, mà chủ-trương bất cứ một sự kiện nào : «Không ở bên này, thì ở bên kia, không tốt thì xấu». Mỗi việc hành vi «không đúng thì sai». (Bồn dịch Khoa học Đích nguyên-ly của Ông Bành Nhuế-Sanh).

Thử hỏi tư-tưởng Sách Nội-Kinh của Đông-Y, có phải như lời tự thuật của Ông Tác-Khắc-tư trên đây chăng ?

Sách Nội-Kinh luận biến chứng của các bệnh chứng : Ngoài thì bốn mùa sáu khí, trong thì Tạng, phủ bảy tình..... đều biện minh cách bao quát, quan niệm trên phương diện toàn thê liên-hệ lẫn



nhau, đề quan sát các tật bệnh. Không giống như Tây-Y chỉ chú trọng riêng biệt từng cuộc bộ của bệnh sở, quan sát bệnh chứng từ đơn thể. Cho nên sự chẩn trị tật bệnh của Đông-Y, luôn luôn chú trọng tất cả trạng chứng khắp trong thân thể. Dầu dùng thuốc chữa trị ở một bộ phận, cũng xem chừng trạng chứng của toàn thân, đã tiến triển đến mức độ nào ? tạm thời hay thường xuyên.

Chí như chứng DươngThũng. Sang tiết (ghê chóc u nhọt) phát hiện ở từng cuộn bộ, Đông-Y cũng căn cứ trên từng cuộc bộ đề xem xét bệnh chứng ở toàn thân cách cẩn thận, đồng thời dùng phương pháp trị liệu toàn thân mà chữa trị. Thế nên dùng phương pháp Nội Khoa, chữa trị các chứng Ngoại Khoa mà vẫn được kiến hiệu.

Cách trị liệu của Tây Y thì không phải thế, các bệnh chứng cuộc bộ phát hiện cách rõ ràng, thì không cần phải nói, chỉ nói những bệnh chứng toàn thân, mặc dầu phát tác cách nguy kịch, cũng không cần đếm xỉa đến, tất phải chờ thăm dò cho được bệnh sở, rồi mới dùng thuốc chữa trị, giống như cách trị cuộc bộ. Như thế, là tại sao vậy ?

Cứ như Ông Tác Khắc Tư đã nói : « Mỗi vật mỗi cá thể không liên hệ nhau, phân ly hiện tượng chung quanh ra từ đơn thể một » Dã sử, lời nói của Ông Tác Khắc Tư đáng tin cậy, thì phương pháp tư tưởng của Huyền Học, gần giống với Tây Y hơn là Đông Y. Bởi tác giả Sách NỘI KINH, không dùng phương pháp chia tách từng phần, từng đoạn đề quan sát thân thể con người, và chẩn trị tật bệnh, mà quan sát trên sự hồ tương liên hệ của toàn thể.



Thế thì đủ thấy phương pháp tư tưởng của Sách NỘI KINH chính là quan sát sự vật trên « BIỆN CHỨNG PHÁP ». Không nên gán cho Sách NỘI KINH mang nặng tính chất « Huyền Học » vậy.

KẾT - LUẬN

Sách LINH KHU và Sách TỔ VẤN đều là loại Y—THU của thời Thượng cổ. Nhưng Sách LINH KHU thì luận về Giải Phẫu Học và Châm Cứu Học, còn Sách TỔ VẤN thì luận về Sinh Lý Học, Bệnh Lý Học, và Chẩn Đoán Học. Người đời sau nhập chung hai sách này lại làm một, gọi là : HOÀNG ĐẾ NỘI KINH. Là loại Tùng Thư chuyên dùng thuyết : ÂM DƯƠNG, NGŨ HÀNH, NGŨ VẬN, LỤC KHÍ, TIÊU, TRƯỞNG, DOANH, HU, dĩ chỉ Tinh Thần Vệ Sinh (1), Tạng, Phủ, Kinh, Lạc, Tam Bộ, Cửu Hậu...đề biện thuật khoa Y Học đương thời. Dã tá hiện tượng đại tự nhiên đề suy cứu nguyên nhân phát sanh của các tật bệnh, và lấy sự biến hóa của sáu khí (2, làm phương pháp trắc nghiệm khí hậu, Vì vậy, mới này sanh ra các Thuyết : NGŨ VẬN, LỤC KHÍ, TỬ THIÊN, TÀI TUYỀN.

Sách NỘI KINH chú trọng trên nguyên tắc trị liệu. Cho nên xác nhận khí hậu : THĂNG, GIÁNG, PHỦ, TRÂM, HẠN, NHIỆT, ÔN, LƯƠNG của bốn mùa, là một tiêu chuẩn giúp cho sự nghiên cứu rất có giá trị đối với NGUYÊN TẮC TRỊ LIỆU. Cửa cánh thì lấy công dụng Điều Tiết(3) làm căn bản, và tự thuật theo tư tưởng của « Biện chứng Pháp ». Cho nên không thích hợp dùng hình thức cơ giới làm phương pháp nghiên cứu và phê bình. Muốn nghiên cứu



và phê bình. Muốn nghiên cứu nội dung sách này (NỘI KINH), nên chia ra làm ba loại như sau :

1) Phải xem lời « KHẦU KHUYẾT TƯƠNG TRUYỀN » của thời Thượng cổ, giọng văn mang máng như vận văn, phân làm 1 loại.

2) Người Đời Tần, Đời Hán, tự lấy thành kiến bổ sung vào Kinh Văn, phân làm một loại.

3) Người Đời Đường, Đời Tống, lấy thành kiến và viển vào Kinh Văn, phân làm một loại.

Phải phân tách ra từng khoản, từng loại, nghiên cứu cách tình tường, thì thấy được tính chân thực của nội dung Sách NỘI KINH. Căn cứ trên văn pháp mà suy gẫm, thì thấy được văn nào ở thời nào. Mới tránh được cái nạn : nhiều thuyết lằng xằng, khiến cho kẻ đọc điên đầu loạn óc.

1) VỆ SINH VẬT CHẤT, chú trọng về sự sạch sẽ bên ngoài. VỆ SINH TÌNH THẦN, chú trọng ở điểm sạch sẽ bên trong, đại-khái như : Tồn tâm dưỡng tính, đào dưỡng tinh thần, ăn uống thanh đạm, không lo tính quá phận, ít tham dục... Vệ Sinh Vật Chất, ngừa bệnh từ ngoài nhiễm vào ; Vệ Sinh tinh thần, chẳng ngừa được bệnh độc từ ngoài truyền nhiễm vào, mà còn tránh được các ác chứng từ trong phát sanh.

2) Lục Khí : Khí Phong, Khí Hàn, Khí Thấp, Khí Thử, Khí Táo, và Khí Hỏa.

3) Điều Tiết : giúp cho các quan năng trong thân thể được điều hòa, sinh hoạt đúng theo mức độ bình thường.



**HOÀNG ĐẾ NỘI KINH
ĐÔNG Y DƯỢC LUẬN THUYẾT**

THIÊN SAU, LỜI BỔN LNẬN
KIỂM THẢO CHÂN GIÁ TRỊ SÁCH NỘI KINH

*THỜI DẬT NHƠN BIÊN SOẠN
NGUYỄN ĐỒNG DI ĐÔNG Y SĨ DỊCH THUẬT*



CHƯƠNG THỨ I

攝 生

NHIẾP SANH

(cách giữ gìn mạng sống)

Từ đây về sau mười chương là nguyên văn

Sách HOÀNG ĐẾ NỘI KINH

原文：上古之人。春秋皆度百歲。而動作不衰。今時之人。年半百而動作皆衰者。時世異耶。

答云：上古之人。飲食有節。起居有常。不妄作勞。故能形與神俱。而盡終其天年。度百歲而去（指身體各部衰老之自然死。與病死不同）今時之人不然也。以酒為漿。以妄為常。以醉入房。以欲竭其精。以耗散其真。不知持滿。不時神御。務快其心。逆生於樂。起居無節。故半百而衰也。（上古天真論）

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN：Thượng cồ chi nhơn, xuân thu giai độ bách tuế, nhi động tác bất suy; kim thời chi nhơn, niên bán bách nhi động tác giai suy giả. Thời Thế dị da?

Đáp Văn：Thượng cồ chi nhơn, ẩm thực hữu tiết, khởi cư hữu thường, bất vọng tác lao, cố năng hình dữ thần câu, nhi tận chung kỳ thiên niên, độ bách tuế nhi khứ. (chỉ thân thể các bộ suy



lão chi tự nhiên tử, dữ bệnh tử bất đồng.) Kim thời chi nhơn bất nhiên giả. Dĩ tữ vi tương, dĩ vạc vi thường, dĩ túy nhập phòng, dĩ dục kiệt kỳ tinh, dĩ hao tán kỳ chân, bất tri tri mẫn, bất thời ngự thần, vụ khoái kỳ tâm, nghịch sanh ư lạc, khởi cư vô tiết. Cố bán bách nhi suy giả. (Thượng Cồ Thiên Chân Luận)

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Người đời Thượng cồ, đều sống đến cả trăm tuổi là mức thường, mà hoạt động không suy giảm; người đời nay tuổi vừa nửa trăm, mà hoạt động đã suy giảm. Có phải chăng, đó là do thời thế xưa và nay khác nhau vậy vạy ?

Đáp rằng: Người đời Thượng cồ, ăn uống có chừng đời, thức ngủ có giờ giấc, không phí sức bậy bạ. Cho nên thể chất cũng như tinh thần đều được cấu toàn, mà trọn hưởng tuổi trời, sống đúng với mức trăm tuổi mới chết. (chỉ cho thấy, thân thể và các bộ phận, do già yếu, tự nhiên suy nhược mà chết, chứ không chết vì bệnh tật) Người đời nay thì, không Phải thế. Lấy rượu làm nước uống, lấy quấy làm thường, ăn uống no say thì chui vào buồn kín, vì dâm dục làm khô kiệt tinh dịch, hao tán chân khí; không biết cách bảo trì cho sức khỏe được đầy đủ, không biết theo thời ngự trị tinh thần, chuyên theo việc khoái chí vui lòng, vui chơi nghịch với lẽ sống, ăn uống thức ngủ không chừng mực. Cho nên tuổi thọ vừa mới năm mươi mà sức khỏe đã hao mòn vậy. (Thượng Cồ Thiên Chân Luận)

經義：飲食有節。起居有時爲身體
上攝生之定律。不妄作勞即毋勞爾形毋
搖爾精爲精神上攝生之定律

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Âm thực hữu tiết, khởi cư hữu thời, vi thân thể thượng NHIỆP SANH chi định luật. Bất vọng tác lao, (tức vô lao nhĩ hình, vô dao nhĩ tinh.) vi tinh thần thượng NHIỆP SANH chi định luật.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA : Câu ăn uống có chừng mực, thức ngủ có giờ giấc, là định luật của sự bảo dưỡng sức khỏe cho thân thể; câu «bất vọng tác lao,» tức là ý nghĩa của câu: «vô lao nhĩ hình, vô dao nhĩ tinh» (đừng để cho thân xác anh quá nhọc nhằn, đừng để cho tinh khí anh thường dao động) là định luật của sự giữ gìn sức khỏe cho tinh thần.

GIẢNG GIẢI : Câu, «kim thể chi nhơn, bất tri tri mǎn, bất thời ngựt hần» là nói : tinh thần tư tưởng của con người đời nay, phần nhiều dùng không đúng chỗ, bất cứ giờ phút nào, cũng hoạt động cho sự mơ ước không chánh đáng. Nhứt thiết, TIẾNG TỐT, SẮC ĐẸP, TIỀN BẠC, LỢI DANH đều là công cụ thích chí vui lòng, dục vọng không bờ bến, đam mê không giới hạn,. Vì đam mê theo thị dục, ham sống, vui sống mà không hay chính mình đi ngược lại với lẽ sống. Hèn chi Ông Mạch Tử nói : Chết ở trong cảnh an vui (tử ư an lạc) rất đúng vậy.

Lại còn, lấy rượu làm nước uống, lấy quấy làm phải, đắm đuối trong cảnh tửu sắc, khô kiệt tinh dịch, hao tán chân nguyên. Thế mà muốn sống đến cả trăm tuổi, thì làm sao sống nổi.

Phần nhiều con người, chỉ có hy vọng cho tương lai, và hồi tưởng lại những việc quá khứ, mà ít ai lưu ý đến hiện tại, phó mặc cho ngày giờ trôi qua, thật rất đáng tiếc ! Nếu biết lưu ý đến hiện



tại, quý báu ngày giờ, thì có thể trở nên bậc vĩ nhân, hoặc nhà sáng tạo. Thảng nhưt : Không quá khứ, không vị lai, và cũng không hiện tại, phù hợp với tông chỉ của nhà Phật, thì con người sống đến trăm tuổi, cũng không khó gì.

原文：上古聖人之教下也。皆謂之虛邪賊風。避之有時。恬澹虛無。真氣從之。精神內守。病安從來。

DỊCH ÂM HƯNGUYÊN VĂN : Thượng cồ Thánh nhân chi giáo hạ giả. Giai vị chi hư tà tặc phong, tỵ chi hữu thời, điềm đạm hư vô, chân khí tông chi, tinh thần nội thủ, bệnh an tông lai.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Đời Thượng cồ Ông Thánh nhưn dạy bảo những người thấp thỏi hơn mình vậy. Đều gọi là hư tà (1) tặc phong (2), phải tùy theo thời mà tránh né ; trong lòng điềm đạm trống không, chân khí êm thuận, tinh thần giữ gìn ở trong, thì bệnh độc làm sao xâm nhập được.

1) Hư Tà : chữ hư có nghĩa là không thực, một thứ bệnh độc nhìn không thấy được thực thể, lẫn lộn theo gió.

2) Tặc phong : có nghĩa là gió giặc, thứ gió mang theo bệnh độc làm hại người, nguy hiểm không thua gì giặc cướp.

經義：注重在精神充足。而不外散。

身體維持自然之生活力。即無受病之機會。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Chú trọng tại tinh thần sung túc, nhi bất ngoại tán, thân thể duy trì tự nhiên chi sinh hoạt lực, tức vô thọ bệnh chi cơ hội.



DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA : Chú trọng tinh thần vẫn được đầy đủ ở bên trong, mà không bị ngoại cảnh phân tán; tiềm lực sinh hoạt tự nhiên ở trong thân thể, lúc nào cũng được duy trì trên mức bình thường, tức không cơ hội tiếp nạp bệnh độc.

GIẢNG GIẢI : Dân Quốc năm thứ 26, lúc giặc Nhật Bồn xâm nhập Đất Tấn, tinh thần tôi quá ư uất ức phiền muộn, bị kích thích cách cực độ, rồi tiếp theo phát bệnh đến một mức độ tương đương nghiêm trọng. Có phải chăng, vì chẳng biết tồn tâm theo phương pháp; tinh thần nội thủ, điềm đạm hư vô, hệ lụy theo cảnh vật bên ngoài, mà ra nông nổi? Nếu thẳng nhiên, như chim bay ngoài trời rộng, cá lội giữa biển khơi, tinh thần yên tĩnh, chân khí sung doanh mà lại ăn uống có tiết độ, tránh né gió độc, thực hành đúng theo lời dạy của Ông Thánh như trên đây, thì đâu đến đời phải bệnh.

Chữ « điềm » nghĩa là : trong lòng không bận rộn. Chữ « đạm » nghĩa là : không đua chen theo cảnh vật bên ngoài. Chữ « hư vô » nghĩa là : không lo nghĩ buồn phiền, lãnh tịnh cách cực độ, gần như tự nhiên. Tinh khí không thương tổn, thần tứ không vọng động, gọi là : « nội thủ ». Trong Sách Nội Kinh có nhiều chỗ nói giống như vậy: Cho là, hựu dưỡng tinh thần, súc tích tinh khí, chính là mấu chốt của việc **BẢO DƯỠNG MẠNG SỐNG** (Nhiếp Sanh). Song phải biết tránh « hư tà tặc phong » không để cho gió lạnh kích thích, thì không bao giờ bị bệnh độc truyền nhiễm.

1) Chữ an ở đây, có khi đọc là « yên » nghĩa như chữ « hà »



原文：清淨則肉腠閉拒。雖有大風
苛毒。弗之能害。(生氣通天論)

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN: Thanh tịnh tắc nhục tấu bế cự, tuy hữu đại phong hà độc, phát chi năng hại. (Sinh Khí Thông Thiên Luận.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN: Tinh thần thanh tịnh, thì tấu lý ở phần cơ nhục đóng kín; dầu gặp trong gió lớn, có mang theo chất bụi rác nhỏ nhất, cũng không thể gây nên được bệnh hoạn.

經義：精神寧靜。真氣內守。則受病者鮮矣。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA: Tinh thần ninh tịnh, chân khí nội thủ, tắc thọ bệnh giả tiền hỷ.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA: Tinh thần yên lặng, tinh khí gìn giữ đầy đủ ở trong người, thì ít khi mắc phải bệnh độ truyền nhiễm.

GIẢNG GIẢI: Ông Trương Bình Lâm nói : Sách Thuyết Văn giải thích : « hà » nghĩa là : bụi rác nhỏ nhất. Hà độc, nghĩa là : thứ bụi rác nhỏ nhất có chất độc hại người. Như thế không phải là BỆNH KHUẨN là gì ? Xét bốn chữ « đại phong hà độc » đứng liền với nhau và kế tiếp bài trước « hư tà tác phong » đều nói về hầu hết các bệnh tật là do gió gây ra, gió truyền bá bệnh khuẩn đi khắp nơi, làm hại cho loài người đủ thứ. Đủ thấy người xưa đã phát minh ra bệnh khuẩn, cách mấy ngàn năm về trước. Mà phương pháp dự phòng bệnh khuẩn, thì chú trọng trên điểm bảo vệ sức khỏe : cho khí huyết trong người sung doanh, là phương thuốc hiệu nghiệm duy nhất, đối với công dụng chế ngự bệnh độc. Nên nói : « Tinh thần yên iĩnh chân khí gìn giữ ở trong, cơ nhục tấu lý đóng kín, thì dầu gặp bệnh khuẩn (hà độc) cũng không thể làm hại được »



Bởi vậy, phương pháp Tiên Thiên Miền Dịch, tức là: Tâm Lý miên dịch, và Tinh Thần Vệ Sinh của Cồ-Y, không giống với phương pháp Hậu Thiên Miền Dịch, và Vật Chất Vệ Sinh của hiện thời. Cho nên phạm vi công hiệu có rộng hẹp sai biệt nhau. Hiệu lực của phương pháp TÂM LÝ MIỀN DỊCH, TINH THẦN VỆ SINH, chẳng những dự phòng được vi khuẩn từ ngoài xâm nhập vào cơ thể con người, mà còn dự phòng được các ác chứng hiểm nghèo từ trong sanh ra, đồng thời có thể giúp đỡ cho con người chậm già, và sống lâu.

Song loại thuốc Miền Dịch này, không phải muốn mua sắm lúc nào cũng có sẵn, mà tất phải tự lực phối chế trên nguyên liệu: » Tinh thần ninh tịnh, chân khí nội thủ ». Những kẻ bôn chôn chạy theo danh lợi, dầu sẵn có nhiều tiền, cũng không tài nào sắm nổi thứ thuốc này.



Nhà Y Sử Học nước Mỹ là Ông Lâm Đồ (Jacob W. Lindau) phiên dịch sách HOÀNG ĐẾ NỘI KINH TỔ VĂN, bên trái là ảnh của Sách Hoàng Đế Nội Kinh Tổ Văn, xuất bản ở Mỹ. – Bên phải là ảnh của Sách Trung Quốc Y Học Chi Đạo The Chinese Way in Medicine, do Ông Hứa Mễ Hum nhà Y Học Nước Mỹ trước tác. (Tài liệu Trung Quốc Y Học Sử)

CHƯƠNG THỨ III

陰 陽 ÂM DƯƠNG

原文：陰陽者。天地之道也。萬物之紀綱。變化之父母。生殺之本始，神明之府也。治病必求其本，（陰陽應象大論，）

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN: Âm dương giả, thiên địa chi đạo giả. Vạn vật chi Kỷ-Cương, biến hóa chi phụ mẫu, sanh sát chi bản thủy, thần minh chi phủ giả. Trị bệnh tất cầu kỳ bản. (Âm Dương ứng Tượng Đại Luận).

Dịch Nghĩa Nguyên Văn: Âm-dương ấy là Đạo của trời đất vậy. Giềng-mối của muôn vật, cha mẹ của biến hóa, đầu đuôi của sống chết, là kho-tàng chứa đựng THẦN-MINH vậy. Trị bệnh tất phải tìm Nguồn-gốc gây ra bệnh. (Thiên Âm-Dương ứng Tượng Đại Luận).

經義：古醫以人為小天地。四時之序。天之時令也。生長收藏。地之功用也。以人身臟府之機能，有升降浮沉之異者，比例之。故曰。治病必求其本。本者，天地陰陽之本也。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA: Cồ y dĩ nhơn vi tiếu thiên địa, tứ thời chi tự, thiên chi thời lệnh giả. SINH, TRƯỞNG, THU, TÀNG địa chi công dụng giả. Dĩ nhơn thân tạng phủ chi cơ năng, hữu THĂNG, GIÁNG, PHỦ, TRẦM chi dị giả, tỷ lệ chi. Cổ viết:



Trị bệnh tất cầu kỳ bồn. Bồn giả, THIÊN, ĐỊA, ÂM, DƯƠNG chi bồn giả.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa: Thầy thuốc đời xưa cho con người là trời đất nhỏ. Thứ lớp bốn mùa là thời lệnh của trời vậy. Sinh, trưởng, thu, tàng là công dụng của đất vậy. Lấy tạng-phủ cơ-năng trong thân thể con người có lên, xuống, nổi chìm, dị biệt nhau, để làm tỷ-lệ. Cho nên nói: Trị bệnh tất phải tìm gốc. Gốc ấy là: Nguồn gốc của TRỜI, ĐẤT, ÂM, DƯƠNG vậy.

GIẢNG-GIẢI: Cùng trời đất hợp đức, cùng mặt trời, mặt trăng hợp sáng, cùng bốn mùa hợp thứ tự. Ấy là nhà tu-trì ở đời thượng-cồ thực hành theo cách đúng mức. — Nước Sở Vua Oai-Vương nói: Đó là việc làm của người xưa vậy. Người đời nay thì lấy rượu làm nước, lấy quấy làm phải, mê sa theo nhục-dục, khô-kiệt tinh-dịch, hao tán chân-khí, không biết đạo trì-mãn, không lúc nào biết chế-ngự thần-tứ. Từ trước đến nay đều thế, tề tục truyền nhau đã thành thói quen. Gởi kiếp sống phù-du trong cõi tạm, thì luôn luôn như vậy.

Thầy thuốc đời xưa, nghĩ cho loài người bệnh hoạn, là do thời tiết thay-đổi. Bởi con người không biết cách sử-dụng tác-dụng tự-nhiên của trời đất mà sanh bệnh. Sách Nội-Kinh nói: Nghịch khí mùa Xuân, thì Kinh Thiếu-Dương không lên được, mà khí tạng-GAN sanh biến. Nghịch khí mùa Hạ, thì Kinh Thái-Dương không trưởng thành được, mà khí tạng Tâm trởng-trái. Nghịch khí mùa Thu, thì Kinh Thái-Âm chẳng hấp-thu được, mà bệnh lá Phổi nám, sưng. Nghịch khí mùa Đông, thì Kinh Thiếu-Âm chẳng bế tàng được, mà khí tạng Thận riêng bệnh chìm-ngắm.



Bốn mùa Âm-dương, ấy là căn bản của muôn vật. Bởi vậy Ông Thánh-Nhơn, mùa Xuân, mùa Hạ thì nuôi khí dương, mùa Thu, mùa Đông thì nuôi khí âm, thuận theo căn bản. Cho nên cùng muôn vật nôi-chìm ở trong ngôi nhà sinh trưởng. Trái trấp ở «CAN» thì sát phạt ở-«BỒN», mà chân-khí bại hoại vậy. Cho là quá trình sanh-trưởng, phát-triển, dĩ chí tử-diệt, đều do sự thúc đẩy của bốn mùa; phương pháp dưỡng sanh là phải thuận theo thứ lớp của thời tiết, và ôm lấy gốc(CĂN.) (Xuân, Hạ dưỡng dương; Thu, Đông dưỡng Âm.) Nghịch với thời tiết, thì tật bệnh phát sanh.

Căn cứ theo đây có thể biết được, thầy thuốc đời xưa nói về nguyên-lý của tật bệnh, cùng đời gần đây gọi là TỔ NHƠN, như: di truyền, tập-quán, tính-tình, chức-nghiệp, cư-trú, hiếu-thị.....là nguyên-nhân gây ra cơ thể bị biến hóa. Gọi là dụ-NHƠN, như: Cảm-giác ấm nóng, phong thổ thay đổi, tác dụng của quang-tuyến, sự kích-thích của lý-hóa-vật, ăn uống trúng độc, hoặc dâm-dục quá độ..... cũng là nguyên nhơn làm cho cơ-thể bị biến hóa. Tỷ lệ giữa xưa và nay, tuyệt nhiên không giống nhau.

Đời thượng cổ dân trí chưa mở mang, lòng thị-dục chưa đến đời quá trớn. Cho nên dụ-nhơn gây ra tật bệnh, thuần túy hơn đời nay. Đọc Thiên Ngũ-Phương Dị-Trị có thể chứng thực cho lời nói này. — Trái lại TỔ-NHƠN và DỤ-NHƠN gây ra tật bệnh ở đời gần đây, phi-thường phức-tạp. Cho thấy câu: Trị bệnh phải tìm nguồn gốc gây ra bệnh (治病必求其本) thật là vô cùng ý-vị vậy.

Thầy thuốc đời xưa, định nghĩa chữ BỒN là: Sự biến hóa của BỐN MÙA và ÂM-DƯƠNG. Thầy thuốc hiện thời, nghiên-cứu nghĩa của chữ BỒN là: Khảo sát chỗ sở-dĩ-nhiên gây ra tật bệnh,

của TỐ-NHƠN và DỤ-NHƠN. Rõ được ý này, là rõ được nghĩa của chữ — «BỒN» cách rất ráo vậy.

原文：夫四時陰陽者，萬物之終始，死生之本也，逆之則災害生。從之則苛疾不起日

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Phù tứ thời âm dương giả. Vạn vật chi chung thủy, tử sanh chi bản giả. Nghịch chi tác tai hai sanh, tòng chi tác hà tật bất khởi.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Vả lại, bốn mùa, Khí Âm, Khí Dương, ấy là kết cuộc và mở đầu của muôn vật, nguồn gốc của sự sống chết vậy. Nghịch lại thì tai hại biến sanh, thuận theo thì bệnh độc không phát khởi.

經義：順四時升降浮沉之作用，為養生之本。則真氣充盈。自可發生却病之效力。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Thuận tứ thời thăng giáng phù trầm. Chi tác dụng, Vi dưỡng sanh chi bản. Tác chân khí sung doanh, tự khả phát sanh cước bệnh chi hiệu lực.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA : Thuận theo tác dụng LÊN, XUỐNG, NỔI, CHÌM của bốn mùa, lấy làm nguồn gốc bảo dưỡng mạng sống, thì chân khí đầy đủ, mà tự trong thân thể, khả dĩ này ra chất kháng độc. khước trừ bệnh hoạn cách rất có hiệu lực.

GIẢNG-GIẢI : Tịon bộ sách Nội-Kinh lấy bốn mùa làm chủ. lấy hai khí âm dương làm dụng. Đời thượng cổ quan sát sự tươi mướt và vàng úa của cỏ cây, theo khí hậu thay đổi của bốn mùa, nhận



cho là sự thần bí của tạo hóa không thể tư nghị. Cho nên xem sự SANH, TRƯỞNG, THU, TÀN trong bốn mùa là chung cuộc và mở đầu của muôn vật, là nguồn gốc của sự sống chết, thuận theo thì mạnh khỏe, trái lại thì tật bệnh. Thế thì phải làm cách nào mới có thể gọi là thuận theo ? Xem bài trích lục ở THIÊN TỨ-THỜI ĐIỀU-THẦN như sau :

四時調神篇

春三月，^四為發陳，天地俱生。萬物以榮，夜卧早起廣步於庭，被髮緩形，以使志生。生而勿殺。予而勿奪。賞而勿罰。此春氣應養生之道也。逆之則傷肝。

夏為蕃秀。奉長者少。夏三月。此為蕃秀。天地氣交。萬物華實。夜卧早起。無厭於日。使志無怒。使華英秀使氣得泄。若所愛在外。此夏氣之應養長之道也。逆之則傷心。

秋為痠鬱。冬至重病，秋三月。此為容平，天氣以急，地氣以明，早卧早起，與雞俱興，使志安寧，以緩秋刑，收斂神氣。使秋氣平毋外其志，使肺氣清，此秋氣之應養收之道也，逆之則傷肺。

冬為飡泄，奉藏者少，冬三月，此為閉藏，水冰地坼，無擾乎陽。早卧晚起，必待日光，使志若伏若匿，若有私意，若已有得，去寒就溫，無泄皮膚，使氣亟奪，此冬氣之應養藏之道也，逆之則傷腎，春為痿厥，奉生者少，

DỊCH ÂM : TỨ THỜI ĐIỀU-THẦN-THIÊN.— Xuân tam ngoạt, thử vi phát trần. Thiên địa câu sinh, vạn vật dĩ vinh, dề



ngoạ tảo khí, quang bộ ư đình. bị phát hưỡn hình, dĩ sử chí sinh, sinh nhi vật sát, dĩ nhi vật đoạt, thượng nhi vật phạt. Thử xuân khí ứng dưỡng sinh chi đạo giả. Nghịch chi tất thương Can.

Hạ vi Hàn-Biến, phụng trưởng giả thiều, Hạ tam ngoạt, thử vi phồn tú, thiên địa khí giao, vạn vật hoa thiết, dạ ngoạ tảo khởi, vô yếm ư nhựt, sử chí vô nộ, sử hoa anh thành tú, sử khí đặc tiết, nhược sở ái tại ngoại. Thử Hạ-Khí chi ứng dưỡng trưởng chi đạo giả. Nghịch chi tắc thương Tâm.

Thu vi Giai-Ngược, Đông-Chí trọng bình, Thu tam ngoạt, thử vi dung bình, thiên khí dĩ cấp, địa khí dĩ minh, tảo ngoạ tảo khởi, dĩ kê câu hưng, sử chí an ninh, dĩ hưỡn Thu hình, thu-liêm thần khí, sử Thu khí bình, vô ngoại kỳ chí, sử phể khí thanh. Thử Thu khí chi ứng dưỡng-thu chi đạo giả. Nghịch chi tắc thương Phế.

Đông vi Tôn-Tiết, phụng tàng giả thiều. Đông tam ngoạt, thử vi bế tàng, thủy băng địa tích, vô nhiều hồ dương, tảo ngoạ văn kh, tất dài nhựt-quang, sử chí nhược phục nhược nật, nhược hữu tư ý, nhược kỷ hữu đặc, khứ hàn tự ôn, vô tiết bì phu, sử khí cực-đoạt. Thử Đông-khí chi ứng dưỡng tàng chi đạo giả. Nghịch chi-tắc thương Thận.

Xuân vi Nuy-Khuyết, phụng sanh giả thiều.

DỊCH NGHĨA THIÊN TỨ-THỜI ĐIỀU TRẦN :

Ba tháng mùa Xuân, ấy là mùa dương khí sanh sôi bày bố khắp nơi (phát trần) trời đất đều sanh, muôn vật đều tốt, đêm ngủ dậy sớm, rào bước nơi sân thêm, bao trùm tóc lại, hình dáng chậm rãi. Khiến cho phần chí sống động; tha mà không giết, cho mà không



lấy, thường mà không phạt. Ấy là đáp ứng với khí mùa Xuân, làm theo ĐẠO DƯỠNG SANH vậy. Trái lại thì thương tồn tạng GAN.

Mùa Hạ mắc bệnh Hàn-Biến, (1) là vì phụng dưỡng cho ĐẠO TRƯỞNG kém, ba tháng mùa Hạ, thì cỏ cây rậm tốt, khí trời đất giao nhau, muôn vật đơm bông kết trái. Đêm ngủ vậy sớm, không chán ngày dài, khiến cho phần-chí không phần nộ, khiến cho hoa đẹp thêm xinh, khiến cho phần-khí được bài tiết, tình thương nói rộng ra ngoài. Ấy là đáp ứng với khí mùa Hạ, làm theo Đạo Dưỡng Trưỡng vậy. Trái lại thì thương tồn tạng TÂM.

Mùa Thu thì bệnh GIAI NGƯỢC(2), đến tiết Đông-Chí thì bệnh nặng thêm. Mùa thu ba tháng, ấy là muôn vật đã thành hình trạng mà bình định (dung-bình). Khí trời khàn-cấp, khí đất quang-minh, ngủ sớm dậy sớm, thức một lượt với gà, khiến cho phần khí an-ninh đề-hòa hườn sự hình-hại của mùa Thu. Thu-liềm thần khí, khiến cho khí mùa Thu bình hòa, không đề cho phần chí giông-ruồi ra ngoài, khiến cho hơi phôi trong trẻo. Ấy là đáp ứng với khí mùa Thu, làm theo Đạo Dưỡng-Thu vậy. Trái lại thì thương tồn tạng Phôi.

Mùa Đông thì bệnh Tôn-Tiết (3), là vì phụng-dưỡng đạo Tàng Kém. Vì là mùa bế tàng, nước đông lại thành nước đá, đất nứt nẻ, không nên làm nhiều loạn khí dương, ngủ sớm thức trễ, phải chờ có ánh nắng mới thức. Khiến cho phần chí dương ần núp, dương cất giấu, dương có ý riêng, dương mình có sở đắc, tránh lạnh gần ấm, đừng đề da thịt trầy trụa, khiến cho phần khí bị hao hốt. Ấy là đáp ứng với khí mùa Đông, làm theo Đạo Dưỡng Tàng vậy. Trái lại thì thương tồn tạng Thận. Qua mùa Xuân thì mắc bệnh Nuy-Khuyết (4), là vì phụng dưỡng Đạo Sanh Kém.



Xét thiên trên đây, luận về thứ tự bốn mùa, và minh định phương châm thuận với bốn mùa, nghịch với bốn mùa, là : Vi Ngôn Đại Chỉ về phương pháp Nhiếp-Sanh của đời thượng cồ. Phương pháp hưu dưỡng tinh thần, chú trọng ở điềm tùy theo tự nhiên, đừng cho hệ lụy theo hoàn cảnh, như những câu « Tha mà không giết, cho mà không lấy, thưởng mà không phạt, khiến cho phần chí không phần nộ, tình thương nói rộng ra ngoài, khiến cho phần chí được an ninh đề hòa hườn sự hình hại của mùa Thu ».

Đoạn : không đề cho phần chí giống ruồi ra ngoài, khiến cho hơi tạt Phồi trong trẻo, khiến cho phần chí dường ẩn núp, dường cất giấu, dường có ý riêng, dường mình có chỗ sở đắc, là nói sợ người ngoài hiểu biết. Không một mảy đề cho lòng thị dục khiến chế, theo đúng với chủ nghĩa lạc quan cách thuần túy.

Câu : tình thương mở rộng ra ngoài, cùng thuyết bác ái của Giáo-Gia-Tô có điềm không giống nhau : Trên phương diện tinh thần tuy lạc quan bác ái, nhưng trên phương diện thân thể thì chú trọng bảo dưỡng.

Chỉ như đoạn : Ngủ sớm dậy trễ, chờ có ánh nắng mới thức dậy, tránh lạnh gần ấm, không làm rối loạn khí dương, bao trùm tóc lại, hình dáng chậm rãi, rào bước nơi sân thềm, chỉ không nghĩ đến việc ngoài, khiến cho hơi Phồi trong trẻo, là : hoàn toàn làm theo chủ nghĩa bế quan tỏa cảng cá nhân. So sánh với thuyết Mặc-Tử : Không ngại lăn xả vào chốn nước sôi lửa đỏ cứu vớt nạn nhân, sai biệt nhau một trời một vực.

Còn như những câu : Mùa Hạ thì bệnh Hàn Trung (Hàn-Biến). Mùa



Thu thì bệnh Giai-Ngược; Mùa Đông thì bệnh Tôn-Tiết; Mùa Xuân thì bệnh Nuy-Khuyết. Thì đối với nguyên nhân và chứng hậu sanh ra bệnh, trước hết phải xác định bệnh tình, kế đó phải khảo sát xem bệnh cơ nằm ở bộ phận nào? Lại nữa cũng cần phải thăm dò chỗ xu hướng của bệnh tình, rồi mới có thể dùng thuốc chữa trị cách thích đáng. Song lý thuyết của bài này hàm hồ không đáng tin theo.

- 1) Hàn-Biến: căn bản của thời tiết thì nóng, mà bệnh lại biến lạnh.
- 2) Giai Ngược: là nói chung về các chứng Cử-Rét. Rét đêm gọi là Giai, Rét ngày gọi là Ngược.
- 3) Tôn-Tiết: Trúng hàn, sôi ruột, ỉa chảy, ăn cơm, ỉa ra cơm.
- 4) Nuy-Khuyết: là bệnh Nuy và bệnh Khuyết hợp lại (bại-xui, và lạnh tê).

原文：平旦至日中，天之陽，陽中之陽也，日中至黃昏，天之陽，陽中之陰也，合夜至鷄鳴，天之陰，陰中之陰也，鷄鳴至平旦，天之陰，陰中之陽也。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Bình đán chí nhật trung, thiên chi dương, dương trung chí dương giã. Nhật trung chí hoàng hôn, thiên chi dương, dương trung chí âm giã. Hợp dạ chí kê minh, thiên chi âm, âm trung chí âm giã. Kê minh chí bình đán, thiên chi âm, âm trung chí dương giã.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Hừng đông đến mặt trời đứng bóng thuộc về khí dương, là khí dương trong khí dương vậy. Mặt trời đứng bóng đến hoàng hôn. thuộc về khí dương, là trong khí



dương có khí âm vậy. Trời tối đến gà gáy, thuộc về khí âm, khí âm trong khí âm vậy. Gà gáy đến hừng đông, thuộc về khí âm, là khí âm trong khí dương vậy.

經義：一年四時，有生長收藏之別，一日中之四時，為一年四時之縮影，

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Nhứt niên tứ thời, hữu sinh, trưởng, thu, tàng chi biệt. Nhứt nhật trung chi tứ thời, vi nhứt niên tứ thời chi súc ảnh.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA : Bốn mùa trong một năm, có sinh, trưởng, thu, tàng sai biệt nhau. Bốn mùa trong một ngày, là thời gian ngắn của bốn mùa trong một năm.

GIẢNG-GIẢI : Đây là luận về bốn mùa trong một ngày, cho là có tác dụng LÊN, XUỐNG, NỒI, CHÌM. Nhưng suy cứu qua công dụng sinh lý trong thân thể con người, thì nhứt định không thể nào phù hợp nhau được. Song trích lục bày này ra đây, bất quá đề bảo tồn di tích y học của đời thượng cổ mà thôi.

Một Giáo Sư dạy trường thuốc ở Giang Tây, tên Đái Hồng Phồ là một vị Tây-Y-Sư nói. Trong Sách Nội Kinh luận về thuyết THĂNG, GIÁNG, PHÙ, TRẦM thực là chí lý. Sự tri thức siển lậu của Khoa sinh lý giải phẫu hiện đại, không tài nào suy lường nổi. Ví như chứng nội thương phát nóng. Có bệnh phát nóng trước giờ Ngọ, có bệnh phát nóng sau giờ Ngọ, có bệnh phát nóng trước nửa đêm, sai biệt nhau. Nếu không áp dụng điều này của Sách Nội-Kinh làm



phương pháp giải thích, thì nhứt định không tìm đâu ra câu trả lời cách xác đáng.

原文，夫言人之陰陽，外爲陽，內爲陰，背爲陽。復爲陰；六腑皆爲陽，五臟皆爲陰，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Phù ngôn nhưn chi âm dương. Ngoại vị dương, nội vị âm, bối vị dương, phúc vị âm. lục phủ giai vị dương, ngũ tạng giai vị âm.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Vả lại nói về phần âm, phần dương trong thân thể con người : Ngoài là dương, trong là âm ; lưng là dương, bụng là âm ; sáu phủ đều thuộc dương, năm tạng đều thuộc âm.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI : Trong sách Nội Kinh' nhiều chỗ ý nói giống như bài này. Về phần Văn Ngôn (Nguyên-Văn) thì ý nghĩa bộc lộ cách rất rõ ràng, không cần phải giải thích.

Hiện nay phương pháp nghiên cứu âm dương theo sinh lý học thì có hai :

1.— Chỉ cho từng cái, thì cho là phần nước ở trong mỗi cái tế bào là thuộc âm. Các hạch nhỏ biết phân liệt và có công dụng động tác là thuộc dương.

2.— Nói về từng phần, thì phần bì phu, phần cơ nhục, phần gân xương, phần tạng phủ, nhứt thiết những phần vật chất có hình đều thuộc Âm. Chỉ có một thứ năng lực, cò động cho toàn thể, khiến cho mỗi bộ phận đều phải làm việc theo công năng của mình, như : Bộ



tuần hoàn của tạng tâm, bộ hô hấp của tạng phổi; bộ tiêu hóa bài tiết của ruột và dạ dày, và sự thay củ đổi mới (tân trần đại tạ) của các quan năng thì đều thuộc Dương.

Giải thích như thế, thì phù hợp với Sinh Lý Học, Vật Lý Học của hiện đại. Song không phải là bản ý của Sách Nội Kinh.

原文：陽氣者，若天之與日，失其所，則折壽而不彰，故天運當以日光明，是故陽因而上，衛外者也，又曰陽者，衛外而為固也，

DỊCH ÂM NGUYÊN-VĂN: Dương khí giả, nhược thiên chi dữ nhật, thất kỳ sở, tắc chiết thọ nhi bất chương. Cổ thiên vận đương dĩ nhật quang-minh. Thị cổ dương nhơn nhi thượng, vệ ngoại giả giả. Hựu viết: Dương giả, vệ ngoại nhi vi cổ giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN-VĂN: Khí dương ở trong thân thể con người, cũng như bầu trời có mặt nhật. Con người mà không có khí dương thì tồn thọ, bầu trời mà không có mặt nhật thì chẳng sáng. Cho nên sự vận-hành của thiên-thể cần phải có ánh sáng của mặt trời. Bởi vậy cho nên khí dương nhơn theo mà đi lên, bảo vệ bên ngoài thân thể vậy. Lại rằng: Khí dương ấy, bảo vệ bên ngoài thân thể mà được bền chắc vậy.

經義：陽氣之在身中，若天與日之不可離，其功用所著，在衛外為固，

DỊCH ÂM-KINH NGHĨA: Dương khí chi tại thân trung, như-thiên dữ nhật chi bất khả ly, kỳ công dụng sở trứ, tại vệ-ngoại vi, cố.



DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA: Khí dương ở trong thân-thề con người, cũng như bầu trời có mặt nhật, không thể rời nhau. Công dụng rõ ràng dễ thấy hơn hết là: bảo vệ cũng cố bên ngoài thân thể con người.

GIẢNG-GIẢI: Vật trọng yếu duy nhất trong thân thể con người là thể-ôn (chất ấm nóng) Thể-ôn giữ được bình thường, thì thân thể khang-khien, thất thường thì phát sanh tật bệnh, đó là định lệ tất nhiên vậy. — Rằng: Khí dương nương theo mà đi lên làm ngoại-vệ cho thân thể. — Lại rằng: Khí dương bảo-vệ bên ngoài giúp cho phần cơ-nhục được bền chắc, là chuyên chỉ về công dụng của thể-ôn rất rõ ràng dễ thấy.

原文：陰勝則陽病，陽勝則陰病。陽勝則熱，陰勝則寒，

DỊCH ÂM NGUYÊN-VĂN: Âm thắng tác Dương bệnh; Dương thắng tác Âm bệnh. Dương thắng tác nhiệt, Âm thắng tác hàn.

Dịch Nghĩa Nguyên-Văn: Khí Âm lấn hơn, thì khí Dương bị bệnh; khí Dương lấn hơn, thì khí Âm bị bệnh. Khí Dương lấn hơn thì bệnh nóng, khí Âm lấn hơn thì bệnh lạnh.

Kinh Nghĩa Và Giảng Giải: Bài này lấy hai chữ Âm Dương làm đại-biểu cho hai chữ HẠN ÔN để phân tách thể nào là Âm, thể nào là Dương, làm đại-Cương cho phương-pháp chẩn-đoán và trị-liệu, Đây là một phần tri thức cơ bản của giới Đông-Y. Đại-khái các chứng bệnh: NÓNG là thuộc Dương; LẠNH là thuộc Âm; THỰC là thuộc Dương; HƯ là thuộc Âm.

Thay vì danh từ Tây-Y, đại-khái bệnh nào thuộc về tiến-hành tính, là thuộc Dương; thối hành tính, là thuộc Âm. Cơ năng kháng-trực thái-quá là thuộc Dương, suy giảm bất cập là thuộc Âm. Ý-nghĩa bài này luận về âm dương chẳng-quá như thế.

原文：陰陽者。數之可十。推之可百。數之可千，推之可萬萬之大。不可勝數。然其要一也，

Dịch Âm Nguyên-Văn: Âm dương giả, sồ chi khả thập, thối chi khả bách. Sồ chi khả thiên, thối chi khả vạn-vạn chi đại, bất khả thăng sồ. Nhiên kỳ yếu nhất giả.

Dịch Nghĩa Nguyên-văn: Âm dương ấy, đếm đó có thể mười, suy rộng đó có thể trăm; đếm đó có thể ngàn, suy rộng đó có thể muôn-muôn rất to lớn, không thể đếm kể hết. Song tóm lại thì có một vậy.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI: Ông Diệp-Kinh-Thu nói: Thuyết Âm-Dương của Hoàng-Đế Nội-kinh không thể cho là sai được. Dã-sử có người vui đầu mười năm, chuyên vào việc nghiên cứu cho học thuyết này, may ra mới có thể ổn-định được một cơ-sở tối hậu cho nhơn thuật Đông-Y Dược Học.

Bởi lẽ đầy dẫy trong vũ trụ, tràn trề ngoài lục hợp (1) đều là ĐIỆN. Động thì làm sấm làm lửa, tĩnh thì thu cất vào nơi mật. Vả lại hai tính âm-dương của điện, dung hòa nhau rất đúng với Đạo Trung Dung của tạo hóa. Con người ở trong hai khí âm dương giao nhau, luôn luôn phải nhờ sự lưu-thông của hai khí mà sống còn.



Thế nên trong thân thể con người với điện khí, liên quan nhau rất mật-thiết. nên lấy sự biến hóa của điện khí, giải thích về sinh lý và bệnh lý trong thân thể con người, mới là phương tác chí cực của Y-Học. Như mọi người đều biết: Nước ròng thì dâng lên, nước kém thì sụt xuống, là do sức hấp dẫn của mặt trời, mặt trăng. Thế thì chất huyết-dịch lưu hành trong thân thể con người lại có lý nào không có sự liên quan với tác dụng của điện-lực?

Từng Đọc Sách Vật-Lý-Học, Thiên Điện-Chi Yếu-Tính-Luận nói: Quả Địa- Cầu là một khối Từ Thạch thiên-nhiên, hai khí âm điện và dương-điện cùng một lúc sanh sản. Vả lại sự cùng một lúc sanh sản của hai loại điện ấy, số lượng của nó cũng đồng đều nhau. Phàm một vật chất rất nhỏ nhít (nguyên-tử) cũng kiêm có đầy đủ hai loại âm-điện và dương điện mới cấu tạo được thành phần. Âm điện thì gọi là điện-tử, luôn đoàn tụ ở chung quanh dương điện, lấy dương điện làm HẠCH-TÂM. Đa số phần âm-điện của điện-tử với số lượng phần dương-điện của hạch tâm vẫn bằng nhau. Cho nên lúc bình thường, hai loại âm-điện và dương-điện này, chỉ có tác dụng trong sự hồ tương hấp-dẫn, mà không phát hiện ra ngoài. Thử lấy một khúc từ-châm bẻ ra, thì mỗi đoạn, mỗi đoạn đều trở nên một khối từ-thạch nguyên-vẹn, mà đoạn mới bẻ nhứt hiện lên một tân-cực, như: Đoạn nguyên hữu là NAM-Cực, thì đoạn tân cực là BẮC-Cực. Cứ như vậy mà bẻ ra, rồi lại bẻ mãi cho đến vô cùng, vô tận, mà hiệu quả thì vẫn như nhau.

Nói cách khác, nay lấy một vật kia hàm có âm-điện, đề gần một vật thể này, thì phần điện tử của âm-điện ở trong vật thể này, bị lừa đi đến một đầu mỗi cách biệt khá xa, chỉ còn phần hạch tâm hàm có dương điện ở lại mà thôi. Nếu đem cái vật hàm có chất âm



điện tử kia vất đi, thì chất âm điện tử trong ấy mới có cơ hội hấp thụ được, tác dụng dẫn lực dương điện tử, mà trở về vị trí cũ của nó. Đồng thời khí tượng Âm Dương xung hòa, cũng được phục sinh trở lại.

Trái lại, nếu lấy một vật kia có hàm dương điện, để gần một vật thề này, thì phần âm-điện-tử của vật thề này, cũng chịu ảnh hưởng của dẫn lực, dẫn đến một đầu rất gần. Còn phần nằm y nguyên ở một vị trí, không thề tự do vận-động, đều là phần nguyên tử của dương-điện.

Thăm-gắm sự tác dụng của hai loại âm-điện và dương-điện trên đây, có thể cho thấy rõ sự quan hệ giữa âm-dương với vạn vật, không bao giờ rời nhau được. Con người cũng là một trong vạn vật, thì có thể nào rời âm dương mà riêng sống được? Thế thì luận thuyết âm-dương của Sách Hoàng-Đế Nội-Kinh có căn bản rất sâu xa, mà giới Đông-y cần phải nghiên cứu cần thận vậy.



CHƯƠNG THỨ III

生 理

SANH LÝ

原文：女子七歲，腎氣盛，齒更髮長，二七而天癸至，任脉通。太衝脉盛，月事以時下，故有子，三七腎氣平均，故真牙生而長極，四七筋骨堅，髮長極，身體盛壯。五七陽明脉衰，面始焦。髮始墮，六七三陽脉衰於上，面皆焦，髮始白，七七天癸竭，任脉虛，太衝脉衰，地道不通，故形壞而無子，

男子八歲，腎氣盛，齒更髮長，二八腎氣實。天癸至精氣溢瀉，陰陽和，故能有子，三八腎氣平均，筋骨勁強，故真牙生而長極，四八筋骨隆盛，肌肉滿壯，五八腎氣衰，髮墮齒槁，六八陽氣衰竭於上，面焦，髮鬢頹白，七八肝氣衰，筋不能動，天癸竭，精少，腎藏衰，形体皆極，八八則齒髮去，腎者主水，受五臟六腑之精而藏之，五臟盛，乃能寫，今五臟皆盛，筋骨解墮，天癸盡矣，故髮鬢白。身體重，行步不正，而無子耳，其有年已老，而有子者。何耶？此其天壽過度，氣脉常通，而腎氣有餘也，此雖有子，男不過盡八八。女不過盡七七，而天地精氣皆竭矣，





Năm 1950, Y Sư nước Đức là Ông Hứa Bửu Đức (Dr. Hubotter) đến Trung Quốc học tập châm cứu với Ông Ngô Huệ Bình. Hình trên chụp lúc Ông Ngô Huệ Bình đang chỉ dạy. Và Ông Hứa Bửu Đức ở lại Trung Quốc trên mười năm, nghiên cứu Trung Y Học, trước tác Sách Trung Hoa Y Học (Chinesische Medizin), hình sách kể bên.

【第壹張圖】1950年，德國醫師許寶德 Dr. Hubotter，到中國學習針灸，國中由吳惠平指示一切。

Die
Chinesische
Medizin

中華醫學

【第貳張圖】

Hubotter

Die Chinesische
Medizin

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Nữ tử thất tuế, thận khí thịnh, si canh phát trường, nhị thất nhi thiên-quí chí, nhâm mạch thông, Thái Xung mạch thịnh, nguyệt sự dĩ thời hạ, cổ hữu tử Tam thất thận khí bình quân, cổ chân nha sanh nhi trường cực. Tứ thất cân Cốt Kiên, phát trường cực, thân thê thịnh tráng. Ngũ thất dương minh mạch suy, diện thủy tiêu, phát thủy đọa. Lục thất tam dương mạch suy ư thượng, diện giai tiêu, phát thủy bạch. Thai thất thiên quý Kiệt, Nhâm mạch hư, thái xung mạch suy, địa đạo bất thông, Cổ hình hoại nhi vô tử.

Nam tử bát tuế, thận khí thịnh, si canh phát trường, nhị bát, thận khí thực, thiên quý chí, tinh khí dật tả, âm dương hòa, cổ năng hữu tử. Tam bát thận khí bình quân, Cân cốt kinh cường, cổ chân nha sanh nhi trường cực; tứ bát cân cốt long thịnh, cơ nhục mãn tráng. Ngũ bát thận khí suy, phát đọa si khao. Lục bát dương khí suy kiệt ư thượng, diện tiêu, phát tàn ban bạch. Thất bát can khí suy, cân bất năng động, thiên quý kiệt, tinh thiếu, thận tạng suy, hình thê giai cực. Bát bát tác si phát khứ. Thận giả chủ thủy, thọ ngũ tạng lục phủ chi tinh nhi tàng chi, ngũ tạng thịnh, nãi năng tả. Kim ngũ tạng giai suy, cân cốt giải đọa, thiên quý tận hỷ. Cổ phát tàn bạch, thân thê trọng, hành bộ bất chánh, nhi vô tử nhi. Kỳ hữu niên dĩ lão, nhi hữu tử giả, hà da? Thử kỳ thiên thọ quá độ, khí mạch thường thông, nhi thận khí hữu dư giả. Thử tuy hữu tử, nam bát quá tận bát bát, nữ bát quá tận thất thất, nhi thiên địa tinh khí giai kiệt giả.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : Con gái bảy tuổi, khí tạng Thận thịnh, thay răng dài tóc. 14 tuổi thì mọi Thiên-Quý (1) đến mạch Nhâm (2) thông, mạch Thái Xung (3) thịnh, đường Nguyệt-

Kinh đến đúng lúc, cho nên có con. 21 tuổi khí tạng Thận bình quân, cho nên răng Cắm mọc dài đúng mức. 28 tuổi gân xương bền chắc, mà tóc ra dài đúng mức, thân thể khéo mạnh. 35 tuổi mạch Kinh Dương Minh suy, da mặt bắt đầu nhăn, tóc bắt đầu rụng. 42 tuổi mạch ba Kinh Dương suy ở phần trên, các bộ phận trên mặt nhăn nheo, tóc bắt đầu bạc. 49 tuổi đường Nguyệt Kinh hết, mạch Nhâm hư, Mạch Thái xung suy, đường địa đạo (4) không thông, cho nên hình thể tồn hoại mà không con.

Con trai 8 tuổi thì khí tạng Thận Thanh, thai răng dài tóc. 16 tuổi khí tạng Thận đầy đủ, Mọi Thiên Quý đến, tinh khí đầy tràn, khí âm, khí dương hòa cho nên có con. 24 tuổi thì khí tạng Thận bình quân, gân xương khỏe mạnh, cho nên răng Cắm mọc dài đúng mức. 32 tuổi gân xương long thanh, bắp thịt no đầy. 40 tuổi, khí tạng Thận suy, tóc rụng răng khô. 48 tuổi khí dương suy kiệt ở phần trên, da mặt nhăn, mái tóc hoa râm. 59 tuổi thì tạng Gan suy, không thể động tác, mọi Thiên Quý khô cạn, tinh ít, tạng Thận suy hình thể đều cùng cực. 94 tuổi thì răng long tóc rụng.

Tạng Thận chủ hành Thủy, tiếp thu lấy tinh của năm tạng sáu phủ mà chứa đựng đó, năm tạng thanh thì tinh tràn đầy ; nay năm tạng đều suy., gân xương trơ nẻ, mọi Thiên Quý khô hết rồi, cho nên râu tóc bạc trắng, mình mẩy nặng nề, đi bước không vững, mà không con vậy.

HỎI : Có người tuổi đã già mà còn có con, là tại sao vậy ?

ĐÁP : Đây là do sức khỏe quá mức tuổi thọ, đường khí mạch vẫn thông hành, mà khí tạng Thận có dư vậy. Mặc dầu có con, nhưng



theo lệ thường, thì đàn Ông bất quá 64 mà hết con ; đàn bà bất quá 49 tuổi mà hết con. Vì tinh khí của trời đất đều khô kiệt hết rồi.

Kinh Nghĩa và Giải Giải

Đoạn Kinh Nghĩa này, nói con người từ nhỏ đến lớn, dĩ chí tuổi già, chia ra làm bốn giai đoạn : THẠNH, THỰC, SUY, KIẾT,

THẠNH ; đại khái như : Hoa mùa Xuân nở rộ, không ai có thể ngăn cản được.

THỰC ; đại khái như : Cỏ cây mùa Hạ rậm rạp tốt tươi mà không héo.

SUY ; đại khái như : Cây Ngô Đồng mùa Thu, từ héo bắt, rồi lần hồi vàng rụng.

KIẾT ; đại khái như : Một dãy núi trọc, cỏ cây ngày càng vàng úa khô khao.

Trọn bộ sách Nội Kinh lấy hiện tượng SINH, TRƯỞNG, THU, TÀNG của bốn mùa làm cốt cán. Con người từ nhỏ đến lớn, dĩ chí già chết, trong sách Nội Kinh xem như là một nấc thang của sự Sinh, Trưởng Thu, Tàng mà ai ai cũng phải trải qua. Cũng như « Biện Chứng Pháp » nói về quá trình : Sinh, Trưởng, Phát-Triển, dĩ chí hủy diệt. Còn nói con gái 14 tuổi thì mọi Thiên Quý đến, Con trai 16 tuổi thì mọi Thiên Quý đến, là chỉ về công năng nội phân bí đã thành thực, là thời kỳ tuổi thanh xuân phát đông của trai, gái. Với đời sau chuyên chỉ về sự bài tiết đường Nguyệt Kinh của con gái mà gọi là Thiên Quý thì không giống nhau. Còn thời kỳ công năng nội phân bí đã thành thực giữa con trai và con gái, sở dĩ có sớm



muộn sai biệt nhau, thì chính Khoa Sinh Lý Học hiện đại cũng không thể nói rõ được lý do. Song sự nội phân bí của con gái thành thực sớm hơn con trai, thì tuổi già lại sớm hơn con trai, đây chính là sự thực, không thể nghi ngờ.

Đàn bà 49 tuổi thì hết đường Nguyệt Kinh, Mạch Thái Xung suy, là chỉ công năng nội phân bí của buồng trứng bị khô teo. Người lớn tuổi thì huyết quản thường bị cứng sượng, cho nên hình thể bại hoại mà không con. Câu : tạng Thận chủ hành Thủy, tiếp thu tinh hoa của năm tạng sáu phủ mà chứa đựng vào đó. Cho nên năm tạng thanh thì tinh dư dật... Về học thuyết Sinh Lý Giải Phẫu của người xưa, còn ở trong thời kỳ lý tưởng. Biết chắc là trong thân thể con người có một bộ phận chuyên giữ về nhiệm vụ thu tàng tinh dịch, mà chưa rõ được công dụng của dịch Hoàn (hòn dái) là tàng tinh, mới lấy tạng Thận làm đại biểu cho bộ phận rất tinh túy của huyết dịch, là nguyên tố hóa sanh tinh dịch. Người xưa nhận cho là : tạng Thận tiếp thu tinh nói của năm tạng sáu phủ mà chứa đựng đó, lời nói tuy hàm hồ, nhưng ý nghĩa thực đúng. Do ở điểm này, thấy được người xưa nghiên cứu rất tinh tường, và kiến thức rất sâu rộng ; tuy cách mấy ngàn năm về trước, mà đối với học thuyết hiện đại, vẫn có nhiều chỗ phù hợp nhau.

1. — Thiên Quí là chỉ cho phần huyết của con gái, và phần tinh khí của con trai. Nhưng đây chuyên chỉ về đường Nguyệt Kinh.
2. — Nhâm Mạch : Mạch Nhâm khởi ở dưới Huyệt Trung Cực, đi lên Huyệt Mạo Tế theo bộ bụng lên Huyệt Quan Nguơn, thẳng đến Yết hầu lên cằm, theo mặt vào mắt. Là chỗ do sanh của Nguơn khí.



3.— Thái Xung Mạch : Mạch Gan chú động ở Huyệt Thái Xung. Mạch Thái Xung ở trên Huyệt Hành gian 2 tất, trong chỗ sùng. Mạch Xung trọng yếu hơn Mạch Nhâm. Xem mạch này còn hay mất, có thể biết được bệnh nhưn sống hay chết.

4.— Địa Đạo : là Mạch đạo ở hạ bộ, (chỉ về Kinh Túc Thiển Âm (Thận).

原文：壯火之氣衰。少火之氣壯。
壯火食氣。氣食少火。壯火散氣，少火
生氣。

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Tráng hỏa chi khí suy, thiếu hỏa chi khí tráng. Tráng hỏa thực khí, khí thực thiếu hỏa. Tráng hỏa tán khí, thiếu hỏa sanh khí.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Khí Tráng Hỏa thì suy, khí thiếu hỏa thì thịnh. Khí Tráng hỏa làm hao khí, khí làm hao khí thiếu hỏa. Khí Tráng Hỏa làm tiêu tan phần khí, khí thiếu hỏa sinh trưởng phần khí.

經義：言氣需要少火之培養。尤
忌壯火之擾亂。故曰少火生氣。壯火散
氣。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Ngôn khí nhu yếu thiếu hỏa chi bồi dưỡng, Vưu kỳ tráng hỏa chi nhiễu loạn. Cố viết : thiếu hỏa sinh khí, tráng hỏa tán khí.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA : Nói phần khí nhờ cậy khí thiếu hỏa để nuôi dưỡng, rất kỳ khí tráng Hỏa làm nhiễu loạn. Cho nên nói : Khí Thiếu hỏa thì sinh dưỡng phần khí, khí Tráng hỏa làm tán loạn phần khí.



GIẢNG GIẢI : Thầy thuốc đời xưa nói chữ « khí » là phần nhiều chỉ cho công dụng của thần kinh. Nói chữ « hỏa » là chỉ cho mức độ ấm nóng (thể ôn) trong thân thể con người. Thần kinh duy trì được công dụng bình thường, là nhờ thể ôn ở trong thân thể con người được thích đáng. Cho nên nói : Khí làm hao thiếu hỏa. Lại nói : Khí thiếu hỏa sinh trưởng phần khí. Nếu thể ôn quá mức, trở nên cao nhiệt, thì thần kinh phiền táo chẳng yên. Cho nên nói : Khí Tráng hỏa làm hao tán phần khí. Và nói : Khí Tráng hỏa ăn hại thực) phần khí. Đủ thấy, thân thể, tinh thần con người được Khang kiện, tất phải nhờ thể ôn luôn luôn giữ đúng ở mức chánh thường.

原文：兩精相搏。合而成形。常先身生是為精。上焦開髮。宣五穀味，薰膚充身澤毛。若霧露之溉。是為氣。腠理髮泄，汗出溱溱。是為津。穀入氣滿。皮膚潤澤。是為液。中焦受氣取汁。變化而赤。是為血。壅遏營氣。令無所避。是為脉。（靈樞決氣篇）

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Lưỡng tinh tương bác, hợp nhi thành hình, thường tiên thân sanh thị vi tinh ; thượng tiêu khai phát, tuyên ngũ cốc vị, huân Phu sung thân trạch mao, nhược vụ lộ Chi Khái, thị vi khí : tấu lý phát tiết, hạn xuất tần (chân) thị vi tân ; Cốc nhập khí mãn, bì phu nhuận trạch, thị vi dịch ; trung tiên thọ khí thủ trấp, biến hóa nhi xích, thị vi huyết ; ủng ạt dinh khí, lĩnh vô sở ty, thị vi mạch. (Linh Khu Quyết Khí Thiên).

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Hai tinh bắt gặp nhau, hợp lại mà nên hình. Thường trước thân thể mà sanh, ấy là TINH.

Phủ Thượng Tiêu này nở, tuyên hóa mùi vị của Ngũ Cốc, ung xông da thịt, bổ sung thân thể, tươi nhuận. Lông tóc, đường sương mọc nhuận rười, ấy là KHÍ. Phần Tán lý bài tiết, mồ hôi ra rịn rịn, ấy là TÂN. Hơi cơm ăn vào phần khí đầy đủ, da thịt nhuận láng, ấy là DỊCH. Phủ Trung Tiêu nạp khí thu hút lấy trấp, biến ra màu đỏ, ấy là MÁU. Ngăn chặn phần dinh khí, không cho đi bậy bạ, ấy là MẠCH. (Thiên Linh Khu Quyết Khí).

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI : Bài này luận về nguyên do sanh sản của TINH, KHÍ, TÂN, DỊCH, HUYẾT, MẠCH, so sánh với Sinh Lý Học của hiện thời, tuy có tinh, thô không giống nhau. Song đại ý vi ngôn trong bài, rất rõ ràng.

Tân, dịch, khí, huyết, là những thứ rất cần yếu cho sự dinh dưỡng quán khái trong thân thể con người, nếu bị thiếu thốn tất sanh bệnh hoạn. Cho nên Tinh thoát thì tai điếc, Khí thoát thì mắt mờ, Tân thoát thì phần tấu lý trống rỗng, mồ hôi ra đầm đìa. (mồ hôi ra nhiều thì lâm ba dịch bị hao tán). Dịch thoát thì bộ xương co duỗi không thuận lợi. Huyết thoát thì sắc mặt xanh mét, mạch hư, quan hệ rất lớn.

Trong Sách Nội Kinh nói chữ «Khí» có chỗ chỉ cho thần kinh, có chỗ chỉ cho thể ôn, có chỗ chỉ quan năng của các tạng phủ. Riêng chữ khí ở đây, tựa hồ chỉ cho công dụng của Tim và Phổi. Về hình trạng và công dụng của lâm ba dịch, trong Sách Nội Kinh nhận định cho là «TÂN» thì rất phù hợp, duy có điều ở đây riêng chỉ cho hạn dịch mà nói. Vì sau khi mồ hôi ra quá nhiều, thì toàn phần lâm ba dịch trong thân thể đều bị tổn thất tương đương, mà chỉ khái luận hạn dịch cho là «TÂN», tựa hồ chưa hết ý.



Chữ «dịch» là do Ông hấp dịch, hấp thu chất dịch thể, theo tĩnh mạch cửa qui nạp về tạng Gan, do đại tĩnh mạch đi tạng Tim, đề cấp dưỡng cho phần huyết dịch ở hậu phương. Học thuyết giữa xưa và nay đều giống nhau vậy. Chữ Mạch ở đây là chỉ cho động mạch, người xưa cũng gọi là huyết quản. Duy có câu: trước thân thể mà sanh ấy là TINH, thật là khó hiểu. Nếu «TINH» mà chỉ cho tác dụng «tinh thần» thì trước khi thân hình chưa hoàn bị, làm sao có được tinh thần? Còn chữ «TINH» mà chỉ cho nghĩa «tinh dịch» thì tất phải chờ đến thời kỳ tuổi xuân phát động mới có tinh dịch tiết lậu. Lúc ở trong bào thai (Phôi thai) mà sanh trưởng thì chỉ có Thai Bần, Tề đái (cuống rốn) và từng trên, từng giữa, từng dưới của Phôi điệp mà thôi.

Ý Kiến Dịch Giả: Câu «thường tiên thân nhi sanh, thị vi tinh» theo siển kiến: Ý nghĩa câu này liên hệ với hai câu trên «lưỡng tinh tương bác, hiệp nhi thành hình». Thử viết lại ba câu liên tiếp nhau ra sau đây cho dễ thấy ý nghĩa.

«Lưỡng tinh tương bác, hợp nhi thành hình, thường tiên thân sanh thị vi tinh». (Hai tinh đoàn tụ nhau, hợp lại mà nên thân hình, thường trước thân hình sinh trưởng ấy là tinh) Chữ «tinh» ở sau câu, tác giả có ý muốn làm cho sáng nghĩa của hai chữ «lưỡng hình» ở đầu câu. Nghĩa là do hai tinh (tinh cha huyết mẹ) cấu tạo hợp nhau mà nên thân hình. Cho nên luôn luôn tinh huyết sinh trưởng trước thân hình (thường tiên thân sanh, thị vi tinh) Chữ tinh ở đây là chỉ cho tinh cha huyết mẹ, do tinh cha huyết mẹ sinh trưởng trước, rồi hình thành bào thai sau. Chớ không phải tinh của anh Giáp sinh trưởng trước thân hình của anh Giáp như lời giảng giải.

Ba câu đầu nói về nguyên nhân cấu tạo ra bào thai. Từ câu «thượng tiêu khai phát» trở xuống, mới nói đến việc bào thai ra đời, biết bú biết ăn mà thân thể lần lần được hoàn bị. Khi chưa có hình thể, thì nhờ tinh huyết cấu tạo ra hình thể (thường tiên thân sanh thị vi tinh). Khi thân hình sinh nở dĩ trí trưởng thành, thì con gái 14 tuổi, con trai 16 tuổi, mà Thiên Quí đến, đó là công lệ vậy.

原文：營者，水穀之精也。和調於五臟。洒陳於六腑。乃能入於脉也。衛者，水穀之悍氣也。其氣慄疾滑利，不收入於脉也。故循皮膚之中，分肉之間，薰於盲膜。散於胸腹。逆其氣則病，從其氣則愈。

Dịch Âm Nguyên Văn : Dịch giả, thủy cốc chí tinh giã hòa điều ư ngũ tạng, sái trần ư lục phủ, nãi năng nhập ư mạch giã. Vệ dã, thủy cốc chí càn khí giã. Kỳ khí lật tạt hoạt lợi, bất thu nhập ư mạch giã. Cổ tuần bì phu chí trung, phân nhục chí gian, huân ư hoang mạc tán ư sung phúc. Nghịch kỳ khí tắc bệnh, tông kỳ khí tắc dĩ.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn : Phần dinh ấy là tinh hoa của thủy cốc, điều hòa năm tạng, nhuận rưới sáu phủ, mới có thể vào được ở trong ống mạch vậy. Phần vệ ấy là khí cứng rắn của thủy cốc, khí phần vệ cứng rắn hoạt lý, không thể vào được trong ống mạch. Cho nên đi theo phần bì phu cơ nhục, ung xông trong màng lạc, bố tán trong hông sườn ; nghịch với phần khí thì bệnh, thuận với phần khí thì khỏe.

Kinh Nghĩa và Giảng Giải : Phần dinh là trạng thái tuần hoàn của huyết dịch, phần vệ là tác dụng của thể ôn. Tim ở trong kinh nghĩa, thì cơ hồ hai phần Dinh và Vệ đồng cùng nhau vận du trên một lộ trình. Nói thế không phải ra ý riêng của kẻ biên soạn vậy. Và chồ rất dễ tiếp nhận bệnh độc ở trong thân thể con người, chính lo

thề ôn, khí phong, khí hàn, khí thử, khí thấp một khi xâm nhập thân thề con người, cố nhiên làm cho thề ôn thay đổi hẳn thái độ bình thường như: Bầy tìh làm rối loạn, năm Chứng Lao gây tổn thương, di chí bịnh khuẩn truyền nhiễm, ăn uống trúng độc... Không một bịnh chứhg nào là không gây cho thề ôn Phát sanh xáo trộn. Câu : « nghịch kỳ khí tắc bịnh » nghĩa là : làm chướng ngại sự tuần hoàn của huyết dịch ; phương hại đến sự điều tiết thề ôn, là điều kiện cơ bản gây nên các tật bịnh vậy.

Phụ Biên Lời khảo Cứu ý nghĩa hai chữ « HOANG MẠC » của Ông CAO TỬ TIỀM

Tra cứu ehữ : Mạc Nguyên (膜原) căn cứ trên giải phẫu học thì chỉ nó là Phúc Thống Mạc (腹統膜). Là một thứ màn bằng phẳng bao bọc theo tạng phủ và vách bụng, có 2 công dụng :

- 1) Bảo vệ vị trí của tạng phủ.
- 2) Pnán bí chất hoạt dịch, giúp cho nội tạng hoạt động thuận lợi.

Sách Thuyết Văn nói : Mạc là màng lạc gói bấp thịt. Giải thích tên, và giải thích hình thề : Chữ Mạc, nghĩa là màn, màn với lạc đồng một thề. Nói rộng ra là, lớp áo mỏng bao bọc phần cơ nhục trong thân thề con người, đều gọi là Mạc, như : Nhãn Mạc, nhĩ mạc, cân mạc. Sở dĩ nói kèm với chữ NGUYÊN là riêng chỉ cho Phúc Thống Mạc mà nói. Gọi Mạc nguyên, có nghĩa : đấy là nguồn gốc của các Mạc vậy.

Chữ Hoang (育) cũng có nghĩa như chữ Mạc (膜) Sách Tố Vấn nói : Ung xong trong màng lạc (薰於育膜). Ông Vương Bǎng giải rằng : Hoang Mạc là : tấm màng mỏng che năm tạng ở trong lồng ngực, tức là : Hoành Cách Mạc. Nguồn gốc của nó vốn từ Mạc Nguyên mà sanh ra vậy.



Sách Tố Vấn Luận trong bụng (phúc trung Luận) nói: Nguồn gốc của «Nguyên» ở dưới rốn. Cho nên đau quanh rốn không thể động. Dưới rốn chính là bộ vị của Phúc Thống Mạc, đau quanh rốn không thể động, tức là đau kịch liệt, bệnh Phúc Mạc Viêm nặng lắm vậy.

Ông Vương Bãng Chú thích Thiên Ngược Luận nói: Mạc Nguyên là nguồn gốc của Cách Mạc, lời giải này rất đúng. Nhưng ở Thiên Cử Thống Luận thì lại giải: Mạc là tấm màn trong lồng ngực Nguyên là: nguồn gốc của Cách Hoang; chia ra mà giải, cho Mạc Nguyên là hai vật. Có thể thấy được, sự hiểu biết của Họ Vương đối với hai chữ Mạc Nguyên không mấy rành rẽ.

Sách Sử Ký Biển Thước Thương Công Truyện, có câu: «điệp hoang trào mạc» (攢荒瓜幕) (1) Chữ hoang (荒) này, với chữ hoang (育) này đồng nghĩa. Chữ mạc (幕) này, với chữ mạc (膜) này cũng đồng nghĩa. Hai chữ HOANG MẠC đi đôi với nhau, thừ chữ HOANG tức là: HOÀNH CÁCH MẠC; còn chữ MẠC có thể hiểu ngay là: MẠC NGUYÊN. Nhưng bớt đi một chữ «nguyên» cho gọn câu văn. Tức là chỉ Phúc Thống Mạc mà nói vậy.

(1) Điệp hoang trào mạc, là: Ông Biển Thước có tài cắt da mổ bụng, cắt xén màn lạc để chữa bệnh cho bệnh nhân.

原文：腦為髓海，腹中為氣海，衝為血海，胃為水穀之海，

Dịch Âm Nguyên Văn: Não Vi Tủy Hải, Đản Trung Vi Khí Hải, Xung Vi Huyết Hải, Vị vi thủy cốc chi hải.

Dịch Âm Nguyên Văn: Não là biển chứa Tủy, Phủ Đản Trung là biển chứa hơi, Mạch Xung là biển chứa máu, Phủ Vị là biển chứa nước cơm.

Kinh Nghĩa Và Giảng Giải: Thành phần tở chức giữa óc và cột tủy có phần giống nhau. Cho nên Sách Nội Kinh nói óc là biển



chứa tủy. Duy có trong óc thì thần kinh bố trí đông đặc, chuyên giữ về sự tri giác vận động cho toàn thân, thì không thể xem là đồng đẳng với cốt tủy. Đản Trung là: chỉ cách tổng quát sự tuần hoàn của tạng Tâm, và hô hấp của tạng Phổi mà nói. Trong lồng ngực có một thứ lực lượng rất to tác, đề thúc đẩy cho sự hô hấp của tạng Phổi, và cò động cho sự động tác của tạng Tâm. Lực lượng động tác này, thì trong Sinh Lý Học của Tây Y chưa hề nói đến. Sách Nội Kinh nhận cho là «TÔN KHÍ»

Mạch Xung là biên chứa máu, tựa hồ chỉ cho Đại Động Mạch. Còn Dạ Dầy là chỗ dung nạp thủy cốc. Cho nên gọi Phủ Vị là biên chứa nước cơm, thì rất rõ ràng dễ hiểu.

原文：經脉別論曰 食氣入胃，散精於肝。淫氣於筋，食氣入胃。濁氣歸心，淫精於脉，脉氣流經，經氣歸於肺，肺朝百脉。輸精於皮毛。

Dịch Âm Nguyên văn: Kinh Mạch Biệt Luận Viết: Thực khí nhập vị, tán tinh ư can, dâm khí ư cân. Thực khí nhập vị trực khí qui tâm, dâm tinh ư mạch, mạch khí lưu kinh, kinh khí qui ư Phế, Phế triều bá mạch, du tinh ư bì mao.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn: Thiên Kinh Mạch Biệt Luận nói: Vật thực ăn vào dạ dày, thì tinh của năm mùi bố tán qua Gan, khí của năm mùi tràn thấm vào gân, Vật thực ăn vào dạ dày, thì trực khí của năm mùi qui nạp về tạng Tâm, tinh của năm mùi tràn thấm vào mạch, khí ở mạch trôi động về kinh, khí ở kinh qui nạp về Phổi. Phổi triều hội trăm mạch, du tổng tinh hoa ra phần bì mao.

Kinh Nghĩa và Giảng Giải: Tiết này nói: sau khi vật thực dinh dưỡng ăn vào dạ dày, trải qua các công tác: Tiêu hóa, tiếp thu và phân phối... mà phán định một ý nghĩa: Công dụng của gan là chế tạo đường chất, và phân bí nước mật. Vả lại chất huyết dịch chứa



đựng trong gan chiếm $1/4$ của toàn bộ. Người xưa nói: Tạng gan chứa máu (can tàng huyết) thật là trác kiến. Sở dĩ nói: Tinh của vật thực bố tán qua gan (散精於肝) là chỉ cho thấy sau khi tiêu hóa, chất dịch thè trong ống hấp dịch, trước nhứt từ tĩnh mạch cửa du tổng vào gan, tạng gan hấp thu thành phần đường chất, chứa đựng vào đây, rồi lại điều tiết dụng lượng, mà cung cấp cho các bộ phận khác cách đồng đều, không thái quá bất cập.

Câu: Khí trực qui nạp về tạng Tâm (濁氣歸心). Chữ trực là chỉ cho hậu vị của vật thực. Thiên Âm Dương Thanh Trực nói: Thụ hưởng cốc khí gọi là Thanh, thụ hưởng cốc vị gọi là trực. Là chỉ cho ống hấp dịch, hấp thu chất nhũ my trong trường vị, trải qua tĩnh mạch cửa, truyền sang đại tĩnh mạch, mà thẳng vào tâm phòng.

Sở dĩ nói: Khí của năm mùi tràn thấm vào gân, tinh của năm mùi tràn thấm vào mạch. (氣淫於筋。精淫於脉) Chữ Dâm ở đây, có nghĩa là tràn trề ra ngoài. Vì người xưa nghi gan chủ về gân, tim chủ về mạch. Cho nên nói: từ Gan thì vào Gân, từ Tim thì vào mạch.

Sở dĩ nói: Khí ở mạch trôi về Kinh, Khí ở Kinh qui nạp về Phổi (脉氣流經，經氣歸於肺). Là chỉ định con đường tuần hoàn của huyết dịch: Từ tĩnh mạch cửa của Gan tuần hoàn đến đại tĩnh mạch, rồi từ đại tĩnh mạch tuần hoàn trải qua tạng Phổi, hít dưỡng khí vào nhả thán khí ra. Rồi lại đi theo tạng Tâm vào đại động mạch. để phân phối cho các tổ chức trong toàn thân.

Đủ thấy người xưa thấu triệt sự tuần hoàn của huyết dịch luôn luôn liên hệ với ba bộ phận: GAN, TIM và PHỔI, cách rất

tường tận. Nhưng sự phân phối cho các tổ chức khắp trong thân thể là do sự thúc đẩy của đại động mạch của Tim. Phổi không thể riêng yêu về phần bì mao. Cần nên theo thời mà tu chỉnh.

原文：飲入於胃，游溢精氣。
上輸於脾。脾氣散精。上歸於肺，通調水道，下輸膀胱。水津四佈。五經並行，合於四時五臟陰陽，揆度以爲常也。

Dịch Âm Nguyên Văn: Âm nhập ư vị, du dật tinh khí, thượng du ư tỳ, tỳ khí tán tinh, thượng qui ư phế, thông điều thủy đạo hạ du Bàng quang, thủy tân tứ bố, ngũ kinh tịnh hành, hiệp ư tứ thời ngũ tạng âm dương, quĩ độ dĩ vi thường giã

Dịch Nghĩa Nguyên Văn: Uống nước vào Dạ Dày, nhuần thấm tinh khí, du tống lên tỳ, tỳ khí bố tán thủy tinh, lên trên qui nạp về Phổi, hơi Phổi giúp cho đường nước thông sướng điều hòa, du tống xuống Bàng quang, thủy tân bố tán cùng khắp, lưu hành khắp trong năm kinh. Hợp với bốn mùa năm tạng âm dương suy lường lấy làm thường vậy.

Kinh Nghĩa Và Giảng Giải: Tiết trước nói về sự hấp thu dinh dưỡng của vật thực; tiết này nói về sự bài tiết của nước uống. Sở dĩ nói: du tống lên Tỳ (上輸於脾) Chữ Tỳ này không phải chất nước ngọt giúp cho sự tiêu hóa của lá mía, cũng không phải chỉ cho công dụng chế tạo hồng huyết cầu của tỳ tạng. Thế thì chữ Tỳ này, phải giải thích như thế nào?

Sách Nội Kinh nói: Tỳ là một bộ phận giúp cho vị, để lưu hành nước tân dịch (脾爲胃行其津液者也.) Do đây có thể biết được «Tỳ» là chỉ cho năng lực hấp thu phần nước chứa trong trường vị. Người xưa thường lấy một chữ Tỳ để chỉ bao quát cho tác dụng của trường vị. Nhà Sinh Lý học nói: Chất nước uống vào Dạ Dày



sau khi trải qua sự hấp thu, thì một phần vào trong huyết dịch, tuần hoàn khắp thân thể, một phần xuống Thận, trải qua Thận Vu bài tiết xuống ống du niệu qua Bàng-quang. So sánh với thuyết xưa nói: Chất nước do theo miệng dưới của phủ Tiểu trường, phi độ qua phủ Bàng quang không giống nhau.

Câu: Chất thủy tân bố tán cùng khắp, lưu hành trong năm kinh (水津四佈, 五經並行). nghĩa là chất nước tuần hoàn khắp châu thân sau khi uống vào Dạ Dày. Đường thủy đạo không thông, lắm khi do hơi Phổi bị ủng tắc gây ra, cho nên dùng phương thuốc tuyên thông hơi Phổi, tức thì đường tiểu tiện được thông lợi. Việc này tìm trên Giải Phẫu Học, vẫn không rõ được lý do.

Câu: Hợp với bốn mùa năm tạng âm dương (合於四時五臟陰陽) lại là nói về thông tắc của bệnh cơ, không phải chuyên thuyết pháp về đoạn này.

原文：靈蘭秘典論曰 凡此十二官者，不得相失也，故主明則下安，以之養生則壽。主不明則十二官危。使道閉塞而不通形乃大傷。又曰凡十一臟取決於膽也。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Linh Lan Bí Điển Luận Viết: Phàm thủ thập nhị quan giả, bất đắc tương thất giả. Cố chủ minh tắc hạ an, dĩ chi dưỡng sanh tắc thọ. Chủ bất minh tắc thập nhị quan nguy, sứ đạo bế tắc nhi bất thông, hình nãi đại thương. Hựu Viết: Phàm thập nhất tạng tạng thủ quyết ư đảm giả.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Thiên Linh Lan Bí Điển Luận rằng: Ở đây kê ra tất cả là mười hai (12) quan chức, mỗi vị giữ lấy một bồn phận, không được thất thổ lẫn nhau vậy. Cho nên



chủ minh triết thì kẻ dưới an, lấy đó mà dưỡng sinh thì sống lâu. Chủ bất minh thì mười hai quan nguy, Bường sứ đạo bế tắc không thông, thì thân thể bị tổn thương nặng. Lại nói: mười một vị quan đều phải tuân theo sự quyết đoán của phủ Đám (mặt.)

KINH NGHĨA và GIẢNG GIẢI: Tiếp theo tiết thứ nhất nói: Tạng Tâm giữ ngôi quân chủ, thông minh sáng suốt do đấy phát xuất. Phôi giữ chức Tương Truyền, sửa trị chùng mực do đấy phát xuất. Tạng Gan giữ chức Tướng Quân, mưu toan lo nghĩ do đấy phát xuất. Phủ Đám giữ chức Trung Chánh, quyết đoán từ đấy phát xuất. Tạng Tỳ, Phủ Vị giữ chức Thương Lâm, nắm mùi của vật thực từ đấy phát xuất. Phủ Đại Trường giữ chức Truyền Đạo, biến hóa cặn bã từ đấy phát xuất. Phủ Tiểu Trường giữ chức Thọ Thận vật dinh dưỡng, tiêu hóa từ đấy phát xuất. Tạng Thận giữ chức Tác Cường, khéo léo từ đấy phát xuất. Phủ Tam Tiêu giữ chức Quyết Độc, đường nước do đấy phát xuất. Phủ Bàng Quang giữ chức Châu Đô, chứa đựng nước tân dịch, khí hóa tni tiểu tiện thông ra.

Lấy tạng phủ phân phối làm mười hai quan, tỳ lại nhập một còn lại mười một quan. Theo tỷ lệ xưng danh quan chức thật là lạ lùng, và tự thuật quan năng của tạng phủ cũng không thiết thực. Vì vậy nên thiên này không được kẻ biên soạn giải thích, mà ở đây chỉ thuật lại những câu: « Chủ anh minh thì kẻ bề dưới an, lấy đó mà dưỡng sinh thì sống lâu; Chủ bất minh thì mười hai quan nguy, đường sứ đạo bế tắc mà không thông, thân hình bị thương tổn nặng » để thấy ngoài mười hai tạng phủ ra, lại còn có một bộ phận khác làm chủ tề. Bộ phận ấy chính là NÃO THẦN KINH vậy. Nên tham khảo thêm khoa Sinh Lý Học nói về THẦN KINH HỆ THỐNG.

Tiết thứ hai, biên sáu tiết của Tạng Tượng Luận : Lấy Tạng Tâm, tạng Phổi, tạng Thận, tạng Gan để phân phối với bốn khí của bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông. Cho Tạng Tỳ. Phủ Vị, Phủ Đại Trường, Phủ Tiểu Trường, Phủ Tam Tiêu, Phủ Bàng Quang là căn bản của kho tàng dự trữ, và có công năng tiêu hóa bài tiết cặn bã. Duy có câu : thông ư thổ khí (通於土氣) thì ý tứ tựa hồ cho là tạng tỳ thuộc hành Thổ, Ký Vượng theo bốn mùa. — Nhưng viết khẳng định mười một tạng phải tuân theo sự huyết định của Phủ Mật (mật), thì cần phải nghiên cứu lại.

Theo sự tra cứu, thì thấy nước mật ở trong bộ tiêu hóa có ba công dụng. Tiêu hóa chất dầu mỡ. — Ngăn chặn sự sanh men hóc giấm do vật thực đình tích ở trường vị gây ra, và thúc đẩy vách ruột nhu động. Người xưa nói là hành mộc có công năng sơ tiết hành Thổ (木能疎土) hay : [can chủ sơ tiết (肝主陳洩) thật là trác kiến.

Mật chỉ có công năng như vừa kể vậy thôi. Nếu đem Phủ Mật gát lên trên tất cả các tạng phủ khác, cho là mười một tạng phủ đều phải tuân theo sự quyết định của Phủ Mật thì e quá đáng. Hay là chữ Não (腦) mà viết lầm ra chữ Đãm (膽) Nghĩa là mười một tạng phủ đều phải tuân theo sự quyết định của Ốc. Vì não thần kinh mới có khả năng chi phối các tạng phủ. Nên nói : Mật có công dụng điều tiết cơ năng là đúng hơn. Cần phải tu chỉnh lại theo học thuyết của hiện thời.

原文：肺合大腸，大腸者。傳道之府。心合小腸，小腸者，受盛之府。肝合膽，膽者。中精之府，脾合胃。胃者。五穀之府，腎合膀胱，膀胱者。津液之府，三焦者。中瀆之府。水道出焉。屬膀胱，是孤之府。(靈樞本輸篇)



DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN: Phế hợp Đại trường. Đại trường giả, truyền đạo chi phủ. Tâm hợp Tiểu trường. Tiểu trường giả, thọ thanh chi phủ. Can hợp Đâm, Đâm giả. Trung tinh chi phủ. Tỳ hợp Vị, Vị giả, ngũ cốc chi phủ. Thận hợp Bàng quang. Bàng quang giả, Tân dịch chi phủ. Tam tiêu giả, Trung độc chi phủ. Thủy đạo xuất yên. Thuộc Bàng quang, thị cô chi phủ. (Linh Khu Bồn Du Thiên.)

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN: Phổi hợp với ruột già, ruột già ấy là: Phủ truyền đạo. Tâm hợp với ruột non, ruột non ấy là: phủ thọ thanh. Gan hợp với mật, mật ấy là: phủ trung tinh. Lá Mía hợp với Dạ Dày, Dạ Dày ấy là: phủ ngũ cốc. Trái Cật hợp với Bọng đái, Bọng đái ấy là: Phủ tân dịch. Tam tiêu là: phủ trung độc, đường nước xuất phát nơi đây vậy. Liên thuộc với bọng đái, là: phủ cô độc vậy. (Thiên Linh Khu Bồn Du.)

經義：肺心肝脾腎。爲五臟，每臟必合一府。三焦是府而非臟，無所合故稱孤府，

DỊCH ÂM KINH NGHĨA: Phế, Tâm, Can, Tỳ, Thận, vi ngũ tạng, mỗi tạng tất hợp nhứt phủ. Tam tiêu thị phủ nhi phi tạng, vô sở hợp, cổ xưng cô phủ.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA: Phổi, Tim, Gan Tỳ, Thận là năm tạng. Mỗi tạng tất phối hợp với một phủ. Tam tiêu là phủ chứ không phải tạng, không phối hợp với ai. Cho nên gọi là cô phủ (phủ mồ côi).

GIẢNG GIẢI: Những câu tạng Phổi hợp với phủ Đại trường tạng Tâm hợp với phủ Tiểu trường. Các y gia đời xưa nói đến cách trịnh trọng. Song đường lối hợp nhau như thế nào? thì khoa Sinh Lý Giải Phẫu Học hiện thời, vẫn không cách nào nghiên cứu



tìm hiểu được. Như tạng Gan phân bí nước Mật; Tụy dịch vào thập nhị chỉ trường, giúp cho sự tiêu hóa; Thận Vu phân lợi nước tiểu tiện, từ ống du niệu dẫn đến bọng đái; Phủ Tiểu trường dung, hóa vật dinh dưỡng, do ống hấp dịch, hấp thu đưa vào tạng tâm, Có phải chăng, thầy thuốc xưa nói chữ «Hợp» là chỉ cho công dụng của các cơ năng này mà nói? Thật tình chưa dám quyết định. Song với công năng này thì cũng còn có thể lãnh hội được. Chỉ ư câu: Phổi hợp với Đại trường, thì soạn giả kiến thức còn sơ siển, không dám giải bướng.

Nếu như nói: Phổi bị chứng đình đàm tích thủy, ngoài phương pháp chữa trị bằng thuốc phát hàn ra, dùng thuốc thông sởi đại tiện cũng rất thần hiệu. Cho nên phương pháp trị liệu chứng Phổi sưng ho hen của Ông Trọng Cảnh, không ngoài Thang Việt Tỳ, Thang Tiểu Thanh Long, Thang Đình Lịch Tả Phế, Thang Thập Táo. Song không thể dùng thuốc sơ thông ruột già, chữa trị khỏi bệnh Ho Hen Sưng Sốt ở Phổi mà cho là Phổi hợp với Đại trường.

Ông Trương Trọng Cảnh trị chứng tâm khí Bất túc (đây là nguyên văn của sách Kim Quĩ cần được giải riêng) ứ huyết mửa máu, thường dùng thang: Đại Hoàng Hoàng Liên Tả Tâm. Thế thì có thể nói: Tạng Tâm cũng có thể hợp với phủ Đại trường hay sao? Kinh Thái Âm bệnh đầy hơi đau bụng, dùng Thang Quế Chi Gia Đại Hoàng, thì tạng Tỳ cũng có thể hợp phủ Đại trường sao? Tiểu tiện nhiều từ giọt không thông, dùng thuốc tuyên thông tạng Phổi mà hiệu nghiệm, thì tạng Phổi cũng có thể hợp với phủ Bàng quang hay sao? Cao nên đoạn này nên đề tồn nghi, chờ có người biết sẽ giải thích sau.

Lại Tây y cho phương pháp trị liệu của Đông y như Phổi có :



đàm nhót. trong bụng bình tích huyết, mà dùng Vị Đại Hoàng chữa trị, cho là thuốc hiệu nghiệm, thật là vô ý thức. Song sự trị liệu của Đông y phần nhiều căn cứ trên chỗ lâm sàng kinh nghiệm, mà không căn cứ trên sự tri thức của giải phẫu học. Sự dùng Vị Đại Hoàng trị bệnh Đĩnh Đàm Tích Huyết có hiệu nghiệm là rất thực tế. Còn việc Sinh Lý Giải Phẫu Học không thể thuyết minh được lý do của Đông y Lý, lại cũng là thực tế. Không thể vì sự tri thức còn thô sơ của Khoa Sinh Lý Giải Phẫu Học hiện đại, mà lại mặt sát sự kinh nghiệm cả mấy ngàn năm của Đông y. Nhân loại học thuyết này, với ý nghĩa câu: Phôi với Đại trường có liên hệ lẫn nhau, nên được đề cập ra đây, để cùng suy gẫm.

Vả lại câu chuyện dùng Vị Đại Hoàng trị bệnh Đĩnh Đàm Ứ Huyết có hiệu nghiệm, không thể đem ra đây để giải thích câu « Phế hợp Đại trường » Nhưng vì cùng một loại trị liệu theo phương pháp dụ đạo. Như: Sách Nội Kinh biên : Bệnh ở trên thì lấy ở dưới, bệnh ở dưới thì lấy ở trên, bệnh ở giữa thì lấy qua hai bên. Chính là cách trị liệu theo tác dụng « Dụ Đạo », hiệu nghiệm trên chỗ làm cho thần kinh bị ngưng kết được di chuyển vậy.

Lại nữa câu Bàng quang là phủ của tân dịch, Sách Nội Kinh nói đi nói lại nhiều lần. Nhưng tìm hiểu theo sự tri thức của y học hiện đại cũng chưa thấy được giải thích cách minh xác. — Còn Tam tiêu là chỉ cho ống lâm ba, là con đường tuần hoàn của lâm ba dịch. Vì lâm ba là dịch thể, cho nên nói: Chỗ xuất phát của đường nước Còn ba chữ « thuộc bàng quang » e là thừa. Bởi Lâm ba là chất dịch thể, không giống như nước tiểu tiện, Nên Sách Nội Kinh nói: Bàng quang là phủ của tân dịch, Tam tiêu là chỗ xuất phát của đường nước tựa hồ kia đây đối chọi nhau, mới phù hợp với học thuyết của cận đại.

CHƯƠNG THỨ IV

色 診 SẮC CHẨN

原文：青如草茲者死，黃如枳實者死，黑如炲者死，赤如衄血者死，白如枯骨者死，此五色之見死也，青如翠羽者生，赤如鷄冠者生，黃如蟹腹者生。白如豕膏者生，黑如烏羽者生。此五色之見生也，五臟生成篇（註）左傳何故使我水茲，杜註茲：黑色也。炲烟煤，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN: Thanh như thảo tư giả tử; Hoàng như Chi Thiết giả tử; Hắc như đài (thai) giả tử; Xích như phầu huyết giả tử; Bạch như khô cốt giả tử; Thử ngũ sắc chi hiện tử giả.— Thanh như thúy vũ giả sanh; Xích như kê quán giả sanh, Hoàng như giải phúc giả sanh; Bạch như thủy cao giả sanh; Hắc như ô vũ giả sanh. Thử ngũ sắc chi hiện sanh giả. Ngủ tạng sanh thành thiên (chú). Tả truyện hà cổ sử ngã thủy tư. Đồ chú: Tư: Hắc sắc giả, Đài yên môi.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN: Xanh đậm đen như màu cỏ là chết; Vàng như màu trái Chi Thiết (chín) là chết; Đen như màu khói đèn là chết. Bỏ bầm như màu máa đặc là chết; Trắng như màu xương khô là chết. Năm sắc này hiện ra là chết vậy.

Xanh như màu lông chim Sả là sống; Đỏ như mào mòng gà thì sống; Vàng như màu bụng cua thì sống; Trắng như màu mỡ heo thì sống; Đen như màu lông quạ thì sống. Năm sắc này hiện ra thì sống vậy. (Thiên Ngủ Tạng Sanh Thành) Lời chú của Họ



Đồ, chữ «tư» nghĩa là : sắc đen; chữ «đài» nghĩa là : khói lọ.

KINH NGHĨA GIẢNG GIẢI: Nhan sắc ở trên mặt luôn luôn phải được duy trì ở mức độ bình thường. Nếu thấy xanh đen như cỏ, vàng như trái Chi Thiết, đen như khói đèn, đỏ như máu đặc, trắng như xương khô là không thích hợp; mà muốn được xanh như lông chim sả, đỏ như mồng gà, vàng như bụng cua, trắng như mỡ heo, đen như lông chim quạ, thì có chắc là mạnh khỏe chăng? Phàm quan sát bệnh tình, tất không nên quan sát phiến diện, mà cần phải tham hợp các trạng chứng khắp trong thân thể lại để nghiên cứu thêm, thì mới chu đáo được.

Sách Nội-Kinh nói về loại này không được mấy nhứt trí, như: Thiên Tuyên Minh Ngũ Sắc nói: Màu đỏ muốn như lụa mỏng gói vị Chu Sa, không muốn như màu Đại Giả Thạch — Màu trắng muốn như lông ngỗng, không muốn như muối — Màu xanh muốn như Thương-Bích (1) tươi nhuận, không muốn như chàm — Màu vàng muốn như lụa mỏng bọc vị Hùng Hoàng, không muốn như đất sét — Màu đen muốn như nước sơn, sơn phết nhiều lớp, không muốn như bùn sinh. Bài xem khí sắc này so sánh với bài trên, không hoàn toàn giống nhau, cần phải tham hợp nghiên cứu.

Lại nữa, tùy theo sự biến hóa của bệnh chứng thúc đẩy ở bên trong, mà khí sắc ở bên ngoài biến hóa theo. Hiện tại trên phương diện chẩn đoán học có thể nhận thấy, như: Bệnh thất huyết thì trên mặt trắng mét, thất sắc. — Bệnh Cấp tính phát nóng thì trên mặt đỏ — Bệnh ứ huyết, và uốn gân, tĩnh mạch bị uất huyết thì mặt xanh — Bệnh Hoàng Đản thì mặt vàng. — Bệnh Cấp tính truyền nhiễm, thì trên mặt tựa hồ như bần như khói đèn dính. Lại nữa



Bệnh Chi Âm (2) Bệnh Nữ Lao Đản, trên mặt cũng lấm khi hiện lên màu đen.

Đây là một phần hiện tượng của chứng bệnh lộ ra khí sắc, để quyết đoán bệnh ấy, có thể chữa khỏi hay không khỏi, dễ chữa hay khó chữa. Nhưng cần phải chần sát thêm các trạng chứng khác, khắp trong thân thể, để tìm hiểu chứng hậu cách tình tường. Không nên câu chấp ở một thành kiến, mà khẳng định sự sanh tử.

Vã lại, xem xét khí sắc, cũng phải lấy bệnh chứng làm gốc, Nếu không tìm hiểu chứng hậu rành rẽ, chần đoán cần thận, chỉ nhìn lấy khí sắc bên ngoài mà quyết đoán sự sống chết, thì e khó tránh được sự câu chấp, tự phong cho chỗ thấy biết của mình là thần thánh.

-
- 1) Thanh Bích tức là Thanh Ngọc. Màu xanh nhạt hơi pha màu vàng.
2) Chi Âm, lá bệnh Đàm Âm kích thích ở hông sườn.

原文：庭者，首面也。闕上者，咽喉也。闕中者。肺也。下極者。心也，直下者，肝也，肝左者，胆也，下者脾也。方上者胃也，中央者大腸也，挾大腸腎也，當腎者臍也，面王以上者小腸也。面王以下者膀胱子處也，顴者肩也，顴後者臂也。臂後者手也。目內眥上者膺乳也。挾繩而上者背也。循牙車以下者股也，中央者膝也，膝以下者脛也。當脛以下者足也，巨分者股裏也。巨闕者膝臍也。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Đình giả, thủ diện giả. Khuyết thượng giả, yết hầu giả. Khuyết trung giả, phế giả. Hạ cực giả, tâm

giã. Trục hạ giả, can giả. Can tả giả, đảm giả. Hạ giả, tỳ giả. Phương thượng giả, vị giả. Trung ương giả đại trường giả. Hiệp đại trường hện giả. Đương thận giả, tề giả. Diện vương dĩ thượng giả, tiều trường giả. Diện vương dĩ hạ giả, bàng quang tử xứ giả. Quyền giả, kiên giả. Quyền hậu giả, tý giả. Tý hậu giả, thủ giả. Mục nội chủ thượng giả, ưng nhủ giả. Hiệp thẳng nhi thượng giả, bối giả. Tuần nha xa dĩ hạ giả, cồ giả. Trung ương giả tất giả. Tất dĩ hạ giả kinh giả, Đương kinh dĩ hạ giả, túc giả. Cự phần giả, cồ lý giả. Cự khuyết giả, tất tàn giả.

CHÚ :

- 1) Đỉnh : tướng gia gọi là thiên đỉnh.
- 2) Khuyết : ở khoản giữa hai chân mày.
- 3) Hạ cực : Chỉ ở dưới Khuyết, ở giữa hai mắt, tướng gia gọi là « Sơn Căn ».
- 4) Trục hạ : tức là sống mũi, tướng gia gọi là « Niên Thọ ».
- 5) Hạ giả : chỉ đầu sống mũi.
- 6) Phương thượng : chỉ hai bên (mang) lỗ mũi.
- 7) Trung ương : bên ngoài huyết nghinh hương dưới xương gò má.
- 8) Hiệp Đại Trường : phía trên má vẩy.
- 9) Diện vương : cũng chỉ đầu sống mũi.
- 10) Thẳng : phía bên ngoài má, răng : « Thẳng ».
- 11) Trung ương : tựa hồ chỉ trong huyết Hiệp-xa.
- 12) Cự phần : lằn chỉ to hai bên khố miệng.
- 13) Cự khuyết : lá xương cong dưới má.



KINH NGHĨA và GIẢNG GIẢI: Thầy thuốc đời xưa, lấy bộ vị trên mặt làm phân dã cho các bộ phận trong thân thể. Chỉ như việc căn cứ vào đầu mà nói, thì kẻ biên này thấy biết cạn hẹp, không thể đo lường nổi chỗ cao thâm. Chỉ biên ra đây với tính cách tồn cồ, cho thấy một loại trong phương pháp chẩn đoán của thời thượng cồ vậy. Vì vậy nên bài Dịch Nghĩa Nguyên Văn này sắp sau bài chú thích và bài Kinh Nghĩa Giảng Giải cho dễ nhận xét.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Thiên đình (1) ấy là đầu và mặt vậy. Khuyết thượng (2) ấy là yết hầu vậy. Khuyết trung ấy là phổi vậy. Hạ cực (3) ấy là tâm vậy. Trục hạ (4) ấy là gan vậy. Bên trái của gan ấy là mật vậy. Hạ giả (5) ấy là Tỳ vậy. Phương thượng (6) ấy là Vị vậy. Trung ương (7) ấy là đại trường vậy. Hiệp đại trường (8) ấy là Thận vậy. Ngang với Thận là Rốn vậy. Diện vương (9) trở lên ấy là Tiểu Trường. Diện vương trở xuống ấy là Bàng quang và tử xử vậy. Xương cao trên gò má ấy là bả vai vậy. Phía sau xương cao trên gò má là cánh tay vậy. Dưới cánh tay ấy là bàn tay vậy. Phía trên khoe trong con mắt là lồng ngực và vú vậy. Hiệp với Thằng (10) mà đi lên ấy là lưng vậy. Noi theo huyết Nha Xa mà đi xuống ấy là trái vế vậy. Trung ương (11) ấy là đầu gối vậy. Đầu gối trở xuống ấy là ống chân vậy. Tiếp theo ống chân là bàn chân vậy. Cự phân (12) ấy là phía trong bắp vế vậy. Cự Khuyết (13) ấy là bánh chè vậy.

(Giải thích thấy trên)



原文：明堂者鼻也，闕者眉間也，庭者顏也。蕃者頰側也。蔽者耳內也，五臟次於中央。六腑挾其兩側，真色以致，病色不見。明堂潤澤以清。（靈樞五色篇）

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Minh Đường giả tỷ giả. Khuyết giả ; mi gian giả. Đình giả, nhan giả. Phồn giả, hiệp trắc giả. Tế giả, nhĩ nội giả. ngũ tạng thứ ư trung ương, lục phủ hiệp kỳ lưỡng trắc. Chân sắc dĩ trí, bệnh sắc bất kiến. Minh đường nhuận trạch dĩ thanh. (Linh Khu ngũ sắc thiên).

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Minh đường ấy là mũi vậy. Khuyết ấy là khoảng giữa chân mày vậy. Đình ấy là mặt vậy. Phồn thịnh ấy là hai bên má vậy. Màn che ấy là ở trong lỗ tai vậy. Năm tạng ở ngay trung ương, sáu phủ kề hai bên. Màu chân khí bố trí lên, thì màu bệnh không xuất hiện. Ngôi Minh đường tư nhuận và trong sáng (Linh Khu Ngũ sắc thiên).

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI : Đây là giải thích danh xưng của bộ vị trên mặt, đặc biệt lấy ngôi Minh đường làm chủ. So sánh với Ông trương Trọng Cảnh chồ nói: Màu sắc ở đầu lỗ mũi hơi đen ấy là có hơi nước (Phổi bị đàm ẩm) Vàng thì trong lồng ngực lạnh, trắng thì bị thất huyết vậy. Sự lập luận tuy không giống nhau, nhưng đều chú trọng ở mũi vậy.





惠平 Wei-Ping Wu 氏學習針灸。
Malcolm Henry Stemp 赴中國從吳
【第 370 圖】英國醫學博士史坦普

Y Học Bác Sĩ Nước Anh là Ông Sử Đát Phô
(Malcolm Henry Stemp) đến Trung Quốc theo
học tập châm cứu với Ông Ngô Huệ Bình.

原文：赤色出於兩顴，大如拇指，病
雖小愈必卒死。黑色出於庭，大如拇指，必不
病而卒死，

原文：寒多則凝泣，凝
泣則青黑，熱多則淖澤，淖澤則黃赤。

原文：沉濁爲內，浮澤爲外。

原文：察其浮沉，以知淺深。察其澤夭，
以觀成敗。察其搏散以知遠近。察其上下，
以知病處，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : 1.— Xích sắc xuất ư lưỡng
quyền, đại như mâu chỉ, bệnh tuy tiều dữ, tất sốt tử. Hắc sắc xuất
ư đình, đại như mâu chỉ, tất bất bệnh nhi sốt tử.

2.— Hà đa tắc ngưng khắp, ngưng khắp tắc thanh hắc, nhiệt
đa tắc tráo trạch, tráo trạch tắc hoàng xích.

3.— Trầm trước vi nội, phù trạch vi ngoại.

4.— Sát kỳ phù trầm, dĩ tri siền thâm, sát kỳ trạch yếu, dĩ quan thành bại, sát kỳ bác tán, dĩ tri viễn cận, sát kỳ thượng hạ, dĩ tri bịnh xứ.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : 1.— Sắc đỏ xuất hiện ở hai bên gò má, lớn như ngón tay cái, bịnh tuy giảm bớt chút đỉnh tất phải chết thành linh. Sắc đen xuất hiện ở thiên đình, lớn bằng ngón tay cái, tất không chờ có bịnh, mà chết thành linh.

2.— Lạnh nhiều thì ngưng động, ngưng động thì sắc đen xanh, Nóng nhiều thì nhuận thấm, nhuận thấm thì sắc vàng đỏ.

3 — Sắc chìm đục là bịnh ở trong, sắc tươi nhuận là bịnh ở ngoài.

4.— Xét khí sắc chìm nổi, biết bịnh cận sâu, xét khí sắc nhuận trạch hay yếu suy, biết nên hư. Xét khí sắc động tan, biết bịnh xa gần (lâu mau), xét ở bộ phận trên dưới, biết được chỗ ở của bịnh.

KINH NGHĨA VÀ GIẢI NGHĨA :

1.— Sắc đỏ hiện ra hai bên gò má, như bịnh lao phổi ở vào thời kỳ thứ hai, hay biến chứng phát nóng đồ mồ hôi trộm, nóng trong xương (cốt chưng) và hai má ửng đỏ, là điềm bất tường về sau. Cho nên nói : Mặc dầu thấy bịnh thuyên giảm ít đỉnh, nhưng hay chết bất ngờ — Mau đen xuất hiện ở thiên đình, tựa hồ Sách Kim Quỹ nói : Sắc mặt nám đen là hiện tượng của Chứng Chi Âm Chứng Tửu Đản và Chứng Tử Lao Đản. Nhưng cứu cánh có thể biết được an nguy, sống chết, tất phải chờ khi « lâm sàng chẩn đoán » khảo sát thêm đầy đủ mới quyết định được.

2.— Lạnh thì cơ năng trong thân thể lui giảm, huyết dịch ở tĩnh mạch bị đình trệ, cho nên hiện lên sắc xanh đen. Nóng thì cơ

năng trong thân thể ăng tẩn, huyết dịch ở động mạch xung động, cho nên hiện lên mặt đỏ, kèm theo phiền táo và khát nước. Sách Nội Kinh nói : « Sắc xanh đen thì đau bụng, sắc vàng đỏ thì nóng » là chỉ ở đoạn này vậy.

Song màu vàng hiện lên trên mặt, phần nhiều là thuộc về chứng Hoàng Đản. Cũng không phải hoàn toàn thuộc về bệnh nóng.

3. — và 4. — Bốn chữ « trầm trọc phù trạch » là chỉ cho sự ẩn hiện của khí sắc. Cho là khí sắc trầm trệ, hoặc phù lộ không giống nhau, cần phải phân biệt sắc nào là bệnh ở trong, sắc nào là bệnh ở ngoài. Cho nên nói : Thấy màu sắc nổi chìm mà biết được bệnh độc ở cạn hay sâu.

Còn như bốn chữ : (Trạch yếu bác tán) là lấy màu sắc sáng nhuận hay tươi héo, cùng sự phơi bày ra ngoài của nó mà đoán định.

原文：常候關中，薄澤爲風，冲濁爲痹。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Thường hậu khuyết trung, bạc trạch vi phong, xung trọc vi tỷ.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : Thường thăm chừng ở phần Khuyết Trung, màu sắc mỏng nhuận là bệnh phong ; màu sắc gợn đục là bệnh tê.

KINH NGHĨA VA GIẢNG GIẢI : Bộ vị khuyết trung ở khoảng giữa hai chân mày. Bệnh phong ở phần trên bì mao hứng chịu trước nhứt. Cho nên sắc mỏng mà tươi nhuận. Bệnh Tê ở phần dưới cơ nhục, quan tiết hứng chịu trước nhứt. Cho nên sắc chìm đục. Đại khái bài này lấy sắc tố cạn sâu, để phân biệt bệnh chứng.



CHƯƠNG V

脉 診 MẠCH CHẨN

原文：氣口成寸，以決死生，脉出於氣口，色見於明堂。 (靈樞五閱五使篇)
卒持寸口，何病能中， (微五色論)

DỊCH AM NGUYỄN VĂN: Khí khẩu thành thốn, dĩ quyết tử sanh, mạch xuất ư khí khẩu, sắc hiện ư minh đường (Linh Khu Ngũ Duyệt Ngũ Sử thiên.) Tốt trì thốn khẩu, hà bệnh năng trung. (Trưng Ngũ Sắc Luận).

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Bộ khí khẩu hình thành trong chu vi một tấc, đề quyết sống chết. Mạch thì xuất hiện ở khí khẩu khí sắc thì xuất hiện ở Minh đường (Linh Khu Ngũ Duyệt ngũ sử thiên.) Chỉ xem mạch ở bộ thốn khẩu, bệnh gì cũng biết được. (Trưng ngũ Sắc Luận.)

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI: Lấy bộ Thốn Khẩu làm phiêu chuẩn để xem mạch; Sách Nội Kinh nói đến rất thường như: Bộ khí khẩu là chủ của năm tạng (氣口獨歸五臟主) Và nói: Khí huyết của các tạng khác xông lên tạng Phổi, biến hóa xuất hiện ở bộ khí khẩu. (上薰於肺, 變見於氣口.) - Lấy Vị trí của bộ Thốn khẩu ở nơi cườm tay, trong phạm vi một tấc, đề chẩn tra sự khiêu động của động mạch, đề trắc nghiệm tạng Tim thanh hay suy; đề khảo sát thần kinh khẩu trương hoặc thủy hườn; đề thăm dò các cơ năng bộ phận trong thân thể hưng phấn hay suy giảm...



Có người nghi ngờ động mạch ở cò tay không đủ để chẩn sát các bệnh hoạn trong thân thể — Song ngoài cò tay ra, trong sách Nội Kinh còn có phương pháp chẩn sát ở ba bộ chín hậu, để tìm hiểu bệnh tình khắp trong thân thể, riêng xem một bộ Thốn khâu là giản dị hóa vậy.

Bởi vì việc chẩn sát toàn thân thì rất phiền phức hơn nữa, ngày giờ cũng không cho phép. (Khắp thân thể có bao nhiêu động mạch ? Mỗi chỗ chỉ cần chẩn sát năm phút, cũng phải mất hết mấy tiếng đồng hồ mới xong.) Cho nên Sách Nạn Kinh nhận cho bộ Thốn khâu là nơi đại hội của các mạch qui tụ vào phổi, mới nắm lấy một bộ Thốn khâu làm chủ yếu, mà bỏ hết phương pháp chẩn sát toàn thân.

Bởi nhận cho bộ Thốn khâu là lộ trình của kinh mạch phổi, phổi ở trên hết, thụ đắc khí huyết của năm tạng sáu phủ từ dưới xông lên. Cho nên bộ Thốn khâu là chủ của năm tạng. Ấy là lời nói lý tưởng của người xưa, chẳng những không bằng chứng trưng nghiệm với Sinh lý giải phẫu học, mà suy cầu theo cò thuyết lại không phù hợp. Song xem mạch ở Thốn khâu để trắc nghiệm động mạch mà biết được các bệnh hoạn ở tạng Tâm và Thận kinh,... thì nghiệm thấy đầy đủ bằng chứng đáng tin cậy. Không nên vì chỗ Tây y không biết, rồi xem như chiếc dép rách mà vất bỏ.

Lại nữa, phương pháp chẩn mạch có bốn, phân biệt giảng thuật như sau :

1) Hình trạng của mạch quản, cần phải phân biệt : ĐẠI, TIÊU TRƯỜNG, ĐOẢN, HỒNG, TẾ.



2) Vị trí của mạch quản, cần phân phân biệt : PHỦ, TRẦM HAU, PHỤC, CÁCH, LAO.

3) THỨ LỚP khiêu động của mạch tức, cần phải phân biệt : TRÌ, SÁT, ĐẠI, KIẾT, THỨC.

4) Huyết áp cao thấp ở vách mạch, cần phải phân biệt : HOẠT, SẮC, THÁO, TỈNH, HƯ, THỰC, NHU, VI, NHƯỢC, TÁN.

Đề làm căn bản cho sự nghiên cứu mạch học, đại khái không ngoài bốn mạch trên đây.

原文：尺內兩傍，則季脇也，尺外以候腎，尺裏以候腹。中附上。左外以候肝。內以候鬲。右外以候胃，內以候脾。上附上，右外以候肺。內以候胸中。左外以候心，內以候膻中，前以候前，後以候後，上竟上者，胸喉中事也。下竟下者，少腹腰股膝脛足中事也。

DỊCH AM NGUYÊN VĂN : Xích nội lưỡng bàng, tắc quí hiếp giả. Xích ngoại dĩ hậu thận, xích lý dĩ hậu phúc, trung phụ thượng; tả ngoại dĩ hậu can, nội dĩ hậu cách; hữu ngoại dĩ hậu vị, nội dĩ hậu tỳ, thượng phụ thượng; hữu ngoại dĩ hậu phế, nội dĩ hậu hung trung; tả ngoại dĩ hậu tâm, nội dĩ hậu đản trung, tiền dĩ hậu tiền, hậu dĩ hậu hậu, thượng cảnh thượng giả, hung hầu trung sự giả. Hạ cảnh hạ giả, thiếu phúc, yên, cồ, tất, kinh, túc trung sự giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Phía trong bộ Xích của hai bên, thì tìm hiệu định ở hai bên chót sườn vậy. Bên ngoài Bộ Xích thì thăm chừng tạng Thận, bên trong Bộ Xích thì thăm chừng bụng, ở giữa thì phụ với phần trên. Phía ngoài bên trái (tả quan) thì



thăm chừng Gan, bên trong thì thăm chừng Hoàng Cách Mô. Bên ngoài bên phải (hữu quan) thì thăm chừng Dạ Dày, bên trong thì thăm chừng lá mía (tỳ), ở trên thì phụ với phần trên. Phía ngoài bên phải (hữu thốn) thì thăm chừng Phôi, phía trong thì thăm chừng lồng ngực. Phía ngoài bên trái (tả thốn) thì thăm chừng Tim, phía trong thì thăm chừng Đản Trung. — Nói tới phía trước là đề thăm chừng phía trước, lùi lại đàn sau, là đề thăm chừng phía sau. Thăng lên trên ấy là thăm chừng bệnh ở hung đường, yết hầu, hạ xuống thấp là thăm chừng bệnh ở thiếu phúc, ưng, vể, gối, và ống chân vậy.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI : Công dụng của sự xem mạch ; là thăm sát sự biến hóa tuần hoàn của phần Dinh, phần Vệ như : sức chú xạ của Tạng Tâm mạnh yếu, và thê ôn lên cao, xuống thấp, thì đều có thê căn cứ ở Mạch Phù, Mạch Trầm, Mạch Trì, Mạch Sát mà biết được. Còn như lấy vị trí trong vuông tất của Bộ Thốn để phân biệt vị trí của năm tạng sáu phủ, và bên trái bên phải phía trong, phía ngoài ống mạch, để phán đoán từ lý từ tí sự biến hóa của tạng phủ, mà cho là bệnh chứng gì cũng đều phát hiện dưới ba ngón tay, thì thật là cao thâm mạc trắc. — Con người bệnh loạn từ trong tạng phủ trực tiếp phát sanh biến hóa thẳng ra ngoài là rất ít ; mà đại đa số là do sự biến hóa của dinh vệ khí huyết.

Động mạch ở cổ tay, chỉ có thể chẩn sát sự biến hóa của DINH, VỆ, KHÍ, HUYẾT, — Kèm thêm Thuyết TẠNG, PHỦ, BỘ, VỊ lại là thừa. Sách Mạch Khuyết (Quyết) của Ông Cao Dương Sanh nói : Đối với sự Chẩn mạch mà chỉ định là : « TẢ TÂM, TIÊU TRƯỜNG, CAN, ĐÀM, THẬN, HỮU PHẾ, ĐẠI TRƯỜNG, TỶ

VỊ, MẠNG. » Là vẽ rằn thêm chân, người có học không bao giờ dám nhìn nhận.

原文：診法常以平旦。陰氣未動。陽氣未散。飲食未進，經脈未盛。絡脈未勻。氣血未亂，故乃可診有過之脈。

原文：人一呼脈再動，一吸脈再動。呼吸定息，脈五動。閏以太息命曰平人。

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Chẩn pháp thường dĩ bình đàng âm khí vị động, dương khí vị tán, ẩm thực vị tấn, kinh mạch vị thanh, lạc mạch vị quân, khí huyết vị loạn, cổ nải khả chẩn hữu quá chi mạch.

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Nhơn nhứt hô mạch tái động, nhứt hấp mạch tái động, hô hấp định tức, mạch ngũ động, nhuận dĩ thái tức, mạng viết bình nhơn.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Cách xem mạch, thường xem ở lúc bình đàng, khí âm chưa động, khí dương chưa tan, ăn uống chưa đến, kinh mạch chưa thanh, lạc mạch chưa xáo trộn, khí huyết chưa loạn. Cho nên có thể xem thấy bộ phận nào mạch đi thái quá.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Con người một hơi thở ra, mạch hai lần động ; một hơi hít vào, mạch hai lần động ; định chừng trong một hơi thở ra hít vào, là mạch nhẩy động năm lần. Tượng thảng nhuận với hơi thở dài, dạy rằng : mạch của người bình thường.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

1) Cách xem mạch, lấy lúc trời vừa rạng sáng làm tiêu chuẩn thì thật là rất đúng. Nhưng hiện nay các thầy thuốc có được mấy Ông xem đúng vào lúc ấy ? Cho nên nói : đây là việc làm của người xưa vậy. Người nay ít ai làm theo được.



2) Mỗi một phút thở ra hít vào 18 lần, mỗi lần thở ra hít vào thì mạch nhảy đồng 4 lần, 18 lần thở ra hít vào mạch nhảy đồng 72 lần. Đây là cách đếm mạch của thầy thuốc Tây. Sách Nội Kinh cách mấy ngàn năm về trước, đã biết được một hơi thở ra mạch hai lần nhảy đồng, một hơi hít vào mạch hai lần nhảy đồng. Cả và thở ra hít vào dồn lại thành một hơi thở, mạch nhảy đồng 4, 5 lần, ấy là người bình thường không bệnh. Đây chính là một sự hiểu biết rất vĩ đại của tiền dân, thực rất đáng quý vậy.

原文：夫脉者，血之府也，长则
氣治。短则氣病。數则煩心，大则病進。
上盛则氣高。下盛则氣脹，代為氣衰。細
則氣少，瀋則心痛。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Phù mạch giả, huyết chi phủ giả. Tường tắc khí trị, Đoản tắc khí bệnh, Sát tắc phiền tâm, Đại tắc bệnh tiến, thượng thịnh tắc khí cao, hạ thịnh tắc khí trướng, Đại vị khí suy, tế tắc khí thiếu, Sắc tắc tâm thống.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : Vả mạch ấy là phủ của máu vậy. Mạch Tường thì sức khỏe bình trị; mạch Đoản thì sức khỏe bệnh hoạn, mạch Sát thì lòng phiền táo; mạch Đại (大) thì bệnh đương tiến tới; mạch ở bộ trên thịnh thì hơi thở nghịch lên; mạch ở bộ dưới thịnh thì no hơi; mạch Đại (代) thì sức khỏe suy; mạch Tế thì sức khỏe kém; mạch Sắc thì tạng tâm bệnh thiếu máu.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI : 1) Nói động mạch là cơ bản của huyết dịch là rất đúng rồi, không còn nghi ngờ gì nữa, huyết quản không phân biệt dài ngắn (trường đoản) duy có vách của huyết quản, lúc thì bình thường, lúc thì tắc nghẽn không thường.

Nên mạch nhảy động không mấy rõ ràng thì gọi là mạch Đoản, còn vách của huyết quản bình thường, mạch nhảy động rõ ràng lưu lợi thì gọi là mạch Trường—Các Y Gia đời thượng cổ cho mạch Trường là sức khoẻ bình trị, mạch Đoản là sức khoẻ bình hoạn. Nghĩa là : Vách huyết quản bình thường thì mạch đến Trường mà sức khoẻ dồi dào ; vách mạch quản tắc nghẽn thì mạch đến Đoản mà sức khoẻ bình hoạn.

2) Huyết áp có lúc cao lúc thấp, huyết dịch lưu hành có lúc mau lúc chậm. Mạch phần trên (thốn) thanh là chứng tỏ bệnh huyết áp cao, có ảnh hưởng đến chứng Nảo Sung Huyết. Mạch phần dưới (xích) thanh là cơ năng của tạng phủ bị ủng tắc, có thể biến chứng no hơi sinh bụng.

3) Thứ số khiêu động của Tạng Tâm, nhảy động mấy cái thì ngừng nghỉ có chừng mực, là bình trạng của Mạch Đại (代) Sách Thương Hàn Luận nói : Mạch dương nhảy động mà ngừng nghỉ thành lình, ước chừng trong một giây đồng hồ thì nhảy đồng trở lại, gọi là mạch Đại. Là hiện tượng khiêu động của Tạng Tim bị gián đoạn, khiến cho huyết dịch lưu thông trong mạch quản cũng bị ngưng ngại theo trong một vài giây đồng hồ. Phương pháp trị liệu nên dùng thuốc CƯỜNG TÂM BO KHÍ. Cho nên nói : Mạch Đại thì phần khí bị suy giảm, là chỉ Tạng Tâm bị suy nhược mà nói vậy.

4) Mạch Tế, là hiện tượng huyết quản bị thu hẹp. Sách Nội Kinh nói : Mạch sắc, phần khí thiếu kém. Không giống như các sách sau này nói : Mạch sắc là hiện tượng của phần huyết thiếu kém.

5) Thứ số nhảy động của mạch tức vượt mức bình thường một hơi thở ra hít vào mà mạch nhảy động đến (6) lần, thì gọi là mạch Sát. Thứ số nhảy động gia tăng có qui tắc thì gọi là Mạch Sát;



Thứ số nhảy gia tăng không qui tắc, thì gọi là Mạch Tháo (躁急.)
— Mạch Tháo với Mạch Sát không giống nhau, chớ nên ngộ nhận.
Vì Mạch Sát thì máu nóng uất kết ở trong. Cho nên nói : Mạch
Sát thì bệnh Tâm Phiền.

6) Mạch Đại (大) là hiện tượng huyết quản bị khoáng trương
lại cũng là hiện tượng huyết quản bị cứng sượng (變硬) ở
vào thời kỳ bệnh sắp trải qua mà chưa phát hiện. Cho nên nói :
Mạch Đại là thời kỳ của bệnh độc đang tiến hành.

7) Mạch Sắc là hiện tượng của tạng Tâm hư, và Tạng Phổi
yếu, là do duyên có khí huyết không không sung túc gây ra. Người
xưa nói : Mạch Sắc là bệnh đau Tim. Lại nói : Mạch Sắc cũng là
một loại mạch của biến chứng trầm trọng sắp phát hiện.

原文：春日浮如魚之游在波。夏日
在膚泛泛乎萬物有餘，秋日下膚。蟄蟲將去，
冬日在骨，蟄蟲周密，君子居室，知內者，按而
紀之，知外者，終而始之，此六者，持脈之大
法也。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Xuân nhựt phù, như ngư chi du
tại ba. Hạ nhựt tại phu, phiếm phiếm hồ vạn vật hữu dư. Thu nhựt
hạ phu, trập trùng tương khứ. Đông nhựt tại cốt, trập trùng chu
mật, quân tử cư thất. Tri nội giả, án nhi kỷ chi; tri ngoài giả chung
nhĩ thủy chi. Thử lục giả, tri mạch chi đại pháp giả.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Ngày mùa Xuân mạch khí
nổi lên, như con cá lội trong gợn sóng. Ngày Mùa Hạ, mạch khí ở
phần phu, tràn ngập dường muôn vật sung thịnh có dư. Ngày
mùa Thu, mạch khí lắng xuống phần phu tượng loài trập trùng

sắp chui vào hang ; Ngày mùa Đông mạch khí chìm vào xương, tượng loài trập-trùng bít kín các hang ngách ; người quân tử vào ở trong buồng kín.—Mùa Thu, mùa Đông mạch khí chịu ảnh hưởng của khí âm hàn, chìm vào trong, cho nên xem mạch phải đè nặng tay mới biết được kỷ cương ; Mùa Xuân, mùa Hạ mạch khí chịu ảnh hưởng của khí dương ôn, nổi ra ngoài. Cho nên phớt qua mà biết được chung thủy Xem đây sáu điều là rõ được đại khái của phép xem mạch vậy.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI Tiết này giải thích về mạch khí bình thường của bốn mùa. Khí hậu bốn mùa có : Mùa Xuân thì ấm : mùa Hạ thì nóng ; mùa Thu thì mát : mùa Đông thì lạnh, thay đổi bất thường, Cơ năng điều tiết trong thân thể con người, luôn luôn ứng phó theo sự biến hóa của khí hậu bốn mùa, mới có thể uyển chuyển theo với trạng thái tự nhiên của trời đất.

Sự ứng phó của loại này, ở trên phương diện y-học của thời thượng cổ, có thể tìm hiểu được là : động mạch luôn luôn tùy theo thời lệnh mà thay đổi, như : Sách Mạch Kinh nói : mùa Xuân thì mạch đi Huyền, mùa Hạ thì mạch đi Hồng, mùa Thu thì mạch đi Mao (Sắc,) mùa Đông thì mạch đi Thạch (Trầm)

Bởi vì thời lệnh của mùa Xuân, khí hậu bắt đầu chuyển sang ấm áp. Nhưng khí lạnh của mùa Đông hãy còn cặn lại mà chưa hoàn toàn giải hết, khí hậu ngoài trời từ lạnh chuyển sang ấm, thì thể ôn trong thân thể con người cũng từ chỗ teo rút chuyển sang phóng tán. Cho nên mạch ứng tượng mạch Huyền.

Thời lệnh của mùa Hạ, khí hậu viêm nhiệt, thể ôn phóng tán có thừa, cho nên mạch ứng tượng mạch Hồng.



Thời lệnh của mùa Thu, khí hậu bắt đầu chuyển sang mát mẻ, cơ năng trong thân thể con người, chịu ảnh hưởng của thời tiết, nên từ phóng tán chuyển sang thu thúc, mà mạch ứng tượng mạch Mao (Sắc.)

Thời lệnh mùa Đông, khí hậu lạnh lẽo gắt gao, lỗ chân lông đóng chặt, thể ôn trong thân thể con người không lối thoát ra, nên phải tiềm tàng vào trong. Cho nên mạch ứng tượng mạch Thạch (Tầm.)

Chẳng những chờ đến khí hậu Ôn, Lương, HẠN, NHIỆT bốn mùa thay đổi mà động mạch mới biến hóa theo. Thí như khí hậu ÔN, LƯƠNG, HẠN, NHIỆT trong một ngày, hoặc mỗi địa phương như : từ Saigon lên ở Đà Lạt, khí hậu ôn, lương, HẠN NHIỆT bị thay đổi thì động mạch cũng thay đổi theo. Do đấy, có thể trắc nghiệm sự phóng tán hay thu súc của thể ôn. Và cũng có thể trắc nghiệm được sự điều dụng của cơ năng điều tiết trong thân thể con người. — Đoạn kinh văn này, hình dung hiện tượng của bốn mạch ứng theo bốn mùa : Xuân Huyền, Hạ Hồng, Thu Mao, Đông Thạch, chẳng khác nào con rồng vẽ được điểm nhấn, thật là thần diệu. — Chỉ ư mạch có trong, ngoài, thấy ở tiết thứ hai của bài này, dưới điều mạch Vị. Tức là mỗi mạch chia làm trong ngoài hai bộ, kẻ biên soạn bài này thấy biết cạn hẹp không dám giải bướng.

Xét về thuật ngữ của sự chần mạch rất nhiều, kẻ biên soạn chỉ lựa chỗ nào có thể biết được thì giải thích như sau :

1— Sách Mạch kinh nói : Con trai mạch bên tả đi lớn, con gái mạch bên hữu đi lớn. Nói thế, là vì không hiểu, mọi người tay phải là tay thận, luôn luôn công tác, vận động không ngừng, tất nhiên Ống mạch nở lớn. Cho nên bất luận con trai hay con gái, lúc



bình cũng như lúc bình thường, bộ mạch bên phải đi lớn hơn bên trái là lẽ dĩ nhiên vậy.

2— Lý do mạch ở bộ thốn thường đi Phù, mạch ở bộ Xích thường đi Trầm. Người xưa nghĩ là : Bộ Thốn chủ các bộ-vị của mạch. Bởi lẽ phần cơ nhục ở bộ Thốn mỏng, ống mạch nằm cạn, còn phần cơ nhục ở bộ Xích dày, ống mạch nằm sâu, tất phải đè nặng tay mới thấy được. Đó là lý do «Mạch bộ Thốn đi Phù, mà mạch bộ Xích đi Trầm» vậy.

3— Mạch Vị-Khí : Phương pháp chẩn mạch rất chú trọng ở hình mạch không lớn, không nhỏ, không mau, không chậm, không quá ư hữu lực, mà cũng không quá ư vô lực. Xem mạch, thấy một trạng thái trong sáu trạng-thái rất trung bình này, là mạch của người không bệnh. Người xưa nghĩ cho là : MẠCH VỊ-KHÍ.

Thiên Ngọc Cơ Chân Tại g-Luận nói : Tạng Phôi đi mạch Nhược mà đới mạch Hoạt là mạch có Vị-Khí.

Mạch Kinh nói : Năm tạng đều bẩm thụ khí của phủ Vị, phủ Vị là nguồn gốc trưởng dưỡng của năm tạng vậy. Tạng khí không nhờ ở Kinh Thủ Thái Âm (Phôi) mà tất phải nhờ ở Vị-Khí, rồi mới nhờ đến Kinh Thủ-Thái-Âm.

Đối với y học hiện tại thì cho là : trạng thái xung-hòa rất tự nhiên của loại mạch này, là nhờ thần kinh của vách huyết quản được chánh thường, cho nên hiện tượng của mạch cũng chánh thường theo. Bất tất phải dính tít với cò thuyết vậy.

原文：上部天，兩額之動脈。上部地，兩頰之動脈，上部人，耳前之動脈，



中部天，手太陰也，中部地，手陽明也。中部人，手少陰也，下部天，足厥陰也。下部地，足少陰也。下部人足太陰也。故下部之天以候肝，地以候腎，人以候脾胃之氣，中部之天以候肺，地以候胸中，之氣。人以候心，上部之天以候頭角之氣，地以候口齒之氣，人以候耳目之氣，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Thượng bộ thiên, lưỡng ngách chi động mạch. Thượng bộ địa, lưỡng hiệp chi động mạch. Thượng bộ nhơn, nhĩ tiền chi động mạch.— Trung bộ thiên, thủ Thái âm giã. Trung bộ địa, thủ dương minh giã. Trung bộ nhơn, thủ thiếu âm giã.— Hạ bộ thiên, túc khuyết âm giã. Hạ bộ địa, túc thiếu âm giã. Hạ bộ nhơn, túc thái âm giã.

Cổ hạ bộ chi thiên dĩ hậu can, địa dĩ hậu thận, nhơn dĩ hậu Tỳ Vị chi khí.— Trung bộ chi thiên dĩ hậu Phế, địa dĩ hậu hung trung chi khí, nhơn dĩ hậu Tâm.— Thượng bộ chi thiên, dĩ hậu đân dác chi khí, địa dĩ hậu hầu Xỉ chi khí, nhơn dĩ hậu nhĩ mục chi khí.

DỊCH NGHĨA KINH VĂN :

Bộ trên tượng trời, là động mạch ở hai bên hói trán. Bộ trên tượng đất, là động mạch ở hai bên gò má. Bộ trên tượng người, là động mạch ở trước lỗ tai.

Bộ giữa tượng trời, là Kinh Thủ Thái Âm vậy. Bộ giữa tượng đất, là Kinh-Thủ Dương Minh vậy. Bộ giữa tượng người, là kinh thủ Thiếu Âm vậy.



Bộ dưới tượng trời, là Kinh Thử-Khuyết-Âm vậy. Bộ dưới tượng đất, là Kinh Túc Thiểu Âm vậy. Bộ dưới tượng người, là Kinh Túc Thái-Âm vậy.

Cho nên bộ dưới tượng «TRỜI» để thăm bệnh ở Can; «ĐẤT» để thăm bệnh thận; «NGƯỜI» để thăm khí Tỳ, Vị.

Bộ giữa tượng «TRỜI» để thăm bệnh Phổi; «ĐẤT» để thăm bệnh về phần khí trong lồng ngực; «NGƯỜI» để thăm bệnh ở Tim.

Bộ trên tượng «TRỜI» để thăm khí ở đầu trán, «ĐẤT» để thăm khí ở miệng răng, «NGƯỜI» để thăm khí ở tai mắt.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI Xét vì các động mạch ở khắp thân thể, là tiêu chuẩn để chẩn sát các tật bệnh ở trong thân thể con người. Căn cứ trên bệnh lý mà nghiên cứu, vẫn có giá trị tương đối. Nhưng vì vấn đề thời gian và trên thực tế, cảm thấy rất khó mà quan sát hết các mạch từ trên đầu chí dưới chân được. Thế nên các y gia từ đời xưa cũng bỏ bớt mà không dùng hết. Song biên hết ra đây, cũng bất quá đề cung ứng cho tài liệu tham khảo được đầy đủ vậy thôi.

原文，三部九候論曰：獨小者病，獨大者病。獨疾者病，獨遲者病，獨熱者病。獨寒者病。獨陷者病，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN: Tam bộ cửu hậu luận viết: Độc tiểu giả bệnh, độc đại giả bệnh. độ: tật giả bệnh, độc trì giả bệnh, độc nhiệt giả bệnh, độc hàn giả bệnh, độc hãm giả bệnh.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Thiên Tam Bộ Cửu Hậu Luận
Rằng: Xem mạch để tìm hiểu chỗ ở của bệnh, như: Mạch đặc biệt nhỏ là Bệnh; Mạch đặc biệt lớn là Bệnh; Mạch đặc biệt mau là Bệnh; Mạch đặc biệt chậm là Bệnh; Mạch đặc biệt nóng là Bệnh, Mạch đặc biệt lạnh là Bệnh; Mạch đặc biệt hạ hãm là Bệnh. Nghĩa là các bộ mạch đồng đều nhau, mà có một bộ chênh lệch, là bệnh ở ngay bộ đó.

KINH NGHĨA VA GIẢNH GIẢI: Trong ba bộ chín chứng của mạch tức, chỉ lấy bộ nào đặc biệt sai khác như: quá nhỏ, quá lớn, quá mau, quá chậm..., để suy trắc tìm hiểu chỗ ở của bệnh cơ.

Ông Trương Cảnh Nhạc nói: Chỗ đặc biệt sai thù là chỗ «tàng gian» vậy. Nếu không căn cứ theo động mạch ở khắp thân thể mà chẩn sát, để tìm kiếm chỗ đặc thù, chỉ tìm trong phạm vi thốn khẩu của ba bộ chín chứng, sự thực cảm thấy cũng khó khăn lắm rồi.

原文：形氣相得，謂之可治，色澤以浮，謂之易已，脉從四時，謂之可治。脉弱以滑，是有胃氣。命曰易治，取之以時，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Hình khí tương đắc, vị chi khả trị. Sắc trạch dĩ phù, vị chi dĩ dĩ. Mạch tòng tứ thời, vị chi khả trị. Mạch Nhược dĩ Hoạt, thị hữu vị khí. Mạng viết vị trị, thủ chi dĩ thời.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN: Hình, khí tương đắc nhau gọi là có thể trị. Khí sắc nhuận trạch và phù động, gọi là bệnh dễ khỏi. Mạch thuận với bốn mùa, gọi là bệnh có thể trị, Mạch đi Nhược mà đối mạch Hoạt, gọi là mạch có vị khí, dạy rằng: dễ trị. Phải thủ thủ theo bốn mùa.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI Sách Nội Kinh nói : Phàm trị bệnh, tất phải quan sát hình khí và khí sắc nhuận trạch, động mạch thanh suy, bệnh nhơn mới đau hay đau lâu. Mạch và bệnh không nên tương phản với bốn mùa. Sau khi mắc bệnh, các cơ năng điều tiết trong thân thể, tất nhiên phải phát sinh sự biến hóa tương đương, đó tức là hiện tượng của bệnh chứng. Song có bệnh cũng không phát sinh biến hóa, nguyên nhơn có hai lẽ như sau :

1.— Do thân thể mạnh khỏe, sức kháng độc dồi dào, mà bệnh độc lại nhẹ nhàng, nên có thể lướt qua.

2.— Bệnh độc tuy nặng, nhưng năng lực kháng độc trong thân thể đủ sức đề kháng tiêu diệt.

Tiết này nói : Hình khí tương đắc nhau, và khí sắc nhuận trạch mà phù động, mạch muốn theo bốn mùa, mạch Nhược mà đới mạch Hoạt... là đều do cảm nhiễm bệnh độc nhẹ nhàng, các cơ năng điều tiết trong thân thể duy trì được hiện tượng chánh thường. Cho nên nói : Dễ trị.

原文：形氣相失，謂之難治。色天不澤，謂之難已。脉實以堅，謂之益甚，脉逆四時，為不可治。

原文：形盛脉細，少氣不足以息者危。形瘦脉大，胸中氣多者死，三部九候皆相失者死。形肉已脫，九候雖調猶死。

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Hình khí tương thất, Vị chi nan trị. Sắc yếu bất trạch, vị chi nan dĩ. Mạch thực dĩ kiên, vị chi ích thậm. Mạch nghịch tứ thời, vị bất khả trị.

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Hình thanh mạch Tế, thiếu khí



bất tức dĩ tức giả nguy. Hình sáu mạch đại, hung trung khí đa giả tử. Tam bộ cửu hậu giai tương thất giả tử. Hình nhục dĩ thoát, Cửu hậu tuy điều do tử.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : Hình khí phản nhau, gọi là khó trị. Màu sắc yếu chiết không tư nhuận, gọi là khó trị. Mạch đi thực mà cứng rắn, gọi là bệnh rất nặng. Mạch nghịch với bốn mùa là không thể trị.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN : Hình vóc mập mạp mà mạch đi nhỏ, hơi không đủ đề thờ là nguy. Hình vóc ốm yếu mà mạch đi lớn, trong lồng ngực nất hơi thì chết. Ba bộ chín chùng mạch tức không liên tục nhau là chết. Hình vóc ốm gầy còn da bọc xương, chín chùng mạch tuy điều hòa, kẻ như chết mà chưa chôn.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI Câu : Hình khí tương thất, là nói : cơ rãng điều tiết không thể duy trì được hiện tượng chánh thường. Câu : sắc yếu bất trạch, là nói : nhan sắc trên bộ mặt mờ tối khô héo. Câu : mạch thực dĩ kiên, là nói : ống mạch bị cứng sượng. Câu : mạch nghịch tứ thời, là nói : Thề ôn không tùy theo thời lệnh khí hậu mà lên xuống. Sách Nội-Kinh nói : phải quan sát cẩn thận bốn loại nghịch chứng, và cho là bốn chứng hậu này, đại khái rất khó chữa khỏi.

Câu : « Hình thành mạch Tế, khí bất tức dĩ tức » chính là ý nghĩa của câu : « hình khí tương thất » mà nói lại cách khác.

— Câu : Hung trung đa khí, là chỉ da thịt màu sắc đã tiêu thoát mà trong bụng thì đầy hơi nghịch lên, chứng hậu rất nguy kịch,

— Câu : Tam bộ cửu hậu giai tương thất là nói : động mạch ở khắp thân thề mất hết tính liên lạc lẫn nhau. Với những bệnh

quá sức lạnh, tựa hồ nóng; quá sức nóng, tựa hồ lạnh. phần nhiều ứng hiện mạch này, nhưng cũng có nhiều bệnh được cứu sống. Song cũng phải cháy da phỏng trán, mới dành lại được với tử thần trong chín phần chết một phần sống. Nếu không gặp tay mình y có sẵn chân tri chước kiến, thì vô phương cứu vãn. Câu hình nhục dĩ thoát, là chỉ thời kỳ cuối cùng của chứng lao tòn, ống xương dựng lên, bắp thịt tiêu mất. Nếu ăn uống còn biết mùi, cũng bất quá duy trì sự sống trong một thời gian ngắn. Cho nên nói: chín chứng mạch tuy điều hòa, nhưng không khác nào người chết chưa chôn. Thật là xác đáng.

原文：平人氣象論曰 平心脉來，累累如連珠，如循琅玕。曰心平，夏以胃氣爲本，病心脉來，喘喘連屬，其中微曲，曰心病。死心脉來，前曲後居，如操帶鉤，曰心死，

平肺脉來，壓厭聶聶如落榆莢，曰肺平。秋以胃氣爲本。病肺脉來，不上不下，如循鷄羽，曰肺病，死肺脉來，如物之浮，如風吹毛，曰肺死。

平肝脉來，軟弱招招，如揭長竿末稍。曰肝平，春以胃氣爲本，病肝脉來，盈實而滑，如循長竿曰肝病，死肝脉來，急益勁，如按新張弓弦，曰肝死，

平脾脉來，如柔相離，如鷄踐地曰脾平，長夏以胃氣爲本。病脾脉來，實而盈數，如鷄舉足，曰脾病，死脾脉來，銳堅如鳥之啄，如鳥之距，如屋之漏如水之流。曰脾死，

平腎脉來，喘喘累累如鉤，按之而堅，曰腎平，冬以胃氣爲本。病腎脉來，如引葛，按之益堅，曰腎病，死腎脉來，發起奪索，辟辟如彈石，曰腎死，

DỊCH AM NGUYỄN VĂN : Bình Nhơn Khí Tượng Luận viết: Bình tâm mạch lai, lủy lủy như liên châu, như tuần lang cang, viết: Tâm bình. Hạ dĩ vị khí vi bồn. Bình Tâm mạch lai, suyền suyền liên thuộc, kỳ trung vi khúc, viết tâm bình. Tử Tâm mạch lai, tiền khúc hậu cứ, như tháo đế câu, viết Tâm Tử.

Bình Phế mạch lai, áp áp nhiếp nhiếp, như lạc du giáp, viết Phế bình. Thu vi vị khí vi bồn, bình Phế mạch lai, bất thượng bất hạ, như tuần kê vũ, viết Phế bình. Tử Phế mạch lai, như vật chi phù, như phong xuy mao, viết Phế tử.

Bình Can mạch lai, nhuyễn nhược chiêu chiêu, như yết trường can mạc tiêu, viết can bình. Xuân dĩ vị khí vi bồn; bình can mạch lai, doanh thực nhi Hoạt, như tuần trường can, viết can bình. Tử can mạch lai. Cấp ích kinh, như án tân trương cung huyền. Viết can tử.

Bình Tỳ mạch lai, như nhu tương ly, như kê tiền địa, viết Tỳ bình. Trường Hạ dĩ vị khí vi bồn. Bình Tỳ mạch lai, Thực nhi doanh số. Như kê cử túc, viết Tỳ bình. Tử Tỳ mạch lai, nhuệ kiên như ô chi trác, như điều chi cự, như ốc chi lậu, như thủy chi lưu, viết Tỳ tử,

Bình thận mạch lai, suyền suyền lủy lủy như câu, án chi nhi kiên, viết Thận bình. Đông dĩ vị khí vi bồn. Bình thận mạch lai, như

dần cát, án chỉ ích kiên, viết Thận bệnh. Tử thận mạch lai, phát khởi đoạt sách, tịch tịch như đạn thạch, viết Thận tử.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Thiên Bình Nhơn Khí Tượng Luận nói : Mạch Tạng Tâm bình thường đến, chông chất như xâu chuỗi, như sờ trên hột ngọc Lang can, rằng tạng tâm mạnh khỏe. Mùa Hạ lấy vị khí làm gốc. — Mạch Tạng Tâm bình đến, tràn ngập tiếp nối nhau, ở chính giữa hơi cong, rằng Tạng Tâm bình. — Mạch Tạng Tâm chết đến, trước co sau duỗi, như cầm cái đế của lưới câu, rằng Tạng Tâm chết.

Mạch Tạng Phôi bình thường đến, êm ả dịu dàng, như vỗ trái đu giáp rơi rụng, rằng Phôi bình thường. Mùa Thu lấy vị khí làm gốc. — Mạch Tạng Phôi bình đến, chẳng tới chẳng lui, như sờ tay vào lông gà, rằng Phôi bình. — Mạch Tạng Phôi chết đến, như vật gì nổi trên mặt nước, như gió thổi lông, rằng Phôi chết.

Mạch Tạng Gan bình thường đến, dịu dàng quăn quặt, như sờ chót vót của đầu cần dài, rằng Gan bình thường. Mùa Xuân lấy vị khí làm gốc. Mạch Tạng Gan bình đến, đầy đủ mà trơn láng, như sờ cần dài, rằng Gan bình. — Mạch Tạng Gan chết đến, dãn dỗi thẳng cứng, như sờ lên sợi dây cung mới trương, rằng Gan chết.

Mạch Tạng Tỳ bình thường đến, dường nhu hòa mà chi ly nhau, như chân con gà đi trên mặt đất, rằng Tạng Tỳ bình thường, Tháng Trưởng Hạ lấy vị khí làm gốc. Mạch Tạng Tỳ bình đến, thực mà đầy đủ chí số, như con gà giở chân, rằng Tạng Tỳ bình. Mạch Tạng Tỳ chết đến, nhọn cứng như mỏ quạ mỏ vào tay, như cựa chim, như nhà dột, như nước chảy, rằng Tạng Tỳ chết.



Mạch Tạng Thận bình thường đến, cuộn cuộn chập chồng, hình như lưới câu, đè xuống cảm thấy cứng dần, rằng Tạng Thận bình thường. Mùa Đông lấy vị khí làm gốc. Mạch Tạng Thận bình đến, như kéo dây sắn, đè xuống càng cứng dần, rằng Tạng Thận bình. — Mạch Tạng Thận chết đến, phát khởi lên như tháo dây, chạm tay cách cách như búng đá, rằng Tạng Thận chết.

經義：五臟應乎四時。心肝肺脾腎應春夏長夏秋冬，以四季氣候為主，脉搏上，洪毛弦活石，應四季之時令。太過不及皆為病癥，無胃氣者危，現真藏脉者死。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Ngũ tạng ứng hồ tứ thời, Tâm Can, Phế, Tỳ, Thận, ứng Xuân, Hạ, Trưởng-Hạ, Thu, Đông, dĩ tứ quý khí hậu vi chủ. Mạch bát thương, Hồng, mao, Huyền. Hoạt, Thạch, ứng tứ quý chi thời lệnh, thái quá bất cập giai vi bệnh trưng, vô vị khí giả nguy, Hiện chân tạng mạch giả tử.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Năm tạng ứng với bốn mùa là: Tạng Tâm, tạng Can, tạng Phế, tạng Tỳ, và tạng Thận. Ứng với mùa Xuân, mùa Hạ, mùa Trưởng - Hạ, mùa Thu mùa Đông. Lấy khí hậu của tứ quý làm chủ, mạch hiện lên có mạch Hồng mạch Mao, mạch Huyền, mạch Hoạt và mạch Thạch, ứng với thời lệnh của bốn mùa. Mạch đi thái quá hay bất cập đều là bệnh trưng. Mạch không vị khí là nguy, mạch hiện ra mạch Chân Tạng là chết.

GIẢNG GIẢI

Người xưa đối với sự định nghĩa của hai chữ «mạch học»



đại khái có thể nói là: Phàm mạch đi Hoãn, Hoạt điều hoà, chẳng Phù, chẳng Trầm, chẳng lớn, chẳng nhỏ, chẳng mau, chẳng chậm, có sức cũng không mất hẳn tư thái hòa hoãn, nhu nhuận mà vẫn duy trì hình dáng có sức, ứng ngón tay xung hòa với một dáng điệu rất êm ái dịu dàng. Sỡ dĩ người xưa nói: mạch vị khí là chú trọng ở ý này, và nói mạch có thần là cũng chú trọng ở ý này: Mạch bình thường thuận theo tứ quý, là lấy không mất vị khí làm tiêu chuẩn. Vị khí kém cõi, chính là mạch của người bệnh. Tuyệt nhiên không có vị khí, là mạch của người sắp chết, là mạch Chân Tạng vậy.

Mạch Phù mà không vị khí, là mạch « TÁN » Mạch Hồng mà không vị khí, tức là mạch « CẦM ĐỂ CẦU » Mạch Huyền mà không vị khí, tức là mạch « DÂY CUNG MÔI TRƯỞNG » SỜ MŨI NHỌN ». Mạch Hoãn mà không vị khí, tức hóa ra « NHỌN CUNG » như mỏ quạ mò vào tay, như cựa chim, như nhà dột, như nước chảy » Mạch Trầm mà không vị khí, là như « THẢO DÂY » như « BÚNG ĐÁ ». Tức là ống huyết quản mất tính co giãn, người xưa gọi là mạch « Thân Tạng ». Người đời sau mới phỏng theo đây lập ra tám mạch gọi là Bát Quái Mạch như sau :

1. — Mạch Phủ-Phát : hình mạch từ dưới trào lên như nước sôi, không căn bồn.

2. — Mạch Ngư Tường : hình đi như cá lội trong nước, như cá muốn nổi lên.

3. — Mạch Đạn Thạch : hình mạch cứng rắn như đá, sờ vào mạch như sờ đá.

4. — Mạch Đoạt Sách : hình mạch rối như trạng cuộn dây sỏ núi.



5.— Mạch Ốc Lậu: một hơi thở ra hít vào mạch chỉ động một lần (như nhà rách thỉnh thoảng nhều một giọt).

6.— Mạch Lưu Thủy: hình mạch lướt xuôi theo một chiều, không đủ năng lực gom gọn lại đề nhảy động.

7.— Mạch Tước Trác: hình mạch, một hơi thở ra hít vô, cảm giác dưới đầu ngón tay như chim mồ lia lia năm bảy cái, rồi im bật.

8.— Mạch Yền lực: hình mạch bén nhọn, sờ vào mạch như sờ vào mũi dao, không mảy may cảm giác yêm dịu.

Phàm xem thấy những tượng mạch trên đây, đều là sinh cơ của huyết quản đã mất hết, phần nhiều là thời kỳ chết sắp đến nơi, lúc lâm sàng chẩn đoán không thể không biết.



Nha Y Học Bác Sĩ nước Đức là bà Lộ Kiết Tư (K. R. V.) Roques, trước Tác Sách Trung Quốc Châm Cứu Y thơ, tên là: Alte Heilweisen-neu Entdeckt.

CHƯƠNG THỨ VI

病 理 BỊNH LÝ

原文：風寒之客於人，使人毫毛畢直，皮膚閉而爲熱，當是之時可汗而發也，或痹不仁腫痛，當是之時，湯熨及火灸刺而出之，弗治病入舍肺，弗治肺即傳而行之肝，弗治肝傳之脾。弗治脾傳之腎。弗治腎傳之心，心即復反傳之肺，此病傳之次也，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Phong hàn chi khách ư nhơn, sử nhơn hào mao tất trực, bì phu bế nhi vi nhiệt. Đương thị chi thời, khả hãn nhi phát giã. Hoặc tỷ bất nhơn thũng thống, đương thị chi thời, thang uất cập hỏa cứu thích nhi xuất chi. Phát trị. bịnh nhập xá phế. Phát trị, phế tức truyền nhi hành chi Can ; Phát trị, can truyền chi Tỳ. Phát trị, Tỳ truyền chi Thận. Phát trị, Thận truyền chi Tâm. Tâm tức phục phản truyền chi Phế. Thử bịnh truyền chi thứ giã.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Khí phong hàn bám vào thân thể con người, khiến cho chân lông của người đều bị dựng thẳng, lỗ chân lông bị đóng kín mà phát nóng. Đương lúc ấy, nên dùng thuốc phát hãn đuổi ra vậy. Hoặc biến chứng tê dại sưng nhức, đương lúc ấy, nên dùng nước nóng xông hơi và phương pháp châm cứu mà đuổi bệnh ra đó. Nếu không



chữa trị, thì bệnh tà truyền vào Phổi. Không chữa, thì từ Phổi truyền vào Gan. Không chữa, thì từ Gan truyền vào Tỳ. Không chữa thì từ Tỳ truyền vào Thận. Không chữa thì từ Thận truyền vào Tâm. rồi từ Tâm truyền trở lại Phổi. Đây là thứ lớp của bệnh tà truyền biến khắp năm tạng vậy.

經義：風寒之邪，襲於皮膚。誤治或失治則傳入於裏，血液凝結，肌肉腫痛。若再失治，必至遍傳五臟，終成不治。

DỊCH AM KINH NGHĨA :

Phong hàn chi tà, tập ư bì phu, ngộ trị hoặc thất trị, tắc truyền nhập ư lý, huyết dịch ngưng kết, cơ nhục thũng thống. Nhược tái thất trị, tất chí biến truyền ngũ tạng, chung thành bất trị.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Bệnh tà của Phong, Hàn, xâm nhập vào phần bì phu, trị lầm hoặc trị bậy, thì truyền vào phần lý, huyết dịch ngưng kết, phần cơ nhục sưng nhức. Nếu thất trị lần thứ hai, tất đi đến truyền khắp năm tạng, kết cuộc trở nên bất trị.

GIẢNG GIẢI

Thứ tự truyền biến của chứng Phong Hàn Cảm Mạo

- 1.— Thề ôn uất trệ, khiến cho hãn tuyến bị ngăn nghẹt.
- 2.— Bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại.
- 3.— Chất lâm-ba-dịch bị đình tiệ.
- 4.— Chất huyết-dịch bị ứ nghẽn.
- 5.— Công tác của tri giác thần kinh bị phản thường.
- 6.— Công tác của vận động thần kinh bị phản thường.



7.— Chất dịch thể nội phân bí biến tính.

Thứ lớp truyền biến của bệnh tà bất quá như trên đây, mà đại ý người xưa gọi là bệnh Thương Hàn truyền kinh, từ ba KINH DƯƠNG truyền sang ba KINH ÂM, cũng không ngoài phạm vi này. Chỉ như sự biến hóa của các quan năng bên trong tạng phủ thì nhất định phải có. Nhưng trên thực chất phát sanh biến hóa, cũng chỉ là một số ít mà thôi.

Nếu bị cảm mạo sơ sài trong một vài hôm, mà cũng cho là bệnh độc truyền biến khắp năm tạng, rồi trở nên bất trị mà chết. Đó là cố ý khủng bố tinh thần bệnh nhơn, đề khoe khoang cái hay cái giỏi của nghề mình sau khi bệnh mạnh, do lai của phong tục tệ hại này có đã từ lâu.

Sách Sử Ký biên chuyện Ông Biển Thước vừa trông thấy khí sắc của Chúa Tề Hầu là cuốn cuộn bỏ chạy, cho là bệnh từ bì phu đã vô đến tạng phủ, hết phương cứu chữa... Khiến tôi đối với câu chuyện này không khỏi suy nghĩ :

Hay là người xưa đối với bệnh tà tiềm phục lâu ngay trong thân thể con người, chưa đủ phương pháp chữa trị? mới niết tạo ra chuyện «bệnh tà truyền năm tạng» đề đồ thừa cho là tử chứng, không thuốc chữa trị? Nếu quả như mới cảm mạo sơ sài trong vòng năm mươi ngày mà đã trở thành tử chứng, Thầy thuốc mới vừa trông thấy khí sắc mà bỏ chạy, mà chính bản thân của bệnh nhơn cũng chưa hay biết gì? thì e trong thế gian này không có Ông Thầy thuốc nào mà «ma mocket bất nhơn» như thế. Nếu không phải là lời ngụ ngôn của Thái Sử Công thì còn ai dám tin. Hoặc Nghi Tề Hầu vốn là bọn



tửu sắc hoang dâm, chứng hư tổn đã ăn sâu vào tạng phủ cốt tủy, mới trông thoáng qua là biết vô phương cứu chữa, cũng không biết chừng.

原文：生氣通天論曰：因於露風，乃生寒熱。春傷於風，邪氣留連，乃為洞泄。夏傷於暑，秋為痼瘕，秋傷於濕，上逆而欬。發而為痿厥，冬傷於寒，春必病溫，四時之氣，更傷五臟，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN :

Sanh Khí Thông Thiên Luận viết : Nhơn ư lộ phong, nãi sanh hàn nhiệt. Xuân thương ư phong, tà khí lưu trì, nãi vi đồng tiết. Hạ thương ư thử, thu vi Giai Ngược. Thu thương ư Thấp, thượng nghịch nhi khái, phát vi Nuy Khuyết. Đông thương ư hàn, Xuân tất Bệnh Ôn. Tứ thời chi khí, cánh thương ngũ tạng.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Thiên Sanh Khí Thông Thiên Luận nói : Nhơn vì trần trụi hứng gió, phát sanh nóng lạnh, Mùa Xuân bị cảm thương Khí Phong, tà khí lưu trệ, thì mắc chứng ỉa chảy. Mùa Hạ cảm thương khí Thử (nắng), mùa Thu mắc Chứng Giai Ngược (1). Mùa Thu cảm thương khí Thấp, đàm nhớt ngược lên sanh chứng Ho Hen, phát sanh chứng Tê Bại. Mùa Đông cảm thương khí Hàn, mùa Xuân tất phát bệnh Ôn. Khí của bốn mùa, lại làm hại cho năm tạng.

1. — Giai Ngược Đại khái chứng ngược là thuộc dương, Giai là thuộc Âm; Chứng Ngược cách một ngày, hoặc hai



ngày phát tác một lần là thuộc Âm. Những chứng Ôn Ngược, Hàn Ngược, Đơn Ngược, Mâu Ngược đều thuộc về Giai Ngược.(痄瘡)

經義：內經以天之邪氣，感則害人五臟，此節便以四時之氣，更傷五臟爲言。無論感而即發，伏而後發，其傷五臟則一也。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA :

Nội Kinh dĩ thiên chi tà khí, cảm tác hại nhơn ngũ tạng, Thử tiết tiện dĩ tứ thời chi khí, cánh thương ngũ tạng vi ngôn. Vô luận cảm nhi tức phát, phục nhi hậu phát, kỳ thương ngũ tạng tác nhưt giả.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Sách Nội Kinh cho là tà khí ngoài trời, cảm nhiễm thì hại năm tạng con người. Tiết này thì nói về khí hậu của bốn mùa, lại làm hại cho năm tạng, không luận bị cảm mạo mà phát liền. hoặc bệnh tà tiềm phục mà về sau mới phát, gây thương hại cho năm tạng thì như một vậy.

GIẢNG GIẢI :

Những bệnh : Lạnh nóng, ỉa chảy, Ho hen, Giai ngược, Tê bại, Bệnh ôn... Muốn cho sự trị liệu được đối chứng cách chu đáo, tất phải chẩn sát bệnh tình cho thật rõ ràng. Sau khi xác nhận chứng hậu đầu đấy hẳn hoi, mới có thể dùng thuốc chữa trị. Còn như nói KHÍ PHONG, KHÍ KHÀN, KHÍ HỬ, KHÍ THẤP, cảm nhiễm vào thân thể năm tạng con người cách tổng quát như thế kia thì không thể thủ pháp vậy.



原文：風勝則動，熱勝則腫，燥勝則乾，寒勝則浮，濕勝則濡瀉。(陰陽應象大論)

DỊCH AM NGUYÊN VĂN : Phong thắng tác động, nhiệt thắng tác thũng. táo thắng tác can. hàn thắng tác phù, thấp thắng tác nhu tả. (Thiên Âm Dương ứng Tượng Đại Luận)

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Khí Phong thắng thì bệnh Động ; khí Nhiệt thắng thì bệnh Thũng ; khí Táo thắng thì bệnh Can (khô táo) ; khí Hàn thắng thì bệnh Phù ; khí Thấp thắng thì bệnh ỉa chảy. (Thiên âm Dương ứng Tượng Đại Luận),

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Phong là chỉ cho biến thái của bệnh về thần kinh, như : Chứng Kinh Phong tay chân co rút... Cho nên nói : «Phong thắng thì động». Những chứng ghẻ chốc u nhọt đều có hiện tượng sưng sốt đau nhức. Cho nên nói : «nhiệt thắng tác thũng» — Nước tân dịch hao hụt, tất cảm thấy họng khô lưỡi ráo hoặc đường đại tiện táo bón... Cho nên nói : «táo thắng tác can». Bị cảm thương khí hàn, lúc sơ phát thì phát nóng ớn lạnh, mạch đi Phù không mờ hồi, bệnh tà còn ở ngoài phần phủ biểu, dùng thuốc phát hãn thì khỏi. Cho nên nói : «hàn thắng tác phù». «Nhu Tả» là chỉ cho chứng ỉa chảy mà nói, là hiện tượng ống nhũ-my không đủ sức hấp thu, nên dùng thuốc ấm nóng táo sáp thì khỏi. Cho nên nói : «thấp thắng tác nhu tả».

原文：生氣通天論 因於寒，欲如運樞，起居如驚，神氣乃浮，因於暑，汗煩則喘喝，靜則多言，休若燔炭，汗出而散。因於濕，首如裹，濕熱不攘，大筋軟短，小筋弛長，軟短為拘，弛長為痿，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN :

SANH KHÍ THÔNG THIÊN LUẬN: Nhơn ư HÀN, dục như vận khu, khởi cư như kinh, thần khí nải phù. Nhơn ư THỦ, hãn phiên tác suyền hát, tĩnh tắc đa ngôn, thề nhược phồn thán, hãn phiên tác suyền hát, tĩnh tắc đa ngôn, thề nhược phồn thán, hãn xuất nhi tán, Nhơn ư THẤP, thủ như lửa, THẤP NHIỆT bất nhượng đại cân nhuyễn đoản, tiều cân thủy trường. Nhuyễn đoản vi câu, thủy trường Vi nuy.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Thiên Sanh Khí Thông Thiên Luận: Vì khí lạnh mà sanh bệnh, thì muốn được như chốt cửa mở đóng. Ngồi dậy đường kinh sợ, thần khí khắp khởi. Nhơn vì khí thử làm bệnh, mồ hôi ra phiên tảo thì HEN, khát nước; lúc yên tĩnh hay nói chuyện, mình nóng như than hầm, mồ hôi ra mà bệnh tiêu tan. Nhơn vì khí THẤP làm bệnh, thì bộ đầu như bị bao trùm lại. Khí THẤP NHIỆT không khử trừ được thì gân lớn rút ngắn, gân nhỏ buồn lơi. Rút ngắn thì co lại, buồn lơi thì bại xụi.

Tham khảo lời chú thích của Ông Tiết Sanh Bạch: Câu: «dục như vận khu. khởi cư như kinh, thần khí nải phù» tiếp liền với bài trước câu: «dương nhơn nhi thượng vệ ngoại giả giả» là chỉ cho thề ôn được duy trì với trạng thái chánh thường. — Chữ «Khu» là cái chốt cửa mở ra đóng lại vậy.

Câu: «Khởi cư như kinh, tức là thề ôn không được duy trì theo hiện tượng chánh thường. Cho nên nói: «Thần khí nhược phù» — Câu: «nhơn ư hàn» đáng lẽ phải liên tiếp sau câu: «thề nhược phồn thán, hãn xuất nhi tán».

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Nhơn vì khí hàn làm bệnh, thì trọng dụng thuốc phát tán, hơn vì khí THỦ làm bệnh thì trọng dụng thuốc thanh nhiệt, đó là lẽ tất nhiên, không còn nghi ngờ chi nữa. Chứng hậu của bệnh THẤP, thì trên đầu bệnh hơn nặng nề mờ mịt như bị bao trùm. Cho nên nói: «nhơn ư THẤP, thủ như hỏa» — Chữ «NHƯNG» nghĩa là trừ vậy. Nếu chứng THẤP NHIỆT không khử trừ, thì có thể biến chứng tê bại. Gân lớn rút ngắn, gân nhỏ buồn lơi, tức là hiện tượng của chứng Tê Bại đã nhìn thấy rõ ràng vậy. Đời xưa gộp hai chứng lại gọi chung một tên là «Tỷ Nuy». Các y gia đời sau chia rành ra làm hai chứng: Chứng «Tỷ» có nghĩa là tê dại; chứng «Nuy» có nghĩa là bại xụi, trên sự lập luận và trị liệu đều sai biệt nhau.

Các Phương thư từ Đời Đường, Đời Tống về sau, những phương pháp trị liệu chứng Hàng Thấp Tỷ, nhiều hơn phương pháp trị Chứng Nhiệt Thấp Tỷ. Sách Nội Kinh đã nói rõ nguyên nhân của bệnh này là do khí THẤP NHIỆT gây ra, đủ thấy chỗ kiến thức của người xưa rất vĩ đại vậy.

原文： 胃中熱，則消穀，令人惡心喜肌，臍以上皮熱。腸中熱，出黃如糜，臍以下皮寒，胃中寒，則腹脹，腸中寒，則腸鳴飧泄，胃中寒，腸中熱，則脹而且泄，胃中熱，腸中寒，則疾肌，小腹痛脹，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Vị trung nhiệt, tác tiêu cốc, lịnh hơn huyền tâm thiện cơ. tề dĩ thượng bì nhiệt, trường trung nhiệt, xuất hoàng như my. Tề dĩ hạ bì hàn, vị trung hàn tác phúc trướng g

Trường trung hàn, tắc trường minh tôn tiết. Vị trung hàn, trường trung nhiệt, tắc trường nhi tả tiết. Vị trung nhiệt, trường trung hàn, tắc tật cơ, tiêu phúc thống trưởng.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Trong Dạ Dày nóng thì tiêu cơm, khiến người xót ruột hay đói. Từ rốn sấp lên, da bụng nóng, là trong ruột nóng, ỉa ra màu vàng như cháo. Từ rốn sấp xuống da bụng lạnh, là trong Dạ Dày lạnh, thì bụng trưởng. Trong ruột lạnh, thì sôi ruột ỉa ra cơm. Trong Dạ Dày nóng, trong ruột lạnh, thì mau đói, bụng tiêu phúc đau, no hơi.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI: Trong Dạ Dày nóng thì tiêu cơm mau đói, trong Dạ Dày lạnh thì no hơi sinh bụng, ấy là việc hiển nhiên rất dễ hiểu. Trong ruột nóng thì đại tiện màu vàng như cháo, trong ruột lạnh, thì sôi ỉa ra cơm, bụng tiêu phúc trưởng đau. Trong trường vị sở dĩ có lạnh nóng biến hóa, là do ăn uống không cẩn thận gây ra. — Sách Nội Kinh sở dĩ nói: do sự ăn uống gây bệnh hoạn cho trường vị, lúc đầu bệnh Nhiệt Trung, kế đó bệnh Hàn Trung. Là do sự ăn uống không chừng độ, vách của trường vị bị phát viêm. Chính như Tây y nói: Chứng Cấp Tính vị viêm và trường viêm phải vậy. Về sau thì chứng viêm lần hồi tiêu mất, cơ năng của bộ tiêu hóa bị suy giảm, tất phải dùng thuốc cay nóng thơm táo để chữa trị. Cho nên nói: «kế tiếp là bệnh hàn trung». Sở dĩ có sự biến hóa chứng vị **NHIỆT TRƯỜNG HÀN, TRƯỜNG NHIỆT VỊ HÀN**, có thể suy gẫm mà thấy được bệnh lý vậy.

原文：調經論曰：陽虛則外寒，陰虛則內熱，陽盛則外熱，陰盛則內寒，



DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Điều Kinh Luận Viết : Dương hư tắc ngoại hàn, âm hư tắc nội nhiệt. Dương thịnh tắc ngoại nhiệt, âm thịnh tắc nội hàn.

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN :

THIÊN ĐIỀU KINH LUẬN NÓI Khí dương hư thì ngoài lạnh, khí âm hư thì trong nóng. Khí dương thịnh thì ngoài nóng, khí âm thịnh thì trong lạnh.

KINH NGNĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Dương là chỉ có thể ôn mà nói ; thể ôn không đủ, tất gây ra bệnh sợ lạnh, thể ôn thái quá tất gây ra bệnh phát nóng. Xưa nói : dương hư thì ngoài lạnh, dương thịnh thì trong nóng. Âm là chỉ phần nước trong tế bào mà nói, vì phần nước không đủ sức đề chế ngự sự nung đốt của thể ôn. Nên xưa nói: Âm hư thì trong nóng. Đây chính là thời kỳ chót của bệnh Phổi Lao, phát sinh chứng Triều Nhiệt, chứng Đạo Hãn, nước tân dịch trong người bị khô cạn, phần dầu mỡ ở dưới da bị tiêu tan hầu hết, các khúc xương gồ khô khạo, các bắp thịt lớn teo mất, ấy là hiện tượng của chứng «âm hư nội nhiệt» bộc lộ cho thấy rõ ràng vậy.

Ông Châu Đơn Khê thấy được ý nghĩa của chứng «Âm Hư tắc Sinh Nội Nhiệt». Cho nên nói : một TÁUỶ không thể thắng nổi năm HỎA, đồng thời phát minh lời luận : Khí dương luôn luôn có dư, khí âm luôn luôn chẳng đủ. Song đối với ý nghĩa của câu : «khí âm thịnh thì trong lạnh» thì lại không biết giải thích như thế nào vậy.

原文：舉痛論曰：余知百病生於氣也。怒則氣上，喜則氣緩，悲則氣消，恐則氣下，寒則氣收，熱則氣泄，驚則氣亂，勞則氣耗，思則氣結，

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN : Cử Thống Luận viết : Dư trí bá bệnh sanh ư khí giả. Nộ tắc khí thượng, hỉ tắc khí hoãn, bi tắc khí tiêu, khùng tắc khí hạ, hàn tắc khí thu, nhiệt tắc khí tiết, kinh tắc khí loạn, lao tắc khí hao, tư tắc khí kiệt.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Thiên Cử Thống Luận nói : ta biết được trăm bệnh sanh ra là do nơi khí vậy. Giận thì khí tượng xung; mừng thì khí hòa hoãn; bi ai thì khí tiêu tan; khùng cụ thì khí sa xuống; lạnh thì khí thu lại; nóng thì khí tiết ra; kinh hải thì khí loạn; mệt nhọc thì khí hao; lo nghĩ thì khí kiệt.

KINH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI :

Chữ khí là chỉ cho hiện tượng thần kinh trong lúc chánh thường mà nói: Công dụng của thần kinh được chánh thường thì sự điều tiết của thể ôn, sự tuần hoàn của huyết dịch, các quan năng của tạng phủ, sự bài tiết của tân trần đại tả, đều duy trì theo một trạng thái chánh thường. Thảng như phần khí bị bệnh, thì các bộ phận khác đều bị chướng ngại. Cho nên Sách Nội Kinh nói : trăm bệnh sanh ra là do nơi khí vậy.

Giận thì chất dịch thể phân bí của tế bào Gan kích thích trung khu thần kinh, khiến cho thần kinh và huyết quản đều có trạng thái câu loan khàn trương, huyết dịch hóa chua mà hủ bại, làm hại bộ tiêu hóa, ống lâm-ba ở lồng ngực bị ngăn bít, phát sanh đau váng mắt mờ, trạo trực ỏi mửa .. các chứng, cho nên nói: Giận, thì khí thượng xung.

Vui mừng thì thần khí ôn hòa, cho nên nói: mừng thì



khí hòa huẩn. Song mừng cách quá độ, (cuồng hý) cũng có thể gây cho tâm cơ bị co rút bất thường rất tai hại.

Bị ai thì hơi Phổi mất thư thối, khiến cho sự tuần hoàn của Phổi phát sanh chướng ngại. Sách Nội Kinh nói : Phủ Thượng tiêu chẳng thông, phần Dinh phần Vệ không bố tán được. Cho nên nói khí tiêu vậy.

Khủng cụ thì bụng dưới trướng đầy, có thể gây uất huyết cho tạng Thận, mặt mày mất sắc, tái mét, tạng Tâm động tác chậm chạp. Cho nên nói : Khủng cụ thì khí bị sa xuống.

Lạnh thì phần tấu lý bị đóng kín lại, thể ôn không thể bài tiết ra lỗ chân lông. Nóng thì phần tấu lý mở ra, mình mẩy ẩm áp mà ra mồ hôi. Xem cách trị của chứng Ma-hoàng và chứng Bạch Hồ trong sách Thương Hàn Luận, thì thấy được rõ ràng ý nghĩa của đoán này. Cho nên nói : Lạnh thì khí thu, nóng thì khí tiết.

Kinh hải thì Tâm không chỗ nương, thần không chỗ tựa, bất thành linh bị Kinh Hải, thì thần chí bất ninh, tâm cơ thủy hoãn, tinh mạch bị khàn trương, khiến cho bộ máy tuần hoàn phát sanh chướng ngại cách nghiêm trọng. Cho nên nói : Kinh hải thì khí loạn vậy.

Mệt nhọc thì bất thở giốc, ra mồ hôi, tim phổi và cơ nhục đều cảm giác nhọc nhằn. Cho nên nói : Nhọc thì khí hao vậy.

Lo nghĩ thì thần chí chuyên chú gom tụ lại, hơi thở ngưng đọng chẳng tan. Cho nên nói : Lo nghĩ thì khí uất kết.

原文：風之傷人也。或為寒熱，或為熱中，或為寒中，或為癘風，或為偏枯，

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Phòng chỉ thương nhưn giả hoặc vi hàn nhiệt, hoặc vi nhiệt trung, hoặc vi hàn trung, hoặc vi Lệ-Phong, hoặc vi Thiên-khô.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Chứng Phong chứng làm hại con người vậy. Hoặc làm lạnh nóng, hoặc làm trong nóng, hoặc làm trong lạnh, hoặc làm Chứng Lệ Phong, hoặc làm Chứng Thiên Khô.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Đông y nói về chữ PHONG có ba ý nghĩa như sau :

1.— Bao quát nhất thiết các chứng bệnh như : PHONG là đầu dọc của trăm bệnh (phong vi bá bệnh chi trưởng).

2 — Chỉ cho sự biến hóa của phong hậu mà nói : Phạm những chứng bệnh thuộc về cảm mạo tính của bốn mùa đều lấy PHONG làm đại biểu như : PHONG ÔN, PHONG THỦ, PHONG THẤP, PHONG TÁO, PHONG HAN...

3.— Chỉ cho vận động thần kinh mà nói, như : NỘI PHONG, CAN PHONG... Bài này sở dĩ nói : «hoặc làm lạnh nóng, hoặc làm trong nóng, hoặc làm trong lạnh» thì LẠNH NÓNG là chỉ cho trạng chứng của các loại cảm mạo mà nói. Vì sau khi bị cảm mạo, thì tùy theo thể chất của mỗi người mà biến chứng nóng nhiều hay lạnh nhiều. Hoặc là chứng Bạch Hồ của Kinh Dương Minh, hay là chứng Tứ Nghịch của Kinh Thiếu Âm. Ấy là đại ý của khoa Y Học cổ truyền gọi là : «Hoặc vi nhiệt trung, hoặc vi hàn trung» vậy.



Còn chứng Lệ Phong thì nay gọi là Bệnh Ma-Phong (phung hủi). Chứng hậu và phương pháp trị liệu, nên chuyên luận theo loại bệnh chuyên môn của nó.

Chứng Thiên Khô là vận động thần kinh của nửa thân bị tê liệt, không thể cử động được (tục gọi là Bệnh Bán Thân Bất Toại) là chứng phụ phát của Bệnh Nào xuất huyết, không nên hỗn hợp với danh nghĩa của chứng PHONG. Cần được luận trị riêng biệt.

原文：痺論曰：風寒濕三氣雜至。合而為痺。其風氣勝者為行痺，寒氣勝者為痛痺，濕氣勝者為著痺，其入臟者死，其留連筋骨間者痛久，其留皮膚間者易已。痺在骨則重，在脉則血凝而不流，在筋則屈伸不利，在肉則不仁，在皮膚則寒。

DỊCH ÂM NGUYỄN VAN: Tỷ Luận Viết: Phong, Hàn, Thấp tam khí tạp chí, hiệp nhi vi Tỷ. Kỳ Phong khí thắng giả vi Hành-Tỷ, Hàn khí thắng giả vi Thống-Tỷ; Thấp khí thắng giả vi Trược-Tỷ. Kỳ nhập tạng giả tử, kỳ lưu liên cân cốt gian giả thống cửu, kỳ lưu bì phu gian giả dị dĩ. Tỷ tại cốt tắc trọng, tại mạch tắc huyết ngưng nhi bất lưu, tại cân tắc khuất thân bất lợi, tại nhục tắc bất nhơn, tại bì phu tắc hàn.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Thiên Tỷ-Luân Nói: Khí Phong, khí Hàn, khí Thấp tạp nạp cùng đến, hỗn hợp lại mà sanh ra bệnh Tê. khí PHONG thắng thì làm chứng Hành-Tỷ (tức là phong-tỷ, bệnh Tê di chuyển không nhứt định ở một chỗ). Khí Hàn thắng thì làm chứng Thống Tỷ (Tê nhứt)

Khí Thấp thăng thì làm chứng Trước-Tỷ (tê cứng ở một chỗ không dôi dôi). Bệnh Tê vào đến tạng thì chết, lưu liên trong gân xương thì đau nhức lâu ngày, lưu ở bì phu thì dễ khỏi. Bệnh Tê ở xương thì nặng lắm, ở mạch thì máu ngưng trệ mà chẳng lưu thông, ở gân thì co duỗi chẳng thuận lợi, ở thịt thì bất nhơn (tê dại), ở bì phu thì lạnh.

原文：素問五臟生成篇，卧出而風吹之，血凝於膚者痺，凝於脉者泣，凝於足者厥。此三者，血行而不得反其空。故為痺厥也，

DỊCH ÂM NGHĨA VĂN: Tố-Vấn Ngũ Tạng Sanh Thành-Thiên: Ngọa xuất nhi phong xuy chi, huyết ngưng ư phu giả tỷ, ngưng ư mạch giả khắp, ngưng ư túc giả khuyết, thử tam giả, huyết hành nhi bất đắc phản kỳ không. Cố vi tỷ khuyết-giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN:

Sách Tố-Vấn Thiên Ngũ Tạng Sanh Thành: Nằm ngủ đề lộ ra mà gió thổi đó, máu ngưng đọng ở bì phu thì sanh Tê, ngưng đọng ở Thủ Thái Dương kinh mạch, thì bệnh chảy nước mắt, ngưng đọng ở chân thì sanh chứng Khuyết. (1) Ba chứng bệnh này là do máu đi qua mà không thể trở lại chỗ khoảng trống. Cho nên gây ra chứng Tỷ Khuyết.

1.— Khuyết là do khí thượng nghịch, nhẹ thì tay chân lạnh, nặng thì bất tỉnh nhơn sự. (Trung Quốc Y Học Đại Từ Điển),

經義：以風寒濕，分為三種症候，以骨肉筋脉皮，分為三層病症，注意在入臟者死。



DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Di Phong, Hàn, Thấp, phân vi tam chủng chứng hậu, dĩ Cốt, Nhục, Cân, Mạch, Bì, phân vi ngũ tạng bệnh chứng. Chú ý tại nhập tạng giả tử.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Lấy Khí Phong, Khí Hàn, Khí Thấp chia ra làm ba loại chứng hậu. Lấy bệnh ở xương, bệnh ở thịt, bệnh ở gân, bệnh ở mạch, bệnh ở da, chia ra làm năm tạng bệnh chứng. Chú ý ở điểm bệnh độc vào tạng thì chết.

GIẢNG GIẢI :

Tỷ là một loại bệnh thuộc về thần kinh hệ, lại gọi là Ma Tỷ, khiến cho chỉ thê bệnh nhơn mất hết tri giác vận động.

Các y gia hiện tại, đối với chứng Tỷ chia ra làm hai loại : Bệnh Lũ Ma Chất Tư (Rhumatisme) phát sanh ở phần cơ nhục, và bệnh «Lũ Ma Chất Tư» phát sanh ở phần cân cốt, Bệnh Tỷ không có vào tạng, đối với lời luận thuyết của cổ y có sai biệt. Lại nữa các y gia hiện tại nói : chứng Tỷ không có ở ngoài phần bì phu, cũng không giống với luận thuyết của cổ y. — Nói về chứng Huyết Tỷ là : triệu chứng của huyết dịch bị thuyên tắc. Nhưng đây không phải là một chứng hậu độc lập.

Còn chứng Ma-Tỷ (Lũ Ma Chất Tư) ở phần cân cốt và phần cơ nhục, thì do khí độc Hàn Thấp hoặc Thấp Nhiệt gây ra, mà cổ y chỉ nói rõ về Phong, Hàn, Thấp, không đề cập đến Thấp Nhiệt. Duy có ông Chu-Đơn-Khê nói : Bệnh Tỷ có thuộc về Thấp Nhiệt, thì thật là trác kiến vậy.



原文：痿論篇：肺者臟之長也。為心之蓋也。有所亡失，所求不得，則發肺鳴。肺熱葉焦，發為痿躄。心氣熱則下脉厥而上，上則下脉虛，虛則生脉痿，樞折絮，脰縱而不任地也，肝氣熱，則胆泄，口苦，筋膜乾。筋急而掣，發為筋痿。脾氣熱則胃乾而渴，肌肉不仁，發為肉痿。腎氣熱，則腰脊不舉，骨枯而髓減。發為骨痿。

DỊCH AM NGUYỄN VĂN: Nuy (oài) Lnận Thiên: Phế giả tạng chi trưởng giả. Vi Tâm chi cái giả. Hữu sở vong thất, sở cầu bất đắc, tắc phát Phế minh. Phế diệp tiêu, phát vi nuy tịch. Tâm khí nhiệt tắc hạ mạch khuyết nhi thượng, thượng tắc hạ mạch hư, hư tắc sanna mạch nuy. Khu chiết khiết, kinh tủng nhi bất nhậm địa giả. Can khí nhiệt, tắc đảm tiết, khẩu khô, cân mạc can, cân cấp nhi loan, phát vi cân nuy. Tỳ khí nhiệt, tắc vị can nhi khát, cơ nhục bất nhơn, phát vi nhục nuy. Thận khí nhiệt, tắc yêu tích bất cử, cốt khô nhi Tủy giảm, phát vi Cốt Nuy. (bài này có nhiều đoạn sai với Sách Hoàng-Đế Nội Kinh Thái-Tồ, nhưng ý nghĩa giống nhau, nên chép y theo nguyên văn).

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN:

Thiên Nuy-Luận: Phổi ấy là lớn hơn các tạng vậy. Trùm ở trên tạng Tâm vậy. Có chỗ sơ thất, tìm kiếm lại chẳng được, thì sinh chứng Phổi Ho. Phổi nóng lá phổi nám, biến chứng bại xuy. — Khí tạng Tâm nóng, thì mạch ở phía dưới bị nhiệt khuyết mà thượng xung, thượng xung thì mạch ở dưới hư. Hư thì phát chứng Mạch-Nuy; Khu cơ



là lợi, hai ống chưng xụi lơ mà không thể đi bước vậy. — Khí tạng can nóng thì mặt tràn miệng đắng, cân mạc khô, gân co rút, phát chứng Can-Nuy. — Khí tạng Tỳ nóng, thì phủ vị khô mà khát nước phần cơ nhục tê dại, phát sanh chứng Nhục Nuy. — Khí tạng thận nóng, thì lưng và xương-sống cật chằng lên, xương khô mà Tủy giảm, phát sanh chứng cốt-Nuy.

經義：痿爲足不秋行之通稱。
雖有脛縱，筋痿肉，痿，骨痿之分，而專指足不能行則一。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Nuy vi túc bất năng hành chi thông xưng. Tuy hữu Kinh Túng, Cân Nuy, Nhục Nuy, Cốt Nuy chi phân, nhi chuyên chỉ túc bất năng hành tác nhứt,

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Chữ Nuy là nói chung về bệnh hai chân không thể đi được. Tuy phân biệt rành ra bốn chứng : Kinh Túng, Chứng Cân Nuy, Chứng Nhục Nuy, và Chứng Cốt Nuy, mà sự thực chỉ về bệnh hai chân không thể đi bước thì một,

GIẢNG GIẢI :

Sách Nội Kinh sở dĩ luận về Chứng Nuy, là chú trọng ở hai chân bệnh không thể đi được mà nói, đối với Sách Kim Quĩ nói về Chứng Phế Nuy (Phổi khô héo không phẩn chấn) chẳng giống nhau. Bệnh hai chân bại xụi không đi được, có loại bệnh thuộc về phần xương thịt tổ chức bạc nhược; có bệnh thuộc về đường quan tiết bị co rút. Sách xưa cho bệnh thuộc về đường quan tiết bị co rút là Bệnh

Tỳ, còn bệnh thuộc về phần cốt nhục tổ chức bạc nhược là Bệnh Nuy. Song nghiên cứu về bệnh này có thể kết luận được :

Lấy sự tổ chức của phần xương thịt không được kiện toàn làm tổ nhờn, lấy khí tạng Tâm nóng khiến cho mạch hư, khí tạng Can nóng khiến cho Gân khô, Khí tạng Tỳ nóng khiến cho phần cơ nhục bất nhờn, khí tạng Thận nóng khiến cho xương khô mà Tủy giảm, làm dự nhờn, đề thúc đẩy bệnh này mau đi đến chỗ bại hoại.

Sách Nội Kinh luận bệnh phần nhiều cho là thuộc HÀN. Duy có Bệnh Nuy thì lại hoàn toàn cho là thuộc NHIỆT, mà không nói đến HÀN, cũng là một việc lạ vậy. Song căn cứ trên thực tế của sự chẩn sát bệnh chứng đề làm chứng minh, thì Sách Nội Kinh luận Chứng Nuy là đặc biệt nhằm vào Kinh Dương Minh mà luận. Là một chứng bệnh nhứt định phải chữa trị bằng phương pháp châm cứu. Các y sĩ chuyên về Nội Khoa bắt tất câu nệ ở điểm này.

原文：厥論篇：陽氣衰於下，則為寒厥。陰氣衰於下，則為熱厥。

DỊCH ÂM NGUYỄN VĂN: Khuyết Luận Thiên: Dương khí suy ư hạ, tắc vi Hàn Khuyết. Âm khí suy ư hạ, tắc vi Nhiệt Khuyết.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Thiên Khuyết Luận: Khí Dương suy ở dưới thì làm bệnh Hàn Khuyết. Khí Âm suy ở dưới thì làm bệnh Nhiệt Khuyết.

原文：素問生氣通天論陽氣者，煩勞者張，精絕，辟積於夏，使人煎厥。目盲不可以視，耳閉不可以聞，漬漬乎若壞都，汨汨乎不可止。



DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN : Tố Ván Sanh Khí Thông Thiên Luận: Dương khí giả, phiên lao giả trương, tinh tuyết, tịch tịch ư Hạ, sử nhơn tiền khuyết, mục manh bất khả dĩ thị, nhĩ bế bất khả dĩ thính, hội hội hồ nhược hoại đồ, mịch mịch hồ bất khả chi.

DỊCH AM NGUYÊN VĂN :

Thiên Tố Ván Sanh Khí Thông Thiên Luận : Dương khí ấy, phiên lao quá độ thì thần kinh bị khản trương, bên trong thì tinh tuyết, lại thêm lúc mùa Hạ trong bụng bị tích khối (báng.) Khiến người sanh bịnh Tiền Khuyết, con mắt mù không còn trông thấy, lỗ tai bịt không thề lắng nghe. Đồ vỡ tựa hồ như nước vỡ bờ, cuộn cuộn vậy không thề ngăn.

原文：陽故者，大怒則血菀於上，而形氣絕，使人薄厥。

DỊCH AM NGUYÊN VĂN : Dương khí giả, đại nộ tác huyết uyển ư thượng, nhĩ hình khí tuyết, sử nhơn Bạc Khuyết

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Khí dương ấy, cả giận thì huyết dồn ở trên đầu, mà hình khí tuyết, khiến người biến chứng Bạc Khuyết.

經義：手足寒者，謂之厥。張仲景所稱，厥者手足逆冷是也，昏不知人，亦為厥。古稱邪入於府，昏不識人。生氣通天論。煎厥，薄厥，根據於陽氣之推動，血厥之過高，與手足逆冷，截然兩事不可不辨

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Thủ túc hàn giả, vị chi Khuyết. Trương Trọng Cảnh Xưng khuyết giả thủ túc nghịch lãnh thị giả. Hôn bất tri nhơn, diệc vị khuyết. Cồ Xưng khuyết giả nhập ư phủ, hôn bất tri nhơn. Sanh Khí Thông Thiên Luận : Tiền Khuyết, Bạc Khuyết, căn cứ ư dương khí chi thôi động, huyết áp chi quá cao, dữ thủ túc nghịch lãnh, triệt nhiên lưỡng sự, bất khả bất biện.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Tay chân lạnh ấy, gọi là Chứng Khuyết. Ông Trương Trọng Cảnh sở dĩ nói Chứng Khuyết ấy là : «tay chân lạnh như đồng vậy». TỐI tâm mặt mày, bất tỉnh nhơn sự, cũng gọi là Chứng Khuyết. — Xưa nói : «bệnh tà vào phủ. tối tâm mặt mày, bất tỉnh nhơn sự». **THIÊN SANH KÍ THÔNG THIÊN LUẬN :** Chứng Tiền Khuyết, Chứng Bạc Khuyết là căn cứ ở khí dương thúc đầy, huyết áp lên quá cao mà gây ra, so sánh với chứng tay chân lạnh như đồng, tiết nhiên là hai việc, không nên không chia rành.

GIẢNG GIẢI

Chữ «dương khí suy» «âm khí suy» là danh từ tổng quát. Tay chân lạnh, phần nhiều bởi thể ôn không đầy đủ. Vì tổ chức của phần cơ nhục của tay chân so sánh với nơi khác thì mỏng hơn. Cho nên tay chân sợ lạnh trước hơn đâu hết. Ông Trương Trọng Cảnh nói : Trước lạnh rung (Khuyết) ấy, sau ắt phát nóng». Đó là biểu hiện sự liệu năng cứu tế rất tự nhiên của sinh lý, bởi thần kinh và huyết quản bị thu rút thái quá, tất nhiên phải có tác dụng phản xạ, đề tự tìm lấy lối thoát. Ấy là lý do của sự «trước phát lạnh, sau ắt phát nóng» vậy. Mặc dầu có nhơn nóng



mà phát Khuyết. hoặc hơn lạnh mà phát Khuyết bất đồng. Song đại thể không ngoài lý này vậy.

Câu: «Dương Khí Giả, Phiên Lao Tác Trương.» Cho thấy bị lao quá độ, thì mức ấm nóng ở Trung Khu thần kinh bị nhiễu loạn, gia dĩ bên trong thì «tinh tuyết» và «Tịch tích». (Báng.) Mà Chứng Báng lại kết khối vào lúc mùa Hạ, là chỉ cho thấy: Khí hậu nóng, ăn uống nóng, dĩ chí nơi cư trú cũng nóng...đều là lý do khiến cho bệnh hơn phát sanh Chứng Tiền Khuyết (Tiền Khuyết tức là Nhiệt Khuyết.)

Vì sau khi phiên lao, nhiệt khí bên trong bị thôi đảng xông lên, khiến cho người bệnh mắt mù không còn trông thấy, tay bít không còn lắng nghe, hoàn toàn ở trong cảnh tượng tối tăm mờ mịt. Câu: «hội hội hồ nhược hoại độ, mịch mịch hồ bất khả chỉ» Chữ hội hội là hình dung sự đồ nát. Chữ mịch mịch là nghĩa: sức nước chảy mạnh không thể ngăn chặn, đều là hình dung bệnh trạng quá ư nguy cấp. không còn cách gì cứu chữa được nữa.

Lại câu: «Đại nộ tác huyết uyển ư thượng, nhi hình khí tuyết.» Vì giận thì sự nhịp động của Tim gia tốc, sự lưu hành của máu động đảng không ngừng. (Nếu có thể thờ huyết thì không đến đòi phát Khuyết. Bằng không thờ huyết thì máu dồn lên bộ đầu, biến chứng Não Sung Huyết; Hôn mê bất tỉnh, không hay cự quấy thì gọi là; Hình Khuyết; không thể nói năng, thì gọi là Khí Huyết. Bởi lẽ máu dồn chứa lên đầu óc, gây ra bất tỉnh hơn sự cho nên gọi là Bạc Khuyết vậy.

Sách Nội Kinh ở đoạn này đã nói rõ: Hơn vì phiên lao,

nhơn vì đại nộ, làm cho rối loạn dương khí. Chú trọng ở điểm máu dồn tích lên bộ đầu, mà phát sanh chứng Khuyết. Thế mà người sau lấy chứng hậu này, nhập chung với chứng vận động thần Kinh ma tý của bệnh Thiên Khô (bán thân bất toại) làm một, đề luận trị. Không hiểu sự thấy biết của họ ở chỗ nào mà thế?



Ở Nước Pháp, dùng phương pháp Châm Cứu chữa bệnh rất thành hành, hình trên đây, là một Nữ Y Sĩ Pháp dùng thuật Châm Cứu trị bệnh cho nhà Họa Sĩ trứ danh thế giới, là Ông Tất Già Sách.

CHƯƠNG THỨ VII

治 法 TRỊ PHÁP

原文：五虛死，五實死。脉盛，皮熱，腹脹，前後不通，悶瞀。此謂五實。脉細皮寒，氣少，泄利前後飲食不化，此謂五虛。其時有生者，漿粥入胃，泄注止，則虛者活。身汗得後利，則實者活。此其候也。

Dịch Âm Nguyên Văn : Ngũ hư tử; ngũ thực tử. Mạch thanh, bì nhiệt, phúc trướng, tiền hậu bất thông, muộn vụ. Thử vị ngũ thực. Mạch Tế. bì hàn, khí thiếu. tiết lợi tiền hậu, âm thực bất nhập, thử vị ngũ hư. Kỳ thời hữu sanh giả, tương chúc nhập vị, tiết chú chỉ, tắc hư giả hoạt. Thân hãn đắc hậu lợi, tắc thực giả hoạt. Thử kỳ hậu giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Năm Chứng Hư, Chết; Năm Chứng Thực, Chết.

Mạch đi thanh, ngoài da nóng, bụng trướng, trước sau chẳng thông (đại tiểu tiện bất thông), bức tức, ấy gọi là «năm Chứng Thực».

Mạch đi Tế, ngoài da lạnh, hơi thở hụt hợt, ỉa chảy đái dầm, ăn uống không vào, ấy gọi là «năm Chứng Hư». Cũng có khi sống được ấy. Nếu ăn uống cháo loãng vào Dạ Dày mà bớt ỉa chảy, thì Bệnh Hư có thể sống được. Minh ra mồ hôi, đại tiểu tiện thông lợi, thì Bệnh Thực có thể sống được. Đây là chừng sống chết của hai Chứng Hư và Thực vậy.



KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Năm Chứng Hư chết ; năm Chứng Thực chết. Đó là lý thể tất nhiên phải đến. Song trong ấy có người may ra được sống, là hoàn toàn nhờ ở cơ năng trị liệu tự nhiên trong thân thể chuyển biến thuận lợi. Sinh hoạt lực thiên nhiên trong thân thể con người là : các công năng của thần kinh, bộ máy hô hấp, bộ máy tuần hoàn, bộ máy tiêu hóa và bộ máy bài tiết, đầu đấy đều làm việc cách tận chức, thì gọi là : cơ năng điều tiết. Nếu có chứng ngại, tức là biến hóa của bệnh lý, tất phải nhờ ở năng lực bài tiết đề xua đuổi bệnh độc vậy.

Mồ hôi ra rịn rịn, đại tiểu tiện thông lợi, dĩ chí nước mũi, nước mắt, đàm, nhớt dãi....thải đều có tác dụng giúp cho sự vận tải bệnh độc bài tiết ra ngoài vậy.

Đối với Chứng : Mạch đi thanh, mình nóng, bụng trướng, đại tiểu tiện bế tắc, Bức tức, là bởi thần kinh, huyết dịch, trường vị, hãn tuyến. các bộ phận đều bị bệnh độc bần cứ tràn ngập. Duy nhờ có ra mồ hôi, và đại tiểu tiện thông lợi, thì bệnh độc mới có thể rút lui theo con đường Bài tiết, sinh cơ mới có cơ hội phục hồi.

Lại, Mạch đi Tế, mình lạnh, thiếu hơi...là bằng chứng hiển nhiên của chứng Tạng Tâm bị suy nhược. Thầy thuốc xưa chữa trị chứng bệnh này, không dùng thuốc CƯỜNG TÂM, mà lại dùng thuốc KIỆN VỊ. Bởi lẽ dùng thuốc CƯỜNG TÂM, không thể bổ sung được chất thuốc vinh dưỡng vào cách tương đương. Tạng Tâm tuy được tạm thời duy trì, mà chung cuộc tránh không khỏi bị suy nhược trở lại. Không bằng dùng phương pháp KIỆN VỊ làm chủ,



gia thêm thuốc CƯỜNG TÂM vào, thì sức khoẻ của TÂM VỊ đồng thời được cường tráng hưng phấn bền bỉ hơn.

Bài này chú trọng ở điểm, cháo lao vào DẠ DÀY, ỉa chảy đỡ dần, chính là phương pháp trị liệu rất tinh đáo của người xưa vậy.

原文：邪氣盛則實，正氣奪則虛。

又曰：邪之所湊，其氣必虛。

Dịch Âm Nguyên Văn: Tà khí thịnh tắc thực, chánh khí đoạt tắc hư. Hựu Viêt: Tà chi sở tẩu, kỳ khí tất hư.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN:

Tà khí thịnh hành là bệnh THỰC, chánh khí bị cướp đoạt là bệnh HƯ. Lại rằng: Chỗ nào tà khí tụ hội lại, thì chỗ đó chánh khí tất phải hư.

經義：邪氣盛，則正氣虛。因正氣虛，

則受邪。因受邪，則正氣愈虛。

Dịch Âm Kinh Nghĩa: Tà khí thịnh, tắc chánh khí hư. Nhơn chánh khí hư, tắc thọ tà. Nhơn thọ tà, tắc chánh khí dĩ hư.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA:

Tà khí thịnh, thì chánh khí hư. Nhơn chánh khí hư mới cảm thọ tà khí, nhưn cảm thọ tà khí mà chánh khí càng hư.

GIẢNG GIẢI:

Giới Đông y nói đến hai chữ CHÁNH KHÍ, lúc bình thời, thì chỉ ĐIỀU TIẾT CƠ NĂNG; lúc bệnh thời, thì chỉ cho TỰ NHIÊN LIỆU NĂNG. Còn chữ «tà» là chỉ cho bệnh độc và dị vật mà nói. Phạm sự biến hóa của bệnh lý, là do những vật làm cho sinh

lý Bị chướng ngại, khiến cho tác dụng của sinh lý bị phản thường.

Tà khí thịnh, là chỉ cho bệnh độc xâm tập, khiến cho cơ quan tự nhiên liệu năng bị trở tác ; chữa bệnh tức là nhờn theo thể mà cởi mở Bệnh độc, đồng thời khôi phục lại công năng cố hữu của sức khỏe, như dùng thuốc : phát hãn, lợi tiểu tiện, thông đại tiện, mạnh dạ dày, thuận hơi Phổi, hóa đàm nhớt, và lưu hành huyết dịch. Những chỗ bị bệnh độc bần cứ, là do sức khỏe suy nhược, không thể tự lực chống trả nổi. Đó chính là đại ý của câu «tà chi sở tấu: kỳ khí tất hư» vậy.

原文：陰陽應象大論曰：寒者熱之，熱者寒之，微者逆之，甚者從之。熱因寒用，寒因熱用。治寒以熱，治熱以寒，繩墨也。有病熱者，寒之而熱，有病寒者，熱之而寒，諸寒之而熱者取之陰，熱之而寒者取之陽，所謂求其屬也。

Dịch Âm Nguyên Văn: Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận Viết Hàn giả nhiệt chi, nhiệt giả hàn chi. Vi giả nghịch chi, thậm giả tông chi. Nhiệt nhờn hàn dụng, hàn nhờn nhiệt dụng. Trị hàn dĩ nhiệt, trị nhiệt dĩ hàn, thăng mặc giả. Hữu bệnh nhiệt giả, hàn chi nhi nhiệt. hữu bệnh hàn giả, nhiệt chi nhi hàn. Chư hàn chi nhi nhiệt giả thủ chi âm; nhiệt chi nhi hàn giả thủ chi dương, sở vị cầu kỳ thuộc giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Thiên Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận nói : Bệnh lạnh thì dùng thuốc nóng chữa trị, bệnh nóng thì dùng thuốc lạnh chữa trị. Nhờn nóng dùng lạnh, nhờn lạnh dùng nóng. Trị lạnh lấy nóng, trị nóng lấy lạnh, là phương pháp chữa trị thăng thần như dây mực vậy.



Có bệnh nóng ấy, lạnh đó mà nóng; có bệnh lạnh ấy, nóng đó mà lạnh. Các bệnh lạnh đó mà nóng ấy thì tìm lấy ở kinh âm; nóng đó mà lạnh ấy, tìm lấy ở kinh dương, sở dĩ tìm chỗ hệ thuộc của bệnh vậy.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI:

Lạnh là hiện trạng của cơ năng sinh lý bị suy giảm, cho nên lấy thuốc nóng để chữa. Nóng là hiện trạng của cơ năng sinh lý bị hưng phấn, cho nên phải dùng thuốc lạnh mà ức chế, ấy là chữa trị theo phương pháp chánh đáng. Trong đó lại còn có những bệnh chứng «CHÂN NHIỆT DẢ HÀN, CHÂN HÀN DẢ NHIỆT» (nóng thực lạnh dả, lạnh thực nóng dả,) cần phải suy cầu thấu đáo chỗ ở của bệnh cơ.

Sách Nội Kinh sở dĩ nói: lạnh đó mà nóng ấy, thì tìm lấy ở Kinh âm; nóng đó mà lạnh ấy, thì tìm lấy ở Kinh dương, là cần phải duy trì giữa công dụng và thực chất được đồng đều nhau, mới có thể gọi là bình nhưn vô bệnh.

Thế mà, Các y gia đời sau giải lăm kinh chỉ. Cho là dùng thuốc «tráng dương tư âm» nghị luận lằng xằng, bỏ bệnh chứng mà bàn qua y lý, khiến cho trên phương diện y học mỗi người nhận xét mỗi khác, đó nguyên nhưn gây ra sự tranh luận không đâu vậy.

原文：堅者削之，客者除之，勞者溫之，結者散之，留者攻之，燥者濡之，急者緩之，散者收之，損者益之，逆者行之，驚者平之，上之下之，摩之浴之，薄之劫之，開之發之，適事爲故（陰陽應象大論）

Dịch Âm Nguyên Văn: Kiên giả tước chi, khách giả trừ chi, lao giả ôn chi, kết giả tán chi, lưu giả công chi, táo giả nhu chi, cấp



giả hoàn chi, tán giả thu chi, tồn giả ích chi, đặt giả hành chi, kinh giả bình chi, thượng chi hạ chi, ma chi dục chi. bạc chi cướp chi, khai chi phát chi, thích sự vi cố. (âm Dương ứng Tượng Đại Luận)

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Bệnh kiên tích ấy thì cạo lột đó ; khách tà từ ngoài bám vào ấy, thì đuổi đi đó ; chứng lao ấy, thì ấm áp đó ; uất kết ấy, thì sơ tán đó ; đình trệ ấy thì công trục đó ; khô táo ấy, thì nhu nhuận đó ; câu cấp ấy, thì hòa hoãn đó ; tan ra ấy, thì gom lại đó ; hư tồn ấy, thì bổ ích đó ; đờ đần ấy, thì thúc dục đó ; kinh sợ ấy thì trấn an đó ; cướp bệnh theo ngò trên đó (cho ói), cướp bệnh theo ngò dưới đó (thông lợi đại tiểu tiện), án ma đó (bắt gân cạo gió), dùng nước nóng xông tắm đó ; áp đảo đó ; cường bách đó ; khai lối đó ; mở đường đó ; sao cho thích nghi với bệnh làm gốc. (Thiên Âm Dương ứng Tượng Đại Luận)

原文：因其輕而揚之，因其重而減之，因其衰而彰之，形不足者，溫之以氣，精不足者，補之以味，其高者，因而越之。其下者，引而竭之。中滿者，瀉之於內。其有邪者，瀉形以爲汗。其在皮者，汗而發之。氣虛宜掣引之。

Dịch Âm Nguyên Văn : Nhơn kỳ khinh nhi dương chi. Nhơn kỳ trọng nhi giảm chi. Nhơn kỳ suy nhi chương chi. Hình bất túc giả, ôn chi dĩ khí. Tinh bất túc giả, bổ chi dĩ vị. Kỳ cao giả, nhơn nhi việt chi. Kỳ hạ giả, dẫn nhi kiệt chi. Trung mãn giả, tả chi ư nội. Kỳ hữu tà giả, tích hình dĩ vi hãn. Kỳ tại bì giả, hãn nhi phát chi. Khí hư nghi xiết dẫn chi.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN

Nhơn bệnh độc còn khinh siền mà phát dương đó. Nhơn bệnh

độc đã trầm trọng mà giảm bớt đó. Nhơn bệnh độc suy thối mà chương trục đó. Hình không đầy đủ ấy, thì ôn bồ lấy khí. Tinh không đầy đủ thì bồi dưỡng lách vị. Bệnh ở trên thì bốc lên đó; bệnh ở dưới thì vét xuống đó. Bệnh trung mẫn thì tiêu đạo ở trong. Như có biểu tà ấy, thì dùng thang dịch xông tắm thân hình cho ra mồ hôi. Bệnh độc ở ngoài phần bì phu, thì dùng thuốc phát hãn đó. Khí hư thì phải dất lên, kéo lên đó.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Bài này Kinh Văn lấy làm nguyên tắc của sự trị bệnh. Ông Từ Chi Tài nhơn theo nguyên tắc này, biến chế ra làm mười tề trị liệu như sau :

1. — Tề Tuyên, có thể đạo đạt chứng ủng tắc.
2. — Tề Thông, có thể sơ thông chứng nê trệ.
3. — Tề Bồ, có thể bồ ích bệnh hư nhược.
4. — Tề Tiết, có thể tiết lợi chứng tiện bế (táo bón)
5. — Tề Hoạt, có thể hoạt lợi các chứng trước. (mắc kẹt)
6. — Tề Sáp, có thể thấu sáp các chứng thoát.
7. — Tề Táo, có thể khô ráo Chứng Thấp (ướt)
8. — Tề Thấp, có thể nhuận ướt Chứng Táo (khô)
9. — Tề Khinh, có thể trừ được chứng Thực.
10. — Tề Trọng, có thể trấn được Chứng Kinh.

Từ lâu rồi, các y gia biên soạn bốn thảo, trích mười tề này vào



làm tiêu biểu cho phương pháp trị liệu. Người sau lại hơn theo đây phụ hội thêm hai tề:

Tề Hàn, có thể trị bệnh NHIỆT.

Tề Nhiệt, có thể trị bệnh HÀN.

Theo ý soạn giả, thì hai Tề HÀN, NHIỆT bất tất phải gia vào. Vì trong mười Tề đã có Tề HÀN và Tề NHIỆT rồi. Tuy nói mười Tề, chứ sự thực là hai chục Tề vậy. Hơn vì nguyên tắc trị liệu trong Sách Nội Kinh bị Ông Từ Chi Tài bỏ sót, nay xin bổ sung cho đầy đủ như sau:

- 1.— Cạo lột Chứng Kiên Tích.
- 2.— Hoà hoãn Chứng Câu Cấp.
- 3.— Vận hành Chứng Khí Trệ; lại giúp lấy nước nóng xông tắm, ăn ma, châm cứu, dẫn đạo các pháp...mới không rớt sót vậy.

原文：邪風之至，疾如風雨。故善治者，治皮毛。其次治肌膚。其次治筋脉。其次治六腑。其次治五臟。治五臟者，半死半生也。

Dịch Âm Nguyên Văn : Tà phong chí chí, tạt như phong vũ. Cố thiện trị giả, trị bì mao. Kỳ thứ trị cơ phu. Kỳ thứ trị gân mạch. Kỳ thứ trị lục phủ. Kỳ thứ trị ngũ tạng, trị ngũ tạng giả, bán tử bán sanh giả.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN:

Khí tà phong khi đến làm bệnh, lẹ như gió mưa. Cho nên kẻ thiện trị. Trị ở bì mao, kẻ đó trị ở cơ phu, kẻ đó trị ở gân mạch,

kể đó trị ở sáu phủ, kể đó trị ở năm tạng. Trị đến năm tạng, là bệnh bán sống bán chết vậy.

原文：天之邪氣，感則害人五臟。
水穀之寒濕，感則害人六腑。地之濕氣，感則
害人皮肉筋脉。

Dịch Âm Nguyễn Văn : Thiên chi tà khí, cảm tác hại nhơn ngũ tạng. Thủy cốc chi hàn thấp, cảm tác hại nhơn lục phủ. Địa chi thấp khí, cảm tác hại nhơn bì nhục cân mạch.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Tà khí của trời, cảm nhiễm thì hại năm tạng con người. Khí hàn thấp của thủy cốc, cảm nhiễm thì hại sáu phủ con người. Khí thấp của đất, cảm nhiễm thì hại da thịt gân mạch con người.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Hai chữ «Phong Tà» là tên chung của các chứng Ngoại Cảm, như : Bệnh Thời Lệnh, bệnh Truyền Nhiễm chẳng hạn. Lúc sơ phát thì bệnh độc cảm nhiễm ở ngoài phần phu biểu, lỗ chân lông bị bế tắc, có thể dùng thuốc phát hàn mà khỏi bệnh. Cho nên nói : Kẻ rành chữa bệnh thì chữa ở phần bì mao.

Trải qua một thời kỳ tương đương về sau, hoặc do sự uất kết của thể ôn, hoặc do sự chướng ngại của bộ máy tuần hoàn, hoặc do sự trở tắc của Lâm-ba-dịch, hoặc do sự ứ nghẽn của huyết dịch, hoặc do sự trở trệ của trường vị, hoặc do sự phản thường của thần kinh cơ năng, hoặc do sự biến hóa của dịch thể phân bí, mà phát sanh các chứng bệnh tương đương. Thứ lớp truyền biến của bệnh độc bất quá là như thế.



Thầy thuốc xưa cho là sự truyền biến của bệnh độc, từ bì mao truyền vào gân mạch, rồi lần đến sáu phủ, năm tạng, là luận thuyết theo lý tưởng đương nhiên. Nhưng sự thực không phải vậy. Vì thầy thuốc xưa căn cứ trên công dụng của năm tạng sáu phủ mà giải thích. Nếu chuyên cầu về thực chất, không khỏi vì TỪ mà hại Ý. Bởi bì, nhục, gân, mạch, bị ký sinh trùng phá hoại, phát sanh ghẻ chốc ngứa lở các ngoại chứng, thì thầy thuốc xưa gọi là «THẤP ĐỘC» hại người. Cũng chẳng qua mà suy luận mà nói vậy.

原文。凡診病者，必問飲食起居，暴樂暴苦，始樂後苦，皆傷精氣，精氣竭絕，形體毀沮，暴怒傷陰，暴喜傷陽，厥氣上行，滿脉去形。愚醫治之，不知補瀉，不知病情，精華日脫，邪氣乃并，故凡診病者，必問常貴後賤。雖不中邪，病從內生，名曰脫營，常富後貧，名曰失精。五氣留連，病有所并，醫工診之，不在臟腑，不變軀形，診之而疑，不知病名，身體日減，氣虛無精，病深無氣。洒洒然時驚。病深者，以其外耗於衛，內奪於營，良工所失，不知病情，治之過也。

Dịch Âm Nguyên Văn: Phàm chẩn bệnh giả, tất vấn ẩm thực khởi cư, bạo lạc bạo khổ, thủy lạc hậu khổ, giai thương tinh khí; tinh khí kiệt tuyệt, hình thể hủy thư. Bạo nộ thương âm, bạo hỷ thương dương, khuyết khí thượng hành, mãn mạch khứ hình. Ngụ y trị chi, bất tri bồ tả, bất tri bệnh tình. Tinh hoa nhứt thoát, tà khí nãi tinh. Cố phàm chẩn bệnh gia, tất vấn thường quý hậu tiện. Tuy bất trúng tà, bệnh tòng nội sanh, danh viết thoát dinh. Thường phú hậu bần, danh viết thất tinh. Ngũ khí lưu liên, bệnh hữu sở tinh. Y công chẩn chi, bất tại tạng phủ, bất biến xu hình, chẩn chi nhi nghi, bất tri bệnh danh. Thân thể nhứt giảm, khí hư vô tinh, bệnh thậm vô

khí, sái sái nhiên thời kinh. Bệnh thâm giả, dĩ kỳ ngoại hao ư vệ, nội đoạt ư dinh, lương công sở thất, bất tri bệnh tình. Trị chi quá giả.

DỊCH NGHĨA NGUYỄN VĂN :

Phạm lâm sàng chẩn đoán, tất phải hỏi thăm sự ăn uống thức ngủ sinh hoạt hằng ngày của bệnh nhân. Vội vui vội khổ, đều hại tinh khí, tinh khí khô kiệt, hình thể hủy diệt, vội giận hại âm huyết, vội mừng hại dương khí. Khí khuyết nghịch thượng xung, mạch đến tràn trề, thân hình chết mất. Thầy thuốc ngu dốt, chữa trị chẳng biết phép bổ tả, chẳng hiểu được bệnh tình, tình hoa ngày càng thoát biến, tà khí với chánh khí lẫn lộn nhau. Cho nên, phạm xem bệnh, tất phải hỏi: Trước đã từng sang sào hèn, tuy bệnh nhân chẳng trúng ngoại tà, bệnh từ trong sanh ra, gọi là bệnh thoát dinh. Từng trước giàu sau nghèo, gọi là bệnh thất tình. Khí của năm tạng lưu liên ở trong mà không được sơ đạt. Bệnh độc với năm tạng kiêm tình lẫn nhau. Kê y công (thầy thuốc) chẩn đoán đó, không thấy bệnh ở trong tạng phủ, thân hình vẫn không biến đổi. Chẩn đoán đó mà sanh nghi. Vì không tìm hiểu được tên bệnh, mà rồi thân thể bệnh nhân ngày càng suy giảm. Khí hư không tinh, bệnh vào sâu thì không còn khí. Người thì gầy gò, có lúc lại kinh hải. Bệnh vào sâu ấy là vì bên ngoài thì hao tán phần VỆ, bên trong thì tước đoạt phần dinh. Kê lương công sở dĩ thất thổ, là vì không hiểu được bệnh tình, chữa trị đó sai vậy.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Sở dĩ công dụng của thuốc men, là để giúp cho các bộ phận quan năng trong thân thể con người bị biến hóa, được khôi phục trở lại

bình thường, chứ không thể nào thay đổi được hoàn cảnh của bệnh nơn. Như trước sang sau hèn, trước giàu sau nghèo, vội giận, vội mừng, vội vui, vội khờ...đều do sự thay đổi của hoàn cảnh, mà khiến cho tinh thần ý chí của bệnh nơn phải điên đảo.

Như đoạn nói: Bệnh không thấy ở trong tạng phủ, thân hình vẫn không biến đổi, chẩn đoán đó mà sanh nghi, vì không hiểu được tên bệnh, không biết đường nào sắp đặt thuốc men chữa trị. Thật là bối rối cho mấy Ông Thầy thuốc đời xưa.

Rốt cuộc lại giảng huấn đến đoạn: Tinh khí khô kiệt, hình thể hủy diệt, tinh hoa ngày càng hư thoát, người thì gầy gò, có lúc lại kinh hải. Những bệnh chứng này, phần nhiều vì hoàn cảnh bất lương, dinh dưỡng không sung túc gây ra. Phương pháp chữa trị cần phải thay đổi hoàn cảnh, và gia tăng sự dinh dưỡng, mới hy vọng chuyển nguy vi an—Người xưa thấy ở miền thôn dã dân chúng chết đói chết khát quá ư thống khổ. Hỏi tại sao không ăn thịt ăn cháo? Chẳng biết có giống như loại bệnh trên đây không?

原文：塞因塞用，通因通用。必伏其所主，而先其所因，其始則同，其終則異，可使破積，可使潰堅，可使氣和，可使必已，

Dịch Âm Nguyên Văn: Tác nơn tác dụng, thông nơn thông dụng. Tất phục kỳ sở chủ nhi tiên kỳ sở nơn, Kỳ thủy tác đồng, kỳ chung tác dị, khả sử phá tích, khả sử hội kiên, khả sử khí hòa, khả sử tất dĩ.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN:

Bệnh bế tắc, nơn theo dùng thuốc bế tắc; bệnh thông lợi, nơn theo dùng thuốc thông lợi. Trước phải chiết phục sở-chủ, mà tìm



lấy bệnh sờ nhờn, lúc đầu thì tương đồng, mà về sau thì dị biệt. Có thể sử dụng thuốc phá tích, có thể sử dụng thuốc hội kiên, có thể giúp cho bệnh khỏi hẳn.

KINH NGHĨA VÀ GIẢI GIẢI :

Người đời thường nói : Chữa bệnh có hai cách, chánh trị và phản trị. Chánh trị là : lấy thuốc lạnh của bệnh nóng, lấy thuốc nóng chữa bệnh lạnh, lấy thuốc thông chữa bệnh tắc, lấy thuốc tắc chữa bệnh thông.

Phản trị là : dùng thuốc nóng chữa bệnh nóng, dùng thuốc lạnh chữa bệnh lạnh, dùng thuốc thông chữa bệnh thông, dùng thuốc tắc chữa bệnh tắc. Luận giải theo loại này, mới nghe qua thì phải, nhưng sự thực thì bậy vậy. Bởi lấy thuốc nóng trị bệnh nóng, là thuộc về loại bệnh nóng (dã nhiệt). Lấy thuốc lạnh trị bệnh lạnh, cũng thuộc về loại bệnh lạnh (dã hàn) Dùng thuốc tắc để trị bệnh tắc, là bệnh tắc thuộc về loại hư trướng, nên phải dùng thuốc bồi bổ ôn cố để chữa trị, Dùng thuốc thông để trị bệnh thông, là chỉ cho bệnh hạ lý uất nhiệt, đi đại tiện mà giang môn sưng đau, phân ra không thông thả, mắc rặn ; tất phải dùng thuốc hoạt trường lợi tiện để chữa trị.

Công dụng của thuốc men, là cốt để giúp đỡ cho cơ quan tự nhiên liệu năng. khôi phục lại tác dụng chánh thường của nó. Không có chi mà gọi «nghịch mà tòng, tòng mà nghịch», Cốt ý phải thấu đáo chỗ ở của bệnh nguyên, đừng để cho giả tượng bề ngoài phình gạt là quí vậy.

Ý Kiến Dịch Giả : Đối với câu : «dùng thuốc thông chữa bệnh thông». Nói cách nôm na cho dễ hiểu, là dùng thuốc «xở» chữa bệnh



«ia» thì bệnh ia mới khỏi được. Đại khái, đoạn trên soạn giả nói : Dùng thuốc hoạt trường lợi tiện, chữa trị chứng Hạ lý uất nhiệt, giang môn sưng... đó là trường hợp của chứng «Dương Kiết lý» tất nhiên phải dùng thuốc : thanh nhiệt hoạt trường.

Ngoài chứng «Dương Kiết» ra, lại còn chứng Hàn tích ; do trường vị lạnh lẽo ngưng kết, mà biến chứng Tả lý, Phương thơ gọi là chứng «Âm kiết». Tất phải dùng thuốc đại nhiệt, đại hạ, như : Hoàn Bì Cấp (CAN CƯƠNG, BẢ ĐẬU, ĐẠI HOÀNG) đề công trực chứng Hàn tích. Nếu chứng Hàn tích chưa trừ, thì bệnh Tả lý không thể khỏi được. Các y gia, cần phải biết tùy theo mỗi chứng bệnh mà sử dụng thuốc men cách đối chứng.

原文：六元正紀大論曰：婦人重身，毒之何如，有故無殞，亦無殞也。大積大聚，其可犯也，衰其大半而止過者死，

Dịch Âm Nguyên Văn : Lục Nguyên Chánh Kỳ Đại Luận viết : Phụ Nhon trọng thân, độc chi hà như ? Hữu cố vô vãn, diệc vô vãn giả. Đại tích đại tụ, kỳ khả phạm giả. Suy kỳ đại bán nhi chí quá giả tử.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN :

Thiên Lục Nguyên Chánh Kỳ Đại Luận nói : Đàn bà mang thai nghén, dùng thuốc độc để chữa bệnh thì thế nào ? — Có cố thì không hại, chẳng những không hại mẹ, mà cũng không hại thai vậy. Những bệnh đại tích, đại tụ thì có thể dùng thuốc kỵ thai. Châm chước mà dùng lối phân nửa mà thôi, quá độ thì chết.



KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI :

Hai chữ «trọng thân» là chỉ cho người đàn bà trong lúc thai nghén thân thể nặng nề mà nói. Nếu muốn dùng chất thuốc có độc chữa bệnh cho người đàn bà trong lúc thai nghén, là phải nhắm vào chứng hậu làm tiêu chuẩn, mà dùng các loại thuốc kỵ thai, đại khái như : thuốc đại hàn, đại nhiệt, hưng phấn, ma túy, tiêu đạo, hóa trệ, thông tiện, trục ứ... Cho nên trong sách Kim-Quỹ, Ông Trọng-Cảnh chữa các bệnh chứng ở trong thời kỳ thai nghén đều có thể tùy theo mà sử dụng những vị : Thạch Cao, Đại-Hoàng, Đào nhơn, Mầu-Đơn-Bì... Nhưng không bao giờ hại thai mà vẫn công hiệu. Song phải chằm chước dụng lượng cho thích nghi. Không nên thái quá.

Cho nên nói : «Chằm chước dùng lối phân nửa mà thôi, thái quá thì chết.» Người sau chữa bệnh có thể nương theo đấy làm qui tắc vậy.

Còn như bài «Nhâm Thần Cấm Dụng Dược Phẩm Ca» biên trong ssch Tể-Âm Cương Mục. Đại khái những loại thuốc : Hoạt Huyết thông kinh, Kiện Vị, Hành Khí, Thanh Nhiệt, Tán hàn, thông tiện. lợi niếu, đều cho là cấm kỵ, trọng lúc thai nghén không nên dùng. So sánh lại với ý nghĩa của câu « hữu cố vô vãn » thật là cố chấp bất thông vậy.

原文：病有久新，方有大小，證有中
外，治有緩急，有毒無毒，故宜常制，大毒治病，
十去其六，常毒治病，十去其七，小毒治病，十
去其八，無毒治病，十去其九，穀肉果菜，食
養盡之，無使過之，傷其正也。

Dịch Âm Nguyên Văn: Bệnh hữu cứu tân, phương hữu đại tiểu chứng hữu trung ngoại, trị hữu hoãn cấp, hữu độc, vô độc, cố nghi thường chế, đại độc trị bệnh, thập khứ kỳ thất, tiểu độc trị bệnh thập khứ kỳ bát, vô độc trị bệnh, thập khứ kỳ cứu. Cốc nhục quả thái, thực dưỡng tận chi, vô sử quá chi, thương kỳ chánh giã.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN

Bệnh thì có đau lâu, mới đau, phương thang thì có lớn nhỏ, bệnh chứng có trong ngoại, cách trị có gấp hoãn, thuốc có thứ có độc, có thứ không độc, bào chế thích hợp với phép thường. Dùng thuốc đại độc trị bệnh. mười phần bệnh bớt được bảy thì thôi. Dùng thuốc có chút ít độc trị bệnh, mười phần bệnh bớt được chín thì thôi. Dùng thuốc không độc trị bệnh, mười phần bệnh bớt được chín thì thôi. Nêm dùng cơm thịt rau trái, ăn uống bổ dưỡng cho đến khi mạnh khỏi hoàn toàn. Mặc dầu là ăn uống. song không nên thái quá, mà tổn hại cho sức khỏe vậy.

原文：毒藥攻邪，五穀爲養，五果爲助，五畜爲益，五菜爲充，氣味合而充之，以補精益氣，

Dịch Âm Nguyên Văn: Độc dược công tà, ngũ cốc vi dưỡng. ngũ quả vi trợ, ngũ súc vi ích, ngũ thái vi sung, khí vị hiệp nhi sung chi, dĩ bổ tinh ích khí.

DỊCH NGHĨA NGUYÊN VĂN ;

Thuốc độc là để trị bệnh độc, năm giống thóc là để nuôi sống; năm thứ trái là để giúp cho sự nuôi sống; năm loài súc vật là để bổ ích cho sự sống; năm thứ rau là để bổ sung cho sự nuôi sống. Khí vị hợp lại mà sự nuôi sống đầy đủ đó, để bổ tinh, để thêm khí.



1 o Ngũ cốc : Nếp, hột Kê, Lúa nếp Hương, Lúa Mì, Đậu.

2 o Ngũ Quả : Trái Lý, Trái Hạnh, Trái Táo, Trái Lặt, trái Đào.

3 o Ngũ Súc : Trâu, Dê, Gà Chó, Heo.

4 o Ngũ Thái : Rau Quí, Rau Hoắc, Hành, Hẹ, và Kiệu.

KINH NGHĨA VÀ GIẢNG GIẢI

Thầy thuốc đời xưa dùng thức ăn mà trị bệnh, hoặc dùng thuốc mà trị bệnh. Dùng thức ăn mà trị bệnh là lấy sự ăn uống bổ dưỡng làm chủ, hiện nay gọi là « dinh dưỡng liệu năng, mà chính Sách Nội kinh đã nói : Năm giống thóc là để nuôi sống, năm thứ trái cây là giúp cho sự nuôi sống, năm loài súc vật là bổ ích cho sự nuôi sống, năm thứ rau là bổ sung cho sự nuôi sống. Thầy thuốc sau này ngoài việc chuyên dùng thuốc bổ như : Bồ Âm, bồ Dương, bồ Thận, bồ Tỳ ra, lại còn kèm thêm năm giống thóc, hoặc năm thứ trái, hay năm loài súc vật vào trong các phương thuốc bổ, làm cho sai lạc bản lai diện mục của phương thức dùng thuốc chữa bệnh của người xưa. Song đó cũng chẳng phải là việc mới xảy ra trong ngày gần đây vậy.

Chữa bệnh, thì dùng thuốc có độc cộng trị bệnh tà làm chủ, như Sách Nội Kinh nói : Dùng thuốc đại độc trị bệnh, mười phần bớt bảy, dùng thuốc có độc chút ít trị bệnh, mười phần bớt tám; dùng thuốc không độc trị bệnh, mười phần bớt chín. Như ai cũng biết, thuốc để chữa bệnh, chứ không phải là món ăn thông dụng hằng ngày. Lại nữa, phương tề thì có hoãn, gấp, lớn, nhỏ, sao cho thích hợp với bệnh tình, là nhiệm vụ của Thầy thuốc. Mong sao những người có bôn



phận tế thê hoạt nhơn » lúc nào cũng ghi nhớ lấy lời cổ huấn « độc được công tà ».

原文：主病之謂君，佐君之謂臣，應臣之謂使，君一臣二制之小也。君一臣三佐五，制之中也，君一臣三佐九，制之大也。君一臣二奇之制也，君二臣四偶之制也。君二臣三。奇之制也，君四臣六，偶之制也，近者奇之。遠者偶之，補上治上制以緩。補下治下制以急。急則氣味厚，緩者氣味薄。適其至所。此之謂也，奇之不去則偶之。是謂重方。偶之不去，則反佐以取之。所謂寒熱溫涼反從其病也。

Dịch Âm Nguyên Văn : Chủ bệnh chi vị quân, tá quân chi vị thần, ứng thần chi vị sứ. Quân nhứt thần nhị chế chi tiểu giả. Quân nhứt thần tam tá ngũ, chế chi trung giả. Quân nhứt thần tam tá cửu chế chi đại giả. Quân nhứt thần nhị cơ chi chế giả. Quân nhị thần iử ngẫu chi chế giả. Quân nhị thần tam, cơ chi chế giả. Quân tứ thần lục, ngẫu chi chế giả. cận giả cơ chi, Viễn giả ngẫu chi. Bồ thượng trị thượng chế dĩ hoãn ; bồ hạ trị hạ chế dĩ cấp. Cấp tác khí vị hậu hoãn tác khí vị bạc thích kỳ chí sở, thử chi vị giả. Cơ chi bất khứ tác ngẫu chi, thị vị trùng phương. Ngẫu chi bất khứ, tác phản tá dĩ thử chi. Sở Vị : hàn, nhiệt, ôn, lương, phản, tông kỳ bệnh giả.

Dịch Nghiã Nguyên Văn :

Thuốc chủ bệnh gọi là QUÂN, thuốc giúp với QUÂN gọi là THẦN, thuốc tiếp ứng với THẦN gọi là SỨ.

QUÂN một THẦN hai là chế phương nhỏ vậy. QUÂN một,



THẦN hai, TÁ năm, là chế phương vừa phải vậy. QUÂN một, THẦN ba, tá chín, là chế phương lớn vậy.

QUÂN một, THẦN hai, là chế phương theo số cơ vậy. QUÂN hai, THẦN bốn, là chế phương theo số ngẫu vậy. QUÂN hai, THẦN ba, là chế phương theo số cơ vậy. QUÂN bốn, THẦN sáu, là chế phương theo số ngẫu vậy. Bệnh ở gần thì dùng số cơ, bệnh ở xa thì dùng số ngẫu. Bồ dưỡng ở bộ trên, trị bệnh ở bộ trên thì chế hoãn, bồ dưỡng ở bộ dưới, trị bệnh bộ dưới thì chế gấp. Chế gấp thì khí Vị hậu, chế hoãn thì khí vị bạc, cho thích nghi với chỗ đến, gọi là như thế này vậy.

Dùng « CƠ » mà bệnh không khỏi, thì dùng « NGẪU », ấy gọi là trùng phương vậy. Dùng « NGẪU » mà bệnh không khỏi, thì dùng cách phản tá, đề cướp bệnh đó. Sở dĩ dùng thuốc Ôn, Lương, Hàn, Nhiệt phản trị, hay tòng trị, nên tùy thích theo bệnh vậy.

Kinh Nghĩa Và Giảng Giải :

Ví như một người bệnh mà đồng thời phát hiện mười mấy chứng hậu. Nếu căn cứ theo sách Bồn Thảo, lựa ra các dược phẩm đề chủ trị mười mấy chứng hậu kia, hỗn hợp lại thành một phương thang, thì phương thang ấy bị chi ly lộn vụn, không pháp độ đáng kể

Sách Nội Kinh muốn kiêu chánh cách chế phương tẽ hại trên đây, mới lập ra qui tắc chế phương : Thuốc chủ bệnh là QUÂN, thuốc phụ tá với QUÂN là THẦN, thuốc tiếp ứng với THẦN gọi là SỨ. Dã như trông thấy bệnh nhân có bệnh chứng tạp nhạp, không biết lấy chứng nào làm tiêu chuẩn đề trị, thì nên thề thủ theo



lời nói của ông Trương-Trọng-Cảnh : Bệnh ở phần biểu gấp thì cứu chữa Phần biểu, bệnh ở phần lý gấp thì nên cứu chữa phần lý. Trong lúc bệnh chứng lằng xằng hỗn tạp, cần phải cân nhắc xem bệnh nào nặng, bệnh nào nhẹ, bệnh nào hoãn, bệnh nào gấp, mà sắp đặt phương pháp trị liệu, thì mới thiện toàn bổn phận của y gia, như :

Thang Ma-Hoàng thì lấy vị Ma-Hoàng làm chủ dược; Thang Quế-Chi thì lấy vị Quế-Chi làm chủ dược; Thang Bạch Hồ thì lấy vị Thạch-Cao làm chủ dược; Thang Chân-Vũ thì lấy Vị Phụ-Tử làm chủ dược. Đã hiểu được chủ dược, thì hiểu ngay thuốc TÁ, thuốc SỬ là đề phụ trợ cho việc thành hiệu mà thôi.

Đại, Tiều : Phương tễ lớn, phương tễ nhỏ, là do vị thuốc trong ấy nhiều hay ít, cân lượng nặng hay nhẹ.

Hoãn cấp : Là do khí vị của dược Vật trong phương tễ hùng tráng hoặc hoà bình.

Chế độ của phương tễ đơn giản gọi là « CỖ ». Chế độ của phương tễ phức tạp gọi là « NGẪU ». Pháp qui của sự lập phương không ngoài luật định này vậy.

Ông Từ Hồi Khê nói : Phương tễ với bệnh chứng, phân tích ra mà quan sát, thì không vị thuốc nào mà chẳng phù hợp với bệnh tình, hỗn hợp lại mà quan sát thì không phương tễ nào mà chẳng căn cứ theo cổ pháp. Thật là lời nói kiến đạo vậy.



CHƯƠNG THỨ VIII

病 機

BỆNH CƠ

原文：夫百病之生也，皆生於風寒暑濕燥火。以之變之化也。或者寫之。虛者補之。審察病機。無失氣宜。

Dịch Âm Nguyên Văn : Phù bá bệnh chi sanh giả. Gial sanh U PHONG, HAN, THỪ, THẤP, TẢO, HOẢ, dĩ chi biến, chi hoá giả. Thạnh giả tả chi, hư giả bổ chi, thâm sát bệnh cơ, vô thất khí nghi.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Vã lại cả trăm bệnh chứng phát sanh vậy. Điều do nơi khí PHONG, khí HAN, khí THỪ, khí THẤP, khí TẢO, khí HOẢ gây ra, vì đó mà biến vì đó mà hóa vậy. Bệnh tà thạnh thì tả đó, chánh khí hư thì bổ đó, phải thâm sát bệnh cơ, đừng đề cho phải sai lầm.

經義：六氣為百病之本，病症發生甚繁。而其源不外六氣。知其常變，明其虛實，所謂必察其機。毋失於所措之宜是也。



Dịch Âm Kinh Nghĩa : Lục khí vi bá bệnh chi bản, bệnh chứng phát sanh thậm phồn, nhi kỳ nguyên bất ngoại lục khí. Tri kỳ thường biến, minh kỳ hư thực, sở vị tất sát kỳ cơ, vô thất ư kỳ sở thác chi nghi, thị giả.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Sáu khí (PHONG, HÀN, THỦ THẤP, TÁO, HỎA) là nguồn gốc gây ra bá bệnh. Bệnh chứng phát sanh rất phứt tạp, mà nguồn gốc gây ra bệnh không ngoài sáu khí. Biết được bệnh thường bệnh biến, rõ được chứng hư chứng thực, mới có thể gọi là thâm sát rõ bệnh cơ, đừng sai lầm với chỗ đặt đề thích nghi là phải vậy.

GIẢNG GIẢI.

Xem sự thay đổi của thể chất, mà biết được sự truyền biến của bệnh cơ. Bên trong bị nhiệt uất, thì bên ngoài nóng nhiều, bên trong bị hư hàn thì bên ngoài lạnh nhiều, ấy gọi là : có ở trong thì hình ra ngoài vậy.

Song nhơn tố của bệnh nội quàn, với dụ nhơn của chứng Ngoại cảm, không giống nhau. Phương pháp chữa bệnh, trước hết phải nghiên cứu xem trong nội tạng LẠNH, NÓNG, HƯ. THỰC thể nào ? kế đó xét coi trong sáu khí, bị cảm thương khí nào ? Trong sáu kinh hình chứng, hiện ra hình chứng nào ? Căn cứ trên trạng chứng đề phân biệt chứng nào chứng chủ yếu, chứng nào là chứng tặc phát, chứng nào là kiêm chứng, chứng nào là hiệp chứng ? Dĩ chí sự biến chuyển trải qua như thế nào. Rồi mới tham hợp lại đề tìm hiểu đầu



là thực tế của bệnh tình. Sách Nội Kinh sở dĩ nói: Thăm sát bệnh cơ là ý này vậy.

原文：諸風掉眩，皆屬於肝。諸寒收引，皆屬於腎。諸氣癰鬱，皆屬於肺。諸濕腫滿，皆屬於脾。諸熱瞀瘵，皆屬於火。諸瘡痛痒，皆屬於心。

Dịch Âm Nguyên Văn : Chư phong điệu (trạo) huyền, giai thuộc ư Can. Chư hàn thâu dãn, giai thuộc ư thận. Chư khí bì uất, giai thuộc ư Phế. Chư thấp thũng mãn, giai thuộc ư Tỳ. Chư nhiệt Vù khiết (khế), giai thuộc ư hoả, Chư sang thống dương, giai thuộc ư tâm.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Các chứng Phong chóng mặt xây xâm, đều thuộc nơi tạng Gan. Các chứng Hàn thu rút, đều thuộc nơi tạng THẬN. Các chứng khí bì uất, đều thuộc nơi tạng Phổi. Các chứng Thấp sưng phù đều thuộc nơi tạng Tỳ. Các chứng nhiệt hôn mê, tay chân rút giật, đều thuộc nơi Hoả. Các chứng ghẻ đau nhức ngứa ngứa, đều thuộc nơi tạng Tâm.

經義：古醫治病之方針，以五臟為主。猶近世分循環器，呼吸器。神經系。泌尿器，消化器等類，名詞雖各有不同，理義則一。古醫之所謂肝，包括運動神經而言，所謂腎，包括內分泌及泌尿器而言。所謂脾，包括消化器而言。所謂心。



包括循環器及知覺神經而言。所謂肺，包括呼吸器而言。此條所稱之火，現症熱而腎癰乃循環器行血障礙，壓迫神經，腦受血熱之薰蒸。故發現腎癰之狀態。餘若或為風之掉眩，或為寒之收引，或為氣之積鬱，或為濕之腫滿，或為瘡之痛痒。於外現之症，求其內發之機。故謂之病機。

Dịch Am Kinh Nghĩa : Cồ y trị bệnh chi phương châm, dĩ ngũ tạng vi chủ. Do cận thể phân tuần hoàn khí, hô hấp khí, Thần Kinh hệ, bí niệu khí, tiêu hóa khí đẳng loại, danh từ tuy các hữu bất đồng, lý nghĩa tắc nhất. Cồ Y chi sở vị can, bao quát vận động thần kinh nhi ngôn. Sở vị THẬN, bao quát nội phân bí cập bí niệu khí nhi ngôn, Sở vị TỠ, bao quát tiêu hóa khí nhi ngôn. Sở vị TÂM, bao quát tuần hoàn cập tri giác thần kinh nhi ngôn. Sở vị PHẾ, bao quát hô hấp khí nhi ngôn. Thử điều sở xưng chi hỏa, hiện chứng nhiệt nhi vụ khế, nãi tuần hoàn khí, hành huyết chương ngại, áp bách thần kinh, nảo thọ huyết nhiệt chi huân chương. Cổ phát hiện vụ khế chi trạng thái. Dư nhược hoặc vi phong chi trạo huyền, hoặc vi hàn chi thu dẫn, hoặc vi khí chi bí uất; hoặc vi thấp chi thũng mãn; hoặc vi sang chi thống dưởng. Ư ngoại hiện chi chứng, cầu kỳ nội phát chi cơ. Cổ vị chi bệnh cơ.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Phương châm chữa bệnh của Thầy Thuốc Xun, lấy năm tạng làm chủ, như dờn gần đây chia ra bộ TUẦN HOÀN, bộ HÔ HẤP, THẦN KINH HỆ, BỘ BÍ NIỆU, BỘ TIÊU HÓA, các loại, danh từ tuy khác nhau, mà lý-nghĩa thì một.



Thầy thuốc xưa sở dĩ nói GAN, là bao quát vận động thần kinh mà nói. Sở dĩ nói THẬN, là bao quát tác dụng nội phân bí, và bí niệu khí mà nói. Sở dĩ nói TỠ, là bao quát bộ tiêu hóa mà nói. Sở dĩ nói TÂM, là bao quát bộ tuần hoàn và tri giác thần kinh mà nói. Sở dĩ nói PHỄ, là bao quát bộ hô hấp mà nói.

Trong điều này nói do HỎA phát hiện ra chứng nóng, hôn mê rút giật, là bởi sự vận hành huyết dịch của bộ máy tuần hoàn bị chướng ngại, thần kinh bị áp bách, óc bị huyết nhiệt huân chứng. Cho nên phát hiện lên chứng Vụ Khế, Ngoài ra hoặc do Phong mà biến chứng Trạo Huyền, hoặc do HẠN mà biến chứng THU DẪN, hoặc do KHÍ mà biến chứng BỈ UẤT, hoặc do THẤP mà biến chứng THỪNG MÃN, hoặc do ghê chốc mà biến chứng THỔNG DUỠNG, căn cứ ở trạng chứng phát hiện ra bên ngoài, để tìm hiểu cơ quan gây ra bệnh ở bên trong. Cho nên gọi là BỆNH CƠ.

Giải Nghĩa :

Tổ chất nội phân bí của tế bào Tạng Gan, có cơ năng hưng phấn, tác dụng của cơ năng này, Thầy Thuốc đời thượng cổ gọi là «PHONG». Sách Nội-Kinh nói : ở trên Kinh Khuyết-Âm Phong khí trị đó phải vậy. (Khuyết-Âm chi thượng phong khí trị chi thị giả.) Tùy ý cân ở châu thân bị chấn trạo thì ngón tay bị nhu động ; bộ phận của đại não bị hôn vưng, thì hoa mắt. Thầy thuốc Đông cho các chứng hậu này là thuộc PHONG. Song cứu cánh trên thực tế của bệnh trạng này là do huyết dịch thượng xung, bộ phận của óc và Trung-Khu Thần Kinh đều bị áp bách mà gây ra. Chữa trị cần phải dùng thuốc



THANH HUYẾT NHIỆT, GIANG NGỊCH KHÍ. Phương pháp trị Gan như thế, mà phương pháp trị óc cũng như thế.

Hiện trạng của chứng « nhân hàn nhi thu dẫn », Bệnh này phát hiện ở con trai, thì âm-hành bị thu rút vào trong; phát hiện ở phụ nữ thì hai núm vú bị thu rút vào trong. Tác dụng của sinh lý, chứng Khuyết là do dương khí không đầy đủ. Nếu như lưỡi bị cuống lại, dài bị rút lên, là hiện tượng của chứng nóng càng sâu, lạnh càng lắm (nhiệt thâm khuyết thậm,) so sánh với chứng « nhân hàn nhi thu dẫn » không giống nhau. Căn cứ theo sinh lý học mà nói : Tổ chất nội phân bí, tinh tuỷ trong bộ phận phó thận (dái), có công dụng đẩy máu đi lên, đầy đủ tính hưng phấn và ôn dưỡng lực, là yếu tố của thê ôn. Thầy thuốc Đông gọi là : Khí ngưng Dương của phủ Mạng-Môn phải vậy. Với ý nghĩa câu : « ở trong lòng đất, đều có trục đất, nhiệt độ rất cao » giống nhau. Nếu khí hoá này bị suy giảm, thì thê ôn trong toàn thân tất nhiên phát sanh biến hoá. Hoặc ở bộ đầu ra mồ hôi, mặt đỏ. biến chứng Việt-Dương. Hoặc hai mắt đỏ ngầu, hai chân lạnh, mạch đi Tế muốn tuyết, hiện tượng của chứng Đái-Dương. Hoặc mồ hôi ra không ngừng, hiện tượng của chứng Vong-Dương. Hoặc trên mửa dưới ỉa, dương khí ở trung tiêu bị suy thoát. Các trạng chứng ấy đi đến mức trầm trọng thì ngọc hành đều bị thu rút. Đủ thấy hàn tà xâm tập, dương khí không đầy đủ thì biến chứng thu rút vậy.

Bệnh bí uất của phần khí, Tây y gọi là Bệnh Thần Kinh suy nhược; còn Đông y gọi là : Giận thì hại Gan. Danh từ tuy hai, mà ý nghĩa thì có một. Sách Nội Kinh cho là : Các chứng uất đều thuộc Phôi,

là chỉ nhìn vào sự thay đổi thường thái của thần kinh, mà cho là phần khí bị bệnh độc xâm hại.

Bởi vì Thầy thuốc xưa cho là : Phổi chủ khí, nên gọi các chứng khí bị uất đều thuộc Phổi là ý này vậy. Ho hen hơi thở nghịch lên, là tại hơi Phổi không trong trẻo, không hạ giáng, ấy là lời nói của Thầy thuốc xưa vậy. Hoặc vì khí uất thất điều, hoặc vì phủ hạ ngưng hư nhược, hoặc vì ngoại tà câu thúc, hoặc vì đàm nhớt ngăn nghẹt. Song căn cứ trên thực tế, để tìm hiểu bệnh tình, thì được thấy, nguyên nhân gây ra bệnh bị uất có sai biệt nhau, không phải hoàn toàn thuộc ở riêng một tạng Phổi, Ông Vụ Gia Ngôn đề ra phương THANH TÁO CỨU PHỄ, chỉ có thể chữa trị chứng Bị uất thuộc về Phổi ráo thì hay. Bằng Chứng Uất do ở các nguyên nhân khác gây ra, không thể dùng được.

Suy cứu các chứng khí bị uất, tất không phải chỉ có một chứng ho hen mà thôi, mà cả bệnh Gan táo máu nóng, tân dịch khô kiệt, khí thống, các chứng, mà thầy thuốc xưa đều bao quát trong điều « chừ khí bị uất », cần phải phân biệt rành rẽ, tìm lấy nguyên nhân để chữa trị.

Nguyên nhơn Chứng Thũng có bảy (7) loại như sau :

1. — Tạng Tâm bệnh Thủy Thũng, thì bị phủ hiện lên màu xanh, sự hô hấp cảm thấy khó khăn.

2. — Thận tạng tính thủy thũng, Bệnh Thủy Thũng thuộc tạng thận, thì trên bộ mặt bị sưng trước nhứt, trong nước tiểu có chất trông trắng trứng.



3.— Viêm Chứng Tính Thủy-Thũng. Chứng Thủy-Thũng thuộc Viêm tính, thì lạnh rung phát nóng, nhức đầu bợn dạ, màu da sừng đỏ, nước tiểu đỏ.

4.— Ác Dịch Chất Thủy-Thũng. Chứng Ác Dịch Chất Thủy-Thũng thì lấy ngón tay nhận lên chỗ xưng, da thịt không sùng xuống. Trước sùng ở mặt, sau sùng ở lưng bụng và tay chân.

5.— Huyết Quản Thần Kinh Thủy Thũng. Bệnh này khởi đầu huyết quản vận động thần kinh bị chướng ngại, lấy ngón tay đè lên chỗ sùng cảm thấy cứng dần, dội ngược lại.

6.— Cuộc Bộ Tính Thủy Thũng. Chứng này phát khởi phần nhiều do huyết độc, hoặc chất ác dịch, thường sùng bên trái hay bên phải, hoặc sùng ở hai tay hoặc hai chân, hoặc sùng ở âm-nang (dái).

7.— Ma Tỷ Tính Thủy Thũng. Bệnh này do trấp dịch trong cơ-quan tổ chức bị hao hụt, và sức viện trợ của cân nhục không sung túc gây ra chứng Ma-tỷ, nửa thân, hoặc hai tay hai chân đều bị sùng sốt ma tỷ.

Xét vì chứng Tâm Tạng, Thận Tạng Tính Thủy-Thũng, phần nhiều do nơi tinh thần ý chí bị lao thương tổn, rượu sắc quá độ gây ra. Thầy thuốc xưa đại khái nhận cho là chứng Âm Thủy-Thũng. Bệnh chứng tuy thuộc hư, song có hư hàn và hư nhiệt hai loại, cần phải phân biệt,

Chứng Viêm Thũng, Ác Dịch Chất-Thũng, Cuộc Bộ Tính các chứng Thủy-Thũng, phần nhiều do khí lực dâm từ ngoài bám vào



và ăn uống bất cần gây ra. Thầy thuốc xưa gọi là chứng Dương Thủy Thũng. Chứng tuy thuộc thực, nhưng có do khí Phong nhiệt Thấp nhiệt, Tích nhiệt, ứ nhiệt, nguyên nhân gây ra bệnh sai biệt nhau.

Chỉ như chứng Huyết Quản Thần Kinh Tính Thủy Thũng, thì giới Đông Y đều cho là : Chứng Khí Thũng. Sách nội kinh gọi là : Chứng Phu Trưởng phải vậy.

Còn như Chứng Ma Tỷ Tính Thủy Thũng, thì Đông Y gọi là Chứng THỐNG PHONG THẦN THŨNG. Ông Trần Vô Trạch nói : Bệnh này do kinh lạc không thông, máy chốt (khu cơ) không chuyển vận, chất nước không lưu hành được. Thấm rĩ ra ngoài phần bì phu, chính là nguyên nhân gây ra phù thũng vậy. Còn Tây y thì cho là tĩnh mạch bị trở tắc, chất nước tràn ra phần bào mạc mà biến chứng phù thũng. Về bệnh lý học thuyết, chỗ thấy giữa Đông và Tây, đại khái giống nhau. Đại cương điều mục của chứng Thũng, phân biệt ra từ loại rất phiền toái. đâu phải chỉ riêng có một tạng Tỷ mà bao quát tất cả các Chứng Sưng. Đọc cồ thư mà không bị cồ thư huyền hoặc, tức là loại này vậy.

Câu : Chư nhiệt vụ khiết, là nói vì nóng mà biến chứng hôn muộn rút giật máu nóng uất nghẽn, ung xông ở Trung khu Thần kinh. Ảnh hưởng đến Tri-Giác Thần Kinh, thì biến chứng hôn muộn, ảnh hưởng đến Vận Động Thần Kinh thì biến chứng tay chân rút giật. Đó là lỗi tại khí hoá thặng dư. Phương pháp chữa trị nên dùng thuốc thanh hoá.

Sự cảm giác của chứng Thống Dưỡng, phát hiện ở cuộc bộ thần kinh, sự vận hành của huyết dịch, là quyền thống lĩnh của tạng Tâm.



Huyết dịch sung doanh, thì mạch máu bị căng thẳng, áp bách thần kinh, cho nên biến chứng đau nhức, phần huyết trôi chảy, phần khí thôi đảng bị phu bị kích thích thì biến chứng ngứa ngáy.

原文：諸厥固泄，皆屬於下。諸痿喘嘔，皆屬於上。

Dịch Âm Nguyên Văn :

Chự Khuyết cố tiết, giai thuộc ư hạ ; chự Nuy suyễn ầu, giai thuộc ư thượng.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Các chứng khuyết, chứng Cố, và chứng tiết lợi, đều thuộc bệnh ở bộ dưới, các chứng Nuy, chứng suyễn, và chứng ụa mửa đều thuộc bệnh ở bộ trên.

經義：上下者，局部之名詞。病機之變化，非有上下之分，而病症之發現，寔有上下之別。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Thượng hạ giả, cuộc bộ chi danh từ. Bệnh cơ chi biến hoá, phi hữu thượng hạ chi phân, nhi bệnh chứng chi phát hiện, thực hữu thượng hạ chi biệt.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Trên dưới ấy là danh từ của cuộc bộ. Sự biến hoá của bệnh cơ không có phân trên dưới, mà chỗ phát hiện của bệnh chứng, sự thực có chia biệt trên dưới.



Giải-Giải :

Ông Tiết nói : KHUYẾT, là chứng nghịch vậy. Khí Dương suy ở dưới thì biến chứng HÀN-KHUYẾT. Khí Âm suy ở dưới thì biến- chứng NHẬT-KHUYẾT. Ấy bất quá là nói theo thường lệ vậy thôi. Còn như chứng Bạch-KHUYẾT, chứng TIÊN-KHUYẾT đều có phân biệt và giải rõ ở chương Bình-Lý. Duy chứng Khuyết phát khởi thì nguyên khí con người bị chấn động, máu thượng xung áp bách ở bộ óc thì thần thức bất tỉnh, hoặc nóng nhiều thì xây xâm hôn muộn, bệnh chứng tuy thấy ở trên bộ đầu, mà sự thực bệnh cơ phát tác từ dưới xông lên.

Còn như chứng Cố, chính là chứng Lung-Bế và Bí Kiết. Chứng Tiết là hai đường đại, tiểu tiện bị hoạt thoát không thể ngăn-chặn.

Ông Tiết nói : Tạng Thận ở dưới năm tạng, là nguồn gốc của THỦY, HỎA, ÂM, DƯƠNG, Nếu Âm huyết khuy-khuyết, thì DƯƠNG khí hao hụt, thanh trọc không phân biệt. ấy là do lạnh mà biến chứng bế tắc. DƯƠNG khí quá thịnh thì Âm huyết tổn thương, nước tân dịch bị khô cạn, ấy là vì nóng mà biến chứng bế tắc. — Nếu phủ hạ ngưng hư lạnh, mắc đi tiểu tiện liên liên không nín được, ấy là do lạnh mà biến chứng Tiết. Máu nóng ủng tắc ở trong, thủy khí bức bách xuống ruột, ấy là do nóng mà biến chứng Tiết.

Nhưng khảo cứu trên thực tế, căn cứ theo sinh lý học mà giải thích, thì được biết chứng Bí-Kiết và chứng Lung-Bế, dĩ chí chứng Nhị tiện (đại tiểu tiện) bất cấm, thì trên tác dụng của bệnh lý phần nhiều thuộc về bệnh của Bọng-Đái và Ruột, không thể kéo Tạng Thận và Âm DƯƠNG vào giải thích cách xô bồ vậy.



Chứng Nuy : có chứng Căn Nuy, chứng Nhục Nuy, chứng Mạch Nuy, chứng cốt Nuy, cần phải phân biệt. Song Sách Kim-Quỹ có nói về chứng Phế-Nuy, thuộc về sự biến hóa trên thực chất của nội tạng. Sách Tố-Vấn luận : chân không đi bước được gọi là chứng Nuy, trách nhiệm bởi tạng Phổi khô héo. — Suyễn là do hơi ở Phổi không hạ giáng ; Ụa là bởi khí ở vị thượng nghịch. Nguyên lý gây ra bệnh chứng và phương pháp trị liệu chia biệt rất phiền toái, cần phải chuyên luận ở một bài khác, mới có thể giải thích rành rẽ hơn.

原文：諸禁鼓慄，如喪神守，皆屬於火。諸瘕項強，皆屬於濕。諸逆衝上，皆屬於火。諸脹腹大，皆屬於熱。諸躁狂越，皆屬於火。諸暴強直，皆屬於風。諸病有聲，鼓之如鼓，皆屬於熱。諸病附腫，疼痛驚駭，皆屬於火，諸轉反戾，水液渾濁，皆屬於熱。諸病水液澄澈清冷，皆屬於寒。諸嘔吐酸，暴注下迫，皆屬於熱。

Dịch Âm Nguyễn Văn : Chư cấm cồ lật, như tán thần thủ, giai thuộc ư hoả. Chư Kinh hạng cường, giai thuộc ư Thấp. Chư nghịch thượng xung, giai thuộc ư hoả. Chư trưởng phúc đại, giai thuộc ư nhiệt. Chư táo cuồng việt, giai thuộc ư hoả. Chư bạo cường trực, giai thuộc ư phong. Chư bệnh hữu thanh, cồ chi như cồ, giai thuộc ư nhiệt. Chư bệnh phu thủng, đông thống kinh hải, giai thuộc ư hoả. Chư chuyển phản lệ, thủy dịch hồn trược, giai thuộc ư nhiệt. Chư bệnh thủy dịch trừng triệt thanh lãnh, giai thuộc ư hàn. Chư ầu thổ toan, bạo chú hạ bách, giai thuộc ư nhiệt.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Các chứng Cấm khầu run rẩy, như mất thần hồn, giữ nhà đều do nơi Hòa. Các chứng kinh cồ đơ, đều do nơi Thấp. Các chứng nghịch, thượng xung đều do nơi Hòa. Các chứng trướng bụng to, đều do nơi nhiệt. Các chứng Táo, (Tháo) cuồng loạn chạy rong, đều do nơi hỏa. Các bạo bệnh mình mẩy cứng đơ, đều do nơi Phong, Các chứng có tiếng, gõ trên da bụng như đánh trống, đều do nơi Nhiệt. Các chứng da thịt sưng phù, đau nhức kinh hải đều do nơi hỏa. Các chứng uốn gân vặn vẹo, nước tiểu nước dãi bần đục, đều do nơi Nhiệt. Các chứng nước tiểu, nước dãi lóng ngấm trong suốt, đều do nơi Hàn. Các chứng ứa mủ chua lè, bụng đau trăn, tả rót nước sôi xả, đều do nơi Nhiệt.

Nêu rõ Bệnh Nào Loại Nấy :

Phong : các chứng Kinh, cần cồ đơ.

Hàn : các chứng nước tiểu, nước dãi trong suốt.

Hỏa : các chứng cấm Khầu run rẩy như mất thần hồn. Các chứng Nghịch thượng xung. Các chứng da thịt sưng phù, đau nhức sợ hải. Các chứng táo điên cuồng chạy rong.

Nhiệt : các chứng có tiếng, gõ trên da bụng như gõ mặt trống. Các chứng ứa mủ nước chua, bụng đau trăn. tả rót nước sôi xả. Các chứng uốn gân Vặn Vẹo, nước tiểu, nước dãi bần đục. Các chứng Trướng bụng to.

經義：病症之現於外成於內，其理足供研究探討之用。厥為病機。古醫認明病症之原，有五臟受邪之不同，及上下現症之各異。而其發病之源，以風寒火熱為綱，亦上古研究醫學之結晶也。諸症項強一條，代為修正外。餘均照原文，分類表解，以便研究。



Dịch Âm Kinh Nghĩa : Bệnh chứng chỉ hiện ư ngoại thành ư nội, kỳ lý tức cung nghiên cứu thám thảo chỉ dụng. Khuyết vì bệnh cơ, cồ y nhận minh bệnh chứng chỉ nguyên, hữu ngũ tạng thọ tà chỉ bất đồng, cập thượng hạ hiện chứng chỉ các dị, nhi kỳ phát bệnh chỉ nguyên. dĩ PHONG, HÀN, HỎA, NHIỆT Vi Cương. dịch : thượng cồ nghiên cứu y học chỉ kết tinh giả. Chư Kinh hạng cường nhất điều, đại vi tu chính ngoại, dư quân chiếu nguyên văn, phân loại biểu giải, dĩ tiện nghiên cứu.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Bệnh quả phát hiện ra ngoài, là do bệnh như hình thành ở trong, nên căn cứ trên bệnh lý đề cung ứng cho việc nghiên cứu tham thảo. Bệnh cơ của chứng Khuyết. Thầy Thuốc xưa đã xác nhận rõ ràng từ đâu gây ra. Có năm tạng bị truyền nhiễm bệnh độc không giống nhau, và bệnh chứng phát hiện ở bộ trên, bộ dưới sai biệt nhau. Nguồn gốc sanh ra chứng Khuyết, thì lấy khí PHONG, khí HÀN, khí HỎA, khí NHIỆT làm cương lĩnh, cũng là điểm kết tinh nghiên cứu y học của đời Thượng-Cồ vậy.

Ngoài câu : « Chư kinh hạng cường » thay vì tu chính ra, kỳ dư đều chiếu theo nguyên văn, chia ra từng loại mà giải thích cho tiện việc nghiên cứu.

Giải Giải :

Các Chứng Kinh đơ cồ, Các Bạo-Bệnh minh mảy cứng đơ, đều là hiện tượng huyết áp ở bộ óc, vận động trung khu thần kinh hưng phấn thái quá mà biến Chứng Ma-Tỷ, uốn lưng nảy ngược, ngón tay



nhu động co rút, con mắt trợn ngược, hoặc miệng mắt méo xếch, thần chí hôn mê, miệng chảy nước dãi... các chứng, Đông-Y gọi các chứng này là PHONG. Các Y-gia hiện đại gọi là thần Kinh hệ bệnh. Thầy thuốc xưa cho là bệnh Gan vậy. Sách Nội-Kinh cho bệnh này là thuộc THẤP, e có chỗ sai lầm,

Các bệnh chứng nước phân, nước dãi lỏng ngấm trong trẻo, khí dương suy vi, thề ôn xuống thấp, sức ấm áp trong thân thề không dồi dào, cho nên hoặc mưa hoặc ỉa, nước cơm không tiêu hóa và lỏng ngấm trong trẻo vậy.

Sách Nội-Kinh tuy có lời dạy : Ở trời là NHIỆT, ở đất là HỎA. Các y-gia đời sau nói : NHIỆT là chỉ cho phần khí vô-bình, HỎA là chỉ cho phần huyết hữu bình. Nhưng cứ xét trên thực tế cũng bất tất phải phân biệt NHIỆT với HỎA ra làm hai loại. Còn phần khí phần huyết ở trên chỗ trải qua, thì có phân biệt trước sau mà thôi. Chứng Nghịch gây ra thượng xung. Chứng Táo gây ra cuồng việp, là do khí cơ của phế Vị bất thuận, hoặc vì quan năng của thần kinh phản thường, cũng có khi không phải do HỎA tạo nhân vậy, Còn như Chứng Cầm Khẩu run rẩy như mất thần hồn, có phải chăng ? Vì nguyên nhân do Khí HỎA gây ra, còn chờ khảo chứng.

Ông Tiết nói : Chứng Hàn chiến giảo nha, tức là Chứng Lạnh run đánh bò cạp, tinh thần không hay chủ trì, nên nói như mất thần thủ. Theo ý tôi (Soạn giả) dẫu như chứng này quả thực do HỎA gây ra, cũng cần xét kỹ lại nguyên nhân gây ra bệnh do thực HỎA, hay hư HỎA đề chữa trị.



Da thịt sưng sốt đau nhức (phụ thũng toan thống) là thuộc về loại ghê chốc vậy. Là do Khí Thấp Nhiệt Ùng trệ gây ra Kinh Hải là thần chí không yên, nên tìm xem nguyên nhân từ đâu gây ra để chữa trị, không nên nhứt thiết đều đổ tội cho Hoà, e không phải là tuyệt đối. Các chứng ọạ mửa nước chua, đau trăn bụng dưới, ịả nước như xối, Tây y cho là chứng Cấp Tính Vị Viêm, Cấp Tính Trường Viêm. Sách Nội Kinh cho là do nơi NHIỆT, đúng là chỗ kiến giải của Thầy thuốc đời xưa rất tinh mật vậy.

Chứng ới mĩa, cũng có như lạnh mà gây ra, như : Vật bài tiết lóng ngấm trong trẻo là thuộc lạnh, màu phân vàng sậm, lợn cợn hôi thối là thuộc nóng, lấy đấy làm suy lường, ngõ hầu tránh được sự nhận định lầm lẫn. Ngoài ra, như bộ bụng trướng to, gõ nghe có tiếng, trong loại này cũng có bệnh thuộc nóng, có bệnh thuộc lạnh. Trong khi lâm sàng, chẩn đoán, cần phải quan sát chu đáo, không nên nhận định cầu thả vậy.

原文：謹守病機，各司其屬，有者求之，無者求之，盛者責之，虛者責之，必先五勝，疎其血氣，令其調達，而致和平。

Dịch Âm Nguyên Văn : Cần thủ bệnh cơ, các ty kỳ thuộc, hữu giả cầu chi, vô giả cầu chi, thịnh giả trách chi, hư giả trách chi, tất tiên ngũ thắng, sơ kỳ huyết khí, lĩnh kỳ điều đạt, nhi trí hoà bình.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Nghiên cứu cần thận bệnh cơ, coi thuộc về bộ phận nào. Có bệnh độc tìm hiểu đó, không bệnh độc tìm hiểu đó, bệnh tà thịnh ấy trách đó, chánh khí hư ấy trách đó, trước nhứt phải biết chỗ thiên



thắng của năm hành, sơ thông huyết khí, khiến cho điều hoà thông suốt, mà gây nên mạnh khoẻ.

經義：研究病機，必先求其所屬，外因六淫之邪，何氣所傷，內傷七情之擾，何臟受病，以此例彼，自能瞭然。假如病因為火，而病症在肺，先宜探討其火邪之真假，次宜研究其肺臟之虛實。疎其血氣，令其調達，此治病之本能。即講解病機之深意也。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Nghiên cứu bệnh cơ, tất tiên cầu kỳ sở thuộc. Ngoại nhơn lục dâm chi tà, hà khí sở thương, nội nhơn thất tình chi nhiễu, hà tạng thọ bệnh, dĩ thử lệ bỉ, tự năng liễu nhiên. Dã như bệnh nhơn vi hoả, nhi bệnh chứng tại phế, tiên nghi thám thảo kỳ hoả tà chi chân dã, thứ nghi nghiên cứu kỳ phế tạng chi hư thực. Sơ kỳ huyết khí, lĩnh kỳ điều đạt, thử trị bệnh chi bản năng. Tức giảng giải bệnh cơ chi thâm ý giả

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Nghiên cứu bệnh cơ, trước hết phải xét coi bệnh độc ở vào bộ phận nào. Ngoài nhơn sáu khí dâm của bệnh độc. cảm thương khi nào ; trong do sự nhiễu nhiễu của bảy tình, tạng nào thọ bệnh; lấy chỗ này tỷ lệ chỗ khác, tự có thể thấy được rõ ràng vậy. Dã như bệnh do Hỏa, mà bệnh chứng ở ngay phổi, thì trước nhất phải thăm dò xem hỏa tà chân hay dã, kế đó nghiên cứu xem tạng phổi hư thực. Sơ thông huyết khí, khiến được thông suốt, ấy là bản năng của sự trị bệnh, tức là giảng giải thâm ý của bệnh cơ vậy.

Giảng Giải :

Ông Lưu-Hà-Gian trước tác Sách Bệnh-Nguồn-Thức, suy cứu



Bệnh Cơ mười chín điều, trong ấy chủ trị về Hoà hết sáu bảy phần mười. Đại khái dùng thuốc hòa lương, thanh tiết, công hạ, cho là thâm đắc ý chỉ Bệnh Cơ của Sách Nội Kinh. Song sự thực là chấp nê hình tích, không đúng theo lương pháp nghiên cứu y học vậy.

Hiệu Gia-Thiện, ông Trầm nghiêu Phong biên sách đọc Nội Kinh, công kích mười chín bệnh cơ của ông Lưu-Hà-Gian không tiếc lời. Ý ông cho sự biến hoá của bệnh tình, thiên biến vạn đoan, không tài nào đếm kể xiết, thì mười chín điều làm sao bao quát hết được. Không hiểu được ý lập luận của Thiên Bệnh Cơ trong sách Nội-Kinh, là chú trọng ở điểm suy cứu bệnh nguyên, biện biệt trong sáu khí (Phong, Hàn, Thử, Thấp, Táo, Hoà) bị cảm thương khí nào, thăm dò bệnh chứng, phân tích năm tạng, tạng nào thọ tà. Thuộc về loại bệnh nguyên thì tìm hiệu : Có, không, chân, giả ; thuộc về bệnh chứng thì tìm hiệu : Hư, Thực, Chánh, Tà. Phần huyết trệ, huyết bị ứ tắc thì điều hoà sơ thông ; phần khí uất, khí ngưng kết thì thủ sương thuận đạt. Trước hết phải biết sự thiên thắng của năm hành, đề tìm hiệu chỗ chênh lệch về khí huyết của năm tạng, xem tạng nào thọ tà ít, tạng nào thọ tà nhiều, tham hợp lại đề quan sát, phân tích ra đề chữa trị, cho đến khi sức khỏe bình phục mới thôi. Biết được ý này, thì đối với ông Lưu-Hà-Gian, hay ông Nghiêu-Phong, không đến đòi phải mê hoặc theo thuyết của một ông nào.



【第369圖】英武針灸學院 The British College of Acupuncture 院長博士 Worsloy 與訪問學者存仁，由鍾氏贈予針灸資料多冊。

Ông Viện Trưởng Viện Châm Cứu Học The Beitish Collge of Acupunctnre nước Anh, là Bác Sĩ Họa Sĩ Lễ (Worsloy) đến HongKong phỏng vấn Đông Y Bác Sĩ Trần Tồn Nhơn, được Trần tiên sinh trao tặng nhiều tài liệu châm cứu.

Trần Tồn Nhơn tiên sinh, là tác giả quyền Trung Quốc Y Học Sử. Những hình ảnh trong sách này, đều trích ở Sách Trung Quốc Y Học Sử.

CHƯƠNG THỨ IX

標 本 PHIÊU BỒN

原文：六氣標本。所從不同，有從本者，有從標本者，有不從標本者，少陽太陰從本。少陰太陽從本從標，陽明厥陰，不從標本從乎中也。故從本者，化生於本。從標本者，有標本之化，從中者，以中氣為化也。

Dịch Âm Nguyên Văn : Lục khí phiêu bồn, sở tông bất đồng, hữu từ bản giả, hữu từ bản bản giả, hữu bất từ bản bản giả. Thiếu Dương Thái Âm tông bồn. Thiếu Âm Thái Dương, tông bồn tông phiêu. Dương Minh Khuyết Âm, bất tông phiêu bồn tông hồ trung giả. Cổ tông bồn giả, hóa sanh ư bồn, tông phiêu bồn, giả, hữu phiêu bồn chi hóa; tông trung giả, dĩ trung khí vi hóa giả.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Ngọn gốc của sáu khí, chỗ theo chẳng đồng. Có theo gốc ấy, có theo cả ngọn cả gốc ấy, có thẳng theo ngọn cũng chẳng theo gốc ấy. Kinh Thiếu Dương, Kinh Thái Âm thì theo gốc. Kinh Thiếu Âm Kinh Thái Dương thì theo Gốc và theo ngọn. Kinh Dương Minh Kinh Khuyết Âm, chẳng theo ngọn chẳng theo gốc. mà theo trung



Kiến vậy. Cho nên theo gốc ấy, là hóa sanh ở gốc, theo ngọn theo gốc ấy, là có hóa sanh cả ngọn lẫn gốc. Theo Trung Kiến ấy, là vì hóa sanh ở trung khí vậy.

經義：六氣爲本，六經爲標，六經爲本，臟腑爲標，臟腑爲本，受病爲標，從標從本從中見之不同，即寒化熱化之各異。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Lục khí vi bản, lục Kinh vi phiêu. Lục Kinh vi bản, tạng phủ vi phiêu. Tạng phủ vi bản, thọ bệnh vi phiêu. Tòng phiêu. tòng bản tòng trung Kiến chi bất đồng, tức hàn hóa nhiệt hóa chi các dị.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa : Sáu khí làm gốc, sáu kinh làm ngọn ; sáu kinh làm gốc, tạng phủ làm ngọn ; tạng phủ làm gốc, phần thọ bệnh làm ngọn ; Theo phiêu, theo bản, theo trung kiến không giống nhau, là vì hàn hóa, nhiệt hóa sai biệt sai biệt nhau :

Giải-Giải :

Sáu khí. là đại danh từ thành phần cho khí hậu trong Không Khí nhiều hay ít, lệ như : Khí hậu thay đổi gọi là PHONG. Sức phản xạ của bóng mặt trời nóng nực gắt gao gọi là THỦ. Hơi nước luân chuyển thái quá gọi là THẤP. Lạnh lẽo áp bách gọi là HẠN. Khô khan can táo gọi là TÁO.

Sách Nội Kinh nói : PHÒNG HẠN, THỦ, THẤP, TÁO, HỎA là sáu khí của trời vậy. Ba kinh Âm, ba Kinh DƯƠNG vâng theo ảnh hưởng của sáu khí, ấy là bằng cứ chứng minh cho thấy : lấy sáu Khí làm gốc, sáu Kinh làm ngọn Bệnh chứng ở ba Kinh Dương là do sự biến hóa của Công dụng thê ôn, bệnh chứng ở ba KINH ÂM, là do sự biến hóa của công dụng tạng phủ. Công dụng của thê ôn và tạng phủ, đều chịu sự thống suất của sáu Kinh. Cho nên lấy



sáu Kinh làm gốc, tạng phủ làm ngọn. Nói cách xác đáng hơn là :
Cơ năng làm gốc, thực chất làm ngọn. Cơ năng vô hình, thống suất
bản thể hữu hình phải vậy.

Kinh Dịch nói : Hình mà lên ấy gọi là ĐẠO (hình nhi thượng
giả chỉ vị Đạo). Biết được ý này, là biết được Đạo PHIÊU BỒN
vậy.

Thầy thuốc xưa nhận cho Kinh Thiếu Dương, Kinh Thái Âm thì
theo gốc, là vì Phủ Mật theo Hỏa hóa, Tạng Tỳ theo Thấp hóa.

Kinh Dương Minh, Kinh Khuyết Âm không theo ngọn, không theo
gốc, mà theo trung kiến, là vì Tạng Gan thì hóa theo khí hỏa của
Phủ Mật, Phủ Vị thì hóa theo khí Thấp của Tạng Tỳ.

Còn Kinh Thiếu Âm, Kinh Thái Dương thì theo GỐC, theo
NGỌN, là vì tạng Tâm và Tạng Thận, thì cả phần âm lẫn phần Dương,
thải đều chú trọng, Mà Kinh Thái Dương thì lại làm chủ ở phần cơ biểu
trong ấy. Khi bị Nhiệt Hóa, khi bị Hàn Hóa nên theo Bồn theo Phiêu,
theo Trung Kiến, không nhất định. Do chỗ HÀN HÓA, NHIỆT
HÓA, có sai biệt, mà biết được yếu chỉ của đạo học. Câu : (nhứt
ngôn nhi chung) là chỉ vào đấy vậy.

Cử lệ 1. — Bệnh ở Gan Mật phần nhiều do hỏa hóa. Cho nên
thể tục hay nói : Can hỏa, Đàm hỏa. Chứng Thương Hàn, bệnh
ở Kinh Thiếu Dương và Kinh Khuyết Âm như : lòng phiền táo,
hay ủa, dưới sườn nhiều hơi đau nhói, là chứng hậu của Gan
bệnh Sung Huyết. — Chứng Tiêu Khát, hơi nghịch thượng xung
lên tim, trong tim đau xót, đói bụng mà ăn không vô, ấy là chứng

hậu của bệnh Cách Mạc Viêm. Lấy đây tỷ lệ kia, đề minh chứng Gan, Mật là tạng phủ có rất nhiều hỏa.

Cử lệ 2. — Tạng Tâm bị bệnh lạnh, chất ấm nóng ở Tâm không tuyên bố cùng khắp, Sức chú xạ của Tạng Tâm bị suy nhược. Tạng Tâm bị bệnh nóng, thì máu nóng uất nghẽn ở bên trong: biến chứng Tâm phiền bức rút.

Tạng Thận bệnh lạnh, thì hỏa ở Mạng Môn suy giảm, chất tinh túy ở phó thận phân bí không đầy đủ. Trạng Thận bệnh nóng, thì hỏa tà nung nấu ở bên trong, nước tân dịch Khô Kiệt, phần bì phu của phó thận biến tính.

Tạng Tâm, Tạng Thận hơn lạnh nóng mà biến hóa đủ gây ảnh hưởng cho sự Vận hành của phần Dinh, phần Vệ. Phần Dinh phần Vệ hơn sáu khí của ngoại tà xâm phạm làm sai lệch thường độ. thì công năng của Tâm Thận lại vì đó mà phát sanh biến hóa, Cho nên sự chữa trị phải theo gốc theo ngọn vậy.

原文：有脉從而病反者。脉至而從。
按之不鼓，諸陽皆然。諸陰之反。脉至而
從。按之鼓甚而盛也。

Dịch Âm Nguyên Văn : Hữu mạch tòng nhi bệnh phản giả. Mạch chí nhi tòng, án chi bất cồ, chư dương giai nhiên Chư âm chi phản. Mạch chí nhi tòng, án chi cồ thậm nhi thịnh giả.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Có Mạch thuận mà bệnh phản ấy. Mạch đến mà thuận: đề đó chẳng sung thực các chứng thuộc Dương đều thế. Các chứng thuộc Âm thì trái lại, mạch đến thuận. đề đó sung thực lắm mà thịnh vậy.



經義：真寒假熱，假熱真寒，其診斷判別之法，以脉為主。疑似之間，所當細審。

Dịch Âm Kinh Nghĩa: chân hàn dã nhiệt. dã nhiệt chân hàn, kỳ chân đoán phán biệt chi pháp, dĩ mạch vi chủ, nghi tự chi gian, sở đương tế thẩm.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa:

Bệnh chân hàn dã nhiệt, hoặc dã nhiệt chân hàn, cách chân đoán phân biệt, lấy mạch làm chủ, trong chỗ nghi tự cần phải thăm sát kỹ càng.

Giải Giải:

Mạch với chứng không ứng nhau, mà lại trái ngược nhau, Chứng thuộc Dương mà mạch tượng hư nhược, đè nặng tay mà mạch không thấy động; chứng thuộc Âm mà mạch tượng sung thực, đè nặng tay mạch động rất có sức. Chứng chân hàn dã nhiệt, hoặc dã nhiệt chân hàn, phần nhiều có loại mạch như thế này. Duy có thức lực của thầy thuốc mới có thể giám biệt được.

Cử lệ 1. — Ông Trương Linh Thiệu có chữa một chứng; bệnh nhơn lạnh buốt như giá, sáu mạch đều đi Vi Nhược dường có dường không, trải qua bảy ngày không nói mà cũng chẳng đi đại tiện. Các Thầy thuốc đều cho là chứng Vong Dương, tất phải cho uống thuốc Ôn bồ. Ông Linh Thiệu còn đang nghi lự, chưa dám quyết định. Hốt nhiên bệnh nhơn nói to kêu lớn hơi hám rất hùng tráng.



Ông Lịnh Thiệu nói: Tôi hiểu được bệnh rồi. Nếu quả như thuộc về chứng hàn, thì tiếng nói của bệnh như làm sao có đủ hơi hám to lớn như thế này. Ông cho uống Thang Đại Thừa Khí' một tễ mà bệnh mạnh.

Cử lệ 2. — Trong Sách Y-Án của ông Hồi Khê có biên: Có một bệnh Trúng Thử (trúng thương khí nắng nực) ngoài da sờ nóng cực độ, mồ hôi ra như tắm, mạch đi Hồng Đại mà không thứ tự đè nặng tay thì không sức, mặt đỏ bừng, hơi thở ngắn, bên ngoài trông thấy đều là hiện tượng của chứng Nóng, song sự thực bên trong thì lạnh. Ông dùng Thang Sâm-Phụ chữa trị rất thần hiệu.

原文：百病之起。有生於本者，有生於標者，有生於中氣者。有取本而得者，有取標而得者，有取中氣而得者，有取標本而得者，有逆取而得者，有從取而得者。逆正順也，若順逆也。知標與本，用之不失，明知順逆，五行無間，不知是者，不足以言。故曰，癘工嘻嘻，以為可知，言熱未已，寒病復起。同氣異形，迷診亂經，此之謂也。

Dịch Am Nguyên Văn: Bá bệnh chi khởi: hữu sanh ư bản giả, hữu sanh ư phiêu giả, hữu sanh ư trung khí giả. Hữu thủ bản nhi đắc giả, hữu thủ phiêu nhi đắc giả, hữu thủ trung khí nhi đắc giả, hữu thủ phiêu bản nhi đắc giả, hữu nghịch thủ nhi đắc giả, hữu tòng thủ nhi đắc giả. Nghịch, chánh thuận giả; nhược thuận, nghịch giả. Tri phiêu dữ bản, dụng chi bất đãi, minh tri thuận nghịch, ngũ hành vô gián, bất tri thị giả, bất túc dĩ ngôn. Cố viết: Thô công hy hy, dĩ vi khả tri, ngôn nhiệt vị dĩ, hàn bệnh phục khởi đồng khí dị hình, mê chẩn loạn kinh, thử chi dị giả.



Dịch Nghĩa Nguyên Văn:

Trăm bệnh phát sanh: Có bệnh sanh ở Gốc ấy, có bệnh sanh ở ngọn ấy, có bệnh sanh ở trung khí ấy. Có trị gốc mà lành bệnh ấy, có trị ngọn mà lành bệnh ấy, có trị trung khí mà lành bệnh ấy, có trị cả ngọn lẫn gốc mà lành bệnh ấy, có trị nghịch, lại mà lành bệnh ấy, có thấy đâu trị đó mà lành bệnh ấy. Nghịch chính là thuận vậy. Bằng thuận, chính là nghịch vậy. (1) Biết ngọn và gốc, thì dùng thuốc chữa đó chẳng nguy hại, rõ được cái lý thuận nghịch, thì nhận định chánh đáng mà không sai lầm, làm Thầy Thuốc mà không rõ được lý này, thì không đủ luận đến việc thuốc.

Cho nên nói: Kẻ Thô công (Thầy thuốc thiếu học vụng về) hí hờn, tự thị là thông hiểu tất cả. Song nhận định là chứng NÓNG chưa dứt lời, thì chứng LẠNH lại phát sanh. Bởi vì bệnh khí giống nhau, bệnh hình khác nhau, không rành chẩn đoán, không rõ kinh lạc. là thuộc về hạng người này vậy.

1. — dùng thuốc lạnh trị bệnh lạnh, dùng thuốc nóng trị bệnh nóng, như trường hợp Ông Lệnh Thiều, và Ông Hồi Khê vừa kể bài trước.

經義：治病之法，診斷其真假疑似之間，治本治標，各隨其當，所謂原因的療法是也，故曰，用之不殆，則其逆順真假之源。不為外表所惑，大刀闊斧，力解重圍，是為上工。若不知寒熱真假潛伏之理，是謂迷診亂經之粗工者矣。



Dịch Âm Kinh Nghĩa : Trị bệnh chi pháp, chẩn đoán kỳ chân dã nghi tợ chi gian, trị bồn trị phiêu, các tùy kỳ đáng, sở vị nguyên nhơn đích liệu pháp thị giả. Cổ viết : dụng chi bất đãi. Minh kỳ nghịch thuận chân dã chi nguyên, bất vi ngoại biểu sở hoặc, đại đao hoạt phủ, lực giải trùng vi, thị vi thượng công. Nhược bất trị hàn nhiệt chân dã tiềm phục chi lý, thị vi mê chẩn loạn kinh chi thô công giả hỹ.

DỊCH NGHĨA KINH NGHĨA :

Phương pháp trị bệnh tất phải chẩn đoán cẩn thận, phân biệt chỗ CHÂN DÃ NGHI TỢ của bệnh tình, phải trị gốc thì trị gốc, phải trị ngọn thì trị ngọn, luôn luôn thích đáng, đấy chính là phương pháp trị liệu theo nguyên nhân vậy. Cho nên nói : « Sử dụng thuốc thang mà chẳng nguy hại ». Rõ được nguyên nhân, THUẬT, NGHỊCH, CHÂN, DÃ, không bị bệnh chứng bên ngoài xi gạc, dùng dao to búa lớn giải phá trùng vi, ấy là phương thuật trị liệu của kẻ Thượng Công (Trầy Thuốc : hay) vậy. Nếu không rõ được cái lý tiềm phục của CHÂN, DÃ, HÀN, NHIỆT, là thuộc về hạng Thô Công, chẳng biết chẩn đoán, không rõ kinh lạc là gì vậy.

Giải Giải :

Bệnh sanh ở Gốc chữa trị ở ngọn, bệnh sanh ở Ngọn chữa trị Gốc, ấy là kẻ Thô Công kém đức thiếu tài, lợi dụng cái đạo cứu người làm việc giết người. Nên biết, cách trị liệu phải lấy cơ năng làm Gốc, lấy thực chất làm Ngọn, ví như : dương khí ở Tâm không phấn chấn gây ra Chứng Ma Tỷ, Can khí uất nghẽn gây ra chứng



Sung Huyết, Phế khí chẳng tuyên thông gây ra chứng Suyễn Mãn, Dương khí ở Tỳ chẳng vận động gây ra chứng Thũng Trướng. . . mà chẳng chủ trị trên cơ năng vô hình, lại lo chữa trên vật chất hữu hình. Đấy chính là chứng Gan Ung Thư của Tôn Trung Sơn Tiên sanh, chứng Yết Hầu của Ông Thái Tùng Ba, chứng Niểu Huyết (đái ra máu) của Ông Lương Nhậm Chi, chứng Trung Tiêu của Ông Hồ Thích. . . . vì chệ thuốc của Đông-y không dùng mà trở nên mau chết ; nếu biết trọng dùng thuốc Đông may ra bệnh của các ông đặng cứu khỏi. Lấy đó làm gương, thì đủ thấy cái Đạo trị phiêu trị bôn của Đông-y-học, lợi hại như thế nào, cách rõ ràng vậy.

Thuận theo năng lực thiên nhiên của sinh lý mà chữa trị, gọi là trị BỒN. Là sở học của Đông-y Dược vậy.

Tiếc thay cả mấy ngàn năm qua, sách vở của Đông-y gần như hoang vu tạp nhạp, một gậm bụi mờ ; gần một thế kỷ nay, ngành Đông-y Học ở nước ta lại bị xem khinh xem thường, chuộng mới nói củ, Tặm chí, hiện nay nước nhà đã độc lập từ lâu, mà việc chấn hưng ngành Y-Học Tồ Truyền, ngõ hầu mở rộng thêm cho dân tộc một đường sinh lộ, vẫn chưa được thực hiện.

Chính như, phương pháp lấy thuốc hàn chữa bệnh nhiệt, bệnh chân nhiệt ; lấy thuốc nhiệt trị bệnh hàn, Bệnh chân hàn, thì gọi là Nghịch Trị. Lấy thuốc nhiệt trị bệnh nhiệt, (bệnh dã nhiệt), lấy thuốc hàn trị bệnh hàn, (Bệnh dã hàn), thì gọi là tòng trị. Nếu thông hiểu được cái lý THUẬN NGHỊCH này, thì sự trị bệnh không bao giờ

lầm lẫn, ấy là thành tích trị liệu của người xưa để lại vậy. Đòi gần đây thì Tây y khoa học hóa, trị liệu theo phương thức cơ-giới, tự cho mình là văn minh, nhưng không rõ được cái lý HÀN NHIỆT của Đông-y. Nếu gặp trường hợp của bệnh chứng CHÂN HÀN GIÃ NHIỆT, hay là GIÃ, NHIỆT, CHÂN, HÀN, thì không khác nào như rớt trong đám sương mù dày đặc, tất phải trông cậy vào sự thí nghiệm của Đông y vậy.

Đông y mấy ngàn năm về trước, đã phát minh Học Thuyết Khí Hóa : PHIÊU, BỒN, TRUNG-KIẾN, và Bồn Nguyên Trị Liệu : CHAN, DÃ, NGHỊCH, TÔNG, là điều kiện thức vĩ đại của tiền dân, rất có giá trị đối với việc nghiên cứu y học vậy.

原文：陰陽逆從。標本之道也。小而大。言一而知百病之害。少而多，淺而博，可以言一而知百也，以淺而知深。察近而知遠。言標與本。易而勿及。治反為逆。治得為從。

DỊCH ÂM NGUYÊN VĂN : Âm dương nghịch tông, phiêu bồn chi đạo dã. Tiều nhi đại, ngôn nhứt nhi tri bá bệnh chi hại. Thiều nhi đa, siền nhi bác, khả dĩ ngôn nhứt nhi tri bá dã. Dĩ siền nhi tri thâm, sát cận nhi tri viển, ngôn phiêu dữ bồn, dĩ nhi vật cập, trị phản vĩ nghịch, trị đắc vĩ tông.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Khí Âm, khí Dương, thăng phục nghịch thuận, là Đạo Phiêu bồn vậy. Nhỏ mà lớn, nói một bệnh mà biết được sự nguy hại của trăm bệnh. Nói ít mà biết nhiều, nói cận mà biết lớn, có thể nói



một mà biết được trăm vậy. Lấy cạn mà biết sâu, xét gần mà biết xa, nói gốc với ngọn dễ dần mà ít ai biết được. Trị phản lại (1) là nghịch trị, trị thuận theo (2) gọi là tòng trị.

經義：小而大，少而多，淺而博，言一而知百病之害。所謂一者，細胞之原子也。細胞之質屬陰，而細胞核分裂之能力屬陽。此各個之陰陽也。若夫整個之陰陽者，厥為臟腑中功用與實質。故能知陰陽逆從標本之道者。一言而知其要也。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Tiểu nhi đại, thiếu nhi đa, siển nhi bác ngôn nhứt nhi tri bá bệnh chi hại. Sở vị nhứt giả, tế bào chi nguyên tử giả. Tế bào chi chất thuộc âm, nhi tế bào hạch phân liệt chi năng lực thuộc Dương, thử các cá chi âm dương giả. Nhược phù chỉnh cá chi âm dương giả, khuyết vi tạng phủ trung công dụng dư thực chất. Cố năng tri âm dương nghịch tòng phiêu bôn chi đạo giả, nhứt ngôn nhi tri kỳ yếu giả.

Dịch Âm Kinh Nghĩa :

Câu : «tiểu nhi đại, thiếu nhi đa, siển nhi bác, ngôn nhứt nhi tri bá bệnh chi hại». Chữ nhứt ở đây là chỉ cho hột nguyên tử của tế bào vậy. Nguyên chất của tế bào thuộc Âm, mà năng lực làm cho hạch của tế bào phân liệt lại thuộc Dương. Đây là nói về Âm

(1) dùng thuốc nóng trị bệnh lạnh, thuốc lạnh trị bệnh nóng, gọi là nghịch trị.

(2) dùng thuốc lạnh trị bệnh lạnh, thuốc nóng trị bệnh nóng gọi là tòng trị



Dương của mỗi cá thể vậy. Còn nói về Âm Dương của toàn thể, thì là chỉ cho công dụng và thực chất trong tạng phủ vậy. Cho nên biết được cái Đạo : AM, DƯƠNG, NGHỊCH, TÔNG, PHIÊU ; BỒN, thì chỉ nói một lời mà thông hiểu được yếu lý vậy.

GIẢNG GIẢI

Mỗi cá thể tế bào, đều có đầy đủ tác dụng của hai tính Âm và Dương, bồi bổ tân dịch là sở dĩ tư dưỡng cho phần THỀ, hưng phấn hồi dương là sở dĩ vận động cho phần Dụng. Đây là nói về Âm Dương của cuộc bộ, mà cũng là phần Âm Dương của cá thể vậy. Nếu luận về toàn thể thì : đầu mặt là Dương, toàn thân là Âm ; lưng là Dương, bụng là Âm ; xác thân là dương, tạng phủ là Âm. Đây là phân tách, phần nào thuộc Âm, phần nào thuộc Dương ở trong châu thân hình chất.

Còn nói về trung khu chủ trị của Âm Dương, là căn bản giúp cho việc vận hành khí huyết trong thân thể, thì do công dụng và thực chất của tạng phủ, thì thực chất là Âm, công dụng là Dương. Cho nên nói : Cạn mà lớn (siền nhi bác) nói một mà biết trăm vậy.

Bệnh phần Âm, đến phần Dương, chữa trị phần Dương ; bệnh phần Dương đến phần Âm, chữa trị phần Âm, thì gọi là trị phản, tức là nghịch trị vậy. Bệnh phần Âm đến phần Dương, chữa trị phần Âm ; bệnh phần Dương đến phần Âm chữa trị phần Dương, thì gọi là trị đắc, tức là tông trị vậy. Biết được yếu đạo của Âm Dương là rõ được chỗ tâm truyền của người xưa vậy.



原文：先病而後逆者。治其本，先逆而後病者，治其本。先寒而後生病者。治其本。先病而後生寒者。治其本，先熱而後生病者。治其本。先熱而後生中滿者。治其標，先病而後泄者。治其本。先泄而後生他病者。治其本。必且調之，乃治其他病，先病而後生中滿者，治其標。先中滿而後煩心者。治其本。

Dịch Âm Nguyên Văn: Tiên bệnh nhi hậu nghịch giả, trị kỳ bản. Tiên Nghịch nhi hậu bệnh giả, trị kỳ bản. Tiên hàn nhi hậu sinh bệnh giả, trị kỳ bản. Tiên bệnh nhi hậu sinh hàn giả, trị kỳ bản. Tiên nhiệt nhi hậu sinh bệnh giả, trị kỳ bản. Tiên nhiệt nhi hậu sinh trung mãn giả, trị kỳ Phiêu. Tiên bệnh nhi hậu tiết giả, trị kỳ bản. Tiên tiết nhi hậu sinh tha bệnh giả, trị kỳ bản tất tả điều chi, nãi trị kỳ tha bệnh. Tiên bệnh nhi hậu sinh trung mãn giả, trị kỳ phiêu. Tiên trung mãn nhi hậu phiền tâm giả, trị kỳ bản.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn:

Trước bệnh mà sau nghịch ấy, trị ở gốc. Trước nghịch mà sau bệnh ấy, trị ở gốc (1). Trước bị hàn lâm mà sau sinh bệnh ấy, trị ở gốc. Trước sinh bệnh mà sau bị hàn lâm ấy, trị ở gốc. Trước nóng uất mà sau sinh bệnh ấy, trị ở gốc, Trước nóng uất mà sau sinh chứng Trúng mãn ấy, trị ở ngọn, Trước bệnh mà sau biến chứng ỉa chảy ấy, trị ở gốc. Trước bệnh ỉa chảy mà sau sinh các bệnh khác ấy, trị ở gốc. Tất phải điều trị bệnh ỉa chảy rồi mới trị qua các chứng khác. Trước bệnh mà sau sinh chứng Trúng mãn ấy, trị ở ngọn. Trước bệnh Trung Mãn mà sau sinh chứng lòng phiền táo ấy, trị ở gốc.

1/ Chữ Nghịch có nghĩa: thắng khắc. Ví như trước sẵn có bệnh Tỳ vị, sau cảm khí phong tà « thắng khắc » làm hại thêm cho Tỳ thổ,



thì trước trị Tỳ thờ (gốc), sau trị phong tà. Nếu trước do phong tà « thẳng khắc » Tỳ thờ, biến chứng Tỳ tạng bệnh, thì trước trị phong tà (gốc) sau trị Tỳ thờ. Ý nghĩa các câu sau cũng tương tự.

經義：病之發現，以臟腑之機能，發生變化為主，即所謂本也，而有形之實質，古醫疑受無形之氣化所支配，典籍具在，覆按可知，昔之所謂無形之氣化，現今當以機能二字包括之。受病以後，寒化熱化，虛化實化，治其本，治其標，或先本而後標，或先標而後本，各隨其宜，此張仲景所謂：表急治表，裏急治裏之意也。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Bệnh chỉ phát hiện, dĩ tạng phủ chỉ cơ năng, phát sanh biến hóa vi chủ, tức sở vị bản giả. Nhi hữu hình chỉ thực chất. cồ y nghi thọ vô hình chỉ khí hóa sở chỉ phối, điền tịch câu tại, phúc án khả tri. Tích chỉ sở vị vô hình chỉ khí hóa, hiện kim đương dĩ cơ năng nhị tự bao quát chỉ. Thọ bệnh chỉ hậu, hàn hóa nhiệt hóa, hư hóa thực hóa, trị kỳ bản, trị kỳ phiêu, hoặc tiên bản nhi hậu phiêu, hoặc tiên phiêu nhi hậu bản, các tùy kỳ nghi, thử Trương Trọng Cảnh sở vị : biểu cấp trị biểu, lý cấp trị lý chỉ ý giả.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Bệnh chứng phát hiện, lấy cơ năng của tạng phủ phát sanh biến hóa làm chủ, sở dĩ gọi là bản vậy. Mà thực chất của hữu hình, Thầy thuốc xưa nghi là chịu sự chỉ phối của vô hình khí hóa, sách vở còn đó sậm sờ, tra cứu lại thì thấy rõ.



Thầy thuốc xưa sở dĩ nói : Vô hình khí hóa, hiện nay thì lấy hai chữ cơ năng bao quát đó. Sau khi thọ bệnh biến HÀN, biến NHIỆT, biến HU, biến THỰC. Trị ở gốc, trị ở ngọn, hoặc trước^c trị gốc, mà sau trị ngọn, hoặc trước trị ngọn, mà sau trị gốc, nên tùy theo trường hợp mà chữa trị cách thích đáng, đây chính là ý của ông Trương Trọng Cảnh nói : phần biểu gấp thì cứu phần biểu, phần lý gấp thì cứu phần lý vậy.

GIẢNG GIẢI :

Những câu : Trước bệnh mà sau nghịch, trước nghịch mà sau bệnh ; trước hàn mà sau bệnh, trước bệnh mà sau hàn ; trước nhiệt mà sau bệnh, trước bệnh mà sau nhiệt ; trước bệnh mà sau ỉa chảy trước ỉa chảy mà sau bệnh ; trước bệnh mà sau sanh trung mẫn, trước trung mẫn mà sau sanh trong bụng nóng, lòng phiền táo. Bất luận do viễn nhân, hay cận nhân. do sự biến hóa của quang tuyến, do sự kích thích của học lý, do sự biến động của tinh thần, do sự cảm xúc của khí giới, mà sở dĩ trở nên trạng thái bình tật, thì ở bên trong tất có tác dụng của bệnh lý. Sở dĩ biến thành tác dụng trên bệnh lý như thế ấy ; nói cách thực thà, là do cơ năng đã phát sanh biến hóa, không thuận theo thường thái gây ra.

Về sự quan sát cơ năng, thì người xưa không có phương pháp trực nghiệm, đề tìm thấy trên chỗ vô hình, nên mới nhắm lấy hai chữ «khí hóa» làm mục tiêu.

Trị bản ấy là : tìm hiểu chỉ sở dĩ nhiên của nguyên bản ; trị phiêu ấy là : quan sát về phần ngọn của hiện trạng bệnh chứng.



Bệnh ở biểu gấp thì trị biểu, bệnh ở lý gấp thì trị lý, phải tuân theo thành pháp của tiên hiền. Đáng trị bồn thì trị bồn, đáng trị phiêu thì trị phiêu, cần biết biến thông theo thành lệ. Cho nên hoặc nương theo đạo trị bồn, hoặc dùng theo phương trị ngọn, nhận thấy bệnh nào gấp thì trị trước mà thôi.

Luận về hai chữ PHIÊU BỒN : Lại có câu : Bệnh gấp trị phiêu, bệnh hoãn trị bồn (cấp giả trị phiêu, hoãn giả trị bồn). Sách Nội Kinh thì nói : Chữa bệnh phải tìm ở gốc (trị bệnh tất cầu kỳ bồn.) Xét kỹ lời nói này, không thể bao quát tất cả đối với bệnh nào cũng đều chữa trị như thế. Căn cứ trên hai chữ Phiêu Bồn để khảo sát : Đã sử có người Tỳ vị hư nhược, tiên thiên bất túc, thì tất phải dùng loại thuốc Bồn. Trung ích khí, Lục vị, Bát vị ; nhưng không thể chấp nhứt thành kiến được. Nếu kiêm có chứng ngoại cảm, mà tổ bầm của bệnh hơn vốn bạc nhược, biến chứng đau đầu, kém ăn, tinh thần mệt mỏi, sức khỏe suy kém, thì những phương Bồn Trung ích khí, Lục vị, hoặc Bát vị, thuốc trị bồn trên đây không thể dùng được, mà trước hết phải dùng thuốc giải biểu trị phiêu, gia vào phẩm thuốc bồn khí, như loại Âm Sâm Tò để chữa trị.

Hơn nữa, thuốc Đông đối với chứng khái Thấu (Ho), thì lại phân biệt : PHONG, HÀN, TÁO, HỎA, THẤP. Ho phong thì trị phong, Ho Hỏa thì thanh hỏa, Ho Hàn thì dùng thuốc ấm trị hàn. Ho Táo thì lưu phôi nhuận táo, có đàm thì dùng thuốc ổi đàm, khí nghịch thì dùng thuốc giáng khí. Đây cũng là trị theo phiêu bồn, chính là một trong phương pháp trị liệu đối chứng vậy.

Còn như chứng Tả-Lỵ, cũng phân biệt HƯ, THỰC, HẠN

NHIỆT mà chữa trị : Có bệnh độc (Ta) thì tiêu diệt bệnh độc, sức khoẻ suy nhược thì bồi dưỡng sức khoẻ, căn bã bài tiết không ráo rỏ thì dùng thuốc thông trường đạo trệ. Đây cũng là trị theo phiêu bôn. chánh là hai trong cách trị liệu đối chứng vậy.

Vả lại, đạo trị phiêu bôn, lại có trước bệnh mà sau nghịch, thì trị gốc. Ví như Tỳ, Vị tiêu hóa chẳng mạnh, biến chứng ít ăn ọa mửa, thì trước hết phải dùng thuốc khai vị Kiện Tỳ. Trước Hàn mà sau Nghịch, cũng trị ở gốc. Chứ Hàn ở đây, không phải do từ bên ngoài cảm vào, mà chính là sức cò động vận dụng ở trong thân thể con người bị hao hụt, khiến cho huyết dịch trong tĩnh mạch bị đình trệ. Cho nên trước hết phải trị hàn, giúp cho cơ thể ấm áp, thì bệnh huyết trệ tự nhiên thông lợi. Trước **NHIỆT** mà sau bệnh, trị ở gốc, như : bộ óc bị sung huyết, đầu nhức họng khô mà dùng thuốc trị ngoại, phần nhiều không công hiệu, tất phải dùng thuốc thanh can nhiệt, trấn can hỏa mới công hiệu. Ấy cũng là phương pháp trị phiêu, trị bôn vậy.

Cử lệ 1. — Trước như cảm mạo ngoại tà, ớn lạnh, phát nóng, nhức đầu, đần độn, mạch đi Khàn không ra mồ hôi, hoặc kiêm chứng Ho hen, hơi Phổi nghịch lên, hoặc ọa mửa, khí Phủ vi nghịch lên, là đều do Mê tẩu thần kinh hưng phần thái quá. Trước nhất cần phải chữa trị ngoại tà, ngoại tà lui thì bệnh khỏi, Mê tẩu thần kinh tự nhiên trở lại thường thái. Nhắm ngay ngoại tà mà chữa, tức là trị gốc vậy.

Cử lệ 2. — Ví như trước bệnh ho hen, ọa mửa, như vì Mê tẩu thần kinh hưng phần, nghịch khí ở Phế vị thượng xung gây ra, xung

ngịch thái thậm, thì khí huyết ở phần Dinh, phần Vệ không thể vận hành theo thường thái, mà biến chứng phần Dinh hư phát nóng, phần Vệ yếu ớn lạnh, hoặc trở nên chứng nhức đầu vì óc thiếu máu (não bần huyết) hoặc tim hồi hộp. Cách trị hay hơn hết, là dùng thuốc an tỉnh Mê tẩu thần kinh, trấn áp nghịch khí thượng xung ở Phổi và Vị. Ấy là trị gốc vậy. Chứng gốc đã mạnh, thì các chứng phó phát chẳng cần chữa cũng khỏi theo. Nếu không tìm ở gốc, mà so ở ngọn, khác nào muốn ngăn chặn nước sôi mà không bớt lửa chỉ lo quấy gạo mà thôi. Hèn chi Thầy thuốc xưa chê người nay trị bệnh không biết cái đạo phiêu bôn là phải lắm.

Cử lệ 3.— Tạng Tâm và Tạng Thận, hai tạng đều tông Phiêu tông Bồn, là vì bản thể của mỗi tạng đều có đầy đủ tác dụng Âm, Dương. Sức chú xạ của tạng Tâm suy nhược là tạng Tâm bệnh lạnh, nếu ứ huyết ngăn bít ở bên trong thì lại là Tâm bệnh nóng. Chất tinh tủy ở phó thận phân bí không đầy đủ thì huộc bệnh thận lạnh, mà chất nước tiểu đình đốn ở trong, Thận-vi phát viêm, thì lại thuộc chứng Thận nóng. Lạnh nóng trở núp, lẽ chân khác biệt, duy nhờ có thức lực của y giả giám biệt mà thôi.

Cử lệ 4.— Bên trong tạng phủ rằm hàn cổ lạnh, đã thành tập quán, hoặc vì thực nhiệt tích tụ mà sanh bệnh Trung mãn. Nhưng bất luận, nhơn hàn hay nhơn nhiệt, trước nhất phải trị chứng Trung-Mãn làm gốc, rồi mới trị sang bệnh hàn hoặc bệnh nhiệt của cổ tật. Bởi chứng Trung Mãn là do vật hữu hình tích tụ ở bên trong gây ra. Cho nên cách chữa trị cần phải trừ khử vật hữu hình tích tụ ở trong làm gốc.

原文：大小不利，治其標。大小利，治其本。先大小不利，而後生病者，治其本，病發而有餘，本而標之，先治其本，後治其標，病發而不足，標而本之。先治其標，後治其本，謹察間甚，以意調之。間者并行，甚者獨行。

Dịch Âm Nguyễn Văn : Đại tiêu bất lợi, trị kỳ phiêu. Đại tiêu lợi, trị kỳ bồn. Tiên đại tiêu bất lợi, nhi hậu sanh bịnh giả, trị kỳ bồn, bịnh phát nhi hữu dư, bồn nhi phiêu chi, tiên trị kỳ bồn, hậu trị kỳ phiêu. Bịnh phát nhi bất túc, phiêu nhi bồn chi, tiên trị kỳ phiêu, hậu trị kỳ bồn. Cần sát gian thậm, dĩ ý điều chi, gian giả tinh hành, thậm giả độc hành.

Dịch Nghĩa Nguyễn Văn : (ý bài này tiếp theo bài trước)

Chứng Trung Mãn mà đường đại, tiêu tiện không thông, thì trị ở phiêu; đường đại, tiêu tiện thông thì trị ở gốc. Trước đại, tiêu tiện không thông, mà sau sanh bịnh thì trị ở gốc. Bịnh phát mà tà khí có dư, là bịnh từ gốc mà đến ngọn, trước trị ở gốc, sau trị ở ngọn. Bịnh phát mà chánh khí chẳng đủ, là bịnh từ ngọn đến gốc, trước trị ở ngọn, sau trị ở gốc. Phải quan sát cẩn thận trong chỗ gian (1) thậm (2), lấy hết ý đề điều trị đó, gian : thì kiêm trị, thậm : thì độc trị.

(1) Gian : là tà khí với chánh khí, có dư và chẳng đủ, cả hai đều kiêm có ở trong, nên phải dùng thuốc kiêm trị cả hai (tinh hành). Trong thuốc tán tà kiêm có thuốc bổ chánh, trong thuốc bổ chánh kiêm có thuốc tán tà.

(2) THẬM : là trong hai thứ bịnh trên, chỉ có một thứ bịnh thái thậm mà thôi. Tà khí thịnh thậm thì công tà, chánh khí hư thậm thì bổ chánh. (độc hành).



經義：古醫知臟腑機能為可貴。故以功用為本，實質為標。標本之道，非可誣也，茲章以受病之先後為標本，自亂成規，豈不矛盾，今試舉其成意而解之。薛氏曰：病發之氣有餘，則必侮及他臟，因以傳標。故必先治其本。病發之氣不足，則必受他氣之侮，因標而傳本。故必先治其標。蓋亦治所從生也。

Dịch Âm Kinh Nghĩa: Cồ y tri tạng phủ cơ năng vi khả quý. Cố dĩ công dụng vi bản, thực chất vi phiêu. Phiêu bản chi đạo, phi khả vu giả. Tư chương dĩ thọ bệnh chi tiên hậu vi phiêu bản, tự loạn thành qui, khởi bất mâu thuẫn. Kim thí cử kỳ thành ý giải chi.

Tiết Thị Viết: Bệnh phát chi khí hữu dư, tắc tất vô cập tha tạng, nhưn dĩ truyền phiêu. Cố tiên trị kỳ bản. Bệnh phát chi khí bất túc, tắc tất thọ tha khí chi vô, nhưn phiêu nhi truyền bản. Cố tất tiên trị kỳ phiêu. Cái diệc trị sở tòng sinh giả.

Dịch nghĩa Kinh Nghĩa :

Thầy thuốc xưa rõ biết cơ năng tạng phủ là đáng quý. Cho nên lấy công dụng làm gốc, thực chất làm ngọn, cái Đạo phiêu bản không thể đối vậy. Chương này lại lấy chỗ thọ bệnh trước sau làm phiêu bản, tự làm rối loạn qui tắc đã lập thành, đó chẳng phải là mâu thuẫn ? Nay thử đem ý kiến của người trước giải theo đó :

Họ Tiết nói: Bệnh phát mà tà khí có dư, thì tất hại lây đến tạng khác, là vì từ gốc truyền sang ngọn, nên trước phải trị ở gốc. Bệnh phát mà chánh khí chẳng đủ, thì tất bị khí ở tạng khác đến lấn

lấn hiếp, là hơn từ ngọn mà truyền vào gốc, nên trước phải trị ở ngọn. Trường cũng là trị bệnh từ chỗ do sanh vậy.

Giải Giải :

Bệnh phát có trước, có sau sai biệt nhau, trên diềm bất đồng tức là : Thời kỳ tiềm phục, thời kỳ tiền khu, chứng chủ yếu, chứng phó phát, chứng hợp (合) tình, kiêm chứng và hiếp (夾) chứng ... lệ như : Bệnh Thương-hàn, tinh thần rũ rượi, sợ lạnh biếng ăn, mất tối tâm dần xây xâm, ấy là chứng của thời kỳ tiềm phục kiêm tiền khu vậy. Nếu ớn lạnh phát nóng, mạch đi Phù-Khần không mờ hôi là chứng chủ yếu vậy. Như bệnh kiêm đến dạ dày : ợa mửa chẳng ăn kiêm đến Phổi : ho hen hơi nghịch lên ; kiêm đến thần kinh : nhức đầu, đau mình, phiền táo không yên, ấy đều là chứng phó phát vậy. Như chứng phát ban và chứng Thương Hàn cùng phát một lúc, hoặc chứng Hạ lý với chứng khái thấu cùng thấy một lược, thì gọi là hợp chứng vậy. — Kiêm với chứng đàm suyền từ trước, kiêm với chứng khí thống ở Gan. Dạ Dày. kiêm với chứng Sán Hí đình trệ ... đều gọi là kiêm chứng vậy. Hiếp với chứng Tỳ vị ỉa chảy, hiếp với chứng Âm hư hỏa vượng, mặt đỏ hăm hấp nóng, đều là hiếp chứng vậy.

Rõ được chứng chủ yếu, chứng phó phát, biện được chứng hợp tình, và kiêm chứng, hiếp chứng, thì thấy được nguồn gốc của bệnh ; chia ra từng điều, từng loại mà chữa trị, thì có khó chi, hà tất phải câu chấp theo chỗ kiến giải « tông phiêu tông bản » của người xưa, cũng có thể rành được cách trị.



Cử lệ 1. — Chứng tiểu tiện không thông, hoặc nhờn nóng kết ở Bọng đái, hoặc vì phát viêm ở Thận vu, hoặc vì khí thấp đàm đình trệ, hoặc vì vệ khí uất bít, hoặc vì hơi Phổi chẳng thuận xuống... Chứng bí tiểu tiện có nhiều nguyên nhân sai biệt nhau, nên tìm ở gốc mà trị.

Cử lệ 2. — Động mạch của tạng Gan và tạng Tỳ đều trực tiếp với chi nhánh của Đại-động mạch. Tạng Gan bị sung huyết thì tạng Tỳ cũng bị ảnh hưởng, đấy là lẽ tự nhiên của sinh-lý, chớ không phải Hành Mộc khác Hành Thổ.

Tạng Phổi. Tạng Tỳ đồng chịu sự thống trị của Mê Tàu Thần Kinh, bệnh thì đồng bệnh, cũng không phải Hành Thổ sanh Hành Kim vậy. Rõ được chỗ bản nhiên của sinh lý, biện-rành chỗ siên thâm của bệnh chứng, có khi chia rành từ phần mà trị, có khi kiêm hợp lại đôi ba chứng mà trị, tùy theo trường hợp mà chữa trị, thế nào cho thích đáng là hay hơn hết. Đối với luận lý «sinh khắc nghịch tòng» không nên quá ư quang trọng và câu chấp.





【第253至258圖】圖為針灸大成書中，關於井穴之插圖，所謂「井穴」，是每一經絡的重要穴位。

(251) Bronze acupuncture models, a collection of the Imperial Palace Museum, Peking. (252) Specimen of "A Complete Treatise of Acupuncture" written by Yang Chi-chou, the page being the preface to the book. (253-8) Illustrations giving the exact positions of meridian points on the human body where acupuncture needles can be inserted.

Trên đây là bản đồ của sách CHÂM CỨU ĐẠI HÀNH, liên hoan riêng biệt với Huyết Tĩnh, sở dĩ nói (Huyết Tĩnh) là vì địa vị của huyết này rất trọng yếu đối với mỗi kinh lạc.



CHƯƠNG THỨ X

經 脉 病

KINH MẠCH BỆNH

Lời nói đầu: Người xưa biết rõ năng lực của tạng phủ, không đủ sức đề bao quát cho toàn thể, mới sáng lập ra luận thuyết mười hai Kinh lạc. Nhưng từ ngày Khoa-học giải-phẫu tấn bộ, thì biết hệ thống trong toàn thân con người chỉ có HUYẾN QUẢN, THẬN KINH và LÂM BA QUẢN là ba yếu tố rất quan trọng, hoàn toàn không biết đến mười hai kinh lạc. Thiên này sở dĩ nói về Bệnh ở Kinh Mạch là nương theo chỗ kiến giải của Thầy 'i huốc xưa nhận định: Bằng cơ bệnh ở tạng phủ, là hình chứng phát hiện ở kinh lạc vậy.

原文：肺手太陰也。是動則病肺脹滿，膨膨而喘咳，欬盆中痛，甚則交兩手而脅。此爲腎厥，是主肺所生病者。欬上氣，喘喝煩心，胸滿，臍臂內前廉痛厥，掌中熱，氣盛有餘，則肩背痛。風寒。汗出，中風，小便數而欠。氣虛則肩背痛寒，少氣不足以息，溺色變。爲此諸病，盛則瀉之。虛則補之。熱則疾之，寒則留之，陷下則灸之，不盛不虛，以經取之。盛者，寸口大三倍於人迎。虛者，則寸口反小於人迎也。

Dịch Âm Nguyên Văn :

Phế Thủ Thái Âm giả. Thận động tác bệnh Phế Trưởng, bành



bành nhi suyễn khái, Khuyết-bồn trung thống, thậm tắc giao lưỡng thủ nhi vụ, thử vi tý khuyết, thị chủ Phế sở sanh bệnh giả. Khái thượng khí, suyễn hát phiến tâm, hung mãn, nhu tý nội tiền liên thống khuyết, chương trung nhiệt, khí thanh hữu dư, tắc kiên bối thống, Phong hàn, hãn xuất, trúng phong, tiểu tiện sát nhi khiếm. Khí hư tắc kiên bối thống hàn thiểu khí bất túc dĩ tức, niếu sắc biến. Vi thử chư bệnh, thanh tắc tả chi, hư tắc bồ chi, nhiệt tắc tậ chi, hàn tắc lưu chi, hãm hạ tắc cứu chi, bất thanh bất hư, dĩ kinh thử chi. Thanh giả, Thốn khẩu đại tam bội ư Nhơn Nghinh. Hư giả, tắc Thốn khẩu phản tiểu ư Nhơn Nghinh giả.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Đường kinh của tạng Phôi, tức là : Thủ Thái Âm vậy. Động ở đây (1) thì bệnh Phôi trưởng mãn, bành trưởng ho hen, trong huyết Khuyết Bồn đau. Nặng lắm thì hai tay đau nhức, mắt mờ tối, ấy là chứng tý Khuyết, chính thị ở tạng Phôi sở dĩ sanh bệnh. Ho hen, khát nước, lòng bức rức; lồng ngực đầy, bên trong cánh tay thiên về phía trước đau nhức, trong lòng bàn tay nóng. Phần khí thanh có dư, thì bả vai, sống lưng đau nhức; kiêm có chứng phong hàn, ra mồ hôi, chứng trúng phong, đi tiểu tiện liên liền, mà ít, phần khí hư thì bả vai và sống lưng cũng đau nhức, hơi không đủ để thở. nước

1: Động ở đây : là bệnh ở phần khí của tam âm tam dương, thì mạch động ở Nhơn Nghinh, Khí Khẩu, chỉ cho thấy đây là bệnh ở khí mà không phải bệnh ở Kinh. Khuyết Bồn (Quyết Bồn giải ở đoạn sau).



tiêu biến đỏ. Mặc các chứng bệnh này thì phải dùng phép châm, chứng thanh thì châm tả đó, hư thì châm bổ đó, nóng thì châm lấy Kim ra mau đó, lạnh thì châm đề Kim nằm lâu đó. Thanh thì bộ Thốn khẩu mạch đi lớn hơn bộ Nhơn Nghinh ba bội; hư thì bộ Thốn khẩu mạch lại nhỏ hơn bộ Nhơn Nghinh.

經義：經脉篇，分別臟腑病，經絡病，又分別虛實之證狀，以爲臨床實地診察之標準，惟古人針灸藥餌，合併爲治。故所言者，多及於針灸之範圍，所當分別論之。

Dịch Âm Kinh nghĩa: Kinh mạch Thiên, phân biệt tạng phủ bệnh, Kinh lạc bệnh, hựu phân biệt hư thực chỉ trạng chứng, dĩ vi lâm sàng thực địa chẩn sát chi phiêu chuẩn; Duy cồ nhơn châm cứu được nhị, hợp tinh vi trị. Cổ sở ngôn giả, đa cập ư châm cứu chi phạm vi, sở đương phân biệt luận chi.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa:

Thiên Kinh Mạch: Phân biệt bệnh ở tạng phủ, bệnh ở Kinh lạc, lại phân biệt trạng chứng hư thực, đề làm tiêu chuẩn rất thực tế cho việc lâm sàng chẩn sát. Duy có đều người xưa tinh hợp cả phép châm cứu và thuốc men cùng một lúc chữa trị. Cho nên trên chỗ lý luận phần nhiều đề cập đến phạm vi châm cứu, cần phải phân biệt suy luận đó.

Giải Giải:

Tạng Phôi xưa gọi là Thủ Thái Âm, ý nghĩ này chuyên luận ở



một bài khác). bệnh Trướng mãn ho hen, là do hơi Phổi không trong trẻo và thuận xuống, bên trong bị uất trệ, tất nhiên phải phát sanh trướng mãn. Sách Kim Quĩ nói: Con người lên cơn suyễn, hai mắt như lòi ra (kỳ hơn suyễn mục như thoát trạng). Chính là Chứng Phế Trướng vậy.

Hơi thở hít vào không xuống được thì sanh chứng Suyễn, hơi Phổi khởi tác dụng chấn động thì sanh chứng Ho. Nặng lắm thì khí uất nhiệt đình tích ở trong, đàm đánh tanh hôi, ho hen thở gấp, lồng ngực đau ran, trong cổ khô khè phát nóng, da thịt khô nhăn tróc vảy, thì gọi là Chứng Phế ung (1). Nên dùng thuốc thanh nhiệt dịch đàm, hóa trọc khứ hủ để cứu trị. Phổi hư ho lâu, nóng độc thâm nhập vào trong, hơi thở gấp, bứt rứt khạt nhồ liên liên lắm khi trong đàm vương máu mủ, ấy là trạng chứng của bệnh Phế Nuy (2) Nếu mạnh đi Hư mà đới mạch Sát, ấy là lá phổi khô nám chứng Phế Nuy đã thành, không dễ gì chữa khỏi. Bệnh Phổi đến thời kỳ nặng, thì hai huyết Vân Môn (3) và Huyết Quyết Bồn (4) đều đau. Hai huyết này vừa mới phát đau, thì có thể chữa khỏi; đến khi tạng Phổi hoại, hai huyết đau nhứt không ngừng, thì không thể nào chữa khỏi.

Chỉ ư Chứng Suyễn khát nước (suyễn hát) dưới lòng bứt rứt, lồng ngực đầy, trong lòng bàn tay nóng các chứng, đều không thể nhận là bằng chứng của bệnh Phổi, là bằng chứng của bệnh cảm thương khí Thử Nhiệt vậy (5) — Còn như phía trước cánh tay đau' thì bệnh Thương Thử không bao giờ có trạng chứng này, là trạng



chứng của bệnh cuộc bộ, đối với bệnh Phổi vẫn không quan hệ.

Vã lại bả vai sống lưng đau, cảm phong hàn ra mồ hôi trúng phong đi tiểu tiện thường mà nước tiểu ít, là trạng chứng phồ thông của bệnh cảm mạo. Hơi Phổi ngăn bít ở trên, không thể đưa nước tân dịch đi xuống, cho nên đi tiểu tiện thường mà ít. Vai, sống lưng đau nhứt, là trạng chứng của bệnh cảm mạo phong hàn. Còn trường hợp chứng phát nóng tự ra mồ hôi thì giống hết như Sách Thương Hàn Luận mô tả về chứng Trúng phong vậy.

1— Phế ung là : Phổi bị ủng tắc kết hạch. Sách Kim Quĩ nói : trong lòng ngực đau rưng rức, mạch đi Hoạt Sát, ho khạc mủ máu là bệnh Phế ung.

2— Phế Nuy là : lá Phổi héo, khí lực của Phổi không phấn chấn, tân dịch khô khan, khạc nhoe đàm nhớt bần đực, bộ Thốn Khâu mạch đi Sát.

3— Huyệt Vân Môn thuộc Kinh Thủ Thái Âm (Phổi), ở dưới Huyệt Cự Cốt cách Huyệt Khí Hộ 2 tấc, cách hàng giữa 6 tấc, trong chỗ sủng có động mạch ứng tay, đỡ cánh tay lên để lấy huyệt.

4— Huyệt Quyết Bồn thuộc Kinh Túc Dương Minh (Vị) ở chỗ sủng dưới xương ngang của bả vai.

5— Theo chỗ thấy của dịch giả : Các trạng chứng này, là do khí nóng của bệnh Thương Thử làm hại lây đến Phổi (thử nhiệt hình Kim). Khi chứng Thương Thử khởi thì các bệnh phụ thuộc kia cũng khởi theo



Cứ theo thực tế mà suy luận, đó là tà khí bị ngưng trệ ở Phổi, chớ sự thực không phải Phế khí thạch. Đã sử quả thực Phế khí sung túc có dư, thì tự nó đủ sức đề kháng với bệnh độc, đâu đến đòi phát sanh các chứng : bả vai sống lưng đau nhức, đi tiểu tiện thường mà nước tiểu ít. Câu : thiếu hơi không đủ đề thờ, là công năng của Phổi bị suy giảm, vì khí lực của Phổi bạc nhược vậy.— Câu bả vai sống lưng lạnh nhức là : chỉ cho thấy bệnh độc mắc kẹt ở đấy rồi máu ngừng hơi trệ, áp bách thần kinh cho nên biến chứng đau nhức. Hơi Phổi không thề hạ đạt xuống Bàng Quang được, thì nước tiểu biến màu (niểu sắt biến. Lời cựu thuyết của Đông-y thường hay đề cập.

Song lấy theo thực tế mà nói : Phần nước trải qua thận Vu, du nhập xuống niểu quản thông ra Bàng Quang. thuận dòng mà chảy xuống, thì màu sắc của nước tiểu vẫn trong trắng như thường. Nếu phần nước ấy bị đình trệ ở thận Vu một thời gian khá lâu, bị sự huân chưng của nhiệt độ trong thân thề con người nung nấu, thì nước tiểu tự nhiên phải biến ra màu vàng đỏ. Như đường tiểu tiện luôn luôn thông lợi, thì màu sắc không bao giờ biến hóa vậy. Cho nên thấy nước tiểu biến sắc, là biết ngay bị đình trệ ở Thận Vu khá lâu, không nên vội đoán cho là Nhiệt và đối với chứng Phế Hư, vẫn không quan hệ.

Chỉ như câu : Thanh thì tả đó, nóng thì mau đó, lạnh thì chậm đó, là phương pháp xử dụng châm cứu, đối với phương pháp xử dụng thuốc men không giống nhau.



Còn như bộ Thốn Khâu và bộ Nhơn nghinh thuộc về hệ thống của động mạch. Động mạch mạnh thì đều đi lớn, động mạch yếu thì đều đi nhỏ. Thầy thuốc xưa cho bộ Nhơn nghinh ở hai bên huyết Kiết-hầu, thuộc về đường Kinh mạch của phủ Vị; bộ Thốn Khâu ở hai cõ tay trước bộ Quan, thuộc về đường kinh mạch của tạng Phôi, lấy hai bộ mạch này để phân biệt Phế khí hư, thực. Nhưng trên phương pháp chẩn đoán, điểm rất trọng yếu là sự lưu hành của khí huyết không thể sai biệt với chừng mực bình thường; Mạch đến thái quá, bất cập đều là hiện tượng của bệnh tình. Đã biết chẩn sát hai bộ Nhơn Nghinh và Khí Khâu là việc tất yếu, song căn cứ ở chỗ mạch đi lớn, đi nhỏ của hai bộ này, để phân chứng thực, chứng hư của mười hai Kinh, thì hoàn toàn thuộc về lý tưởng, không đủ cung ứng cho việc tham thảo — nghiên cứu. Từ đây về sau, những luận thuyết tương tự như loại này đều không biên vào, để khỏi phải không đàm vô ích.

Và theo chỗ lâm sàng chẩn trị của dịch giả nhận thấy, thì các bộ mạch trong toàn thân của bệnh nhơn đi lớn, đi nhỏ, hoặc tay phải mạch đi lớn hơn tay trái, hay tay trái mạch đi lớn hơn tay phải, không đồng đều nhau là việc thường, chứ không giống như soạn giả nói: (Nhơn Nghinh, Thốn Khâu đều lệ thuộc với động mạch, lớn thì đều đi lớn, nhỏ thì đều đi nhỏ) ở đoạn chót.

原文：大腸手陽明也。是動則病齒痛
頰腫，是主津液所生病者。目黃口乾，衄衄喉
痺，肩前臑痛，大指次指痛不用，氣有餘，則
當脉所過者熱腫。虛則寒慄不復。

Dịch Âm Nguyên Văn : Đại trường Thủ Dương Minh giả, thị động tác bịnh xỉ thống kinh thủng, thị chủ tân dịch sở sanh bịnh giả. Mục hoàng khâu can, cửu nục hầu tỷ, kiên tiền nhu thống, đại chỉ thứ chỉ thống bất dụng, khí hữu dư, tắc đương mạch sở quá giả nhiệt thủng. Hư tắc hàn lật bất phục.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Ruột già, là Kinh Thủ Dương Minh vậy. Ở đây động thì bịnh rãnh nhức cần cò sưng. Chính là cơ sở chủ về phần tân dịch sanh bịnh. Con mắt vàng miệng khô, Chứng Tỷ Cửu (1) chứng Tỷ Nục (2) chứng Hầu Tỷ (3), cánh tay phía trước bả vai đau, ngón tay cái và ngón tay Thụ: chỉ không sử dụng được. Phần khí của Đại Trường có dư, thì ở chỗ đường mạch của phủ này đi ngang qua bị nóng sưng; phần khí của đại trường hư, thì lạnh rung không ấm lại.

經義：大腸病，有在經，在腑之不同。斯篇所講者，惟大腸在經之病而已。以後世嚴格論之，病既不在大腸，即不得謂之大腸病。若謂大腸在經之病。是經也。果何所指而云乎，此古今病理解釋之不同也。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Đại trường bịnh, hữu tại KINH, tại PHỦ chi bất đồng. Tư thiên sở giảng giả, duy đại trường tại KINH chi bịnh nhi dĩ. Dĩ hậu thế nghiêm cách luận chi, bịnh ký bất tại

(1) Tỷ cửu là : bịnh sổ mũi nước

(2) Tỷ Nục là : bịnh chảy máu mũi (tục gọi ra máu cam)

(3) Hầu Tỷ là cổ họng bị bế tắc sưng đau.



Đại trường, tức bất đắc vị chi đại trường bình, Nhược vị Đại trường tại KINH chi bình. Thị bình giả. Quả hà sở chi nhi Vân hồ ? Thử cồ kim bình lý giải thích chi bất đồng giả.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Phủ Đại Trường bình, có bình ở KINH (MẠCH) nó bình ở PHỦ (bình ngay ở bản thể của ruột già) sai biệt nhau. Thiển này sở dĩ giảng giải, duy có bình ở KINH của Phủ Đại trường mà thôi. Lấy chỗ hiểu biết của người sau suy luận cách nghiêm chỉnh : Bình chứng đã không thấy phát hiện ở ruột già, thì không thể nói là bình của Đại trường. Còn nói về bình ở KINH của Đại trường, thì có thể chỉ quả quyết xứ sở của KINH này nằm ở chỗ nào đề mà nói chăng ? Đây chính là điểm giải thích về bình lý không giống nhau giữa người xưa và hiện nay vậy.

GIẢNG GIẢI

Câu nói : Phủ Đại trường chủ quản về nước tân dịch, chính là chỗ kiến giải đặc biệt của người xưa, và cũng là chỗ kiến giải rất tinh đáo của người xưa vậy. Vì ở trong ruột già có vô số ống hấp dịch, đề hấp thu chất nước tân dịch. Đi đại tiện có chừng mực thông thả, cặn bã bài tiết sạch sẽ, thì huyết dịch tự nhiên sạch sẽ, mà tác dụng gây ra tật bệnh không thể bám vào đâu để phát sanh được. Nếu đường đại tiện bị bế tắc, trong ruột bị đình tích cặn bã như bã, ống hấp thu, thu hút chất như bã ở ruột truyền tống vào máu, làm cho máu bị nhiễm độc, mà gây ra những bệnh chứng trầm trọng hiểm nghèo vậy. Người xưa nói : Ruột già chủ quản về nước



tân dịch và cũng là trường sở phát sanh ra các tật bệnh, là đại khái chỉ ở điểm này.

Con mắt vàng, miệng khô, lỗ mũi chảy nước, chảy máu, vết hầu bế tắc sưng đau, là nguyên nhân của bệnh chứng do nhiệt huyết uất nghệt ở bên trong gây ra. Mà nguyên nhân uất nghệt, lại do đường đại tiện bí kết không thông. Đại khái luận về biến chứng của Phủ Đại trường tuy không được rõ ràng lắm, nhưng ý nghĩa cũng thông.

Chỉ như chứng cánh tay đoạn ở trước bả vai bị đau nhức, ngón tay cái, ngón thực chỉ đau không sử dụng được, là thuộc về bệnh cuộc bộ của thần kinh, vị trí sanh bệnh đối với Đại trường vẫn không liên hệ nhau.

Còn như câu : Phần khí của Đại trường có dư, thì những nơi đường KINH của phủ này đi ngang qua bị nóng sưng ; phần khí của Đại trường suy hư, thì lạnh run không ấm lại, đều là lời nói bông lông không bằng chứng xác đáng. Bởi vì trạng chứng phát hiện trong toàn thân con người, chẳng phải do phạm vi cuộc bộ của Đại trường có thể chi phối được nhiều như thế.

Và lại bản thể của Ruột già, thì bất quá phát sanh các bệnh chứng ở cuộc bộ ruột già như : Chứng Tiễn Huyết, chứng Trường ung, Chứng Lòi trôn trê, chứng Nội Trĩ, hoặc vì máu nóng uất nghệt ở trong, hoặc vì khí thấp nhiệt đình trệ, hoặc vì trung khí bị hạ hãm, hoặc vì huyết quản bị phá liệt. Trạng chứng của bệnh nguyên ở



Ruột già có nhiều hiện tượng không giống nhau, cần phải phân biệt mà suy luận cách rõ ràng.

原文：胃足陽明也。是動則病洒洒振寒，善呻數欠顏黑，病至則惡人與火，聞木聲則惕然而驚，心動。欲閉戶塞牖而獨處。甚則欲上高而歌，棄衣而走，責鬻腹脹，是為肝厥。是主血所生病者。狂瘡溫淫，汗出孰𧄢，口喝唇胗，頸腫喉痺，大腹水腫，膝膕腫痛，循脣乳氣街，股伏兔肝，外廉足跗上皆痛，中指不用，氣盛則身以前皆熱，其有餘於胃，則消穀善饑，溺色黃氣不足，則身以前皆寒慄，胃中寒，則脹滿。

Dịch Âm Nguyên Văn :

Vị Túc Dương Minh giả. Thị động tác bịnh sái sái chấn hàn' thiện thân sồ khiếm nhan hắc, bịnh chí tác ố nhờn dữ hỏa, văn mộc thanh tác dịch nhiên nhi kinh, tim động. Dục bế hộ tác vũ nhi độc xử, Thậm tác dục thượng cao rii ca, khí y nhi tàu, bí hướng phúc trưởng, thị vi can khuyết. Thị hủ huyết sở sanh bịnh giả. Cường ngược ôn dâm, hĩa xuất cừu nục, lầu oa thảo chần, kinh thủng hầu tử, phúc đại thủy thủng, tất tào thủng thống, tuần ưng nhủ khí nhai, cồ Phục Thổ can, ngoại liên t c phụ thượng giai thống, trung chỉ bất dụng, khí thanh tác thân c tiền giai nhiệt, kỳ hữu dư vị, tác tiêu cốc thiện cơ, niếu sắc h ằng. Khí bất túc, tác thân dĩ tiền giai hàn lật, vị trung hàn, tác t róng mẫn.



Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Phủ vị là Kinh Túc Dương Minh vậy. Ở đây động thì bệnh en en ớn lạnh, hay vung vai thường ngáp, sắc mặt nám đen ; cơn bệnh đến thì không ưa gần người và lửa. nghe tiếng cây thì giật mình kinh hải, tim đập mạnh ; muốn gài cửa cái, đóng cửa sồ mà ở một mình. Bệnh nặng lắm thì muốn lên cao mà ca, cởi áo mà chạy, hơi gò bụng trướng, ấy là trạng chứng của bệnh Can Khuyết (1), ấy là do máu mà sanh ra bệnh. Phát cuồng, phát ngược nóng thái quá, ra mồ hôi, chảy nước mũi, ra máu cam, miệng méo, môi sưng lở, cần cồ sưng, họng sưng nghệt, bụng to sưng nước, đầu gối bánh chè sưng nhức, từ ngực, vú dẫn đến huyết khí nhai (2), cồ vẽ huyết Phục Thổ (3) dài xuống ống chân, và bên trên phía ngoài mu bàn chân đều đau nhức ; ngón chân giữa không sử dụng được.

Mạch khí thanh thì phía trước thân nóng, có dư ở trong Phủ Vị, thì ăn cơm mau tiêu hay đói, nước tiểu vàng. Mạch khí không đủ thì phía trước thân đều ớn lạnh. Trong Phủ Vị lạnh thì trướng đầy.

(1) Can là ống chân, đoạn dưới đầu gối, trên mắt cá. Can khuyết là đ c khí từ dưới ống chân thượng xung. (Linh khu kinh mạch thiên).

(2) Khí Nhai tức là Nguyệt khí Xung, ở phía dưới rốn hai đầu xương ngang, dưới huyết Qui Lai 1 tấc, cách huyệt giữa hai tấc, có động mạch.

(3) Huyết phục Thổ ở trên đầu gối 6 tấc, bên trái cũng như bên phải, lấy tay ấn đè, phía trên có bắp thịt nổi lên như hình con thỏ nằm.



Kinh Nghĩa và Giảng Giải :

Theo chỗ nghiên cứu của người đời sau này, thì thấy Dạ Dày thường mắc những bệnh chứng như : Chứng Vị Ung (dạ dày có ghê). Chứng Vị Nham (dạ dày ung thư). Chứng Vị Hội Dương (dạ dày lở) Vị Khoáng trương (dạ dày lớn). Vị hạ thùy (dạ dày sa xệ), di chí Dạ Dày dư nước chua, hoặc thiếu nước chua, Vị thống và Vị trướng. Các chứng bệnh vừa kể trên là căn cứ trên sự biến hóa của thực chất Dạ Dày mà nói. Còn theo ý của Thầy thuốc xưa thì cho là bệnh ở Dạ Dày, (Phủ Vị) cần phải phân biệt : Bệnh ở về phần kinh mạch của Dạ Dày, và bệnh ở ngay trên bản thể của Dạ Dày. Không muốn lý thuyết bông lông, nên tự đem chỗ thấy biết của mình (soạn giả) giải thích phư sau :

Như : En en rúng lạnh là : do khí Trung dương ở Dạ Dày không phấn chấn, sức ấm nóng ở dạ dày bị suy giảm. Bởi vì Thầy thuốc xưa xác nhận khí Trung dương trong thân thể con người cư ngụ ở Dạ Dày. Sức ấm nóng ở Dạ Dày bị suy nhược, tức là khí Trung dương suy nhược theo vậy.

Hay vung vai, ngáp, là hiện tượng của phần khí bị nóng uất, gặp nóng thì thần kinh hưng phấn quá độ, nên không ưa người ta làm phiền và hơi lửa làm rối loạn, cũng không thích nghe tiếng tâm làm chấn động. ấy là biến thái của hần kinh, mà cũng là điềm ứng trước bệnh chứng thuộc về tinh thần sắp phát hiện. Muốn đóng cửa, khóa ngõ mà ở một mình một cỏi, cũng giống một trạng chứng như trên vậy.

Bệnh nặng lắm thì lên cao mà ca, còi trần mà chạy, ấy là do máu nóng thượng xung lên óc, loạn óc phát cuồng; Hoặc bệnh độc của khí ôn nhiệt thấm thía vào trong thái quá, thì phát sanh chứng ôn Ngược; máu nóng đi bậy (huyết nhiệt vọng hành) thì biến chứng chảy mũi nước, ra máu cam (Tỷ cừu, Tỷ nục). Phần Vệ khí bên ngoài hờ hang, thì bệnh ra mồ hôi. Miệng méo xếch, môi sưng lở hoặc phía trước của thân thể cảm thấy nóng nảy, hoặc cần cò sưng, cuồng hống tác nghên... Nhứt nhứt các bệnh chứng trên đây, đều do bệnh độc của máu nóng ứng tác ở bên trong gây ra, mà người xưa nhận là bệnh của Phủ Vị.

1— Cho Phủ Vị là biên chứa khí huyết (Vị Vi khí huyết chi hải). Huyết nóng là Dạ Dày nóng. Không biết nguồn gốc của máu ở nơi tạng Tâm, sự thực máu nóng là tâm nóng.

2— Lấy Phủ Vị làm Phủ Trung Tiêu, tổng quản phần dương khí. Những bệnh thuộc về khí Trung dương (chất ấm nóng ở trung tiêu) can thạnh đều cho là Vị nhiệt; những bệnh thuộc về khí trung dương suy nhược thì cho là Vị hàn. Không rõ sức ấm nóng ở Phủ Trung tiêu là do khí chân dương của Phủ Mạng Môn cung cấp, Mạng Môn là nguồn gốc của thể ôn. Thể ôn can thạnh hay suy nhược không phải thuộc về phần chuyên trách của Phủ Vị. Phủ Vị chỉ chịu ảnh hưởng mà thôi. Người xưa đổ dồn trách nhiệm cho Phủ Vị, người sau dựa theo trừu tượng nghiên cứu cách triệt đề. Biết rõ chỗ sai biệt của bệnh nguyên, bất đồng của bệnh chứng, phân tích từng ly từng tí cách rõ ràng, còn không thể cùng tận được sự biến hóa của bệnh cơ. Huống là nói cách sắp nhập mơ hồ như vậy.

Chứng bụng lớn sưng nước (thủy thũng), hoặc trướng đầy. Thầy thuốc xưa cho là tại Dạ Dày lạnh và khí Trung Dương suy kém mà gây ra, sự thực cũng không phải là nhứt nhứt đều như thế (đã giải thấy ở Thiên Thũng Trướng). Còn chứng ăn cơm mau tiêu hay đói bụng xót ruột, là do khí nóng của mật chi phối ở Trung Tiêu, hoặc do Tỳ dịch phân bí thái quá làm cho mau đói, chứ không phải khí Phủ Vị thái quá vậy. Nước tiểu vàng là vì có phần nước uống vào đình tích ở vu niếu quản, trải qua một thời gian khá lâu mà biến vàng, đối với Phủ Vị vẫn không quan hệ, cần phải phân biệt rành rẽ.

Còn bệnh từ đầu gối, bánh chè sưng nhức, dẫn xuống ống chân, và phía ngoài mu bàn chân đều đau nhức, là thuộc về sự biến hóa của thần kinh huyết quản, bệnh của cuộc bộ, không phải bệnh ở Phủ Vị, mà có thể khái quát như vậy.

原文：脾足太陰也。是動則病舌本強，食則嘔，胃脘痛，腹脹善噯，得後出餘氣則快然如衰，身體皆重，是主脾所生病者，舌本痛，不能動搖，食不下，煩心，心下急痛，溏泄水閉，黃疸，不能卧，強立，股膝內腫厥，足大指不用。

Dịch Âm Nguyên Văn : Tỳ Túc Thái âm giả. Thị động tác bệnh thiết bồn cường, thực ầu, vị huyền thống, phúc trướng thiện y, đặc hậu xuất dư khí tác khoái nhiên như suy. Thân thể giai trọng, thị chủ Tỳ sở sanh bệnh giả. Thiết bồn thống, thể bất năng động dao.

thực bất hạ, phiên tâm, tâm hạ cấp thống, đường tiết thủy bế
Hoàng đàn, bất năng ngọa, cương lập, cồ tất nội thủng khuyết, túc
đại chỉ bất dụng.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Tạng Tỳ là Kinh Túc Thái Âm vậy. Ở đây động thì bịnh gốc
lưỡi cứng, ăn vào thì ọ, Phủ Vị đau, bụng đầy hơi, hay ợ, được ra
hơi ở phía sau thì cảm thấy sung sướng nhẹ nhàng. Thân thể nặng
nề, là chủ tạng Tỳ sở sanh bịnh, gốc lưỡi đau, thân thể không cự
quậy nôi, ăn cơm nuốt không vô, lòng bức rứt, dưới lòng đau ngật.
Đại diện lỏng chảy, tiểu tiện ngắn nghẹt, nóng uất phát vàng không
thể nằm yên, gượng đứng thì trong cồ vẽ đầu gối sưng tê, ngón chân
cái không sử dụng được.

經‘義：古醫以五臟為統系，欲以包
括全身究其實際，五臟之統括，不‘能全備。
乃創為十‘二經絡之說。脾之病，有本臟自
生者。有經絡為病者。有脾之功用為病者。
茲特分別古今學說所不同之點，解釋如下。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Cồ y dĩ ngũ tạng vi thống hệ, dục dĩ bao
quát toàn thân. Cứu kỳ thực tế, ngũ tạng chi thống quát, bất năng
toàn bị. Nải sáng vi thập nhị kinh lạc chi thuyết. Tỳ chi bịnh, hữu
bồn tạng tự bịnh giả. Hữu kinh lạc vi bịnh giả. Hữu Tỳ chi công
dụng vi bịnh giả. Tu đặc phân biệt cồ kim học thuyết sở bất đồng
chi điểm, giải thích như hạ.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Người xưa lấy năm tạng làm thống hệ, muốn lấy đó làm bao quát cho toàn thân. Nhưng cứu cánh trên thực tế, thì khả năng của năm tạng không thể thống quát được toàn bị. Mới sáng lập ra thuyết mười hai kinh lạc, chia bệnh của Tạng Tỳ ra : Có bản thân của Tạng Tỳ tự bệnh, có kinh lạc của Tạng Tỳ thọ bệnh. Nay đặc biệt phân tách những điểm bất đồng giữa xưa và nay, giải thích như sau :

GIẢNG GIẢI

Gốc lười cứng, là bởi «Tùy ý căn» biến đổi thường thái, thuộc về bệnh thần kinh. — Ăn vào thì ói, là bệnh ở Dạ Dày không giáng nạp vật thực, do đàm nhớt ngưng trệ, hoặc mê tẩu thần kinh hưng phấn thái quá, phần nhiều do nguyên nhân của bệnh vị thống gây ra. Khí huyết đàm thực tích tụ uất kết, hư hàn thực nhiệt đều có thể xâm hại, cần phải tìm hiểu nguyên nhân, phân biệt chứng trạng, mới có thể dùng thuốc chữa trị.

Bụng đầy trướng ợ hơi, được thông hơi ra phía sau, thì cảm thấy sung sướng nhẹ nhàng, đó là chứng bí uất ở trường vị, khí cơ ở hai bộ phận ấy không thông lợi. Tất phải dùng thuốc phấn chấn thần kinh để chữa trị, giúp cho khí cơ được lưu lợi, trường vị được sơ thông, thì chứng bí uất tự nhiên tiêu trừ.

Thân thể đều rặng nề, là do gân mạch, bắp thịt bị thủy hoản, tùy ý căn mất hết tác dụng phấn chấn. Bệnh như thế ấy, không phải là trách nhiệm của Tạng Tỳ vậy. Ngoài ra như chứng lòng bức rút (tâm phiền) là do máu nóng huân uất ở bên trong. — Dưới lòng đau

ngặt, là do đàm huyết ngưng đọng ở bên trong.—Ỉa chảy, là do Ống hấp dịch ở ruột bất lực ; thủy đạo bế tắc, là vì chất nước phần nhiều bài tiết theo bên ruột già, công năng phân bí tân dịch từ Thận vu sang niếu đạo bị ngưng trệ.—Chứng Hoàng Đản (vàng da tiểu tiện đỏ) là do nước mật tràn vào máu.— Nằm ngủ không yên, là bởi sử dụng sức óc quá nhiều, hoặc vì đàm hỏa xung uất ở tâm não.—Trong cồ vể đầu gối sưng nhức, là nguyên nhân do chứng phát viêm ở cuộc bộ gây ra. Các bệnh chứng này đều không quan hệ gì đến tạng Tỳ, mà thầy thuốc xưa cho là thuộc về tạng Tỳ. Do sự nhận định không xác đáng này, mà ngành y học thời Thượng cổ không thể đại biểu cho ngành y học hiện đại vậy.

Kẻ hôn mụi công kích Sách Nội Kinh, cho Sách Nội Kinh là Đại Bản Doanh của Đông y. Không rõ học thuyết của Đông y hiện nay, căn cứ theo sách Nội Kinh, chỉ thể thủ một phần nào mà thôi.

原文 心手少陰也。是動則病。口乾心痛，渴而欲飲，是為腎厥。是主心所生病者。日黃腸痛。臍臂內後廉痛厥，掌中熱痛，為此諸病。

小腸手太陽也。是動則病嗌痛頰腫，不可以顧。肩似拔，臍似折，是主液所生病者。耳聾目黃，頰腫，頸頰肩臍肘臂外後廉痛。為此諸病。

Dịch Âm Nguyên Văn : Tâm Thủ Thiếu Âm Giải. Thị động tác bệnh : Khâu can tâm thống, khát nhi dục ẩm, thị vi tý khuyết. Thị chủ tâm sở sanh bệnh giả. Mục hoàng hiếp thống, vi thử chư bệnh.

Tiêu Trường Thủ Thái Dương giả Thị động tác bệnh ách thống hàm thũng, bất khả dĩ cố, kiên tợ bại, nhu tợ chiết, thị chủ dịch sở sanh bệnh giả. Nhĩ lung, mục hoàng, hiếp thũng, kinh hàm kiên nhu chịu tý ngoại hậu liên thống Vi thử chư bệnh.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Tạng Tâm là Kinh Thủ Thiếu Âm vậy. Ở đây động thì bệnh : Miệng khô, đau Tim, khát mà muốn uống nước, ấy là Chứng Tý — Khuyết, là chủ về Tạng Tâm sở sanh bệnh. Mắt vàng, sườn đau, trong cánh tay ném về phía sau đau nhức, trong lòng bàn tay nóng nhức ; sanh ra các chứng bệnh này.

Tiêu Trường là Kinh Thủ Thái Dương vậy. Ở đây động thì bệnh : Bả vai nhức như nhồ, cánh tay đau như bẻ. Ấy là phần tân dịch sở sanh bệnh. Tai điếc, mắt vàng, má sưng, cần cồ, cạnh hàm, bả vai, cánh tay, cùi chỏ, ngoài bắp tay phía sau đau, sanh ra các bệnh chứng này.

經義：心主血，小腸主液，恰合生理之學說，不可謂非先民之偉識。惟以經絡發病，牽強附和，咸夫雜八良玉減色。故分別辨明，以證古今學說不同之觀念。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Tâm chủ huyết, Tiêu trường chủ dịch, hấp hợp sinh lý chi học thuyết, bất khả vị phi Tiên dân chi vĩ thức. Duy dĩ kinh lạc phát bệnh. Khiên cưỡng phụ họa. Võ phụ tạp nhập, lương ngọc giảm sắc. Cố phân biệt biện minh, dĩ chứng cồ kim học thuyết bất đồng chi quan niệm.



Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Câu nói : Trạng Tâm chủ quản về máu, Phủ Tiểu trường chủ quản về tân dịch, không thể nói : đó chẳng phải là điều kiến thức vĩ đại của người xưa. Duy có việc lấy bệnh chứng phát ở kinh lạc, rần ép phụ họa ; đem đá Vũ phu chen vào, làm cho viên ngọc tốt mất đẹp. Nên cần phải phân biệt rõ ràng đâu là đá, đâu là ngọc, để chứng minh quan niệm bất đồng giữa xưa và nay,

Giải Giải :

Họng khô, khát mà muốn uống nước, là phần nước ở trong huyết quản bị hao hụt, phát sinh khô táo. Cao nên khát mà uống nước rất nhiều. Tâm Thống, là do tâm mạc ở trong tâm phòng bị phát viêm, hoặc bệnh chứng Giao Tâm (1). Đó chính là bệnh ngay ở bản thân của tạng tâm ; theo học lý giữa xưa và nay đều nhận xét giống nhau. Mắt vàng, sườn đau, trong lòng bàn tay nóng đau. Đều do sự phát sinh biến hóa trong bộ máy tuần hoàn của huyết dịch. Máu nóng thái quá ở bên trong, thì trong lòng bàn tay nóng đau. Huyết dịch không trong sạch, hỗn hợp với nước mật thượng xung, thì mắt vàng. Huyết dịch sung mãn ở bộ phận của Gan và Tỳ, thì dưới sườn đau. Trước hết phải nhận định rõ ràng về phương diện phát sanh biến hóa của huyết dịch, rồi sau sẽ nói đến bệnh của tạng Tâm, thì mới không lầm.

(1) Giao tâm, là nói như lấy dây thắt quả Tim lại đau lắm.



Chứng đau Họng sưng Hàm không thể ngó qua ngó lại. Bả vai đau như nhò, cánh tay nhức như gãy, mà lại gọi là chỗ sở sanh của bệnh chứng thuộc về kinh lạc Phủ Tiểu trường, thiết nghĩ sự nhận xét như thế ấy là không đúng. Suy xưa nghiệm nay, có nhiều chỗ chẳng phù hợp, cho nên không dám phụ họa theo lời xướng.

Bởi lẽ chứng đau họng mà kiêm sưng hàm, thì trạng chứng giống như chứng Phát Hy (2) của thời tậ Chứng Hầu tỷ, hay chứng Triền Hầu Phong, quyết định chẳng phải kinh lạc của Phủ Tiểu trường có thể khái quát.

Bả vai, cánh tay, cùi chỏ, và ngoài bắp tay phía sau đau, là thuộc về bệnh cuộc bộ, một loại với chứng Lậu Kiên Phong (3) Không phải bệnh của Phủ Tiểu trường.

Chỉ như tai điếc, mắt vàng, thì có bệnh do nhiệt độc truyền biến, có bệnh do đàm nhớt thấp trược và nước mật đình trệ gây ra. Biến chứng của mỗi bệnh, mặc dầu không giống nhau, mà do thành phần biến hóa của huyết dịch thì có một. Gọi là bệnh của Phủ Tiểu trường, là vì có Phủ Tiểu trường là chỗ biến hóa thủy cốc, sản xuất tinh dịch vậy.

(2) Phát Hy là : Chứng sưng hàm sưng má, lúc sơ khởi thì phát nóng lạnh, ở chỗ sưng kết hạch. trước nhỏ sau lớn, đau nhức dữ tợn.

(3) Lậu Kiên Phong là : do uống rượu say, hoặc gặp thời tiết nóng nực đổ mồ hôi, lại ở trần hóng gió, khí phong hàn thừa tập vào thân thể mà sanh Chứng Nhức bả vai.



原文：膀胱足太陽也。是動則病衝頭痛，目似脫，項似拔，脊痛，腰似折，髀不可以曲，腠如結，踠如裂，是為蹠厥。是主筋所生病者。痔，瘡，狂，顛疾，頭額項頂痛，目黃淚出，眦紅，項，背，腰，尻，腠，脚皆痛，小指不用。

Dịch Âm Nguyên Văn : Bàng Quang Túc Thái Dương giả. thị động tác bịnh xung đầu thống, mục tỵ thoát, hạng tỵ bạt, tích thống, yêu tỵ chiết, tỵ (x) bất khả dĩ khúc, quốc như kiết, suyền như liệt, thị vi Khóa Khuyết. Thị chủ cân sở sanh bịnh giả. Trĩ, Ngược, Cuồng, Điên tật, đầu ngạch hạng đỉnh thống, mục hoàng lệ xuất, cừu nhục; hạng, bối, yêu, cừu quốc, cước giai thống, tiêu chỉ bất dụng.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn : Phủ Bàng Quang là Kinh Túc Thái Dương vậy. Ở đây động thì bịnh thương xung nhức đầu. Con mắt như lòi ra, cần cò như nhò lên, xương sống đau, ngang lưng quằn như gãy, xương hán (髀) không co lại được, nhượng (phía sau đầu gối 腠) như buộc lại, bắp chuối (踠) như xé. Ấy là chứng Khóa Khuyết, (từ mắt cá bịnh lên). Chính là gân mạch sở sanh bịnh. Chứng Trĩ, chứng Ngược (rét) chứng Cuồng, Điên; trên đầu, trước trán, cần cò, đỉnh đầu nhức. Con mắt vàng chảy nước mắt sống, chảy nước mũi, ra máu cam, cần cò sống lưng, ngang lưng quằn, xương đuôi (mắt chót xương sống) Nhượng, bàn chân đều đau, ngón thân út không sử dụng được.

經義：足太陽經，所行之經絡最長，以經絡所發生之病症，概括於太陽經範圍以內。上古之時，確有此種見解。若求唐，宋，元，明，以後之書籍，其理論治法，各有發明，

(1) Chữ 髀 nên đọc «Tỵ» là đúng hơn, âm «bệ» là lầm. «Tỵ cốt» là: xương háng.



與內經所言，早已分道揚鑠。故研究古書不當以詞害義。孟子於武成篇，取二三策而已，是真善讀古書者，故於內經亦然。

DỊCH ÂM KINH NGHĨA : Túc thái Dương Kinh, sở hành chi kinh lạc tối trường, dĩ kinh lạc sở phát sanh chi bệnh chứng khái quát ư Thái Dương Kinh phạm vi dĩ nội. Thượng Cồ thời, xác hữu thử chứng kiến giải. Nhược cầu Đường, Tống, Nguyên, Minh dĩ hậu chi thơ tịch, kỳ lý luận trị pháp, các hữu phát minh, dữ Nội Kinh sở ngôn, tào dĩ phân đạo dương biểu. Cố nghiên cứu cồ thơ, bất đương dĩ từ hại nghĩa. Mạnh Tử ư vũ thành thiên, thủ chi nhị tam sách nhi dĩ, thị chân thiện đọc cồ thơ giả. Cố ư Nội Kinh diệc nhiên.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Đường Kinh lạc của Kinh Túc Thái Dương trải qua rất dài (từ Huyệt Tĩnh Minh đến Huyệt Chí Âm) vì các bệnh chứng phát sanh ở Kinh lạc, khái quát ở trong phạm vi của Kinh Thái Dương. Chỗ kiến giải của người đời Thượng Cồ xác nhận quả quyết có như thế. Nếu suy cầu trong sách võ y học từ Đời Đường, Đời Tống, Đời Nguyên, Đời Minh về sau, thì thấy lý luận và cách chữa trị của mỗi thời đều có phát minh. Đối với lời nói của sách Nội Kinh, họ đã chia phần giải thích rạch ròi (1) từ trước rồi. Cao nên nghiên cứu

(1) Biểu là : đầu cái Mâu, chót nhọn của gươm đao (đồ vũ khí). Nhưng kẻ chuyên việc hộ tống tài sản người qua đường vắng gọi là (bảo biểu) Phân đạo dương Biểu : mỗi ông chiếm lấy một đường, tự khoe võ nghệ cao cường. Cũng như các chú gia giải thích Sách Nội Kinh, tự thấy phần mình là chí lý hơn hết.



cờ thơ, chẳng nên vì lời mà hại nghĩa. Ông Mạnh Tử nói : «đối với Thiên vũ Thành chỉ lấy một vài thẻ», chính là người rành đọc cờ thơ. Đối với việc đọc sách Nội Kinh cũng vậy.

Giảng Giải :

Kinh Túc Thái Dương, ở đây động thì bệnh thượng xung nhức đầu, cùng bệnh ở ba Kinh dương phát nóng ở lạnh có ý tương tự nhau, bệnh phát ở phần biểu, cho nên nhức đầu đơ cồ. Bởi lẽ người xưa cho Kinh Thái Dương chủ quản bệnh ở phần biểu.

Câu : hạng như bạt (cần cồ như nhò), là đại danh cho câu : Hạng Cường thù thù (cần cồ cứng đơ đơ). Con mắt như lòi ra, là hiện tượng của bệnh Phôi. Ngang lưng quần đau, sống lưng nhức, là bởi trung khu của Giao cảm thần kinh ở tích tủy bị ngoại tà uất át, mà phát sanh tác dụng phản động. Cho nên lưng đau không thể cúi, xương hán nhức không thể co.

Thầy thuốc xưa xác nhận : Kinh Thái Dương bao quát phần Dinh phần Vệ của toàn thân. Cho nên trạng chứng của toàn thân đều thống cộng bao quát ở trong phần Kinh lạc của Kinh Thái Dương. Người trước ngoa truyền, người sau ngộ hội ; người đời gần đây cần phải nhận rõ giới hạn của bệnh sở. Chứng cảm mạo ngoại tà, Thầy thuốc xưa đều nhận là bệnh phát ở trong sáu Kinh khí hóa. Thầy thuốc hiện đại thì nói : Bệnh ở phần biểu là do sự biến hóa của thể ôn.

Nhượng như kết lại, bắp chuối như xé ra, tức là Chứng Hoắc



loạn (ỉa mửa) chuyển gân khá dữ dội. Vì sau khi ỉa mửa phần nước bài tiết ra ngoài, tân dịch khô cạn, huyết quản khô táo, thần kinh mất hết phần dinh dưỡng tư nhuận, cho nên từ nhượng xuống bắp chuối, trong phần cơ nhục của tùy ý căn phát sanh biến động. Ấy là chủ về gân sở sanh bệnh.

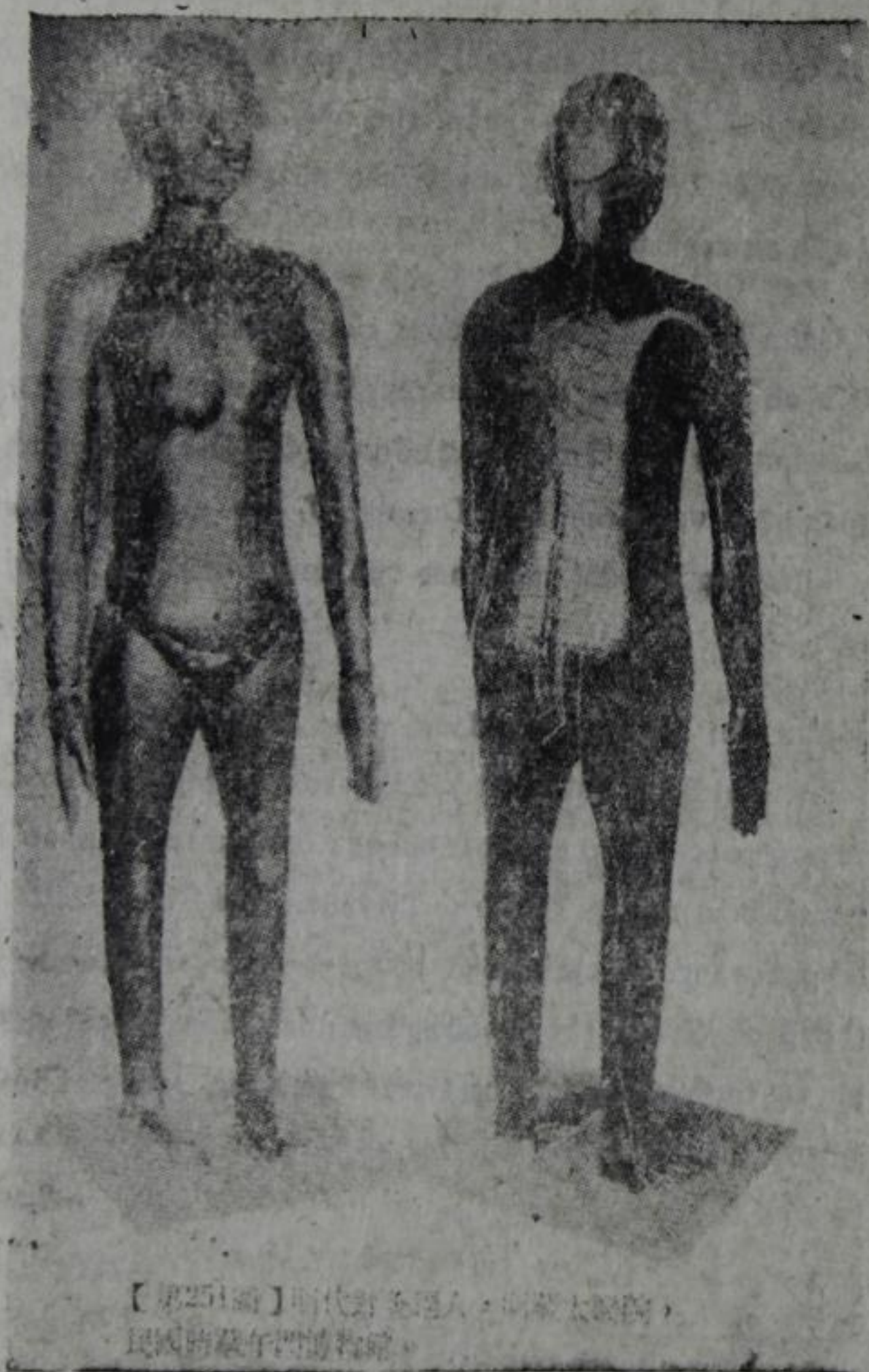
Chủ Gân : là chỉ cho sự vận động của Trung Khu tùy ý căn. Khi phát bệnh dữ dội thì biến Chứng Kinh Loan (1) Chứng Khế Túng (2), ngón tay nhu động, lưng uốn vắn đều là chủ về bệnh gân, không quan hệ gì với Kinh Thái Dương. Ở đây cần phải nói lên rành rẽ, thì không đến đòi nghe theo chỗ huyền hoặc của người xưa vậy.

Còn như khí Thấp ngưng đọng, phần huyết ủng trệ mà sanh ra bệnh Tri. Khí Thử Thấp uất kết mà sanh ra chứng Ngược. Máu nóng thượng xung lên óc mà phát cuồng ; óc ra máu mà phát Diên. Phổi nóng thì biến chứng Tỷ Cừu, Tỷ Nục. Khí Thấp Nhiệt huân chung thì mắt vàng. Dĩ chí căn cồ, sống lưng, ngang xương đuôi, nhượng, bắp chuối, bàn chân, những bệnh đau nhức theo cuộc bộ thần kinh, sự thực không liên hệ gì với Phủ Bàng Quang. Cần phải phân biệt suy luận.

(1) Kinh Loan là bệnh mình mẩy cứng thẳng, gân mạch co rút.

(2) Khế Túng : là trọng chứng của bệnh Kinh giãn, tay chân co rút, mắt trợn ngược. (Khế có nghĩa là gân mạch co rút, Túng có nghĩa là gân mạch xui lờ), do sự câu cấp thái quá làm hư hại gân mạch.





Trên đây là : hình người Châm Cứu bằng đồng của Đời Minh. Đời Minh thì dựng hình này trong Thái Y Viện ; Thời Dân Quốc thì dựng hình này ngay cửa Ngọ Môn Viện Bác Vật.

原文：腎，足少陰也。是動則病肌不欲食，面如漆柴，咳唾則有血，喝喝而喘，坐而欲起，目眈眈如無所見，心如懸，若肌狀。氣不足。則善恐。惕惕如人將捕之。是為骨厥。是主腎所生病者。口熱舌乾，咽腫及痛，煩心，心痛，黃疸腸癰，脊股內後廉痛。痿厥，嗜卧，足下熱而痛，為此諸病。

Dịch Âm Nguyên Văn : Thận, Túc Thiếu Âm giả. Thị động tác bệnh cơ bất dục thực, diện như tấ sài, khái thóa tác hữu huyết, hất hất nhi suyền, tạ nhi dục khởi, mục hoảng hoảng như vô sở kiến, tâm như huyền, nhược cơ trạng. Khí bất túc tác thiện khùng, dịch dịch như nhờn tướng bộ chi. thị vi Cốt Khuyết. Thị chủ Thận sở sanh bệnh giả. Khâu nhiệt thiết can, yết thủng cập thống, phiền tâm, tâm thống, Hoàng đăn Trường Tịch, tích cồ nội hậu liêm thống, Nuy Khuyết, thị ngọa, túc hạ nhiệt nhi thống, vi thử chư bệnh.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Tạng Thận là Kinh Túc Thiếu Âm vậy. Ở đây động thì bệnh đói mà chẳng muốn ăn, sắc mặt đen như sơn. Ho, nhò có máu, hen suyền khọt khẹt, đang ngồi mà gượng muốn đứng dậy, thì mắt chớp chớp dường như không thấy. Lòng hồi hộp dường như đói. Phần khí chẳng đủ thì hay e sợ, nơm nớp dường sắp bị ai bắt. Ấy là chứng Cốt Khuyết (1). Chính là do Thận sanh ra bệnh vậy.

Miệng nóng lưỡi khô, họng sưng mà đau, trong lòng bức bối, tim đau. Chứng Hoàng Đăn (phát vàng), chứng Trường Tịch (2)

(1) Cốt Khuyết : là bệnh nóng lạnh ở trong xương, móng tay, móng chân nhức, hai hàm răng khô thì nặng lắm.

(2) Trường Tịch, Tịch là một loại bệnh tích tụ tiềm ẩn ở hai bên xương sườn, bởi bệnh độc trốn núp trong chỗ ẩn tịch, đề kiểm khó thấy, nhưng lúc đau thì gò cục.



Sống lưng, trong cõ về phía sau đau nhức, Chứng Nuy Khuyết (3) ư nằm dật dựa, dưới bàn chân nóng mà nhức, sanh ra các bệnh chứng như thế này.

經義：病不在腎臟，不得謂之腎病。惟古醫必欲指其病在經絡，下皆仿此

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Bệnh bất tại Thận tạng, bất đắc vị chi Thận bệnh. Duy cõ y tất dục chỉ kỳ bệnh tại kinh lạc, hạ giai phòng thử.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa.

Bệnh không phải ở ngay trong tạng Thận, thì không thể nói là bệnh của tạng Thận được. Duy thầy thuốc xưa tất muốn chỉ những bệnh ở phần kinh lạc của tạng Thận. Các bài sau đều nương theo đây.

GIẢNG GIẢI

Công dụng của tạng Thận, là chuyên trách ở việc bài tiết phần nước. Duy có tủy chất của phó Thận, mới có tính hưng phấn, và tác dụng áp bách phần huyết đi lên. Bì chất của phó Thận, có tác dụng làm cho trầm giáng huyết dịch, thâu súc vách huyết quản và thâu súc tinh nang. Thầy thuốc xưa cho tạng Thận là cơ quan thống quản về

(3) Nuy : là tay chân yếu đuối không sức, các lóng xương buông lơi không co lại được. Nuy Kuyết, là chứng Nuy hợp với chứng Khuyết.



phần tân dịch của năm tạng, mà không biết sự phân bí tân dịch trong thân thể là do tuyến thể. Phó Thận cũng là một loại tuyến thể. (hạch)

Còn, đói mà không muốn ăn, thì có do khí huyết hư nhược, chất tân dịch khô khan, hoặc do đàm, nhớt dãi ngưng trệ gây ra. No đói nội thương các chứng... mà nói là : tạng Thận động thì bệnh các chứng này. Sự thực chưa từng nghe vậy.

Sắc mặt nám đen, là vì khí huyết khô khan ở trong, nên hình sắc biến hóa bên ngoài, có quan hệ với tạng Thận cũng là một phần ít. Ho khạc nhò có máu, khọt khẹt mà suyễn. Ngồi mà muốn nằm mắt nhắm nhắm không trông thấy, lòng hồi hộp dường như đói, ấy là hiện tượng của thời kỳ chót của chứng hư tổn.

Ho, khạc, hơi thở khò khè suyễn, là do tạng Phổi suy nhược, bộ máy hô hấp không thuận lợi vậy. Ho nhò có vướng máu, là vì thể chất bị suy tổn, thì huyết quản mềm mỏng, rất dễ bị phá liệt. Ngồi mà muốn nằm, là tinh thần bị uể oải. Mắt nhắm nhắm không trông thấy, là do phần khí suy nhược nên mắt nhìn không thấy rõ. Khí huyết suy nhược, tinh thần mất chỗ nuôi dưỡng. Cho nên lòng hồi hộp dường như đói. Các chứng bệnh ở trên, tuy không phải hoàn toàn thuộc về thận. Song sự thực cũng có can hệ phần nào ở thận vậy. Thầy thuốc xưa chuyên luận về bệnh ở Thận không khỏi có ý thái quá.

Câu : phần khí không đủ thì hay bệnh e sợ. Chính là chỉ ngay cho bệnh ở tạng Thận. Vì tủy chất ở phó Thận suy nhược, mất hết



năng lực cồ động hưng phấn, thì tất nhiên huyết dịch từ dưới đi lên chậm chạp, mà thầy thuốc xưa nói e sợ thì phần khí bị sụt xuống (khủng tác khí hạ) thực rất đúng vậy.

Câu : nơm nớp sợ dường sắp bị ai bắt, là chỉ cho bệnh tinh thần bị khủng hoảng. Vì phân bí tố trong tủy chất của phó Thận, mất hết cơ năng hưng phấn, mà tinh thần không hưng vượng phấn chấn.

Còn như : miệng nóng lưỡi khô, họng sưng và đau, là do khí hỏa nhiệt phù phiểm thượng xung. Lòng bức rút, tim đau, là do huyết nhiệt ủng tắc ở bên trong. Bệnh Hoàng Đản, Bệnh Trường Tịch, là do khí thấp nhiệt uất kết ở bên trong. Dưới bàn chân nóng đau mà biến chứng Nuy Khuyết, là do nhiệt tà ngưng tụ ở hạ bộ. Sự thực không thể nhận định cách tổng quát, là các chứng bệnh ấy đều lệ thuộc ở tạng Thận.

Nhưng người xưa nói tạng Thận là kho tàng chứa đựng tinh khí (thận tàng tinh), và thống lĩnh tân dịch. Bất cứ bệnh chi mà thương tổn đến tân dịch, thì đều cho là thương Thận, trăm ngàn bệnh, khi đến mức cùng cực tất dồn về Thận (bá bệnh chi cùng tất cập Thận).

Từ đời này đến đời khác, các Y Gia đều xem lời nói trên đây là khuôn vàng thước ngọc, như : Phương Bác Vị, Lục Vị, Âm Tả Qui, Hữu Qui các loại, thì tất cả sách vở đều y theo khuôn rập mà vẽ hồ lô : đều lấy tác dụng nội phân bí mà giải thích nhứt luật như



nhau. Thế thì, luận thuyết của người trước, nên xem như món đồ cò, đề trên tiết vậy thôi.

原文：心主，手厥陰，心包絡也。是動則病手心熱臂肘掣急，脈腫，甚則胸脇支滿。心中憺憺大動，面赤目黃，喜笑不休，是主脈所病者。煩心，心痛掌中熱。

Dịch Âm Nguyên Văn: Tâm Chủ, Thủ Khuyết Âm Tâm Bào Lạc giả. Thị động tác bịnh thủ tâm nhiệt. Tỷ chửu loạn cấp, dịch thũng, thậm tác hung hiếp chi mãn, tâm trung đạm đạm đại động, diện xích mục hoàng, hỷ tiếu bất hưu. Thị chủ mạch sở bịnh giả. Phiền tâm, tâm thống chưởng trung nhiệt,

Dịch Nghĩa Nguyên Văn:

Tâm Chủ, là Kinh Thủ Khuyết Âm Tâm Bào Lạc vậy. Ở đây động thì bịnh lòng bàn tay nóng, từ cánh tay đến cánh chỏ co gập, ở dưới nách sưng. Nặng lắm, thì hong sườn đầy hơi, chổi đau, trong tim đập thình thình động mạnh, mặt, mắt, vàng, ra cườ; không thôi. Ấy là chủ về mạch sở sanh bịnh vậy. Lòng bứt rứt, tim đau, trong lòng b' n tay nóng.

經義：古醫以心為君主之官，包絡代心行事。凡心臟有所舉動，皆為包絡支配。故稱心不受邪，受邪則死。數平千來，皆固執此說，無少移易者。本篇所舉包絡經絡所發之病症，其訛誤之處，另於講解中說明之。



Dịch Âm Kinh Nghĩa : Cồ y dĩ Tâm vi Quân-Chủ chi Quan, Bào Lạc đại Tâm hành sự. Phàm Tâm tạng hữu sở cử động, giai vi Bào Lạc chi phối. Cố xưng Tâm bất thọ tà, thọ tà tác tử. Sở thiên niên lai, giai chấp thủ thuyết, vô thiếu di dịch giả. Bồn thiên sở cử Bào Lạc Kinh lạc sở phát chi bệnh chứng, kỳ ngoa ngộ chi xứ, lánh ư giảng giải trung thuyết minh chi.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa : Thầy thuốc xưa cho Tim thì giữ chức vị Quân Chủ. Tâm Bào Lạc thay mặt cho Tâm cán đáng mọi việc. Phàm nhứt cử nhứt động của tạng Tâm, đều do sự chi phối của Tâm Bào Lạc. Cho nên nói. Tạng Tâm không bao giờ bị cảm nhiễm bệnh độc, Tạng Tâm bị cảm nhiễm bệnh độc thì chết. Mấy ngàn năm về sau, đều cố chấp lấy thuyết này, bất di bất dịch. Thiên này sở dĩ nêu lên các bệnh chứng phát sinh ở Kinh Lạc của Tâm Bào Lạc. Những chỗ sai lầm, riêng được giải rành trong bài Giảng Giải.

Giảng Giải :

Bào thủ lấy hư danh, ngất ngưỡng ngồi trên ngôi cao, thường phạt bất công, chánh trị bất minh, xem nước nhà hưng suy thành bại, dường như không liên hệ gì đến mình, phó mặc cho bọn quyền thần loạn chánh, ấy là nguyên nhân gây ra họa mất nước của bọn Lưu Hậu Chúa, Lê Ngọa Triều. Không dè trong câu chuyện y học mà lại đem việc vua tôi ra làm ví dụ: Ví Tạng Tâm như Ông Vua của thời chuyên chế, Bào Lạc như người tôi cường thần, việc chánh trị đều thao túng ở trong tay Họ Mạc, gương Thái A cầm ngược. Thử hỏi trong thân thể người mà như vậy, thì có thể mạnh khỏe được chăng ?



Từ ngày Khoa Sinh Lý Giải Phẫu học tiến bộ đến nay, đã được khảo chứng so sánh cách rất thực tế, há chẳng phải là điều rất sung sướng đối với việc nghiên cứu y học hay sao ? Những điềm trôi gió khêu trăng, luận thuyết mơ hồ, cần được kịp thời chỉnh lý.

Tạng Tâm có hai tâm phòng, và hai tâm thất ; không thấy chỗ nào nói Tạng Tâm có bảy lỗ ba lông. Có người nói : Hai tâm phòng hai tâm thất của Tạng Tâm, cộng chung lại là bốn Khổng đạo (lỗ), còn ba lông là chỉ cho những lỗ nhỏ nhít ở trong tâm phòng tâm thất của Tạng Tâm giống như chiếc lông vậy. Lời nói này có thể giúp thêm cho việc tham khảo,

Những động huyết quản, và tĩnh huyết quản, chẳng chịt lằng nhằng nằm trên tạng Tâm, hình thành một màng mỡ trắng mà người trước gọi là Hộ Tâm Du (lớp mỡ bảo vệ tạng tâm), tức là Tâm Bào Lạc. Lại có người nói : Hoành Cách Mô là Phủ Đản Trung, tức là biệt danh của Tâm Bào Lạc.

Theo chỗ khảo chứng, thi công dụng của Hoành Cách mô là giúp cổ động cho bộ hô hấp. Thầy thuốc xưa nói Hoành-Cách-Mô có công năng che đẩy trước khí ở hạ tiêu, không cho hơi trước từ dưới xông lên tâm, Phổi, là nhận định sai lầm vậy. Còn nói Hoành Cách mô bao bọc chung quanh Tạng Tâm, thay mặt cho Tạng Tâm cán đáng mọi việc, thì lại càng lầm to. Đã gọi là Hoành Cách Mô, thì đương nhiên không phải là Tâm Bào Lạc. Theo sự nghiên cứu của Khoa Sinh Lý Học sau này : Trước hết phải nhận rõ Bào Lạc là màng mỡ bao bọc ngoài Tạng Tâm, có công dụng giúp cho Tạng Tâm khỏi bị

ma sát ; kể đó cần biện minh về kinh lạc của Bào Lạc, là việc hoàn toàn vô căn cứ.

Song thầy thuốc xưa nói về bệnh ở kinh lạc của Bào Lạc quả quyết bệnh sở nằm ở chỗ nào ? Thì nói : lòng bàn tay nóng (máu nóng ứng tắc ở trong). Cánh tay, cùi chò loan cấp, dưới nách sưng, đó lại là do chứng phát viêm ở từng cuộc bộ, hoặc do chứng Phong Thấp (Rhumatisme) đau nhức sưng sốt theo các đường quan tiế (khớp xương), hoặc vì tủy thê (hạch) ở dưới nách bị thủng trướng. Các chứng bệnh này không thể nói là gốc bệnh phát khởi ở Bào Lạc được. Hồng sườn sưng, đau nhói, là do khí đàm ầm đình trệ, hoặc do Gan, lá mía bị sung huyết, hay Hoành Cách Mô bị phát viêm... cần phải tìm hiểu nguyên nhân, nhận rành hiện trạng của bệnh tình mà chữa trị.

Câu : tâm trung đạm đạm đại động, là hồ từ của câu : tâm qui chinh xung. Lời tuy khác, song ý đều nói về tim bệnh hồi hộp kinh sợ. Vì nội tạng bệnh hoạn, thần kinh thất dưỡng và sự điều tiết không châu đáo. Cho nên biến chứng như thế.

Mặc đỏ là hiện tượng khí nóng ở Phủ Vị thượng xung ; mắt vàng là hiện tượng chất huyết dịch không thanh khiết. Nghiên cứu bệnh chứng, nên căn cứ trên thực tế mà thảo luận, không nên bất cứ là bệnh gì, cũng đồ dờn cho là gốc bệnh phát ở kinh lạc của Tâm Bào Lạc, khiến cho kẻ đọc không biết đường rõ, muốn tìm hiểu, cũng không tài nào tìm hiểu nổi.

Câu : ưa cười không thôi, là vì Trung Khu thần kinh của đại não bị thay đổi thái độ bình thường. Lòng bứt rứt, lòng đau, trong



bàn tay nóng, là đều do sự biến hóa của huyết dịch uất kết nóng này. Huyết dịch ngưng trệ, dính mắc ở nơi nào thì gây trầm muộn ở nơi ấy, áp bách thần kinh thì biến chứng đông thống. Nhứt thiết các bệnh trạng này, đều không quan hệ gì đến Tâm Bào Lạc.

原文：三焦手少陽也。是動則病耳聾，
噎腫喉痹，是主氣所生病者。汗出，目銳眦
痛，頰痛，耳後肩臑肘臂外皆痛。小指次指
不用。

Dịch Âm Nguyên Văn : Tam Tiêu, Thủ Thiếu Dương giả. Thị động tác bệnh nhĩ lung, ách thủng hầu tỷ, thị chủ khí sở sanh bệnh giả. Hãn xuất, mục nhuệ chủy thống, hiếp thống, nhĩ hậu kiên nhu chũu tỷ ngoại giai thống, tiêu chỉ thứ chỉ bất dụng.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn : Phủ Tam Tiêu là Kinh Thủ Thiếu Dương vậy. Ở đây động thì bệnh tai điếc, họng ản sưng, cò họng bế tắc (hầu tỷ). Ấy là chủ về phần khí sở sanh bệnh. Ra mồ hôi, khóe con mắt nhức, má sưng, phía sau lỗ tai dẫn xuống bả vai, cánh tay, phía ngoài cánh chỏ, bắp tay đều đau. Ngón tay út và ngón tay áp út không thề sử dụng.

經義：三焦經絡，所發生之疾患，
古醫以為病在經絡。凡此種種，皆經絡所主
病。究三焦有無與否，當與於講解中詳之。

Dịch Âm Kinh Nghĩa : Tam Tiêu Kinh lạc, sở phát sanh chi tật hoạn, Cồ y dĩ vi bệnh tại kinh lạc. Phàm tảử chủng chủng, giai kinh lạc sở chủ bệnh, cứu Tam Tiêu hữu vô dĩ phủ, đương dĩ ư giảng giải trung tường chi,

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Những bệnh hoạn phát sanh ở kinh lạc của Phủ Tam Tiêu, Thầy thuốc xưa cho là bệnh ở kinh lạc. Đại khái các loại bệnh ở đây, đều là bệnh sở chủ của kinh lạc. Cứu cánh Phủ Tam Tiêu có hay không thế nào ? nên xem trong bài Giảng giải sau đây thì rõ.

Giảng Giải :

Phủ Tam Tiêu, ấy là biệt sứ của nguơn khí, Phủ Mạng Môn ấy là bản nguyên của Tam Tiêu. Kẻ dững sĩ thì văn lý của Tam Tiêu bố trí ngang, kẻ khiếp sĩ thì văn lý của Tam Tiêu bố trí dọc.

Sách Kim Quĩ nói : Phần Tấu ấy là chỗ Phủ Tam Tiêu thông hội với khí Chân Nguơn. Phần Lý ấy là văn lý của bì phu và tạng phủ. (腠者, 三焦通會元真之處. 理者, 皮膚臟腑之文理) (tấu giả, tam tiêu đồng hội chân nguơn chi xứ, lý giả, bì phu tạng phủ chi văn lý)

Sách Nội Kinh nói : Phủ Thượng Tiêu như sương mù, phủ Trung Tiêu như bọt nước, phủ Hạ Tiêu như sông rạch. Đây là chỉ cho thấy Tam Tiêu là vật có hình và có tên. Nếu nói Tam Tiêu có thực thề hẳn hoi, thì ở trong tạng phủ không có chỗ nào tìm thấy được Tam Tiêu. Nếu nói là không có, thì tại sao các sách xưa đều xác nhận có phủ Tam Tiêu cách rất rõ ràng.

Ông Đường Dung Xuyên nói : màng mở chài là Tam Tiêu. Ông Bao Hoành Thôn nói : Căn cứ theo sách Nội Kinh mà nói : Trung Tiêu có tác dụng tiếp thụ phần khí, thủ đắc phần trấp dịch biến hóa



ra màu đỏ, trở thành máu. Cho nên nói : Ống hấp dịch là Tam Tiêu. Ông Chương Thái Viêm nói : Ống Lâm Ba là Tam Tiêu. Chỗ kiên giải của ba ông trên đây đều có ý no tương đối.

Sự thực những danh từ tưởng tượng của Thầy thuốc xưa, như loại trên đây rất nhiều. Duy nhờ sức nghiên cứu của người đời sau phát huy quang đại, không nên quá tin theo lời nói của người xưa. Cần có cặp mắt sáng suốt, biện biệt chỗ phải chăng, thì đạo học Đông y mới mong sáng tỏ được. Bát luận Phủ Tam Tiêu là màng mỡ chài, là ống hấp dịch, là ba bộ phận : ở trên, ở giữa và ở dưới ; là có tên mà không có hình... các thuyết. Ngoài những bộ vị trong thân thể con người ra, lại còn có thêm những cái gọi là KINH LẠC, là sự lý tưởng ngộ hội của người xưa, càng được chỉnh lý càng sớm càng hay.

Còn như chứng : Tai điếc, cần cồ sưng, cồ họng bế tắc (hầu tử), thì riêng chứng Tai Điếc cũng khá nhiều nguyên nhân : Có vì phần khí suy nhược, có vì đàm khí ủng tắc, có vì khí phong nhiệt xâm phạm lên bộ đầu, có vì tiếng động dội vào tai quá lớn làm rách nhĩ mô mà sanh chứng Tai Điếc, Đại khái bốn lý do gây ra bệnh Tai Điếc trên đây, đều không liên hệ gì với Tam Tiêu. Chỉ vì Thầy thuốc xưa xác nhận Tam Tiêu là phủ thuộc về Thiếu Dương Tướng Hỏa, nên những bệnh do phong tà xâm phạm lên thượng bộ, thì đều đổ lỗi cho Tam Tiêu.

Những chứng cần cồ sưng, cồ họng bế tắc, là do đàm nhớt dãi ủng trệ, do máu nóng khốn át, do khí huyết uất kết, hoặc vì Phế



khí trướng mãn gây ra, nếu cho là bệnh sở sanh từ -- kinh lạc của TAM TIÊU, thì nhứt định không dám phụ họa theo vậy.

Xét vì Thầy thuốc xưa xác nhận TAM TIÊU là thuộc khí Tạng Hòa, phạm những bệnh thuộc về huyết nhiệt thì đều đồ thừa cho TAM TIÊU, nên mới (dĩ ngoa truyền ngoa). Cứu cánh danh từ tuy có bất đồng, mà trên thực tế, thì từ nguyên tác trị liệu dĩ chí phương pháp trị liệu vẫn không sai lầm, bất tất vì đó mà gây ra tranh chấp. Còn câu : «thị chủ khí sở sanh bệnh giả» chữ «KHÍ» là chỉ cho khí THIỂU DƯƠNG TƯƠNG HỎA, tức là hữ-từ của hai chữ HUYẾT NHIỆT. Chứng đồ mồ hôi, là do khí Vệ Dương bị bài tiết ra ngoài. Chứng khốc nhọn con mắt đau, gò má nhứt, sau lỗ tai dẫn xuống bả vai, cánh tay, phía ngoài cánh chỏ, bắp tay đều đau, là do Tam Xoa Thần Kinh bị huyết dịch áp bách mà sanh bệnh đau nhứt. Sự thực không quan hệ gì với TAM TIÊU.

原文：胆，足少陽也。是動則病口苦。善太息，心脇痛，不能轉側。甚則面有微塵，体無膏澤。足外反熱，是為陽厥，是主骨所生病者。頭痛領痛，目銳眦痛，缺盆中腫痛，腋腫，馬刀俠癰，汗出振寒瘧，胸，脇，肋，髀，膝，外至脛絕骨，外踝前。及諸節皆痛，小指次指不用。

Dịch Âm Nguyên Văn :

Đảm, Túc Thiếu Dương giả. Thị động tác bệnh khẩu khổ, thiện thái tức, tâm hiếp thống, bất năng chuyển trắc. Thậm tác diện hữu vi trần, thể vô cao trạch, túc ngoại phản nhiệt, thị vệ Dương Khuyết. thị chủ cốt sở sanh bệnh giả. Đầu thống, hàm thống, mục nhuệ chủy



thống, Quyết Bồn trung thủng thống, dịch hạ thủng, Mã Đao hiệp Anh, hãn xuất chấn hàn Ngược ; hung hiệp. lạc, ty, tất. ngoại chí kinh tuyết cốt, ngoại khóa tiền, cập chư tiết giai thống, tiêu chí thứ chi bất dụng.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Phủ Đàm, là Kinh Túc Thiếu Dương vậy. Ở đây động thì bệnh miệng đắng, hay thở dài, tâm oa và sườn đau, không thể lăn trở. Nóng lắm thì trên mặt có hơi khô nhám, cơ thể không béo lảng, phía ngoài ống chân lại nóng, ấy là Chứng Dương Khuyết, là chủ về trong xương sớ sanh bệnh. Đầu nhức, cằm nhức, khoe nhọn con mắt nhức, trong huyết Quyết Bồn (1) sưng nhức, dưới nách sưng, Chứng Mả Đau (2) hiệp với Chứng Anh Lưu (3), ra mồ hôi, phát rét lạnh (hàn ngược), hông, sườn, xương sườn, xương háng, đầu gối, dẫn xuống phía ngoài Ống chân huyết Tuyết Cốt (4) trước mắt cá (phía ngoài) đều đau nhức. Ngón chân út, và ngón kế không sử dụng được.

譯義：有胆經之病，有胆腑之病。受邪之處，各有不同，所當分別論之。

1— Huyết Quyết Bồn ở dưới xương ngang bả vai, trong chỗ sưng.

2— Mã Đao hiệp Anh, chứng này do bệnh Lao mà ra, hình bệnh khá dài, cứng rắn như đá. Mọc dưới lỗ tai dẫn đến huyết Quyết Bồn, hoặc mọc trên bả vai dẫn xuống hông sườn, màu đỏ nóng như hồ lửa, lâu ngày phá miệng ra mủ rất nguy.

3— Anh Lưu, là bệnh Bứu.

4— Huyết Tuyết Cốt ở trên mắt cá phía ngoài ống chân ba tất.



Dịch Âm Kinh Nghĩa : Hữu Đàm kinh chi bệnh, hữu Đàm phủ chi bệnh. Thọ tà chi xứ, các hữu bất đồng, sở đương phân biệt luận chi.

Dịch Nghĩa Kinh Nghĩa :

Có bệnh ở về phần kinh mạch của phủ Đàm (mật), có bệnh ở ngay trong phủ Đàm. Những chỗ thụ đắc bệnh độc, đều có bất đồng, nên phân biệt đề suy luận.

Giải Giải :

Nước Mật tràn đầy ở Dạ Dày thì miệng đắng ; trung khí bị uất át không thư sướng được thì hay thở dài. Tâm oa và sườn đau, không thể lăn trở được, là hiện tượng của chứng Cách Mạc (mô) viêm, và Tạng Gan, Tạng Tỳ bị sung huyết. Sắc mặt có hơi khô khao, cơ thể không béo lảng, là vì nước tiêu dịch trong người khô cạn. Đoạn này giống ý nghĩa câu «cơ phu giáp thác» (da thịt lù xì tróc vẩy). Chứng Phế ung, Phế Nuy, và bệnh hư lao, đến thời kỳ chót, phần nhiều có hiện tượng này. Câu : Chủ cốt sở sanh bệnh, nên chỉ cho chứng Cốt Nuy nội nhiệt (lao xương phát nóng) mới phù hợp,

Thầy thuốc xưa nói : Trên Kinh Thiếu Dương khí nóng làm chủ đó (Thiếu Dương chỉ thượng nhiệt khí trị chi). Lại nói : Kinh Thiếu Dương thuộc Tạng Hỏa. Những bệnh hỏa nhiệt thái quá, đều cho là bệnh của Thiếu Dương. Cho nên những chứng da thịt lù xì tróc vẩy, chứng Lao xương phát nóng, cũng níu kéo dính chùm vào nhau, mà cho là bệnh của Kinh Thiếu Dương. Ấy là lý do



khuyến cho Y Học Cồ Truyền quen theo lối nhận bệnh cách tổng quát, mà không chịu phân tích rành mạch vậy.

Chứng nhức Đầu, nhức Cằm, khớp nhọn con mắt nhức, trong huyết Quyết Bồn sưng nhức... Nguyên nhân của các chứng bệnh này rất phiền toái, nên phân biệt từ loại mà chữa trị. Như do máu nóng ủng tắc, Thầy thuốc xác nhận là bệnh của Kinh Thiếu Dương, thì bất quá là một loại bệnh trong các bệnh mà thôi. Ngoài ra như do đàm huyết ngưng trệ mà sanh chứng sưng nách; hạch Lâm-Ba sưng sốt mà sanh chứng Anh-Lựu, Loa-Lịch, là nhờ người đời sau nghiên cứu tìm hiểu. Sự thực các bệnh chứng này đối với Kinh Thiếu Dương vẫn không quan hệ nhau. Nhưng Thầy thuốc xưa xác nhận những bệnh ở Kinh Thiếu Dương là do khí Tương Hỏa phát sanh, nghi bệnh Mã Đầu Hiệp Anh đều do hỏa nhiệt uất kết ở trong mà phát ra. Cho nên chỉ định là bệnh thuộc về Kinh Thiếu Dương.

Mồ hôi ra, là do dương khí của phần vệ bài tiết ra ngoài. Ôn lạnh, là bởi sức ấm nóng của phần vệ dương không được sung túc. Chứng Cử Rét, là vì sự ủng trệ của đàm khí và thấp nhiệt. Hồng, xương sườn, xương háng, đầu gối, dẫn xuống phía ngoài ống chân huyết tuyết Cốt, trước Mắt cá (ngoài) đều đau nhức, ngón chân út, ngón áp út không sử dụng được, ấy là thuộc về bệnh trạng của cuộc bộ, không thể nhập chùm vào bệnh của Kinh Thiếu Dương.

原文：肝足厥陰也。是動則病腰痛，不可以俯仰。丈夫癰疝，婦人少腹腫。甚則嗌乾，面塵脫色，是主肝所生病者。胸滿嘔逆，飧泄狐疝，遺溺閉癰。

Dịch Âm Nguyên Văn : Can, Túc Khuyết Âm giả. Thị động tác bình yêu thống. bất khả dĩ phủ ngưỡng. Trượng phu tòi sán, phụ nhơn thiếu phúc thủng. Thạm tác ách can, diện trần thoát sắc, thị chủ Can sở sanh bệnh giả. Hung mãn ầu nghịch, tôn tiết hồ sán, di niếu bế lung.

Dịch Nghĩa Nguyên Văn :

Trạng Gan, là Kinh Túc Khuyết Âm vậy. Ở đây động thì bình đau lưng không thể cúi xuống ngược lên. Đàn Ông thì bệnh Tòi Sán (1). Đàn bà thì bụng dưới (thiếu phúc) sưng. Nóng lắm thì họng khô, da mặt khô nhám, mất sắc ; ấy là chủ về Gan sở sanh bệnh. Lởng ngực đầy, ụa ngược, bệnh Tôn Tiết (2) bệnh Hồ Sán (3), bệnh Di Niếu (4), bệnh Bế Lung.

Giải Giải :

Chỗ tận cùng của hai Kinh Âm giao lưu nhau gọi là Khuyết Âm. Ấy là đằm mà Đông-Y chỉ cho thấy địa vị và cộng dụng đặc thù của Tạng Gan. Sự thực thì thể chất của Tạng Gan hàm chứa chất đường, đề

(1) Tòi Sán : là bệnh ở dịch hoàn, do mủ máu tích tụ, dịch hoàn sưng to.

(2) Tôn Tiết : là bệnh trường vị hư hàn, sôi ruột ỉa chảy, vật thực không tiêu hóa.

(3) Hồ Sán : là bệnh hai dịch hoàn lớn nhỏ không đồng đều, và chạy lên chạy xuống, mỗi lần chạy lên thì đau nghẹn thờ.

(4) Di Niếu : là chứng đái dầm trong giấc ngủ.

(5) Bế Lung : là bệnh mắc tiểu tiện, nhưng đi tiểu không thông mà không đi thì són trong quần.



cung cấp cho sự nhu yếu của phần đường ở trong huyết dịch, chế tạo nước mật, và giúp cho sự tiêu hóa của Dạ Dầy. Còn nói về phần khí của Kinh Khuyết Âm thì thật mờ mịt khôn tìm.

Sách Thương Hàn Luận, nói về bệnh chứng ở Thiên Khuyết Âm, hiện tượng của Chứng Cách-Mô-Viêm thì cho là: Chứng nóng càng sâu thì lạnh càng nhiều (nhiệt thậm khuyết thậm) là bệnh đặc thù của Khuyết Âm, duy riêng một mình Kinh Khuyết Âm mới có bệnh này mà thôi. Nói thế là không biết được sự tới lui của lý hàn nhiệt tuần hoàn, là do tác dụng tự khởi cứu tế của thể công, không phải riêng vì định ở Kinh Khuyết Âm vậy.

Điểm bất đồng giữa y học xưa và y học nay là: Thầy thuốc xưa nói đến bệnh Gan là chú trọng ở Khí Khuyết Âm; Thầy thuốc nay nói đến bệnh Gan, thì nhằm vào thực chất của Tạng Gan. Căn cứ trên thực chất, thì có hình tích dễ chứng nghiệm hơn; còn nói về «KHÍ» thì vô hình, không biết đường nào mà sờ mó. Hèn chi sự kiến giải giữa xưa và nay không thể quán thông nhau được.

Như: Chứng đau lưng không thể cúi xuống ngược lên, là bởi trí giác thần kinh của xương Tả Cốt biến thường, hoặc vì ngoan đàm huyết ứ, làm cho phần cơ nhục ở bộ phận ấy bị khàn trương mà gây bệnh đau nhức thống khổ. Nếu nói đó là bệnh thuộc Gan, thì không thể hiểu được.

Chứng Tồi Sẩn, là do mủ máu đình tích, làm cho dịch hoàn (dái) sưng to lên. — Bụng Thiếu Phúc sưng, chính là ở trong dạ con bị sưng. — Họng khô, là trong họng ấn (ách) phát can táo. —



Diện Trần, là da mặt không được tư nhuận, mà trở nên khô nám.
 — Mất sắc (thoát sắc), là hiện tượng của bệnh thiếu máu hư thoát. —
 Hồng đầy, ưạ nghịch, là do đàm thực ngưng trệ ở Dạ dày, khiến
 cho vị khí không hạ giáng được. — Tôn Tiết, là do phần nước đình
 tích óc ách ở trường vị, không được hấp thu ráo rỏ, vật thực lẫn
 lộn với nước, mà biến chứng sôi ruột ỉa chảy, không tiêu. — Quát
 ước cân không thừa thọ theo sự chi phối của ý thức thần kinh, ước
 thúc thái quá thì biến chứng Bể Lung. — Quát ước cân buông lơi,
 không nhũu chắc lại được thì sanh chứng Di Niếu. Các chứng trên
 đây đều không quan hệ gì với Tạng Gan, mà người xưa muốn lấy
 một Tạng Gan bao quát cho tất cả.

1— Vì nhận cho Tạng Gan là chủ quản: sơ thông bài tiết (can chủ
 sơ tiết). Nên những bệnh HỒNG ĐẦY HƠI TRỆ, ƯA NGHỊCH
 đều đồ thừa cho Gan.

2— Vì nhận cho Tạng Gan là chỗ chứa máu (can tàng huyết).
 Buồng đựng máu, biền chứa hơi (huyết thất, khí hải) đều do Gan
 chi phối, nên đại khái chỉ cho Bụng Thiếu Phúc, Dịch Hoà n... các
 chỗ phát bệnh đều chịu hệ thống của Gan.

3— Vì nhận cho Tạng Gan là chủ về tác dụng của thần kinh hệ,
 nên các bệnh chứng phát sanh ở thần kinh hệ, phần nhiều nhận cho
 là bệnh ở Gan, như các bắp thịt của Tùy ý cân hưng phấn hoặc ma
 tử, bệnh Di Niếu, bệnh Lung Bể, bệnh lá lưỡi cuốn lại, bệnh Âm
 Nang rút lên, đều cho là bệnh của Gan.

Trưng ra ba khoảng ngộ hội trên đây, đủ thấy lý do từ
 lâu «dĩ ngoa truyền ngoa», mà kẻ hậu học, cứ càn không một ai nhìn
 ra chỗ ngộ hội.



Mười danh-từ thường dùng của Đông-y

Phụ giải thích những thuật ngữ (danh từ chuyên môn về học thuật) như : ÂM DƯƠNG, BIÊU LÝ, HÀN NHIỆT, HƯ THỰC, và TÀ CHÁNH. Mà sách Nội Kinh cũng như các Phương thư luôn luôn đề cập tới, đề quan sát sự bình thường của sinh lý, và biến hóa của bệnh lý như sau :

1.— ÂM DƯƠNG : hai chữ Âm Dương, nên xem như phù hiệu để làm đại biểu. Nhưng trong chỗ đại biểu : có khi thì chỉ cho VẬT CHẤT CỤ THỂ, có khi thì chỉ cho THUỘC TÍNH TRỪU TƯỢNG, có khi thì chỉ cho sự TĂNG TẤN hay SUY TRẦM của tật bệnh, có khi thì chỉ cho sự HUNG PHẤN hoặc MA TỶ của bệnh nhân. Tuy chỉ định có sai biệt nhau, song đều lấy hai chữ ÂM DƯƠNG làm đại biểu.

2.— BIÊU LÝ : hai chữ biêu lý là : chỉ định chỗ ở của BỆNH TÁO và xu hướng của BỆNH TÌNH. Đại khái như : Bệnh chứng Ngoại cảm, ôn lạnh phát nóng là : thuộc BIÊU ; còn cơ năng trong tạng phủ phát sanh biến hóa, mà gây ra các loại bệnh hoạn là : thuộc LÝ. Căn cứ trên thực chất mà nói, thì những bệnh chứng bộc lộ ra bên ngoài, gọi là : BIÊU ; ẩn tàng ở bên trong, gọi là : LÝ.



3.— HÀN NHIỆT : như ai cũng có thể biết được, chữ Hàn có nghĩa là : LẠNH ; chữ NHIỆT có nghĩa là : NONG. Mà tính Lạnh và tính NÓNG thì có thể phân biệt trên chỗ : bệnh chứng thuộc MẠN TÍNH hay CẤP TÍNH, SÙNG HUYẾT hay BẦN HUYẾT, thể ôn xuống thấp hay LÊN CAO, cơ năng sinh hoạt SUY THỐI hay CANG THẠNH. Chỉ như, khí hậu hàn ôn lên xuống ở ngoài không gian. lại càng rất dễ phân biệt.

4.— HƯ THỰC : Thể chất của bệnh như gãy ốm, tinh thần của bệnh như suy tối, là : thuộc HƯ ; các bệnh chứng mới phát, BỆNH CƠ CANG TẤN, là : thuộc THỰC. Sở dĩ nói HƯ, là : CHÁNH KHÍ HƯ (sức khỏe kém) ; THỰC, là : TÀ KHÍ THỰC (bệnh độc đầy đầy). Lại nữa, cơ năng trong thân thể bài tiết thái quá, gọi là : HƯ ; cơ năng trong thân thể bài tiết không đủ, hoặc bị dị vật gia hại, gọi là : THỰC.

5.— TÀ CHÁNH : Tà là chỉ cho BỆNH ĐỘC và DỊ VẬT ; CHÁNH là chỉ cho CƠ NĂNG SINH LÝ. Phạm sự biến hóa của bệnh lý, gây cho tác dụng sinh lý bị chướng ngại, và phản thường, đều gọi là : TÀ. Nếu các bộ phận của cơ năng trong thân thể, đều được duy trì với một trạng thái chánh thường, thì gọi là : CHÁNH.

NGUYỄN ĐỒNG DI
Đông Y Sĩ



THAY LỜI CUỐI

Nền Y-Dược học Đông-phương tổng kết kinh nghiệm đấu tranh chống bệnh tật mấy ngàn năm của quần chúng nhân dân Đông-Nam Á, bao gồm những trí thức phong phú cùng với lý luận rất khoa-học, là một kho tàng vĩ đại của Y-Khoa.

Nền Y-Dược học Đông-Phương có một hệ thống lý luận độc-đáo, có những phương pháp và kỹ thuật khám bệnh, phòng bệnh và chữa bệnh rất tinh vi. Nền Y-Dược học ấy đã có rất sớm những khoa như khoa nội, khoa ngoại, khoa phụ, khoa nhi, khoa mắt, họng, khoa sữa chữa bó gãy xương v.v...

Đông-Y dùng trên một ngàn thứ thuốc để chữa bệnh, chủ-yếu là những loại cây cỏ thực-vật đã qua gia công bào-chế, ngoài ra còn có các loại gan, mật, xương, sừng của động-vật và các thứ khoáng-vật như châu-sa, từ-thạch, vân-mẫu v.v... Và không những chỉ có học-thuyết lý-luận cùng kinh-nghiệm chữa bệnh của Đông-y nói chung, Trung-y nói riêng, mà cả đến những bộ vị châm-cứu, tính năng dược - vật, lẽ lối dùng thuốc đều được ghi chép tỉ-mỉ trong kinh điển Y-dược Đông-phương.

Hoàng Đế Nội Kinh chính là một trong những y-thư kinh-diễn ấy, là bộ sách y-dược của Trung hoa đã được viết ra khoảng hơn 2000 năm trước đây, nhằm tổng kết một cách có hệ thống các kiến thức y-dược thời Thượng Cồ và Trung cồ của Trung quốc.



Sách đã được giới Tây-y-sĩ nghiên-cứu, phiên dịch rộng rãi. Được biết đến nhiều nhất có lẽ là bản dịch của Ilza Veith do The Williams and Wilkins Company, Baltimore, USA ấn hành năm 1949. Nhưng trong công tác đào sâu, học hỏi và dịch thuật Nội-kinh, chúng ta còn có thể thêm nhiều tác giả nữa: Facobw. Lindau, Edward H. Hume, John Z. Bowers, Ming W. Wong và Sheng S. Wong... ở Hoa kỳ; P. Huard, A. Chamfrault, J. Choain, D. Gillard... ở Pháp; Felix Mann, E. Worsloy, M.H. Stemp... ở Anh; Franz Hubotter B. E. Read, J. D. Riedel, K. R. V. Roques... Đức.

Ở Việt Nam chúng ta, trước đây, vào năm 1945, nhà dân lên thuốc Hồng Khê ở Hà Nội cũng đã xuất bản một bản dịch Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn của Nguyễn tử Siêu. Nhưng số sách in ra ngày nay đã tiêu thụ hết, không còn để bán trên thị trường, mà chỉ có một số ít Đông y-sĩ lão thành còn lưu giữ lại vài bộ.

Nay Cụ Nguyễn đồng Di, một cao thủ đệ tử của Hiên-Kỳ, lại dày công dịch thuật sách Nội Kinh Tố Vấn. Cụ thường tâm sự với chúng tôi, tuy tuổi đã già, mắt đã kém, nhưng Cụ nghĩ mình có bổn phận phải đóng góp công vào công cuộc bồi dưỡng lý luận chuyên môn cho các đồng nghiệp đang hành nghề y lý cổ truyền mà không được may mắn tinh thông Nho học, nhất là những người trẻ tuổi, hầu nâng cao trình độ nghiệp vụ của họ, nhằm đào tạo một đội ngũ Đông-y-sĩ có căn bản vững chắc. Cho nên Cụ đã hăng hái cặm cụi dịch lại bộ Linh Khu.

So sánh bộ của Cụ Nguyễn đồng Di với bộ Việt Ngữ trước đây của Nguyễn tử Siêu, bộ mới có ưu điểm lớn là dựa vào phần tham



định và phê bình của Thờ-Dật-Nhơn tác giả bộ Thời Thị Y Học Tùng thư, một đại biểu kiệt xuất ở Trung hoa của phong trào giải-thích-Lý-luận Đông-y theo đường hướng khoa-học, lấy khoa-học chứng minh cho luận thuyết Y-học cổ truyền, bên cạnh các đại danh khác như Lục-uyên-Lợi (Thượng hải), Dư-vô-Ngôn (Nam-kinh), Tần-bá-Vị, Nhiệm ứng Thu (Thành đô). Trần tồn Nhơn (Hương-cảng). Thừa đạm Am, Chu Liên, Lý-thanh-Hiệp, Vương tuyết Đài (Bắc-Kinh).

Cho nên, không những chỉ cùng chia xẻ với dịch giả về ước-vọng nâng cao khả năng chuyên môn cho giới Đông-y-sĩ, chúng tôi thiết tưởng công trình dịch thuật của Nguyễn tiên sinh còn góp phần không nhỏ cho giới Tây-y-sĩ nâng tình dân tộc và có chí cầu-học, khả dĩ tìm thấy ở đây một tài liệu quý giá để bồi dưỡng lý luận nghiệp vụ. Bởi vì không ai trong giới Tây-y-sĩ chúng tôi dám nghĩ rằng Đông-y không phải là một di-sản quý báu vô giá có truyền thống lâu đời của phương-Đông và của Nhân-loại. Và như vậy, đương nhiên Nội kinh Tố-Vấn cần được giới Tây-y-sĩ nghiên cứu kỹ hơn và nhiều hơn.

Riêng đối với chúng tôi, Cụ Nguyễn-đồng-Di không những là bậc trưởng thượng đã và đang.

«Khuy vọng Hiên-Kỳ tấp tải dư

Hàn ôn khảng phóng án đầu thư»

Mà còn là một bậc sư phụ đáng kính đáng mến. Cho nên chúng tôi tự cho là một vinh dự lớn khi được Cụ ủy thác viết những dòng này, sau khi đọc bản thảo bộ Nội-Kinh do Cụ dịch,

Cúng tôi tin rằng công-đức và công trình của dịch-giả sẽ được y-giới Việt Nam đáp đền và hưởng ứng xứng đáng.

Thủ đô, năm Tân hợi, ngày Xá tội vong nhân

Bác-sĩ-TRẦN-VĂN TÍCH



Đính Chính

Nếu phần chữ Hán có chữ nào sai thì xin Quý độc giả cứ theo phần chữ Việt dịch âm và dịch nghĩa.

Chân thành cáo lỗi và cảm ơn độc giả.

Nhà in **CHÍNH NGUYÊN** 384/12T Lý Thái Tổ – Saigon

BẢNG ĐỊNH CHÍNH (I)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
13 : 13 :		chữ luận	luật
19 : 1 :		àng	tàng
— : 16 :		mọi	một
25 : 23 :		mạnh	mạch
26 : 10 :		chú giải sách Thái Tổ ý,	chú giải sách Thái Tổ, ý
29 : 2 :		co	cồ
— : 16 :		肉	肉
— : 17 :		水	冰
39 : 17 :		Thương	Thượng
46 : 1 :		Vời	với
49 : 14 :		chiếu	chiến
— : 15 :		nhì	nhì
50 : 24 :		màn	màu
52 : chú :		lý đoạn cũng như lập đoạn	lý đoạn cũng như lập đoạn
53 : 16 :		lái	lại
57 : 2 :		toàn	toàn
61 : 7 :		Bã	đã
62 : 1 :		chì	chí
66 : 26 :		chân	chằng
74 : 12 :		chì	chí
82 : 22 :		sát	sau
83 : 9 :		quàn	quán
84 : 5 :		biến	biện
87 : chú :		hữu bốn	hữu bốn
89 : 9 :		xem xét	xem xét
91 : 19 :		nghiên	nghiên
93 : 3 :		Luận	luận
96 : 12 :		ngự hần	ngự thần
— : 15 :		đẹp	đẹp



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (2)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
97 : 5 :		nhút	như
98 : 12 :		lòi	lời
99 : 13 :		độ	độc
— : 24 :		lĩnh	tĩnh
101 : 1 :		chương thứ III	CHƯƠNG THỨ II
— : 12 :		đọc	dọc
104 : 5 :		dư chữ nhứt (日)	: hà tậ bất khởi (〇 cuối dòng)
106 : 15 :		kh	khí
109 : 17 :		nhựt	nhựt
110 : 15 :		bày	bài
112 : 14 :		nhưng	như
113 : 23 :		ạnh là thộc	lạnh là thuộc
114 : 23 :		dưng	dương
115 : 5 :		vòi	với
— : 10 :		sư	sự
— : 24 :		cửc	cực
116 : 2 :		thụ	thu
117 : 8 :		nhương (攘)	hoại (壞)
— : 15 :		tàng (藏)	tạng (藏)
— : 17 :		thạnh (盛)	suy (衰)
119 : 7 :		thối	thất
120 : 17 :		đâu	đều
122 : 13 :		mã	mà
— : 16 :		nói	nói
— : chú :		mạo	mao
— : — :		thiến	thiếu
124 : 12 :		phát (髮 tóc)	phát (發 ra)
— : 21 :		(chân)	tần
125 : 3 :		tấn	tẩu



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (3)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
125 : 15 :		lân	tân
— : 16 :		làm	lâm
127 : 5 :		trí	chí
— : 12 :		dịch	dinh
128 : 25 :		hoàng	hoang
129 : 4 :		phục	phúc
— : 16 :		thừ	thì
132 : 11 :		quí	quị
134 : 2 :		bường	đường
137 : 12 :		sợ	lợi
— : 25 :		ao	sao
139 : 18 :		maá	máu
140 : 19 :		bệp	hợp
142 : 3 :		HẶN	THẶN
: 25 :		lá	là
145 : 12 :		hà	hàn
146 : 24 :		Tử	nữ
150 : 2 :		HAU	HÀU
: 24 :		Dịnh	bịnh
151 : 9 :		ưng	lưng
152 : 11 :		thanh	tbanh
: 15 :		thải	thái
153 : 2 :		đồng	động
154 : 8 :		dịch	dịch
— : 16 :		đồng	động
— : 20 :		Bo	bồ
157 : 10 :		han	hàn
— : 12 :		ihì	thì
158 : 14 :		tag	tạng



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (4)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
158 : 23 :		tíu	lưu
161 : 8 :		va giành	và giảng
163 : 14 :		thề duy	thề duy
164 : 16 :		áp khuyết (壓 厥)	áp áp (厭 厭)
168 : 2 :		có có sức	có sức
— : 18 :		thân	chân
— : 22 :		đi	mạch
— : 23 :		muón	muốn
177 : 25 :		trưởn	trưởng
178 : 19 :		viên	viêm
179 : 4 :		âm	nghĩa
181 : 14 :		đoán	đoạn
181 : 14 :		ghên	nên
182 : 15 :		han	hàn
183 : 24 :		chừng	chứng
186 : 11 :		PHỄ điệp tiêu	phế nhiệt điệp tiêu
187 : 3 :		can	cân
— : 7 :		thu (秋)	năng (能)
190 : 3 :		khuyết giả	tà
191 : 16 :		khôna	không
193 : 9 :		hủ	hư
194 : 6 :		cành	cách
— : 7 :		tức	tức
— : 16 :		tnông	thông
196 : 25 :	Sau câu : dùng thuốc lạnh	:	bệnh vi nghịch trị, bệnh
	chữa trị, còn sót câu :	:	thậm tòng trị.
200 : 8 :		sung	sung
— : 13 :		rơ	sơ
— : 20 :		ạng giá	tạng giá



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (5)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
202 : 14 :		tặc (賊)	tiện (賤)
203 : 5 :	sau câu :	vui vội khồ sót	
	một câu :		trước vui sau khồ
— : 11 :		sàu	sau
204 : 11 :		nhựng	nhưng
205 : 4 :		giảg	giảng
207 : 17 :		ssnh	sách
210 : 19 :		Đi	dĩ
216 : 4 :		ái (愛)	thọ (受)
— : 24 :		dời	đời
217 : 20 :		ờ	ở
219 : 20 :		bị	bì
222 : 3 :		biền	biển
223 : 5 :		tiền	tiền
— : 17 :		vi	vi
224 : 16 :		bối (背)	giai (皆)
226 : 12 :	bệnh cơ của chứng khuyết		đó là bệnh cơ
— : 15 :	sinh ra chứng khuyết		sinh ra các bệnh chứng
226 : 24 :		thài	thái
230 : 15 :		thử	thư
234 : 1 :		hòn	hơn
236 : 23 :		bính	bệnh
238 : 22 :		nhàn (閑)	hoạt (闊)
239 : 20 :		bính	bệnh
240 : 17 :		tnạm	thậm
246 : 12 :		má	mà
— : 16 :		bính	bệnh
247 : 22 :		TAO thí lư	táo thí tư



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (6)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
248	20	phần	phấn
249	1	khì	khí
—	9	gao	gạo
—	15	huộc	thuộc
—	16	vi	vụ
—	17	lả	dả
—	18	thé	thời
—	19	rầm	trầm
—	20	ANH	sinh
—	21	nhiệ	nhật
—	22	san	sang
—	23	.T	vật
—	24	phì	phải
250	8	lợi	lợi
—	11	ý	ý
251	17	ủ	phủ
—	18	cí	cái
—	20	lá	há
—	21	trướ	trước
252	8	đần	đầu
253	12	binh	bình
—	15	luân	luận
255	24	phế trương	phế trương mãn
257	3	sau câu đề kim năm	bình hạ hãm thì cứu đó,
		lâu đó, thiếu câu	chẳng thành chẳng hư thì
			thì theo kinh lấy bình đó.
263	5	nó	có
265	14	ộng	động



ĐẢNG ĐÍNH CHÍNH (7)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
265	: 16 :	tm	: tím
—	: 17 :	l	: nhĩ
—	: 18 :	hủ	: chủ
—	: 19 :	ầu	: khầu
—	: 21 :	TC	: TÚC
—	: 22 :	c	: dĩ
—	: 24 :	tống	: trưởng
267	: 14 :	c	: dạ
—	: 18 :	tưng	: tượng
—	: 19 :	cá	: quá
—	: 20 :	cng	: cũng
—	: 21 :	băn	: thần
—	: 22 :	thă	: thần
—	: 23 :	ung	: cũng
270	: 8 :	dau	: đau
—	: 16 :	ly	: 病
—	: 22 :	tu	: tư
272	: 17 :	nhựt (日)	: mục (目)
276	: 17 :	chính	: chính
—	: 22 :	thân	: chân
281	: 12 :	tướng	: tương
282	: 1 :	về	: vẽ
283	: 11 :	chớ	: chơi
—	: 13 :	tang	: tạng
285	: 21 :	ái (愛)	: thọ (受)
—	: — :	(平)	: 千
—	: — :	(千)	: 年
286	: 7 :	giư	: giữ



BẢNG ĐÍNH CHÍNH (8)

Trang	Dòng	IN SAI	XIN ĐỌC LẠI
287	6	lồ	lồ
—	8	lồ	lồ
288	7	tiể	tiết
289	15	tỳ	tỷ
290	7	blết	biệt
—	13	đông	thông
291	2	kiên	kiến
—	3	lý	lý
293	15	cnân	chân
297	6	nhiệt thậm	nhiệt thâm
—	10	định	bịnh
298	13	ua	ạ
300	2	NONG	NÓNG
302	2	dicá	dịch
—	10	năm 1945 nhà dân lên thuốc	năm 1945 NHÀ THUỐC
303	21	ttáp	tráp



Sách văn học

Bán tại Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Lê-Lợi, SAIGON

Nghệ thuật làm văn và đọc văn	Vũ Kỳ
Đề thành nhà văn	Nguyễn duy Cần
Viết và đọc tiểu thuyết	Nhất Linh
Khảo luận về tiểu thuyết Trung-hoa	Nguyễn huy Khánh
Nguyên tác sáng tác thi ca	Vũ văn Thanh
Viết thi	Trần trọng Kim
Nghề viết văn	Nguyễn hiến Lê
Luyện văn	—
Hương sắc trong vườn văn	—
Đại cương Văn học sử Trung Quốc	—
Theo giòng	Thạch Lam
Phép làm thơ	Diên Hương
Thành ngữ điển tích	—
Ca dao Tục ngữ V.N	T. T. T.
Tục ngữ phong dao	Nguyễn văn Ngọc
Luật thơ mới	Minh Huy
Những nhà văn hôm nay	—
Những nhà thơ hôm nay	—
Những khuynh hướng trong thi ca V.N.	—
Luật thơ	Trần tuần Kiệt
Thi ca V.N. hiện đại	—
Nghề viết báo	Tế Xuyên
Kỹ thuật căn bản của người viết báo	Hồ hữu Tường
Việt Nam văn học sử trích yếu	Nghiêm Toàn
Văn học đời Lý	Ngô tất Tố
Văn học đời Trần	—
Lều chông	—
Đường thi	—
Văn chương quốc âm thế kỷ XIX	Phan trần Chúc
Lĩnh Nam chích quái	Lê hữu Mục
Việt Điện u linh tập	—
Nhà văn hiện đại	Vũ ngọc Phau
Trên đường nghệ thuật	—
Thi văn quốc cấm thời Pháp thuộc	Thái Bạc
Việt Nam văn học toàn thư	Hoàng trọng Miên
Việt Nam văn hóa sử cương	Đào duy Anh
Chế Lan Viên	Hoàng Diệp
Hàn mặc Tử	—
Hương hoa đất nước	Trọng Toàn
Văn học miền Nam	Phạm việt Tuyền
Việt Nam văn học giảng bình	Phạm văn Diêu
Văn học Việt Nam	—

GPKD số 5111 PTT/PHNT ngày 3-11-71

Giá nhất định 10\$

